

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi dưới sự hướng dẫn của **PGS.TS. Nguyễn Thị Nguyễn Hồng** và **PGS.TS. Hoàng Văn Thành** các số liệu sử dụng phân tích trong luận án có nguồn gốc rõ ràng, đã được công bố theo đúng quy định. Các kết quả nghiên cứu trong luận án là do tác giả tự tìm hiểu, phân tích một cách trung thực, khách quan .

**Tác giả luận án**

**Nguyễn Anh Dũng**

## LỜI CẢM ƠN

*Để có thể hoàn thành luận án, cùng với sự cố gắng của bản thân là sự hướng dẫn nhiệt tình của quý Thầy Cô, sự quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi của cơ quan, sự động viên ủng hộ của gia đình, bạn bè và đồng nghiệp trong suốt thời gian học tập nghiên cứu và thực hiện luận án tiến sĩ.*

*Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và kính trọng đến toàn thể quý Thầy, Cô giáo trong Ban Giám hiệu Trường Đại học Thương mại, khoa Sau Đại Học, khoa Khách sạn - Du lịch, đặc biệt là PGS.TS. **Nguyễn Thị Nguyễn Hồng** và PGS.TS. **Hoàng Văn Thành** đã trực tiếp hướng dẫn tôi hoàn thành luận án. Với sự nhiệt tình và đầy trách nhiệm, cùng những lời chỉ dẫn, những tài liệu, những kiến thức và kinh nghiệm truyền đạt cho tôi và những lời động viên của quý Thầy đã giúp tôi thực hiện luận án này.*

*Xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến UBND tỉnh, huyện, xã; Sở Du lịch, trung tâm xúc tiến du lịch, các Công ty du lịch, các khách sạn, các cơ sở đào tạo các doanh nghiệp hoạt động du lịch, du khách và dân cư tại Ninh Bình đã tạo mọi điều kiện tốt nhất cho tôi trong suốt thời gian thực hiện luận án.*

*Tôi xin chân thành cảm ơn!*

*Tác giả luận án*

**Nguyễn Anh Dũng**

## MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

LỜI CẢM ƠN

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG

DANH MỤC HÌNH

<b>PHẦN MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>1. Tính cấp thiết của đề tài.....</b>	<b>1</b>
<b>2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài.....</b>	<b>3</b>
<b>3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.....</b>	<b>3</b>
<b>4. Những đóng góp mới của luận án.....</b>	<b>4</b>
<b>5. Kết cấu của luận án .....</b>	<b>5</b>
<b>CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI.....</b>	<b>6</b>
<b>1.1 Tổng quan tình hình nghiên cứu của đề tài.....</b>	<b>6</b>
1.1.1 Các nghiên cứu về phát triển bền vững .....	6
1.1.2 Các nghiên cứu về du lịch và phát triển bền vững du lịch .....	9
1.1.3 Các nghiên cứu về du lịch Ninh Bình và phát triển bền vững du lịch Ninh Bình .....	16
<b>1.2 Cách tiếp cận nghiên cứu, phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu .....</b>	<b>21</b>
1.2.1 Cách tiếp cận .....	21
1.2.2 Phương pháp thu thập dữ liệu và xử lý dữ liệu .....	21
<b>Kết luận chương 1 .....</b>	<b>28</b>
<b>CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DU LỊCH CỦA MỘT ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH.....</b>	<b>29</b>
<b>2.1 Khái niệm, vai trò và các bên trong phát triển bền vững du lịch .....</b>	<b>29</b>
2.1.1 Phát triển bền vững.....	29
2.1.2 Phát triển, yêu cầu và khác biệt của phát triển bền vững du lịch địa phương.....	32
2.1.3 Vai trò của phát triển bền vững du lịch của một địa phương cấp tỉnh ....	37
2.1.4 Các bên tham gia trong phát triển bền vững du lịch của một địa phương cấp tỉnh. ....	41

<b>2.2 Mô hình phát triển bền vững du lịch và nội dung phát triển bền vững du lịch của một địa phương cấp tỉnh.....</b>	<b>46</b>
2.2.1 Mô hình phát triển bền vững du lịch .....	46
2.2.2 Nội dung phát triển bền vững du lịch của một địa phương cấp tỉnh .....	52
2.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới phát triển bền vững du lịch của một địa phương.....	58
<b>2.3 Các tiêu chí đánh giá phát triển bền vững du lịch của một địa phương cấp tỉnh.....</b>	<b>62</b>
2.3.1 Các tiêu chí đánh giá tính bền vững du lịch của một địa phương cấp tỉnh .....	62
2.3.2 Các tiêu chí đánh giá phát triển bền vững du lịch của đề tài.....	66
<b>2.4 Kinh nghiệm phát triển bền vững du lịch của một số địa phương trong và ngoài nước, bài học kinh nghiệm rút ra cho tỉnh Ninh Bình.....</b>	<b>72</b>
2.4.1 Kinh nghiệm trên thế giới.....	72
2.4.2 Kinh nghiệm trong nước.....	75
2.4.3 Bài học rút ra cho tỉnh Ninh Bình .....	77
<b>Kết luận chương 2 .....</b>	<b>80</b>
<b>CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DU LỊCH CỦA TỈNH NINH BÌNH GIAI ĐOẠN 2007- 2016.....</b>	<b>81</b>
<b>3.1 Điều kiện hiện nay và một số kết quả phát triển du lịch Ninh Bình .....</b>	<b>81</b>
3.1.1 Điều kiện tự nhiên và tiềm năng cho phát triển bền vững du lịch của Ninh Bình .....	81
3.1.2 Kết quả hoạt động du lịch của Ninh Bình .....	92
<b>3.2 Kết quả phân tích thực trạng phát triển bền vững du lịch của Ninh Bình .....</b>	<b>95</b>
3.2.1 Đánh giá thực trạng phát triển bền vững du lịch Ninh Bình .....	95
3.2.2 Nội dung phát triển bền vững du lịch Ninh Bình .....	110
3.2.3 Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới phát triển bền vững du lịch Ninh Bình .....	120
<b>3.3 Đánh giá chung về thực trạng phát triển bền vững du lịch của Ninh Bình thời gian qua.....</b>	<b>124</b>
3.3.1 Ưu điểm và nguyên nhân.....	124
3.3.2 Hạn chế và nguyên nhân.....	127
<b>Kết luận chương 3 .....</b>	<b>130</b>

<b>CHƯƠNG 4. MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DU LỊCH NINH BÌNH ĐẾN NĂM 2020 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030 .....</b>	<b>131</b>
<b>4.1 Bối cảnh, quan điểm, định hướng và mục tiêu phát triển du lịch của Ninh Bình .....</b>	<b>131</b>
4.1.1 Bối cảnh phát triển du lịch Ninh Bình năm đến 2020 và tầm nhìn năm 2030 .....	131
4.1.2 Quan điểm phát triển du lịch của Ninh Bình.....	132
4.1.3 Mục tiêu phát triển bền vững du lịch Ninh Bình.....	133
4.1.3 Định hướng phát triển bền vững du lịch Ninh Bình.....	134
<b>4.2 Một số giải pháp nhằm phát triển bền vững du lịch của Ninh Bình.....</b>	<b>137</b>
4.2.1 Đối với cơ quan quản lý du lịch .....	137
4.2.2 Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch.....	148
4.2.3 Những đối tượng khác .....	151
<b>4.3. Một số kiến nghị.....</b>	<b>152</b>
4.3.1 Đối với Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch.....	152
4.3.2 Đối với Bộ Tài nguyên và Môi trường .....	152
<b>Kết luận chương 4 .....</b>	<b>154</b>
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>155</b>
<b>DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....</b>	<b>157</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>158</b>
<b>PHỤ LỤC</b>	

## **DANH MỤC BẢNG**

Bảng 1.1: Thống kê phiếu khảo sát và loại hình tổ chức khảo sát.....	25
Bảng 2.2: Các chỉ tiêu chung cho du lịch bền vững. ....	62
Bảng 2.3: Bảng so sánh du lịch bền vững và du lịch kém bền vững.....	63
Bảng 2.4: Bộ chỉ tiêu bền vững cho hệ sinh thái của UNWTO.....	64
Bảng 2.5: Bộ chỉ tiêu của UNWTO đánh giá bền vững du lịch.....	65
Bảng 2.6 Bảng đánh giá bền vững du lịch của luận án.....	71
Bảng 3.1: Cơ sở lưu trú Ninh Bình 2009 - 2016.....	85
Bảng 3.2: Tổng hợp các dự án đầu tư xây dựng cơ bản Ninh Bình từ 2007 – 2016	91
Bảng 3.3: Kết quả kinh doanh của ngành du lịch tỉnh Ninh Bình từ 2005 - 2016....	92
Bảng 3.4: Cơ cấu chi tiêu của du khách.....	94
Bảng 3.5: Cơ cấu khách quốc tế tới Ninh Bình giai đoạn 2007 - 2016.....	96
Bảng 3.6: Cơ cấu khách nội địa tới Ninh Bình giai đoạn 2007 - 2016.....	97
Bảng 3.7: Cơ cấu kinh tế theo ngành kinh tế.....	98
Bảng 3.8: Hiện trạng cơ sở lưu trú du lịch Ninh Bình.....	99
Bảng 4.1: Tổng hợp các chỉ tiêu phát triển du lịch Ninh Bình đến 2020.....	134

## **DANH MỤC HÌNH**

Hình 2.1: Các bên tham gia trong phát triển bền vững du lịch.....	42
Hình 2.2: Mô hình phát triển bền vững cơ bản.....	46
Hình 2.3: Mô hình phát triển bền vững du lịch của Jacobs và Sadler,1990 .....	48
Hình 2.4: Mô hình phát triển bền vững dựa theo mô hình kim cương của M.Porter(2008).....	49
Hình 3.1: Các tiêu chí kinh tế đánh giá thực trạng bền vững du lịch Ninh Bình.....	95
Hình 3.2: Các tiêu chí về môi trường của thực trạng phát triển bền vững Ninh Bình.	102
Hình 3.3: Các tiêu chí về xã hội của thực trạng phát triển bền vững Ninh Bình....	107

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

### **1. Tính cấp thiết của đề tài**

Sự tăng trưởng kinh tế, phát triển của xã hội và bảo tồn môi trường đang nổi lên là nhu cầu cấp thiết hiện nay, chính vì vậy phát triển bền vững trở thành xu hướng tất yếu trên thế giới, là một xu thế trong tiến trình phát triển của xã hội loài người, một lựa chọn mang tính chiến lược và hợp quy luật mà tất cả các quốc gia đều phải quan tâm. Khởi đầu có thể nói đó là Hội nghị quốc tế về con người và môi trường năm 1972 tại Stockholm (Thụy Điển), tiếp đó là Hội nghị thượng đỉnh trái đất về môi trường và phát triển họp tại Rio de Janeiro (Brazil) năm 1992 và tiếp theo là Hội nghị thượng đỉnh thế giới về phát triển bền vững (PTBV) họp tại Johannesburg (Nam Phi) năm 2002. Tại các hội nghị này, các nhà hoạt động về kinh tế, xã hội, môi trường cùng với các nhà chính trị đã thống nhất về quan điểm PTBV, coi đó là trách nhiệm chung của các quốc gia, của toàn nhân loại và đồng thuận tuyên bố chung về quan điểm phát triển bền vững gồm 27 nguyên tắc cơ bản, trong đó nguyên tắc đầu tiên và cơ bản nhất là phải lấy con người làm trung tâm của sự phát triển, những mối quan tâm về sự phát triển lâu dài đều phải xuất phát từ nhu cầu của con người.

Ở Việt Nam phát triển bền vững đã trở thành quan điểm lãnh đạo của Đảng, đường lối chính sách của Nhà nước và được khẳng định trong Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, được nhấn mạnh tại Đại hội Đảng lần thứ XI, XII : “Phát triển kinh tế nhanh, có hiệu quả và bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Mọi hoạt động kinh tế được đánh giá bằng hiệu quả tổng hợp về kinh tế, tài chính, xã hội, môi trường, quốc phòng và an ninh. Trước mắt, tập trung nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhà nước, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sử dụng vốn. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư dựa trên cơ sở phát huy các thế mạnh và các lợi thế so sánh của đất nước, tăng sức cạnh tranh, gắn với nhu cầu thị trường trong nước và ngoài nước, nhu cầu đời sống nhân dân và quốc phòng, an ninh. Tạo thêm sức mua của thị trường trong nước và mở rộng thị trường ngoài nước, đẩy mạnh xuất khẩu. Phát triển kinh tế-xã hội phải luôn đi cùng với bảo vệ và cải thiện môi trường. Phát triển nhanh và bền vững phải luôn gắn chặt với nhau trong quy



hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển kinh tế-xã hội.” Đối với Chính Phủ phát triển bền vững có định hướng từ 2004, với chương trình nghị sự 21 của Việt Nam. Là cơ sở để các ngành, cấp, địa phương xây dựng chiến lược bền vững của mình.

Việt Nam có nhiều lợi thế phát triển du lịch, tài nguyên tự nhiên đa dạng, tài nguyên nhân văn phong phú,.. với thương hiệu du lịch hiện nay của Việt Nam “*Việt Nam -Vẻ đẹp bất tận*” thu hút lượng lớn khách du lịch, lượt khách quốc tế đến Việt Nam gia tăng nhanh, khách du lịch nội địa có xu hướng phát triển mạnh, giúp ngành du lịch trở thành một trong những ngành quan trọng, đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Năm 2016 đạt 10.012.735 lượt khách, tăng 26,0% so với năm 2015, khách nội địa đạt 62 triệu lượt, tăng trưởng 8,8%. Thể hiện chất lượng và hiệu quả dịch vụ du lịch được nâng cao, ngành du lịch đang từng bước trở thành trụ cột cho nền kinh tế. Ngoài ra, vị thế du lịch của Việt Nam cũng được gia tăng trên trường quốc tế những hiệp định song phương và đa phương như hiệp định du lịch Asean, FTA,..Với cơ hội và thách thức tạo ra cho nền kinh tế, cũng như ngành du lịch, đòi hỏi những địa phương có tiềm năng phát triển du lịch phải có kế hoạch, biện pháp thích nghi và điều chỉnh sao cho phù hợp.

Ninh Bình là tỉnh có nhiều tiềm năng cho phát triển bền vững du lịch, như tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên du lịch nhân văn phong phú và đa dạng, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối phát triển, nguồn nhân lực phục vụ du lịch dồi dào, người địa phương thân thiện, đây là những tiền đề quan trọng cho phát triển bền vững du lịch. Năm 2016 lượng khách tới Ninh Bình đạt 6.441.472 lượt, tăng 7,5% so với năm 2015, trong đó khách nội địa 5.725.868 lượt, tăng 6,2 % so với năm 2015, khách quốc tế 715.603 lượt, tăng 19,2% so với năm 2015, Doanh thu du lịch đạt 1.725,965 tỷ đồng, tăng 24,2% so với năm 2015. Tuy nhiên theo đánh giá du lịch Ninh Bình đang đứng trước những nguy cơ thiếu bền vững, lượng khách du lịch tuy tăng cao nhưng ngày khách lưu trú và chi tiêu còn thấp, số lượng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch tăng về số lượng, chất lượng phục vụ chưa có nhiều chuyển biến, doanh nghiệp hoạt động lữ hành quy mô còn nhỏ và thiếu vốn, các cơ sở vui chơi giải trí, hạ tầng du lịch số lượng và chất lượng còn thiếu, nguồn nhân lực chất lượng chưa cao, việc chia sẻ lợi ích với cộng

đồng địa phương chưa thật sự chú trọng, nhận thức của doanh nghiệp và người dân về phát triển bền vững du lịch còn hạn chế, đánh giá tác động và xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường tại các dự án du lịch còn sơ sài, dẫn đến sự không bền vững của ngành du lịch nơi đây. Với mục tiêu đặt ra của Nghị quyết đại hội Đảng bộ Ninh Bình trong nhiệm kỳ 2015- 2020 “*Phát triển mạnh du lịch và dịch vụ thương mại, bưu chính, viễn thông, phấn đấu đến năm 2020 tỷ trọng ngành dịch vụ chiếm 42% trong tổng GRDP của tỉnh*” yêu cầu tiên quyết về phát triển bền vững du lịch đặt lên hàng đầu. Để đạt được mục tiêu này, ngành du lịch Ninh Bình cần phải phát huy nhiều mặt để giải quyết khó khăn trên. Để có những giải pháp cho vấn đề này cả về phương diện lý luận và thực tiễn, tác giả quyết định lựa chọn vấn đề “*Phát triển bền vững du lịch Ninh Bình trong điều kiện hiện nay*” làm đề tài luận án tiến sĩ của mình từ đó góp phần phát triển bền vững du lịch Ninh Bình.

## **2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài**

**Mục tiêu nghiên cứu :** Nhằm đề xuất giải pháp phát triển bền vững du lịch tỉnh Ninh Bình

**Nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài:**

- Hệ thống hóa và làm rõ hơn một số vấn đề lý luận cơ bản về phát triển bền vững du lịch của một địa phương.

- Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển bền vững du lịch Ninh Bình nhằm tìm ra những ưu điểm và hạn chế, đồng thời xác định các nguyên nhân của thực trạng đó làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp, kiến nghị.

- Nghiên cứu đề xuất giải pháp và kiến nghị nhằm phát triển bền vững du lịch tại Ninh Bình đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài**

**Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển bền vững du lịch Ninh Bình.

**Phạm vi nghiên cứu**

*Về nội dung:* Đề tài tập trung nghiên cứu phát triển bền vững du lịch, các tiêu chí, mô hình và các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển bền vững du lịch.

*Về không gian:* Nghiên cứu tại Ninh Bình, các dữ liệu sơ cấp được khảo sát tại những điểm du lịch nổi trội như danh thắng Tràng An, Vân Long,..

*Về thời gian:* Đề tài tập trung nghiên cứu thực trạng từ 2007 đến năm 2016 và đề xuất giải pháp đến năm 2020 tầm nhìn 2030.

#### **4. Những đóng góp mới của luận án**

##### ***Đóng góp mới về mặt khoa học***

- Tổng hợp các lý luận về phát triển bền vững du lịch của một địa phương trong ngoài nước, những nghiên cứu trước, những kinh nghiệm của những địa phương phát triển bền vững du lịch đi trước, làm rõ phát triển bền vững du lịch của địa phương theo tiêu chí bền vững kinh tế, tài nguyên, môi trường, xã hội.

- Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá bền vững du lịch cho một địa phương cấp tỉnh.

- Làm rõ bức tranh thực trạng phát triển bền vững du lịch của một địa phương, thông qua kết quả phân tích, chạy mô hình, chỉ ra những hạn chế cả về số lượng, chất lượng hoạt động phát triển bền vững du lịch.

##### ***Đóng góp về mặt thực tiễn***

Phân tích đánh giá về phát triển bền vững du lịch hiện nay của Ninh Bình, với những điều kiện ưu đãi về chính sách của nhà nước, rút ra những kết luận, đánh giá, chỉ rõ nguyên nhân những hạn chế từ đó đề xuất những giải pháp kiến nghị nhằm phát triển bền vững du lịch Ninh Bình:

*Đối với Ủy Ban Nhân Dân, Sở Du lịch Ninh Bình:* Phổ biến cơ chế, chính sách, pháp luật về du lịch cho các cấp, các ngành, doanh nghiệp và cán bộ, nhân dân trong tỉnh; Đẩy mạnh công tác thực hiện quy hoạch chi tiết cho toàn tỉnh, đầu tư cơ sở hạ tầng và thu hút đầu tư để phát triển du lịch; củng cố tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về du lịch từ tỉnh đến cơ sở; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính liên quan nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững; đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng và hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực;

giải pháp tăng cường xúc tiến du lịch, kêu gọi đầu tư, liên kết hợp tác trong phát triển du lịch; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động du lịch trên địa bàn; khắc phục những hạn chế bất cập, đối với phát triển bền vững du lịch trên địa Ninh Bình thời gian tới.

*Đối với các doanh nghiệp du lịch:* Có phương án kinh doanh, phương án bảo tồn tôn tạo tài nguyên du lịch, tài nguyên nhân văn hiệu quả, dựa trên những định hướng, những chính sách, quy hoạch sản phẩm, vùng, không gian phát triển du lịch của địa phương có phương hướng đầu tư vào sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch phục vụ du khách.

*Đối với cộng đồng địa phương:* Thực hiện chủ trương định hướng của cơ quan quản lý về phát triển bền vững trên địa bàn. Tham gia đóng góp, kiến nghị với chính quyền, cơ quan quản lý về phát triển bền vững du lịch, quy hoạch du lịch tại địa phương.

## **5. Kết cấu của luận án**

Nội dung chính của luận án được kết cấu thành 4 chương.

*Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu của đề tài*

*Chương 2. Cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển bền vững du lịch của một địa phương.*

*Chương 3. Thực trạng phát triển bền vững du lịch của Ninh Bình 2007-2016.*

*Chương 4. Một số giải pháp, kiến nghị nhằm phát triển bền vững du lịch Ninh Bình đến năm 2020, tầm nhìn 2030*

## **CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI**

### **1.1 Tổng quan tình hình nghiên cứu của đề tài**

Có nhiều tài liệu liên quan tới phát triển bền vững, phát triển bền vững du lịch, việc nghiên cứu tài liệu liên quan sách, giáo trình, đề án, luận án,.. của các nhà quản lý, các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước cho học viên cái nhìn tổng thể về hoạt động phát triển bền vững của các ngành, hoạt động phát triển bền vững du lịch trên thế giới và của Việt Nam hiện nay.

#### **1.1.1 Các nghiên cứu về phát triển bền vững**

Có nhiều quan điểm về phát triển bền vững, những yếu tố cấu thành của phát triển bền vững, mô hình phát triển bền vững, như những quan điểm sau:

Khái niệm về phát triển bền vững tại hội nghị Liên hợp Quốc (LHQ về môi trường con người 1972 tại Stockholm chính thức được thức nhận, Trong báo cáo về “Tương lai của chúng ta” của Ủy ban thế giới về môi trường Đến năm 1987, khái niệm này đã được Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển (Commission mondiale sur l’Environnement et le développement) do Gro Harlem Brundtland làm chủ tịch tiếp thu thừa nhận mối liên hệ giữa kinh tế xã hội và môi trường, định nghĩa lại một cách đầy đủ “Phát triển bền vững là sự phát triển nhằm thỏa mãn các yêu cầu hiện tại nhưng không tổn hại cho khả năng của các thế hệ tương lai để đáp ứng yêu cầu của chính họ”[62]. Kế tiếp theo, những định nghĩa về phát triển bền vững được hoàn thiện hơn như, hội nghị Thượng đỉnh về Trái đất và Môi trường (năm 1992 Rio de Janeiro, các đại biểu tham gia Hội nghị về Môi trường và Phát triển của Liên hiệp quốc đã xác nhận lại khái niệm này và đã gửi đi một thông điệp rõ ràng tới tất cả các cấp của các Chính phủ về sự cấp bách trong việc đẩy mạnh sự hòa hợp kinh tế, phát triển xã hội cùng với bảo vệ môi trường. Kế tiếp là Hội nghị thượng đỉnh Thế giới về Phát triển bền vững nhóm họp tại Johannesburg(2002), Nam Phi là dịp cho các bên tham gia nhìn lại những việc đã làm 10 năm qua theo phương hướng mà Tuyên ngôn Rio và Chương trình Nghị sự 21 đề cập. Quan điểm của các thành viên cùng thống nhất về phát triển bền vững đó chính là sự phát triển

phải đảm bảo cả ba mặt kinh tế xã hội và môi trường. Quan niệm về phát triển bền vững dần được hình thành từ thực tiễn đời sống xã hội và có tính tất yếu, tư duy về phát triển bền vững mạnh mẽ trong cả quá trình sản xuất xã hội và bắt đầu từ việc nhìn nhận tầm quan trọng của bảo vệ môi trường và tiếp đó là nhận ra sự cần thiết phải giải quyết những bất ổn trong xã hội. Ecotourism and Sustainable Development: *Who Owns Paradise?* của Honey, *Sustainable Tourism in Protected Areas: Guidelines for Planning and Management* (2002) của Eagles và cộng sự, *Tourism and Environment* (1998) của Hens đã đề cập du lịch bền vững và du lịch không bền vững, tập trung lại những nội dung giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên và môi trường nhân văn. Du lịch phải thân thiện với môi trường; đảm bảo lợi ích nhiều mặt của cộng đồng dân cư địa phương, tăng thu nhập cho địa phương; Phải có trách nhiệm về phát triển du lịch hôm nay và cả tương lai. Theo đó, ba trụ cột phát triển bền vững được xác định là; *Thứ nhất*, bền vững về mặt kinh tế, hay phát triển kinh tế bền vững là phát triển nhanh và an toàn, chất lượng; *Thứ hai*, bền vững về mặt xã hội là công bằng xã hội và phát triển con người, chỉ số phát triển con người (HDI) là tiêu chí cao nhất về phát triển xã hội, bao gồm: Thu nhập bình quân đầu người; trình độ dân trí, giáo dục, sức khỏe, tuổi thọ, mức hưởng thụ về văn hóa, văn minh; *Thứ ba*, bền vững về sinh thái môi trường là khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng môi trường sống.

Phát triển bền vững biết đến ở Việt Nam vào cuối thập niên 80 đầu thập niên 90, ngay sau tuyên bố Rio. Bắt nhịp bước đi của thời đại, Đảng và Chính phủ đã sớm nhận thức tầm quan trọng của phát triển bền vững. Ngày 25-6-1998, Bộ Chính trị đã ra Chỉ thị số 36-CT/TW về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong các văn kiện Đại hội IX, X, XI, XII của Đảng, quan điểm phát triển bền vững càng được chú trọng hơn và nhấn mạnh nhiều lần trên nhiều góc độ tiếp cận, với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020, trong đó, quan điểm đầu tiên là: “Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững, phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong chiến lược”. Căn cứ vào Chương trình hành động thế kỷ XXI của quốc tế, ngày 17-8-2004, Thủ tướng

Chính phủ đã ban hành Quyết định số 154/2004/QĐ-TTg “Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam” (còn gọi là Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam)[17]. Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam nêu bật những vấn đề đang đặt ra trong ba lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường, những thách thức mà nước ta đang phải đối phó. Chiến lược đã tạo lập mối quan hệ tương hỗ giữa các lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi trường; đã xác định khung thời gian để thực hiện và gắn trách nhiệm của các ngành, các địa phương, các tổ chức và các nhóm xã hội; đã tính tới việc sử dụng các nguồn lực tổng hợp để thực hiện chiến lược. Chính phủ thành lập Hội đồng phát triển bền vững quốc gia để chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các mục tiêu đã đề ra. Mặc dù phát triển bền vững xuất hiện muộn, nhưng đã được giới khoa học, học thuật của Việt Nam tiếp thu nhanh và có nhiều công trình liên quan. PGSTS.Nguyễn Đình Hòa và TS. Nguyễn Ngọc Sinh (VACNE)[12],[13]. Trương Quang Học, (2010)[14] Bài giảng “Phát triển bền vững” Lý thuyết và thực tiễn Việt Nam... Sự thống nhất quan điểm và yêu cầu về phát triển bền vững của giới khoa học là phát triển hài hòa ba mặt kinh tế, xã hội và môi trường, nguyên tắc phát triển bền vững, gồm có 6 nguyên tắc; nguyên tắc về sự ủy thác của nhân dân; nguyên tắc bình đẳng giữa các thế hệ; nguyên tắc phòng ngừa; nguyên tắc phân quyền và ủy quyền; nguyên tắc bình đẳng trong nội bộ thế hệ; nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền; nguyên tắc người sử dụng phải trả tiền.

*Mô hình phát triển bền vững và các yếu tố cấu thành:* Có nhiều công trình về mô hình phát triển bền vững, như mô hình chi tiết của WCED(1987), đòi hỏi sự hài hòa của các lĩnh vực kinh tế - chính trị - hành chính công - xã hội- công nghệ kỹ thuật - sản xuất - quan hệ quốc tế. Mô hình 3 vòng tròn của Jacobs và Sadler (1990), phát triển bền vững là sự hài hòa cả ba lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường, ba vòng tròn có kích thước tương đương nhau diện tích giao cắt của 3 vòng tròn là lớn nhất, sự phát triển bền vững cao nhất. Nguyễn Nam Thắng (2015) *Nghiên cứu mô hình năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trong lĩnh vực du lịch*, những nhận định của tác giả về khung năng lực cạnh tranh từ địa phương, khu vực, quốc gia và tác giả đề xuất được bộ tiêu chí năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, làm cơ sở cho những nghiên cứu

tiếp theo. Khung phân tích năng lực cạnh tranh gồm 4 nhóm yếu tố chính và 32 yếu tố thành phần.

Nhóm 1: Các điều kiện đầu vào và mức độ hấp dẫn gồm 4 yếu tố thành phần

Nhóm 2: Các ngành công nghiệp hỗ trợ, liên quan gồm 5 yếu tố thành phần

Nhóm 3: Chiến lược và cơ cấu đối thủ cạnh tranh của địa phương, 9 yếu tố thành phần.

Nhóm 4: Các điều kiện và nhu cầu thị trường, 9 yếu tố thành phần.

### ***1.1.2 Các nghiên cứu về du lịch và phát triển bền vững du lịch***

Hoạt động du lịch một trong những hoạt động kinh tế lớn của thế giới, nằm trong những ngành có tốc độ phát triển nhanh nhất, đóng góp 9% GDP, chiếm 8% lao động và khoảng 30% xuất khẩu toàn thế giới, do tầm quan trọng như vậy, nên có nhiều học giả từ trước tới nay, trong và ngoài nước với nhiều công trình nghiên cứu về lĩnh vực này, nhiều khái niệm, định nghĩa khác nhau, được phân thành nhóm sau:

#### ***\* Về du lịch, tài nguyên và tiềm năng du lịch***

Khái niệm về du lịch được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau, như: Tổ chức du lịch thế giới UNWTO (1980) đưa ra khái niệm “ Du lịch bao gồm tất cả mọi hoạt động của người du hành, tạm trú mục đích tham quan, khám phá và tìm hiểu. Trải nghiệm hoặc trong mục đích nghỉ ngơi, giải trí thư giãn, cũng như mục đích hành nghề và những mục đích khác, trong thời gian liên tục không quá 1 năm, ở bên ngoài môi trường sống định cư, nhưng loại trừ các du khách mà có mục đích chính là làm tiền, du lịch cũng là một dạng nghỉ ngơi, năng động trong môi trường sống khác hẳn nơi định cư”.

Hội đồng Du lịch và Lữ hành thế giới WTTC (2001) đã đưa ra khái niệm về du lịch: “ Du lịch bao gồm tất cả mọi hoạt động của những người du hành, tạm trú, với mục đích tham quan, khám phá hoặc mục đích nghỉ ngơi, giải trí, thư giãn, cũng như mục đích kinh doanh và những mục đích khác nữa, trong thời gian liên tục ở bên ngoài môi trường sống định cư”.

Như vậy, sự thống nhất giữa các khái niệm, khi nói tới du lịch, đó là hoạt động nghỉ ngơi, thỏa mãn những nhu cầu về văn hóa nghệ thuật, lịch sử, giao lưu,..



Trong một hành trình lưu trú có thời hạn. Ngoài ra còn là tập hợp những hoạt động kinh doanh theo cuộc hành trình và lưu trú đó, thông qua việc tổ chức vận chuyển, phục vụ vận chuyển, ăn uống, nghỉ ngơi,..hình thành nên ngành kinh doanh du lịch đa dạng, nhiều màu sắc, theo từng địa phương, từng vùng.

*Tài nguyên và tiềm năng du lịch:* Tài nguyên du lịch; Theo Pirojnik “ Tài nguyên du lịch là tổng thể tự nhiên văn hóa, lịch sử và những thành phần của chúng, tạo điều kiện cho việc phục hồi và phát triển thể lực tinh thần của con người, khả năng lao động và sức khỏe của họ, trong cấu trúc nhu cầu du lịch hiện tại và tương lai, trong khả năng kinh tế kỹ thuật cho phép, chúng được dùng để trực tiếp và gián tiếp sản xuất ra những dịch vụ và nghỉ ngơi”. Pirojnik, *Cơ sở địa lý và du lịch* (Trần Đức Thanh và Nguyễn Thị Hải biên dịch, 1985).

Nguyễn Minh Tuệ cho rằng “ Tài nguyên du lịch là tổng thể tự nhiên và văn hóa lịch sử cùng các thành phần của chúng góp phần khôi phục, phát triển trí lực, trí tuệ của con người, khả năng lao động và sức khỏe của họ. Những tài nguyên này được sử dụng cho nhu cầu trực tiếp và gián tiếp cho việc sản xuất dịch vụ du lịch.

Quan điểm về tài nguyên du lịch của Bùi Thị Hải Yến “Tài nguyên du lịch là tất cả những gì thuộc về tự nhiên và các giá trị văn hóa do con người sáng tạo ra có sức hấp dẫn du khách, có thể được bảo vệ, tôn tạo và sử dụng cho ngành Du lịch mang lại hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường”

Như vậy những quan điểm về tài nguyên du lịch đều thừa nhận đó là tổng thể tự nhiên và văn hóa đó là địa hình, thủy văn khí hậu, động thực vật, di tích lịch sử văn hóa, văn hóa nghệ thuật, lễ hội,..và những giá trị do con người tạo ra như cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch,...có sức hấp dẫn du khách có thể sử dụng để phát triển du lịch.

Tài nguyên du lịch được xem như tiền đề phát triển du lịch, tài nguyên du lịch càng phong phú và đa dạng, có mức độ tập trung cao thì có sức hấp dẫn với du khách và hiệu quả kinh doanh du lịch càng cao.

*Tiềm năng du lịch:* Bùi thị Hải Yến, Phạm Hồng Long, [46] đều nhận định tiềm năng tài nguyên du lịch là những loại tài nguyên du lịch hữu hạn và vô hạn còn đang trong quá trình chưa được khai thác. Tài nguyên hữu hạn không có khả

năng hồi phục sau khi sử dụng chúng mất đi giá trị ban đầu, như tài nguyên địa hình địa chất,..Tài nguyên du lịch vô hạn như những tài nguyên du lịch được sử dụng tài nguyên du lịch nhân văn, tài nguyên du lịch sinh vật,.. Chung quy lại, trong thực tế sự phân biệt giữa tài nguyên hữu hạn và vô hạn không có ranh giới rõ nét, nếu tài nguyên hữu hạn được khai thác bảo vệ hợp lý thì có thể trở thành vô hạn và ngược lại.

**\* Về hoạt động kinh doanh du lịch và quản lý Nhà nước về du lịch.**

*Quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch:* Có một số công trình nghiên cứu đã nghiên cứu khá sâu về quản lý phát triển du lịch nói chung: (Trịnh Đăng Thanh, 2004) *Quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với hoạt động du lịch ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Luận án đã đưa ra cơ sở lý luận về sự cần thiết phải Quản lý Nhà nước (QLNN) bằng pháp luật đối với hoạt động du lịch; phân tích, đánh giá thực trạng và đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện QLNN bằng pháp luật đối với hoạt động du lịch trước yêu cầu mới. (Nguyễn Minh Đức, 2007) *Quản lý nhà nước đối với hoạt động thương mại, du lịch tỉnh Sơn La trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước* Luận án tiến sĩ kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Đây là một công trình nghiên cứu QLNN đối với hoạt động thương mại, du lịch ở một địa phương cụ thể. Luận án đã phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm làm rõ chức năng, nhiệm vụ; đề xuất quan điểm và giải pháp nhằm góp phần đổi mới và nâng cao trình độ QLNN về thương mại và du lịch của tỉnh Sơn La. *Vai trò của chính quyền địa phương cấp tỉnh trong phát triển du lịch bền vững tỉnh Ninh Bình* (Nguyễn Mạnh Cường, 2015), *Quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững* (Nguyễn Hoàng Tứ, 2016). Nói chung, những công trình khoa học trên đã thống nhất nguyên tắc quản lý, phương pháp quản lý, vai trò của chính quyền địa phương đối với đối với ngành du lịch, đã đề ra một số những giải pháp cụ thể trong từng hoàn cảnh nhất định. Đề tài kế thừa những kết quả nghiên cứu của các tác giả và vận dụng những kiến thức quản lý nhà nước vào phát triển bền vững du lịch Ninh Bình trong giai đoạn hiện nay cho công trình nghiên cứu.

**\* Về phát triển bền vững du lịch**

*Những quan điểm chủ đạo về phát triển bền vững du lịch:* Những công trình bền vững du lịch như Nguyễn Văn Đức(2013). *Tổ chức các hoạt động du lịch tại một số di tích lịch sử văn hóa quốc gia của Hà Nội theo hướng phát triển bền vững*. Luận án Tiến sĩ kinh tế, Na Nữ Ánh Vân(2012). *Phát triển du lịch Bình Thuận trên quan điểm phát triển bền vững*”. Vũ Thị Hạnh (2012). *Đánh giá tiềm năng tự nhiên phục vụ phát triển du lịch bền vững khu vực ven biển và các đảo tỉnh Quảng Ninh, 2012*. Nguyễn Mạnh Cường (2015). *Vai trò của chính quyền địa phương cấp tỉnh trong phát triển du lịch bền vững Ninh Bình*. TS. Dương Bá Phương(2010). *Phát triển bền vững vùng Trung Bộ giai đoạn 2001- 2010,..* quan điểm chủ đạo phát triển bền vững du lịch hướng tới sự hài hòa của những mục tiêu kinh tế, xã hội, môi trường trong khi ngày càng phải tăng cường khả năng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách, sự cân bằng này có thể thay đổi theo thời gian, những quy tắc xã hội, các điều kiện đảm bảo môi trường sinh thái và sự phát triển của khoa học công nghệ thay đổi cân bằng đó thay đổi theo. Ngoài ra phát triển Bền vững du lịch đòi hỏi phải phát triển những sản phẩm với chất lượng cao có khả năng thu hút và đáp ứng nhu cầu cao của khách du lịch, song không gây tổn hại tới môi trường tự nhiên văn hóa bản địa, đồng thời có trách nhiệm bảo tồn tài nguyên thiên nhiên bản địa.

*Bền vững du lịch và vai trò của BVDL:* Là nhân tố thúc đẩy những hoạt động khác như giao thông, xây dựng, buru điện,.. được nhiều công trình nghiên cứu đề cập, phải kể đến Inkeep (1991) nhấn mạnh về vai trò của hoạt động du lịch với lĩnh vực môi trường và kinh tế. Được khẳng định hơn trong chương trình nghị sự 21 về du lịch, đó là việc phối kết hợp những nguyên tắc Agenda 21 vào du lịch, hướng tới sự phát triển môi trường, chương trình này nhấn mạnh sự phối kết hợp giữa Chính phủ, phân tích tầm quan trọng của những chiến lược, nên lên lợi ích to lớn của ngành du lịch. Đối với những công trình như Luận án Tiến sĩ kinh tế, Na Nữ Ánh Vân(2012). *Phát triển du lịch Bình Thuận trên quan điểm phát triển bền vững*”. Vũ Thị Hạnh (2012). *Đánh giá tiềm năng tự nhiên phục vụ phát triển du lịch bền vững khu vực ven biển và các đảo tỉnh Quảng Ninh, 2012*. Nguyễn Mạnh Cường (2015). *Vai trò của chính quyền địa phương cấp tỉnh trong phát triển du lịch bền vững Ninh Bình*. TS. Dương Bá Phương(2010)...Có sự thống nhất về vai trò của bền vững du

lịch đối với kinh tế đó là hiệu quả kinh tế mà ngành du lịch mang lại, sự ổn định xã hội và môi trường trong sạch bền vững.

*Nguyên tắc phát triển bền vững du lịch:* Ngành du lịch với những đặc trưng riêng, phát triển nhanh và theo xu hướng của thời đại, tuy vậy có những nguyên tắc đặt ra trong sự phát triển đó. Các công trình đề cập tới vấn đề này như: *Tourism and environment* (Hen, 1989), 10 nguyên tắc của UNWTO. Với Việt Nam, một số công trình đi sâu phân tích về những nguyên tắc du lịch bền vững: *Du lịch bền vững* (Nguyễn Đình Hòe, 2001); *Phát triển du lịch bền vững ở Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng* (Trần Tiến Dũng, 2005) *Cơ sở khoa học và giải pháp phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam* (Phạm Trung Lương, 2000)..Đề cập tới nguyên tắc phát triển bền vững du lịch, nội dung chính của những nguyên tắc đó: Khai thác sử dụng tài nguyên, hạn chế sử dụng tài nguyên và giảm thiểu chất thải ra môi trường, phát triển gắn liền với nỗ lực bảo đảm tính đa dạng, phát triển du lịch phù hợp với quy hoạch chiến lược đặt ra, đảm bảo việc chia sẻ với cộng đồng địa phương, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương, thường xuyên tham khảo ý kiến cộng đồng địa phương, chú trọng đào tạo nâng cao nhận thức cộng đồng địa phương, tăng cường trách nhiệm trong hoạt động xúc tiến quảng cáo, coi trọng công tác nghiên cứu.

*Tiêu chí đánh giá đánh giá bền vững:* Làm thế nào để đánh giá sự phát triển bền vững có thể đo lường về phát triển bền vững? Có thể định lượng được không? Mức độ chấp nhận sự định lượng đó ra sao? Đây là vấn đề rất phức tạp trong các công trình nghiên cứu, một số công trình đề xuất những tiêu chí phân biệt giữa phát triển bền vững và không bền vững như Machado(2003) Du lịch bền vững là những loại du lịch được lập kế hoạch cho công tác bảo tồn, tôn tạo tài nguyên tự nhiên, mang lại lợi ích cộng đồng địa phương, đảm bảo hài hòa xã hội. Tổ chức du lịch thế giới UNWTO đưa ra quan điểm đánh giá tính bền vững dựa vào sức chứa “*Là số lượng tối đa du khách tới thăm một điểm du lịch trong cùng một thời điểm mà không gây ảnh hưởng tới môi trường sống, môi trường văn hóa xã hội, đồng thời không làm giảm sự thỏa mãn của du khách tham quan.*” và có xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá bền vững du lịch. Đồng quan điểm trên, một số học giả dùng phương pháp

đánh giá sức chứa như D'Amore (1983), Bob (1990). Sức chứa là số lượng du khách tối đa sử dụng điểm du lịch có thể thỏa mãn nhu cầu cao mà ít gây tác động xấu tới tài nguyên. Xã hội loài người gồm nhiều dân tộc khác nhau về văn hóa, lịch sử, tín ngưỡng, chính trị, giáo dục và truyền thống, họ cũng rất khác nhau về mức độ phồn vinh, về chất lượng cuộc sống và điều kiện môi trường mà sự nhận thức về sự khác biệt đó cũng rất khác nhau. Hơn nữa, sự cách biệt đó lại thường xuyên vận động, khi tăng khi giảm. Bởi vậy, đánh giá phát triển bền vững mang tính tùy thuộc khá lớn. Tuy nhiên, có thể đề cập tiêu chí để đánh giá tổng quát gồm sự tăng trưởng kinh tế ổn định; thực hiện tốt tiến bộ và công bằng xã hội; khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ và nâng cao được chất lượng môi trường sống. Tính đến nay đã có nhiều tổ chức và phương án đánh giá định tính và định lượng phát triển bền vững. Như:

1. Bộ 58 tiêu chí của Ủy ban phát triển bền vững (CSD) của Liên hợp quốc
2. Bộ 46 tiêu chí của Nhóm tư vấn về tiêu chí phát triển bền vững (CGSDI)
3. Phương án chỉ số thịnh vượng gồm 88 tiêu chí của Tổ chức bảo tồn thiên nhiên thế giới (IUCN)
4. Phương án Chỉ số Bền vững Môi trường của Diễn đàn Kinh tế thế giới gồm 68 tiêu chí

Tổ chức Du lịch Thế giới Liên hợp quốc (UNWTO) công bố tiêu chí du lịch bền vững toàn cầu lần đầu tiên tại Hội nghị Bảo tồn Thế giới của IUCN(10/2008) Bộ tiêu chí mới này được xây dựng dựa trên cơ sở hàng nghìn các tiêu chí đã được áp dụng thực tiễn hiệu quả trên khắp thế giới. Các tiêu chuẩn này được phát triển để cung cấp một khung hướng dẫn hoạt động du lịch bền vững, giúp các doanh nhân, người tiêu dùng, chính phủ, các tổ chức phi chính phủ và các cơ sở giáo dục bảo đảm rằng hoạt động du lịch là nhằm giúp đỡ chứ không làm hại cộng đồng và môi trường địa phương. Như vậy có thể thấy môi trường du lịch đa dạng, sự áp dụng những tiêu chí bền vững tùy thuộc vào nhiều đối tượng. Đề tài tổng hợp và sử dụng một số những tiêu chí cơ bản như của UNWTO và của hội đồng du lịch bền vững toàn cầu trong công trình nghiên cứu.

*Nhân tố ảnh hưởng và giải pháp phát triển bền vững: Có một số công trình nghiên cứu đã nghiên cứu đề cập và phân tích về những nhân tố ảnh hưởng tới phát triển bền vững du lịch: Du lịch bền vững (Nguyễn Đình Hòa, 2001); Phát triển du lịch bền vững ở Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (Trần Tiến Dũng, 2005). Vai trò của chính quyền địa phương cấp tỉnh trong phát triển du lịch bền vững tỉnh Ninh Bình (Nguyễn Mạnh Cường, 2015), Quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững (Nguyễn Hoàng Tứ, 2016).*

Giải pháp phát triển được nhiều đề tài đưa ra, mỗi giải pháp mang tính đặc trưng của vùng, miền, giải pháp cho quản lý nhà nước của từng phạm vi đề tài nghiên cứu như của “*Phát triển du lịch bền vững ở Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng*” (Trần Tiến Dũng, 2006) đưa ra những giải pháp triển bền vững du lịch mang tính tình thế phát triển kinh tế vùng lõi, bảo tồn di sản thiên nhiên thế giới và bảo tồn tôn tạo các giá trị tài nguyên du lịch, đào tạo nguồn nhân lực du lịch và nâng cao nhận thức cộng đồng dân cư, tập trung cụ thể vào những việc:

1. Bảo vệ khai thác tài nguyên du lịch hợp lý
2. Bảo vệ và tôn trọng tài nguyên nhân văn
3. Xây dựng kế hoạch quy hoạch một cách khoa học và có tầm nhìn
4. Tính toán quản lý sức chứa
5. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng
6. Gắn kết chặt chẽ các tổ chức hiệp hội du lịch, doanh nghiệp du lịch và chính quyền địa phương trong việc quản lý bền vững du lịch tại các khu du lịch
7. Nâng cao trách nhiệm môi trường đối với du khách
8. Nâng cao vai trò giám sát của chính quyền từ trung ương tới địa phương đối với các khu du lịch

Với công trình khoa học, *Quản lý nhà nước địa phương đối với phát triển du lịch bền vững tại một số tỉnh Miền Trung* (Nguyễn Hoàng Tứ, 2016). Đã đề ra những giải pháp gồm: Cụ thể hóa các chủ trương chính sách của Nhà nước vào điều kiện thực tế của miền Trung. Hoàn thiện quy hoạch, chính sách, tập trung đầu tư có trọng điểm và thu hút đầu tư để phát triển du lịch. Củng cố tổ chức bộ máy quản lý nhà

nước về du lịch, nghiên cứu hình thành các thể chế quản lý phát triển du lịch bền vững hiệu quả. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng và hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực. Tăng cường xúc tiến du lịch, kêu gọi đầu tư, liên kết hợp tác trong phát triển du lịch của tỉnh. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động du lịch tại một số tỉnh miền Trung.

### ***1.1.3 Các nghiên cứu về du lịch Ninh Bình và phát triển bền vững du lịch Ninh Bình***

Ninh Bình nằm phía Nam vùng đồng bằng sông Hồng, trên tuyến giao thông huyết mạch có đường bộ, đường sắt Bắc-Nam chạy qua, cách thủ đô Hà Nội 90km về phía Nam, với địa hình đa dạng vừa có rừng núi, đồng bằng và vùng ven biển; trong giáo trình *Tài Nguyên Du lịch* Bùi Thị Hải Yến, Phạm Hồng Long(2007) xác định những tài nguyên du lịch của Ninh Bình đa dạng, có vùng núi đá vôi với các hang động kỳ thú và hệ sinh thái độc đáo đan xen với nhiều tài nguyên du lịch nhân văn, di tích lịch sử văn hóa. Ngành du lịch Ninh Bình so với những địa phương trong nước là ngành đi sau, nên có nhiều lợi thế, sự kế thừa những tinh thành đi trước trong phát triển du lịch và có nhiều khó khăn trong cạnh tranh thị trường khách với những địa bàn mạnh như Thanh Hóa, Hà Nội. Phát triển bền vững du lịch Ninh Bình có một số công trình như tham luận[24] “*Để Ninh Bình phát triển nhanh và bền vững. Hướng đột phá phát triển du lịch Ninh Bình trong Vùng Đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông bắc*” tại Hội thảo khoa học: “*Ninh Bình - 20 năm đổi mới và phát triển*” tạp chí cộng sản 7/2012, đã đưa ra nút thắt cần tháo gỡ để phát triển bền vững Ninh Bình.

*Một là*, về sản phẩm du lịch: Sở dĩ khách lưu lại ngắn, chi tiêu ít là do sản phẩm, dịch vụ du lịch nghèo nàn, đơn điệu chưa trúng ý mong đợi của du khách. Vì vậy vấn đề thiết kế ý tưởng sản phẩm du lịch nhằm vào thỏa mãn mục tiêu du lịch, định dạng sản phẩm với nhiều chi tiết hoạt động từ tham quan, giải trí, tâm linh, tìm hiểu lối sống, văn hóa cộng đồng, nghỉ dưỡng núi, biển, khoáng nóng, ẩm thực...

*Hai là*; Về nhân lực du lịch: Thiếu và yếu từ đội ngũ quản lý, hoạch định chính sách cho tới lao động nghiệp vụ; tư duy chiến lược, tầm nhìn, kiến thức, kỹ năng cơ bản về du lịch còn chấp vá thiếu hệ thống. Đầu tư vào nhân lực chưa thực sự được quan tâm kể cả từ góc độ nhà nước cho tới doanh nghiệp, đặc biệt

giáo dục, hướng dẫn cộng đồng làm du lịch chưa được thực hiện bài bản, thường xuyên. Các giải pháp thúc đẩy đào tạo, phát triển nguồn nhân lực không thể giải quyết ngày một ngày hai, thậm chí sự chảy máu nhân lực chuyên nghiệp vẫn diễn ra. Bên cạnh đó, để khắc phục thiếu hụt lao động bậc cao.

*Ba là;* Về nhận thức: Gắn với yếu tố con người, nhận thức, thái độ đối với du lịch được nhìn nhận về quan điểm, xu hướng, nội dung phải được thấm nhuần trong mọi đối tượng tham gia quản lý, kinh doanh, đón tiếp, phục vụ và giao tiếp với khách trong toàn xã hội (không chỉ những người trực tiếp làm du lịch) hướng tới sự hiếu khách; tất cả vì lợi ích của khách du lịch.

*Bốn là;* Về huy động nguồn lực: Nguồn lực không chỉ về tài chính mà từ tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn, vật thể và phi vật thể, sức năng động, sáng tạo, thái độ tích cực của cộng đồng cho tới năng lực của doanh nghiệp. Nguồn lực chỉ được huy động khi các chủ thể, các bên liên quan nhìn nhận thấy những lợi ích thiết thực từ thực tế hoạt động.

*Năm là;* Về xúc tiến quảng bá du lịch không chỉ nhằm thu hút khách mà coi trọng thu hút loại khách nào. Ninh Bình nên tập trung thu hút loại khách nghỉ dưỡng sinh thái dài ngày gắn với đặc điểm sinh thái, văn hóa của Ninh Bình thay vì quảng bá chung chung với tất cả những loại khách.

*Sáu là;* Về hoạch định chính sách và quản lý thường bị ảnh hưởng tư duy áp đặt chủ quan xuất phát từ cái mình có mà chưa thực sự bám sát nhu cầu thị trường, trên cơ sở hiểu thị trường. Nghiên cứu thị trường phải đóng góp tích cực vào hoạch định chính sách, chiến lược.

*Bảy là;* Về bảo tồn, bảo vệ môi trường để phát huy giá trị tài nguyên du lịch về tự nhiên và văn hóa. Tài nguyên du lịch, môi trường du lịch là nền tảng cốt lõi của sản phẩm du lịch vì vậy càng quan tâm thực hiện tốt việc bảo tồn, bảo vệ môi trường thì sản phẩm du lịch càng có giá trị cao. Với tính chất nhạy cảm của tài nguyên và môi trường du lịch, việc bảo tồn, bảo vệ môi trường trở lên vô cùng quan trọng. Đặc biệt với Ninh Bình với những tài nguyên nổi bật về văn hóa, sinh thái như danh thắng Tràng An, rừng Cúc Phương, các hang động, hệ sinh thái đất ngập nước Vân Long, hệ thống di tích như Bái Đính, Phát Diệm..., lễ hội, ẩm thực đặc



sản, làng nghề.. nếu không biết gìn giữ, bảo vệ, tôn vinh thì không những không phát huy được giá trị mà sẽ nhanh chóng mai một, hủy hoại.

Trong nghiên cứu của Nguyễn Mạnh Cường (2015) tác giả yêu cầu cần nâng cao vai trò quản lý nhà nước trong phát triển bền vững du lịch, một yếu tố quan trọng công tác quản lý của du lịch Ninh Bình tác giả cho rằng khâu yếu kém nhất của quản lý nhà nước Ninh Bình đó là khâu thanh tra kiểm tra, do tính chất đặc trưng của ngành du lịch, khi chính quyền địa phương thanh tra bao gồm nhiều cơ quan tham mưu đi kèm do các ngành liên quan trong lĩnh vực du lịch chuyên môn còn hạn chế, tính thống nhất trong giải quyết sự việc chưa cao, nội dung giải quyết mỗi cơ quan giả quyết khác nhau nên làm hạn chế nhiều mặt của du lịch.

Trong đề án phát triển bền vững du lịch Ninh Bình năm 2013 của Ban Tuyên giáo Tỉnh Ủy Ninh Bình, đã nêu về hướng đi tất yếu của phát triển du lịch Ninh Bình trong tương lai là phát triển bền vững, nơi hội tụ tiềm năng, thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân văn, có chủ trương của cấp chính quyền địa phương. Đề án có xây dựng tiêu chí đánh giá vào 3 mặt chính của phát triển bền vững:

Về kinh tế: Tập trung vào một số tiêu chí; sự tăng trưởng của thị trường khách du lịch, tăng trưởng về tổng thu từ hoạt động du lịch, sự phát triển bền vững về quy mô và tính chất của hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch; sẵn sàng của nguồn nhân lực du lịch.

Về xã hội: Tập trung vào những tiêu chí; du lịch tạo việc làm và góp phần xóa đói giảm nghèo; Mức độ hài lòng của cộng đồng địa phương với hoạt động du lịch; tác động xã hội từ hoạt động du lịch.

Về môi trường: Tập trung vào những tiêu chí; Tỷ lệ các khu và điểm du lịch được bảo vệ, quản lý áp lực môi trường tại các điểm, khu du lịch; mức độ đóng góp của ngành du lịch cho công tác bảo tồn, tôn tạo và bảo vệ môi trường; số lượng các khu điểm du lịch được quy hoạch và bảo vệ.

Giải pháp thực hiện: Nâng cao sức hấp dẫn và khả năng cạnh tranh của sản phẩm du lịch để thu hút khách du lịch; Khai thác tính khác biệt của sản phẩm; Phát triển cơ sở hạ tầng; Xúc tiến quảng bá du lịch; Tăng cường tiếp thị trên Internet;

Giải pháp về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; Bảo tồn và phát triển tài nguyên du lịch; Bảo vệ và cải thiện môi trường du lịch bằng việc đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức về hoạt động du lịch cho cộng đồng và du khách.

Đề án nghiên cứu về bền vững du lịch của Ninh Bình trong giai đoạn đang có những chuyển đổi, thị trường khách năm 2012 là 3.250.000 người, đang có những đề xuất xin cấp chứng nhận của UNESCO về di sản Tràng An, về tổ chức quy hoạch tổng thể địa bàn và không gian du lịch Ninh Bình, hướng tổ chức theo 7 không gian cho tỉnh Ninh Bình, theo chiến lược chung của tỉnh về phát triển du lịch Ninh Bình đề ra, công tác quy hoạch cho từng điểm, khu du lịch chưa cụ thể. Tuy nhiên trong giai đoạn từ 2012 trở lại đây với định hướng chung của Chính Phủ và Tỉnh Ninh Bình không chỉ mỗi chính quyền, với tinh thần, phát huy du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn, mà phát triển bền vững du lịch cùng với sự chung tay của ngành, chính quyền và doanh nghiệp, thị trường khách gia tăng mạnh mẽ với gần 6.5 triệu lượt khách năm 2016 sản phẩm du lịch đa dạng và phong phú không chỉ mỗi du lịch sinh thái, dịch vụ du lịch phong phú và đa dạng hơn, xuất hình thức mới như phim ảnh với du lịch, hình thức du lịch thưởng ngoạn bằng trực thăng,...nên tiêu chí đánh giá cần rõ ràng hơn. Đề tài kế thừa một số quan điểm, chiến lược chung của phát triển bền vững du lịch Ninh Bình, tham khảo bộ tiêu chí của đề án và những công trình nghiên cứu khác, từ đó xây dựng phương thức đánh giá, tiêu chí đánh giá nghiên cứu của luận án.

### ***Đánh giá nhận xét chung***

*Các công trình nghiên cứu trên đã giải quyết những vấn đề:* Các nghiên cứu trên đã nêu những nội dung và giải quyết một phần nội dung, đó là:

*Một số công trình nghiên cứu về du lịch, lý luận du lịch, thị trường du lịch:*

Cung cấp những khái niệm cơ bản về du lịch, kiến thức về thị trường du lịch và phương hướng phát triển du lịch của Việt Nam.

*Phát triển bền vững, yêu cầu của phát triển bền vững:*

Các tài liệu trong và ngoài nước hệ thống hóa lý thuyết về phát triển bền vững, sự ảnh hưởng của 3 thành tố kinh tế, xã hội, môi trường trong phát triển bền

vững. Các nguyên tắc của phát triển bền vững làm cơ sở đề ra yêu cầu của phát triển bền vững của phân lý thuyết đề tài.

*Phát triển bền vững du lịch, bền vững du lịch Ninh Bình*

Để phát triển bền vững du lịch của địa phương, một số công trình nêu nên mô hình phát triển, trong đó nổi lên mối liên hệ và sự tương tác của 3 thành tố cơ bản của kinh tế du lịch, môi trường du lịch và xã hội du lịch.

Công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch, một số công trình đề cập tới vai trò của chính quyền địa phương cho phát triển bền vững, tập trung nhiều vào cách nâng cao vai trò, vị thế của cấp quản lý, trong việc thực thi công cụ quản lý phát triển bền vững du lịch.

Một số công trình đưa ra giải pháp phát triển bền vững du lịch, tập trung chủ yếu vào giải pháp quy hoạch du lịch gắn với quy hoạch của quốc gia.

*Khoảng trống trong nghiên cứu:*

Chủ đề phát triển bền vững du lịch Ninh Bình có một số công trình nghiên cứu đề cập. Mô hình và đánh giá bền vững du lịch có nhiều cách tiếp cận khác nhau, cách tiếp cận theo phân hệ, cách tiếp cận theo tiêu chí, cách tiếp cận theo phương thức so sánh. Trong điều kiện hiện nay tiềm năng du lịch Ninh Bình đã được khai thác, di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Tràng An, hệ thống di tích ở Hoa Lư, được du khách trong và ngoài nước biết đến... cùng với sự thay đổi về nhiều mặt, thị trường khách gia tăng, phát triển cơ sở du lịch đang không theo đúng quy hoạch, công tác quản lý tại địa phương còn bỏ ngỏ nhiều, kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực du lịch khó khăn, nguồn vốn ngân sách dành cho du lịch xu hướng thu giảm, sản phẩm du lịch trùng lặp nhiều, chủ yếu khai thác tự nhiên chưa có nhiều sản phẩm đánh giá cao, đầu tư du lịch dàn trải không tập trung, sự mâu thuẫn giữa yêu cầu bảo vệ môi trường với phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng khó giải quyết..Đánh giá tính bền vững và thông qua những tiêu chí phát triển bền vững vào quản lý, tiêu chí kinh tế xã hội, môi trường, dựa vào mô hình và những chủ thể tham gia mô hình đề ra giải pháp thiết thực chưa có công trình nào đề xuất.

*Trên cơ sở những quan điểm, nhận định của những nhà khoa học, nghiên cứu về du lịch về bền vững du lịch đề tài tập trung vào các nội dung:*

Nghiên cứu các quan niệm về phát triển bền vững du lịch, vai trò của các đối tượng trong mô hình phát triển bền vững du lịch.

Nghiên cứu kinh nghiệm của một số địa phương trong và ngoài nước đối phát triển bền vững du lịch, qua đó rút ra các bài học kinh nghiệm cho Ninh Bình.

Xây dựng tiêu chí đánh giá tính bền vững du lịch của một địa phương cấp tỉnh và vai trò của các chủ thể tham gia vào hệ thống du lịch đối với phát triển bền vững du lịch.

Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển bền vững du lịch thời gian 2007-2016 qua đó rút ra các kết luận về ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân từ đó có giải pháp khắc phục hạn chế, đối với phát triển bền vững du lịch hiện nay của Ninh Bình.

Trên cơ sở đường lối, chủ trương của Nhà nước, thực hiện mục tiêu của xã hội của ngành và những bài học rút ra từ thực trạng, có những kiến nghị, đề xuất với ngành, các cấp nhằm phát triển du lịch Ninh Bình bền vững trong thời gian 2020 -2030.

## **1.2 Cách tiếp cận nghiên cứu, phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu**

### **1.2.1 Cách tiếp cận**

+ Luận án tiếp cận từ cơ sở lý luận, tổng quan về phát triển bền vững du lịch của một địa phương, theo phương thức tiêu chí về kinh tế xã hội và môi trường đề ra giải pháp từng nhóm đối tượng.

+ Tiếp cận từ thực tiễn khảo sát đánh giá phát triển bền vững du lịch tỉnh Ninh Bình trong giai đoạn 2007 – 2016.

+ Tiếp cận từ định hướng, mục tiêu, chiến lược của ngành du lịch tỉnh Ninh Bình trong hiện tại và hướng phát triển tương lai.

### **1.2.2 Phương pháp thu thập dữ liệu và xử lý dữ liệu**

#### ***a, Phương pháp thu thập dữ liệu***

+ *Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp*

- Từ sách và giáo trình, một số luận án, đề tài nghiên cứu khoa học, báo cáo khoa học.

- Từ các báo cáo của các kỳ đại hội qua các năm của Tỉnh ủy Ninh Bình, Hội Đồng Nhân Dân tỉnh Ninh Bình, Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Ninh Bình, báo cáo hàng năm, hàng quý và hàng tháng của Sở du lịch Ninh Bình và những cơ quan quản lý

nhà nước khác có liên quan. Các vấn đề liên quan được đề cập ở trang báo, tạp chí: tạp chí du lịch viettravel, tạp chí du lịch TP. HCM, Tạp chí Du lịch Việt Nam ... từ 2007 đến 2016, các tài liệu từ Internet:

[bvhttdl.gov.vn](http://bvhttdl.gov.vn) [www.vietnamtourism.gov.vn](http://www.vietnamtourism.gov.vn), <http://ninhbinh.gov.vn>  
<http://sodulich.ninhbinh.gov.vn>, <http://sotaichinh.ninhbinh.gov.vn>,  
<http://somoitruong.ninhbinh.gov.vn>, <http://kehoach.ninhbinh.gov.vn>  
[www.viettravel.com](http://www.viettravel.com)...

+ *Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp:*

\**Đối tượng lấy mẫu:* Căn cứ vào các bên tham gia trong phát triển bền vững du lịch và mục đích phân tích thực trạng phát triển bền vững du lịch Ninh Bình nên đối tượng khảo sát gồm có 4 đối tượng được phân làm 4 mẫu: Mẫu khảo sát cơ quan quản lý (M1), Mẫu khảo sát doanh nghiệp hoạt động du lịch (M2), mẫu khảo sát khách du lịch (M3), mẫu khảo sát cộng đồng địa phương (M4)

\**Nội dung khảo sát:*

Nội dung câu hỏi khảo sát, nghiên cứu tập trung vào một số vấn đề:

**M1:** Câu hỏi khảo sát tập trung vào một số vấn đề:

- Thông tin về cơ quan quản lý, chức vụ, bộ phận quản lý.
- Đánh giá những tiêu chí bền vững du lịch về kinh tế xã hội và môi trường.
- Tình hình triển khai những chính sách của Nhà nước cũng như của tỉnh Ninh Bình về lĩnh vực du lịch.

- Tình hình nội dung quản lý nhà nước cho hoạt động bền vững du lịch hiện nay.

- Đề xuất theo quan điểm người khảo sát cho lĩnh vực bền vững du lịch Ninh Bình.

**M2:** Câu hỏi khảo sát tập trung vào một số vấn đề:

- Thông tin doanh nghiệp, số vốn doanh nghiệp tham gia, lĩnh vực doanh nghiệp hoạt động.

- Tiềm năng cho phát triển loại hình doanh nghiệp bền vững hiện nay của Ninh Bình.

- Đánh giá của doanh nghiệp về những chỉ tiêu bền vững du lịch, bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường

- Đề xuất một số những kiến nghị để phát triển bền vững du lịch Ninh Bình hiện nay.

**M3:** Câu hỏi tập trung vào một số vấn đề:

- Cấu thành khách du lịch bao gồm quốc tịch, nơi đến, cách du lịch, khách tham quan trong ngày, nghỉ qua đêm hay không nghỉ? tuổi tác, nghề nghiệp, mục đích du lịch,..

- Tình hình chi tiêu của du khách, bao gồm chi phí trong một ngày của họ khi ở Ninh Bình? Thời gian lưu trú, số lần tới thăm Ninh Bình, hành trình của du khách khi tới Ninh Bình, sản phẩm du lịch bền vững nào được họ đánh giá cao?

- Đánh giá về chất lượng, giá cả dịch vụ du lịch, chất lượng giá cả cơ sở vật chất phục vụ du lịch của Ninh Bình.

**M4:** Câu hỏi tập trung vào một số vấn đề:

- Công việc, tuổi, nghề nghiệp của cá nhân người khảo sát.

- Những thế mạnh tài nguyên du lịch Ninh Bình, những ảnh hưởng của phát triển bền vững du lịch tới họ và gia đình, địa phương.

- Đề xuất cho những đánh giá về bền vững du lịch Ninh Bình hiện nay.

- Đề xuất một số ý kiến về phát triển bền vững du lịch Ninh Bình hiện nay.

*\*Cách thức lấy mẫu:*

**MI:** NCS tiến hành phát 100 phiếu điều tra cho cơ quan quản lý nhà nước, chọn mẫu phân tầng bao gồm: Số lượng biên chế trong ngành du lịch và thể thao của Ninh Bình 570, (Theo số liệu trong Đề Án về việc phê duyệt biên chế công chức viên chức các cấp của Ninh Bình 2016). Do vậy với 100 mẫu đại diện là hợp lý.

UBND cấp tỉnh/thành, UBND cấp thị xã/thị trấn, UBND cấp xã/phường, các chuyên gia du lịch đại diện từ Sở Du lịch, BQL các điểm khu du lịch, phòng VHTT&DL huyện, Trung tâm Thông tin du lịch. Thời gian khảo sát: Từ tháng 3 đến tháng 9/2016 và được chia làm nhiều đợt.

- **M2**: NCS tiến hành phát 150 phiếu khảo sát cho các doanh nghiệp hoạt động du lịch tại Ninh Bình. Căn cứ vào số lượng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình 4387 (cục thống kê Ninh Bình 2016). Tổng số lượng doanh nghiệp dịch vụ chiếm 42%, loại hình du lịch chiếm 12%, ( Theo báo cáo về tình hình hoạt động doanh nghiệp vừa và nhỏ của SKHĐT Ninh Bình 2016). Như vậy ta có: Số lượng doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn Ninh Bình là: 527 doanh nghiệp.

Với bước nhảy hệ thống  $k = 527/150 = 3.52$  .

Phù hợp cho tính đại diện của những loại hình doanh nghiệp. Và phù hợp với thực trạng doanh nghiệp trên địa bàn và yêu cầu nghiên cứu. Số lượng doanh nghiệp được khảo sát tập trung vào những loại hình doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ du lịch, DN lữ hành, cơ sở lưu trú, nhà hàng, khách sạn

Thời gian khảo sát: Từ tháng 3 đến tháng 9/2016 và được chia làm nhiều đợt.

-**M3**: NCS khảo sát 500 khách gồm 300 khách nội địa và 200 khách quốc tế đến du lịch tại Ninh Bình. Cơ sở để có quy mô cỡ mẫu, theo kinh nghiệm của các nhà nghiên cứu cho rằng, nếu sử dụng phương pháp ước lượng thì kích thước mẫu tối thiểu phải từ 100-150 (Hair& ctg, 1998). Ngoài ra, kích thước mẫu tối thiểu là 5 mẫu cho 1 tham số cần ước lượng (Bollen, 1989). Tuy nhiên, kích thước mẫu phụ thuộc vào phương pháp phân tích. Để xác định cỡ mẫu cho phân tích thì kích thước mẫu tối thiểu là 5 lần số biến trong phân tích. Phiếu khảo sát du khách có 12 biến quan vì thế kích thước mẫu tối thiểu phải đảm bảo lớn hơn 60 mẫu. Ngoài ra với số lượng du khách thực tế tới Ninh Bình vào khoảng 5000-6000 người du khách nội địa/ngày, du khách quốc tế vào khoảng 1300 người/ngày du khách tại nhiều địa điểm, nhiều loại nên tác giả lựa chọn tổng mẫu: 500 mẫu. Được phân theo nhóm khách và độ tuổi đi du lịch.

Phân theo nhóm khách Singapore, Pháp, Mỹ, Đức, Úc, Anh, Nga Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Malaysia,..

Độ tuổi khách du lịch: Từ 25 tuổi tới 55 tuổi: Lựa tuổi có những quyết định đúng đắn trong mọi công việc.

Thời gian khảo sát: Từ tháng 3 đến tháng 9/2016 và được thu phát liên tục, thông qua các công ty lữ hành, kinh doanh dịch vụ du lịch.

**M4:** NCS khảo sát 300 người, cơ sở để có quy mô cỡ mẫu là 300, theo kinh nghiệm của các nhà nghiên cứu cho rằng, nếu sử dụng phương pháp ước lượng, kích thước mẫu tối thiểu là 5 mẫu cho 1 tham số cần ước lượng (Bollen, 1989). Tuy nhiên, kích thước mẫu phụ thuộc vào phương pháp phân tích. Để xác định cỡ mẫu cho phân tích thì kích thước mẫu tối thiểu là 5 lần số biến trong phân tích. Phiếu khảo sát có 12 biến quan vì thế kích thước mẫu tối thiểu phải đảm bảo lớn hơn 60 mẫu. Với số lượng dân cư đông và khảo sát tại nhiều địa điểm, nhiều loại nên tác giả lựa chọn tổng mẫu: 300 mẫu. Vì với số lượng dân số nhiều, tính đại diện chủ yếu trong khu du lịch, khu bảo tồn, địa điểm du lịch.

Thời gian khảo sát: Từ tháng 3 đến tháng 9/2016.

Khảo sát bằng bảng câu hỏi (xem phụ lục 1,2,3) và tiến hành khảo sát về thực trạng bền vững du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

**Bảng 1.1: Thống kê phiếu khảo sát và loại hình tổ chức khảo sát**

Địa điểm	Số lượng	Doanh nghiệp		Cơ quan quản lý du lịch			Du khách		Cộng đồng địa phương	
		[1]	[2]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]
		DNNN	Loại hình doanh nghiệp khác	Cơ quan quản lý du lịch	cơ quan lĩnh vực khác	Tổ chức đào tạo NC, Đào tạo	Trong nước	quốc tế	Tham gia vào du lịch	Không tham gia vào du lịch
1. Tràng An - Bái Đính	100	5	17	5	3	0	100	80	75	20
2, Tam Cốc - Bích Động	100	5	11	5	3	0	50	40	50	20
3, Vân Long	100	5	9	5	3	0	50	30	30	10
4, TP. Ninh Bình	200	20	54	25	20	10	50	20	20	15
Khác	100	5	28	10	6	5	50	30	25	35
<b>Tổng</b>	1050	31	119	50	35	15	300	200	200	100
<b>Tỷ lệ %</b>	100%	3%	11%	5%	3%	1%	29%	19%	19%	10%

Nguồn: Kết quả điều tra của NCS 2016

\*Kích thước mẫu



+ *Số lượng mẫu*: Chọn 6 nhân tố làm biến quan sát, với 64 tiêu chí để đo lường đánh giá về thực trạng phát triển bền vững du lịch của Ninh Bình, sử dụng thang đo Likert điểm 5 với các cấp độ: *Rất cao, cao, trung bình, thấp, rất thấp*.

$50+64*5= 445$  phiếu. Quy mô tối thiểu là 445. Thực tế kích thước mẫu là 1050. Tác giả gửi đi 1050 phiếu khảo sát.

+ *Cách thức điều tra*: điều tra 4 đối tượng, Cơ quan quản lý nhà nước du lịch tại địa phương, Đối với cơ quản lý nhà nước và doanh nghiệp NCS sử dụng phương pháp gửi thư và liên hệ trực tiếp để lấy số liệu. Du khách và người dân địa phương NCS liên hệ trực tiếp và thông qua công ty kinh doanh du lịch tiến hành thu phát phiếu khảo sát.

- **M1**: Số lượng phiếu 100 phiếu, 55 phiếu giành cho địa bàn Ninh Bình, tập trung chủ yếu UBND tỉnh Ninh Bình, Sở Du lịch tỉnh Ninh Bình, Các sở có liên quan như Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục thuế,.. số lượng dự phòng 21 phiếu giành phòng Văn hoá Thể thao và Du lịch quản lý của các huyện như Yên Mô, Hoa Lư,..khảo sát.

- **M2**: Số lượng phiếu 150 lựa chọn các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, phát hành phiếu cho các cơ sở mà mình lựa chọn.

Trong tổng 150 phiếu khảo sát, được phân chia như sau: 31 phiếu giành cho doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ du lịch lữ hành. 119 phiếu điều tra doanh nghiệp ngoài quốc doanh kinh doanh du lịch lữ hành, quy mô từ nhỏ tới lớn. trong đó có những phiếu giành cho những công vận chuyên khách du lịch, nhà hàng, khách sạn, quy mô từ nhỏ tới lớn.

- **M3**: Số lượng phiếu 500 phiếu. Lựa chọn khách du lịch tới Ninh Bình. Thông qua những công ty lữ hành, lựa chọn những nhóm khách du lịch quốc tế. Mỗi đoàn khách chỉ lựa chọn 1 đến 2 người làm đại diện. Tương tự như thế với nhóm khách trong nước.

Số phiếu quốc tế 75 phiếu: Độ tuổi của du khách: 25-55 tuổi, nam giới chiếm 65% nữ giới 45%.

Số phiếu nội địa 75 phiếu: Độ tuổi của du khách: 25-55 tuổi, nam giới chiếm 65% nữ giới 45%.

- **M4:** Số lượng phiếu 300 phiếu. 200 phiếu giành khảo sát những dân cư tham gia vào hoạt động du lịch như bán hàng, lái đò,..100 phiếu giành cho những dân cư không tham gia vào hoạt động du lịch, sinh sống trong vùng có địa điểm du lịch. Độ tuổi khảo sát chủ yếu: 25- 55 tuổi. Nam giới chiếm 65%, nữ giới chiếm 45%.

Thời gian khảo sát: 5 tháng từ 15/3 - 15/8/2016 Sau đó tiến hành xử lý và phân tích dữ liệu lập bảng phân tích các kết quả thu được.

+*Kết quả thu về:* Phát ra 1050 phiếu, sau khi kiểm tra, có 1020 phiếu đủ điều kiện phân tích.

### ***b, Phương pháp xử lý dữ liệu***

+*Đối với dữ liệu thứ cấp:* Thông qua việc thu thập dữ liệu, NCS sử dụng các phương pháp phân tích, so sánh, đối chiếu, phương pháp bản đồ để xử lý số liệu:

-*Phân tích:* Những dữ liệu của cơ quan quản lý du lịch Nhà nước và Ninh Bình trong thời gian từ 2007 – 2016. Những mục tiêu về du lịch đặt ra của cơ quan quản lý địa phương làm nền tảng cho những đề xuất của luận án.

-*So sánh:* Tốc độ phát triển, doanh thu của du lịch, số lượng du khách đến Việt Nam, đến Ninh Bình hàng năm, số lượng khách nội, khách ngoại, từng vùng từng quốc gia, số lượng cơ sở vật chất, nguồn nhân lực du lịch,..được công bố hàng năm, hàng quý trên, báo chí, trên thông tin đại chúng tin cậy, được kiểm soát.

Kết hợp giữa phân tích số liệu sơ cấp và thứ cấp tổng hợp kết quả đưa ra hướng đề xuất giải pháp.

Ngoài ra còn dùng phương pháp phân tích hệ thống: Phân tích một cách có hệ thống lý thuyết bền vững du lịch của những đề tài về kinh tế xã hội môi trường nhằm đề ra những giải pháp cho luận án.

+*Đối với dữ liệu sơ cấp:* Sử dụng phương pháp tổng hợp thống kê, thu về trong quá trình điều tra, tác giả thực hiện nhập dữ liệu trên phần mềm SPSS.20 để thực hiện thống kê mô tả kết quả thu được.

## **Kết luận chương 1**

Chương 1 của Luận án đã tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan tới đề tài, được phân thành những nhóm: Nhóm nghiên cứu về phát triển bền vững, nhóm nghiên cứu về du lịch và nhóm nghiên cứu về phát triển bền vững du lịch, nhóm nghiên cứu về du lịch và bền vững du lịch Ninh Bình. Tổng hợp những khái niệm, quan điểm vai trò và những nguyên tắc, tiêu chí đánh giá, mô hình của những công trình nghiên cứu phát triển bền vững và bền vững du lịch của địa phương, từ đó xây dựng khung lý thuyết cho đề tài nghiên cứu. Trên cơ sở lý thuyết về bền vững và phát triển bền vững du lịch những công trình khoa học đi trước, Nghiên cứu sinh xác định khoảng trống trong nghiên cứu, từ đó xây dựng tiêu chí đánh giá phát triển bền vững du lịch Ninh Bình, đưa ra một số những kiến nghị và đề xuất.

Trình bày phương pháp khảo sát thu thập dữ liệu và quy trình thực hiện khảo sát của luận án, với 4 loại phiếu khảo sát, thuộc 4 nhóm đối tượng, cơ quan quản lý, doanh nghiệp kinh doanh du lịch hoạt động tại địa bàn Ninh Bình, người dân địa phương và du khách đi du lịch. Từ kết quả khảo sát thu được tiến hành phân tích và đánh giá, với số liệu thu thập được, đánh giá tính bền vững của du lịch Ninh Bình và có những đề xuất tiếp theo.

## **CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DU LỊCH CỦA MỘT ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH**

### **2.1 Khái niệm, vai trò và các bên trong phát triển bền vững du lịch**

#### **2.1.1 Phát triển bền vững**

Thuật ngữ phát triển bền vững lần đầu tiên sử dụng trong báo cáo “Chiến lược bảo tồn thế giới” do International Union for Conservation of Nature and Natural Resources (IUCN) [tổ chức bảo tồn thiên nhiên quốc tế] đề xuất năm 1980. Tổ chức đã đề khởi khái niệm phát triển bền vững với mục tiêu tổng thể của chiến lược là đạt được sự phát triển bền vững bằng cách bảo vệ tài nguyên sinh vật, nhấn mạnh tới tính bền vững của sự phát triển về mặt sinh thái, nhằm kêu gọi bảo tồn tài nguyên sinh vật. Đến năm 1987, khái niệm này đã được Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển (Commission mondiale sur l'Environnement et le développement) do Gro Harlem Brundtland làm chủ tịch tiếp thu và định nghĩa trong “Tương lai của chúng ta” (Notre avenir à tous/Our Common Future) :“Phát triển bền vững là sự phát triển nhằm thỏa mãn các yêu cầu hiện tại nhưng không tổn hại cho khả năng của các thế hệ tương lai để đáp ứng yêu cầu của chính họ”[61].

Như vậy, nội dung chính phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hài hòa ba mặt của sự phát triển, bền vững về kinh tế, bền vững về tài nguyên môi trường và bền vững về văn hóa xã hội.

Nội hàm về phát triển bền vững được tái khẳng định ở Rio - 92 và được bổ sung, hoàn chỉnh tại Hội nghị Johannesburg - 1991: “*Phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa ba mặt của sự phát triển. Đó là: phát triển kinh tế, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường*”[17]. Ngoài ba mặt chủ yếu này, có nhiều công trình còn đề cập tới những khía cạnh khác của phát triển bền vững như chính trị, văn hóa, tinh thần, dân tộc... và đòi hỏi phải tính toán và cân đối chúng trong hoạch định các chiến lược và chính sách phát triển kinh tế- xã hội cho từng quốc gia, từng địa phương cụ thể.

*Tổng hợp các quan điểm về phát triển bền vững*

Quan điểm về phát triển bền vững của Hội đồng bền vững về môi trường và phát triển WCED (nay là Ủy ban Brundtland)[62]. Báo cáo này ghi rõ: Phát triển bền vững là *"sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai"* Quan điểm này nhận được sự đồng thuận của Nguyễn Đình Hòa, và một số học giả khác.

Quan điểm Việt Nam đã được khẳng định, đặc biệt rõ nét trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000 được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng Cộng Sản Việt Nam thông qua, theo đó chủ trương "Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hoá, bảo vệ môi trường". Đại hội VIII tiếp tục khẳng định "Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái". Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 25/ 6/1998 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã nhấn mạnh: "Bảo vệ môi trường là một nội dung cơ bản không thể tách rời trong đường lối, chủ trương và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tất cả các cấp, các ngành, là cơ sở quan trọng bảo đảm phát triển bền vững, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước". Quan điểm PTBV đã được tái khẳng định trong các văn kiện của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam và trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 là: "Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường" và "Phát triển kinh tế - xã hội gắn chặt với bảo vệ và cải thiện môi trường, bảo đảm sự hài hòa giữa môi trường nhân tạo với môi trường thiên nhiên, giữ gìn đa dạng sinh học". Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 cũng đã nhấn mạnh "Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững, phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong Chiến lược". Phát triển bền vững đã trở thành đường lối, quan điểm của Đảng và chính sách của Nhà nước.

Như vậy: Bản chất của phát triển bền vững là sự kết hợp hài hòa kinh tế xã hội môi trường. Tiêu chí để đánh giá phát triển bền vững là sự tăng trưởng kinh tế

ổn định, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường sống.

Đối với kinh tế sự phát triển bền vững thể hiện qua quá trình tăng trưởng kinh tế liên tục theo thời gian về những chỉ tiêu kinh tế, tạo sự thịnh vượng cho cộng đồng dân cư và đạt hiệu quả cho mọi hoạt động kinh tế, điều quan trọng là sức sống và sự phát triển của các doanh nghiệp được duy trì một cách lâu dài. Điều đó có nghĩa là chất lượng tăng trưởng được thể hiện qua các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế về năng suất lao động, hiệu suất đầu tư, hiệu quả sử dụng vốn,...Chất lượng tăng trưởng còn thể hiện qua cấu trúc kinh tế hay chính là cơ cấu kinh tế. Cơ cấu ngành kinh tế là tổng hợp các ngành kinh tế và mối quan hệ tỷ lệ giữa các ngành thể hiện ở vị trí và tỷ trọng của mỗi ngành trong tổng thể nền kinh tế tùy vào từng giai đoạn của phát triển kinh tế mà quản lý nhà nước hướng chủ thể tham gia thành động lực chính cho những hoạt động kinh tế: Có giai đoạn công nghiệp là chính, có những giai đoạn dịch vụ là chính, có những giai đoạn có sự kết hợp dịch vụ, công nghệ,..Ngoài ra với mục tiêu phát triển kinh tế liên tục thì những nhân tố tác động về kinh tế cần được chú trọng: Tăng trưởng về đầu tư xã hội cho sản xuất kinh doanh và dịch vụ, tăng số lượng và chất lượng quy mô hoạt động doanh nghiệp, thúc đẩy tiến bộ kỹ thuật và công nghệ, kích thích động lực lao động.

Sự phát triển bền vững về tài nguyên môi trường đòi hỏi khai thác, quản lý, sử dụng tài nguyên để đáp ứng nhu cầu hiện tại không làm tổn hại tới khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai. Điều này được thể hiện ở việc sử dụng tài nguyên một cách hợp lý, đảm bảo đa dạng sinh học, không có những tác động tiêu cực tới môi trường. Việc phát triển bền vững hoạt động kinh tế, xã hội, môi trường đều có kế hoạch, quy hoạch, và được lập theo một quy trình nhất định có sự tham gia đóng góp của nhà khoa học, người dân, nhà quản lý giảm thiểu những ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường tự nhiên. Về công nghệ, phát triển bền vững giảm thiểu tiêu thụ năng lượng hóa thạch, khuyến khích sử dụng năng lượng sạch, áp dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến nâng cao sản lượng, tái sử dụng những chất thải, ngăn ngừa khí thải, giảm thiểu những hệ lụy cho môi trường. Mối quan hệ giữa môi trường và phát triển bền vững không chỉ trong phạm vi quốc gia mà cả thế

giới đều quan tâm, với những tổ chức quốc tế như: UNESCO, WTO, UNDP với nhiều lĩnh vực, các tổ chức này phối hợp với các quốc gia, địa phương trong việc tìm hiểu diễn biến môi trường tự nhiên, trên cơ sở đó đưa ra những chương trình hành động cụ thể. Mỗi quốc gia mỗi địa phương đều có những lợi ích về kinh tế, về môi trường trong phạm vi không gian, thời gian hoạt động của quốc gia, địa phương đó, hướng những quốc gia và địa phương vào mục tiêu chung cho phát triển bền vững của toàn thế giới với những cam kết quốc gia, địa phương và nhận thức của họ trong vấn đề bảo vệ môi trường chung đang là thách thức cho những tổ chức trên.

Đối với văn hóa xã hội thì sự phát triển bền vững cần đảm bảo đem lại lợi ích lâu dài cho xã hội như tạo công ăn việc làm cho người lao động, phân chia lợi ích công bằng, góp phần nâng cao mức sống của người dân và sự ổn định xã hội, đồng thời bảo tồn các giá trị văn hóa, thừa nhận và tôn trọng những nền văn hóa khác nhau. Trong điều kiện kinh tế hiện nay, phân phối thu nhập chủ yếu dựa vào các yếu tố đầu vào, sự phân phối dựa trên năng lực, sự cống hiến, đầu tư,.. bền vững có được chỉ khi có sự công bằng xã hội. Như vậy sự phát triển bền vững từ mặt xã hội là sự phân chia thành quả kinh tế, lợi ích, dựa trên tiêu chí công bằng xã hội, người cống hiến nhiều được hưởng nhiều và ngược lại. Với công bằng xã hội phát triển bền vững mang lại gia tăng công việc cho người dân đảm bảo thu nhập, cũng như giảm tình trạng đói nghèo trong xã hội.

### ***2.1.2 Phát triển, yêu cầu và khác biệt của phát triển bền vững du lịch địa phương***

#### ***\*Phát triển bền vững du lịch***

Du lịch được coi là ngành “công nghiệp không khói” lớn nhất trên phạm vi toàn thế giới, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế của các quốc gia, bảo tồn giá trị văn hóa có tính toàn cầu cũng như có tác động đến mọi khía cạnh về tài nguyên và môi trường. Đối với ngành du lịch, môi trường mang một hàm ý rất rộng, đó là môi trường tự nhiên, kinh tế, văn hoá, chính trị và xã hội; là yếu tố rất quan trọng để tạo nên các sản phẩm du lịch đa dạng, độc đáo. Nếu không có bảo vệ môi trường sự phát triển sẽ suy giảm, nhưng nếu không có phát triển thì việc bảo vệ môi trường sẽ thất bại. Chính vì vậy, chúng ta cần phát triển du lịch nhưng không được làm tổn hại đến

tài nguyên, không làm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Hay nói một cách khác, bền vững du lịch phải là xu thế phát triển của ngành du lịch. Hiện nay chưa có sự thống nhất về bền vững du lịch, một số định nghĩa như Machado, 2003 [45] đã định nghĩa những hình thức du lịch bền vững là: "Các hình thức du lịch đáp ứng nhu cầu hiện tại của khách du lịch, ngành du lịch, và cộng đồng địa phương nhưng không ảnh hưởng tới khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau. Du lịch khả thi về kinh tế nhưng không phá huỷ tài nguyên mà tương lai của du lịch phụ thuộc vào đó, đặc biệt là môi trường tự nhiên và kết cấu xã hội của cộng đồng địa phương". Định nghĩa này tập trung vào tính bền vững của hình thức du lịch (sản phẩm du lịch), chưa đề cập một cách tổng quát tính bền vững cho toàn ngành du lịch. Theo Hội đồng Du lịch và Lữ hành Thế giới (WTTC), 1996 thì " bền vững du lịch là việc đáp ứng các nhu cầu hiện tại của du khách và vùng du lịch mà vẫn bảo đảm những khả năng đáp ứng nhu cầu cho các thế hệ du lịch tương lai" Đây là một định nghĩa ngắn gọn dựa trên định nghĩa về phát triển bền vững của UNCED. Ở Việt Nam, khái niệm phát triển bền vững du lịch còn tương đối mới, chưa có sự thống nhất về mặt khái niệm, chủ yếu về du lịch bền vững, gồm nhiều loại hình: Du lịch sinh thái, du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng,.. Mặc dù, chưa có sự thống nhất về khái niệm, nhưng thông qua các bài học kinh nghiệm và thực tiễn về phát triển bền vững du lịch ở các nước trên thế giới có thể hiểu: *"Phát triển bền vững du lịch là hoạt động khai thác có quản lý các giá trị tài nguyên tự nhiên và nhân văn nhằm thỏa mãn các nhu cầu đa dạng của khách du lịch; có quan tâm đến các lợi ích kinh tế dài hạn và đảm bảo sự đóng góp cho công tác bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên, duy trì được sự toàn vẹn về văn hóa, cho công tác bảo vệ môi trường để phát triển hoạt động du lịch trong tương lai, và góp phần nâng cao mức sống của cộng đồng địa phương"* [1]. Với cách diễn giải từ ngữ của luật du lịch ban hành 19/06/2017. về du lịch bền vững nhằm thống nhất trong văn bản về du lịch bền vững là sự phát triển du lịch đáp ứng được các nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu về du lịch của tương lai.

Kế thừa những nghiên cứu trên, phát triển bền vững du lịch được khái niệm: *" Là sự phát triển du lịch đáp ứng được các nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu về du lịch của các thế hệ tương lai."* Trong quá trình phát



triển phải đảm bảo được sự bền vững về kinh tế, bền vững về tài nguyên môi trường và bền vững về văn hóa xã hội. Bền vững về kinh tế, trong trường hợp này là sự phát triển ổn định lâu dài của du lịch, tạo ra nguồn thu đáng kể, góp phần tích cực vào sự tăng trưởng của kinh tế xã hội, đem lại lợi ích cho cộng đồng, đặc biệt người dân địa phương. Nếu không quan tâm tới lợi ích cộng đồng địa phương, thì sẽ không có lý do gì để họ bảo vệ những gì mà du khách muốn được hưởng lợi từ du lịch. Mức sống của người dân địa phương được nâng cao từ du lịch thì họ sẽ có lý do để bảo vệ nguồn thu nhập này bằng cách bảo vệ tài nguyên và môi trường, bảo vệ các giá trị văn hóa truyền thống để du khách tiếp tục tới. Chia sẻ lợi ích du lịch cũng là phương cách tích cực trong công cuộc xóa đói giảm nghèo, đem lại cơ hội nâng cao mức sống cho người dân địa phương góp phần tăng trưởng kinh tế cho những vùng còn khó khăn.

Bền vững về tài nguyên môi trường là việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên vào mục đích khai thác du lịch, không vượt quá khả năng tự phục hồi của nó, sao cho đáp ứng được nhu cầu phát triển du lịch hiện tại song không làm suy yếu khả năng tái tạo trong tương lai để đáp ứng nhu cầu của thế hệ mai sau. Hiện nay tài nguyên môi trường nói chung và tài nguyên môi trường du lịch nói riêng ở nhiều nước trên thế giới trong đó có Việt Nam đang phải chịu những tác động tiêu cực của phát triển kinh tế - xã hội và đang trong quá trình cạn kiệt và suy thoái. Đây là nguy cơ ảnh hưởng đến tính bền vững trong phát triển kinh tế - xã hội đặc biệt là du lịch, ngành có định hướng tài nguyên rõ rệt và có mối quan hệ mật thiết với môi trường. Nếu tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt không có khả năng phục hồi, các giá trị văn hóa bị hủy hoại, môi trường bị suy thoái thì chắc chắn sẽ không còn du lịch.

Sự bền vững về văn hóa là việc khai thác đáp ứng các nhu cầu phát triển du lịch hiện tại không làm tổn hại, suy thoái các giá trị văn hóa truyền thống để lại cho các thế hệ tiếp sau. Theo số liệu điều tra của Tổ chức du lịch Thế giới, hiện nay trên 80% số khách đi du lịch nhằm mục đích để hưởng thụ các giá trị văn hóa độc đáo và khác biệt với nền văn hóa của dân tộc họ. Họ bị hấp dẫn bởi các điểm du lịch có sự bổ sung giữa cảnh đẹp thiên nhiên và nền văn hóa truyền thống, gây ấn tượng mạnh và độc đáo. Du khách muốn được xem và hưởng thụ những giá trị văn hóa đích thực, sống động trong cuộc sống hàng ngày của người dân, điều này hấp dẫn hơn

hiều so với những gì tái tạo lại trong viện bảo tàng một cuộc triển lãm hay trình diễn. Vì vậy nếu các giá trị văn hóa bị hủy hoại bị biến đổi, chỉ còn tồn tại dưới dạng mô phỏng, thì khả năng thu hút du khách giảm đi rất nhiều và khả năng phát triển ngành du lịch sẽ bị hạn chế.

***Khác biệt phát triển bền vững du lịch của một địa phương cấp tỉnh và cấp quốc gia***

Mỗi vùng du lịch quốc gia là tập hợp các hệ thống lãnh thổ mà các cấp các kiểu mà nó tồn tại và phát triển, được xác định trong không gian, có quy mô lãnh thổ, nguồn tài nguyên được xác định. Đối với phạm vi quốc gia bao gồm một nhóm các tỉnh, thành phố liền một dải với nhau, có nguồn tài nguyên du lịch, nhu cầu du lịch, dân cư và lực lượng sản xuất thuộc hệ thống phân vị nhất định trong hệ thống phân vùng. Phát triển bền vững cấp quốc gia hướng tới việc giải quyết mối quan hệ giữa kinh tế xã hội và môi trường trong phạm vi tổng thể. Là việc xây dựng quy hoạch tổng thể du lịch của một vùng rộng lớn, phát huy tiềm năng thế mạnh của tài nguyên du lịch của vùng đó, xây dựng chiến lược nhân lực, chiến lược sản phẩm cho toàn vùng, mỗi một vùng là hệ thống những địa phương nhỏ, mỗi địa phương có thế mạnh về vị trí địa lý, nguồn lực phát triển, tiềm năng tài nguyên du lịch khác nhau. Vì vậy, cần kết nối các chuỗi giá trị để tạo thành những sản phẩm du lịch hấp dẫn theo từng nhóm loại hình cung cấp cho du khách. Phát triển bền vững du lịch của một địa phương, có thể là điểm du lịch, khu du lịch hay tuyến du lịch là việc phát huy tiềm năng thế mạnh của tài nguyên du lịch đặc sắc được quy hoạch, đầu tư phát triển đem lại hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường cho điểm hay khu du lịch. Như vậy, khác biệt giữa của địa phương và quốc gia là quy mô và tính chất dẫn đến công cụ sử dụng khác nhau, quốc gia mang tính định hướng và chỉ đạo, địa phương mang tính thực thi, tạo hiệu quả kinh tế xã hội và môi trường cho địa phương, chịu sự chỉ đạo của các cơ quan ngành dọc trong cơ cấu bộ máy nhà nước trung ương.

***\* Yêu cầu phát triển bền vững du lịch***

Để đạt được phát triển bền vững du lịch, [38], [39] đã nêu nên những nguyên tắc phát triển, qua đó, muốn phát triển bền vững du lịch cần thực hiện 6 yêu cầu sau:

*Yêu cầu 1:* Khai thác sử dụng nguồn lực một cách hợp lý

Nguồn lực là tổng thể vị trí địa lí, tài nguyên thiên nhiên, hệ thống tài sản quốc gia, nguồn nhân lực, đường lối chính sách, vốn và thị trường... ở cả trong nước và ngoài nước có thể khai thác nhằm phục vụ cho việc phát triển du lịch. Việc sử dụng, bảo tồn bền vững tài nguyên thiên nhiên văn hóa xã hội là hết sức cần thiết đảm bảo cho sự phát triển lâu dài, khai thác phục vụ hoạt động du lịch dựa trên sự tính toán nhu cầu hiện tại và tương lai. Ngành du lịch cần ngăn chặn sự phá hoại tới nguồn tài nguyên thiên nhiên, môi trường, nhân văn, phòng ngừa, tôn trọng nhu cầu của người dân địa phương, bảo vệ và ủng hộ việc thừa hưởng di sản văn hóa dân tộc trên thế giới, triển khai các hoạt động du lịch có trách nhiệm và đạo đức, kiên quyết bài trừ các hoạt động du lịch trái thuần phong mỹ tục.

*Yêu cầu 2:* Giảm thiểu sự tiêu thụ quá mức tài nguyên thiên nhiên

Như nước, năng lượng, sinh vật,... cần được tiêu thụ vừa đủ một mặt giúp cho việc phục hồi tài nguyên thiên nhiên, mặt khác giảm chất thải ra môi trường sẽ tránh nhiều phí tổn cho việc hồi phục môi trường, góp phần tăng chất lượng của sản phẩm du lịch. Để thực hiện được yêu cầu này ngành du lịch cần phải khuyến khích việc tiêu thụ không đúng đắn của du khách, ưu tiên việc sử dụng các nguồn lực địa phương, hỗ trợ, đầu tư cơ sở hạ tầng cho địa phương, các dự án tái chế rác thải, có trách nhiệm phục hồi tổn thất qua công tác quy hoạch du lịch tạo ra.

*Yêu cầu 3:* Duy trì tính đa dạng của thiên nhiên, xã hội và nhân văn.

Việc duy trì này là cốt yếu của phát triển bền vững lâu dài, là chỗ dựa sinh tồn của ngành du lịch. Yêu cầu này ngành du lịch cần phải trân trọng tính đa dạng của thiên nhiên, xã hội, môi trường của điểm đến, đảm bảo nhịp độ, quy mô và loại hình phát triển du lịch, để bảo vệ tính đa dạng của văn hóa địa phương. Phòng ngừa tôn trọng sức chứa của mỗi vùng, giám sát chặt chẽ các hoạt động du lịch đối với động thực vật, lồng ghép các hoạt động du lịch vào các hoạt động của cộng đồng dân cư, ngăn ngừa sự thay thế các ngành nghề truyền thống lâu đời bằng các ngành nghề hiện đại, khuyến khích các đặc tính riêng của từng vùng, từng miền.

*Yêu cầu 4:* Phát triển du lịch đặt trong quy hoạch tổng thể của kinh tế xã hội.

Sự tồn tại lâu dài của ngành du lịch phải nằm trong khuôn khổ chiến lược của quốc gia, vùng, địa phương về kinh tế, xã hội. Để đảm bảo sự phát triển, ngành du lịch cần phải tính tới nhu cầu trước mắt của cả người dân và du khách, trong quy hoạch cần phải thống nhất các mặt kinh tế xã hội, môi trường, tôn trọng chiến lược của quốc gia, vùng, lãnh thổ, địa phương, phát triển ngành lồng ghép trong chiến lược chung, lấy chiến lược tổng thể làm định hướng phát triển cho toàn ngành.

*Yêu cầu 5:* Lôi kéo sự tham gia của cộng đồng địa phương vào phát triển bền vững du lịch hỗ trợ kinh tế cho địa phương, vừa đảm bảo chất lượng của sản phẩm, vừa mang lại tính đa dạng cho sản phẩm, phát triển bền vững không phải chỉ riêng nó mà kéo theo nhiều lĩnh vực khác, Muốn thế cơ quan quản lý du lịch phải tôn trọng nhu cầu và nguyện vọng của cộng đồng địa phương, ủng hộ quan điểm cộng đồng địa phương trong phát triển của chính họ, khuyến khích họ tham gia vào các dự án, các hoạt động cho phát triển bền vững du lịch.

*Yêu cầu 6:* Chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực: Trong tất cả các ngành nghề, ngành nào con người luôn là trung tâm, ngành du lịch, với phát triển bền vững du lịch lại càng cần thiết. Trong khâu tuyển dụng, chú ý nguồn nhân lực địa phương, chú trọng trong đào tạo chuyên môn, cần lồng ghép các vấn đề môi trường, xã hội. Trong công tác đào tạo, nâng cao nhận thức cho cán bộ, học sinh, người dân tham gia vào hoạt động du lịch về bản sắc văn hóa, sứ điệp đạo sản phẩm văn hóa tại địa phương.

### ***2.1.3 Vai trò của phát triển bền vững du lịch của một địa phương cấp tỉnh***

#### ***Vai trò đối với kinh tế***

Du lịch đã trở thành một nhu cầu không thể thiếu được trong đời sống văn hóa, xã hội ở các nước không chỉ sử dụng các nguồn tài nguyên của quốc gia, địa phương mà còn tác động đến sự phát triển của quốc gia, địa phương đó. Về mặt kinh tế, du lịch đã trở thành một trong những ngành kinh tế quan trọng của đóng góp vào kinh tế của các địa phương, qua những ý sau:

*Bền vững du lịch làm tăng nguồn thu ngân sách địa phương phát triển du lịch*

Hoạt động kinh tế phụ thuộc nhiều vào dự trữ tài nguyên của quốc gia, khu vực và từng địa phương, tài nguyên du lịch là yếu tố chủ yếu quyết định phát triển ngành du lịch của quốc gia và địa phương đó. Hoạt động du lịch phát triển, có thể tham gia vào nhiều khía cạnh của nguồn thu cho ngân sách nhà nước cũng như nguồn ngân sách cho địa phương từ các khoản như thuế sử dụng tài nguyên thiên nhiên cho phát triển du lịch, thuế đất, phí thu trong khu du lịch... Nên việc phát triển các loại hình du lịch bền vững sử dụng nhiều tài nguyên thiên nhiên không những chỉ tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước, địa phương, doanh nghiệp du lịch mà còn giúp cho những gia đình tham gia vào chuỗi mắt xích của phát triển bền vững du lịch.

*Du lịch khuyến khích, thu hút vốn đầu tư trong nước cũng như nước ngoài.*

Đầu tư là hoạt động sử dụng tiền vốn tài nguyên trong một thời gian tương đối dài nhằm thu được lợi nhuận hoặc các lợi ích kinh tế xã hội, bản chất là sự phân bổ nguồn tài nguyên thành vốn cố định, nhờ đó làm hoạt động sản xuất tăng thêm. Đầu tư cơ sở hạ tầng thường gắn bó chặt chẽ với nhu cầu nói chung của nền kinh tế quốc dân. Trong đó đầu tư vào cơ sở hạ tầng như giao thông, các trung tâm du lịch, cơ sở đào tạo,..thường do chính phủ các quốc gia tiến hành vì lợi ích cuối cùng mang tính xã hội và phi thương mại. Ngành du lịch phát triển, dịch vụ du lịch phát triển mang tới cơ hội đạt được lợi nhuận kỳ vọng cho cá nhân và tổ chức trong ngành cao, đầu tư được tăng lên mang lại thu nhập cho cá nhân tổ chức và thu nhập cho người dân, góp phần tăng GDP của địa phương và vùng đó.

*Du lịch góp phần giải quyết việc làm nâng cao thu nhập cho nhân dân địa phương.*

Du lịch với tính chất là ngành kinh tế tổng hợp mang tính liên ngành, liên vùng và xã hội hóa cao, du lịch sử dụng nhiều loại hình lao động, du lịch phát triển sẽ tạo nhiều công ăn việc làm cho lao động cho địa phương, lao động phổ thông, lao động chuyên nghiệp, lao động thời vụ,.. góp phần từng bước nâng cao tích lũy và chuyển dịch cơ cấu kinh tế hiện nay. Tạo công ăn việc làm, nâng cao dân trí, phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn, làm thay đổi cơ cấu kinh tế và lao động trong nông thôn theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ của kinh tế địa phương.

*Du lịch là một ngành kinh tế không chỉ mang lại việc làm cho nhiều phụ nữ mà còn mang lại nhiều cơ hội to lớn vì sự tiến bộ của phụ nữ*

Du lịch làm giảm quá trình đô thị hóa ở các nước có nền kinh tế phát triển. Hiện nay tốc độ đô thị hóa tại các nước phát triển là rất lớn, do công nghiệp đang là thế mạnh, ngành du lịch lại là ngành đem lại hiệu quả cao nên việc xây dựng các khu du lịch, cơ sở hạ tầng hiện đại phù hợp với sự phát triển là điều tất yếu, giải quyết bài toán nhân lực cho địa phương. Những loại hình du lịch bền vững được sự quan tâm phát triển tại địa phương, giúp sự tập trung dân cư không đồng đều được giảm hẳn. Nguồn nhân lực có trong độ tuổi phát triển, có kỹ năng lao động tốt thường tập trung tại khu công nghiệp, đô thị lớn, phần đa tại địa phương là phụ nữ, có trình độ trung bình, nên khi phát triển loại hình du lịch bền vững là giúp cho quá trình cải thiện việc làm, thông qua giao tiếp cọ sát với khách du lịch giúp cho tiến bộ cho phụ nữ tăng thêm.

#### ***Vai trò đối với xã hội***

*Tăng cường giao lưu văn hóa, ngôn ngữ, hành vi:* Giao lưu văn hóa là hoạt động diễn ra tự nhiên, tuy nhiên thông qua hoạt động du lịch, con người có nhiều cơ hội tiếp xúc với nhau, giúp cho sự hiểu biết nhau về những nền văn hóa, ngôn ngữ khác cũng như những hành vi của người dân địa phương với du khách, của dân tộc này với dân tộc khác.

*Nâng cao nhận thức văn hóa xã hội:* Cùng với nhịp độ phát triển kinh tế là việc giao lưu trao đổi văn hóa giữa địa phương và khách du lịch tăng lên, văn hóa của địa phương được cọ sát, có quá trình sàng lọc, không những góp phần làm phong phú thêm bản sắc văn hóa xã hội mà nâng cao nhận thức văn hóa của mỗi địa phương, các hoạt động văn hóa năng động và linh hoạt hơn trong cơ chế thị trường. Các tác động từ hoạt động du lịch là vòng quay gần như khép kín, khách du lịch tới một điểm nào đó mang theo thuần phong mỹ tục của họ, giúp cho địa phương nơi có điểm du lịch tăng thu nhập, tăng giao lưu văn hóa,..nhận thức xã hội được tăng lên.

*Nâng cao văn minh xã hội:* Môi trường văn hóa xã hội những vấn đề tác động trực tiếp tới du lịch được nâng lên trong đó văn minh xã hội, văn hóa giao thông, văn minh thương mại,.. bộ mặt khu du lịch được thay đổi theo chiều hướng tốt. Những vấn đề như thái độ ứng xử của cộng đồng dân cư, với du khách, ứng xử

của du khách với dân bản địa,..những hành vi không tốt trong kinh doanh, như đạo đức nghề nghiệp của lái xe, tiểu thương,.. tại các điểm du lịch qua quá trình sàng lọc sẽ tốt hơn, không nhằm thu hút khách du lịch và phát triển du lịch mà trong quá trình phát triển du lịch nếu không thích ứng những hành vi đó sẽ bị loại bỏ.

*Nâng cao vai trò phụ nữ:* Vai trò phụ nữ theo có hai mặt quan trọng đối với xã hội và quản lý gia đình chăm lo mọi việc. Người phụ nữ của thời hiện đại càng không thể tách rời thực tế gia đình và xã hội. Chính tại môi trường du lịch, người phụ nữ mới thể hiện, thực hiện được vai trò của mình. Điều cần làm để gia đình và xã hội tạo được những điều kiện thuận lợi nhất cho phụ nữ phát huy được khả năng của họ. Phát triển bền vững du lịch giúp người phụ nữ có công việc ổn định để đảm bảo cuộc sống, có cơ hội học tập nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn, tham gia ngày càng nhiều hơn vào các hoạt động xã hội, các đoàn thể, câu lạc bộ, có thời gian hưởng thụ văn hóa, văn nghệ, chăm sóc sức khỏe, làm đẹp cho bản thân.

*Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa địa phương:* Bền vững du lịch góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, thông qua việc tạo ra thu nhập, nguồn thu ngoại tệ,.. đóng góp trực tiếp hay gián tiếp cho các khu bảo tồn, khu du lịch. Mặt khác du lịch giúp cho những sản phẩm văn hóa có cơ hội giao lưu với những nền văn hóa khác, khôi phục niềm tin, tự hào, giúp cho việc bảo tồn tính đa dạng văn hóa. Du lịch tạo ra chất xúc tác để phát huy và mở rộng các vùng văn hóa liên quan, như văn hóa nghệ thuật, ngành nghề thủ công tại địa phương...góp phần đa dạng sản phẩm du lịch, đa dạng dịch vụ cung cấp nhu cầu của du khách.

#### ***Vai trò đối với môi trường***

*Bảo tồn tài nguyên tự nhiên:* Một nguyên tắc cơ bản của phát triển bền vững du lịch khai thác sử dụng tài nguyên một cách hợp lý, duy trì chất lượng các nguồn di sản, các nguồn tài nguyên tự nhiên cho thế hệ mai sau, các di sản này bao gồm động vật, thực vật, cảnh quan, cảnh đẹp, những di sản này thường đi kèm với di sản văn hóa. Nhờ sự hấp dẫn này mà các tài nguyên du lịch được bảo vệ và quy hoạch thành các địa điểm du lịch hay các vườn quốc gia, khu bảo tồn.

*Đánh giá đúng đắn với môi trường:* Đánh giá môi trường là việc phân tích, dự báo ảnh hưởng các tác động về môi trường và xã hội của các dự án, quy hoạch phát

triển của cơ sở sản xuất kinh doanh, công trình kinh tế, khoa học kỹ thuật,...nhằm đề xuất những biện pháp thích hợp để bảo vệ môi trường. Đối với du lịch, hoạt động du lịch gây ra nhiều tác động tới môi trường, tác động có thể tốt, có thể xấu. Việc đánh giá đúng đắn tác động môi trường giúp cho những cơ quan quản lý ra quyết định chủ động lựa chọn những phương án tối ưu về kinh tế, kỹ thuật an toàn trong bất cứ một tình huống nào của môi trường xảy ra.

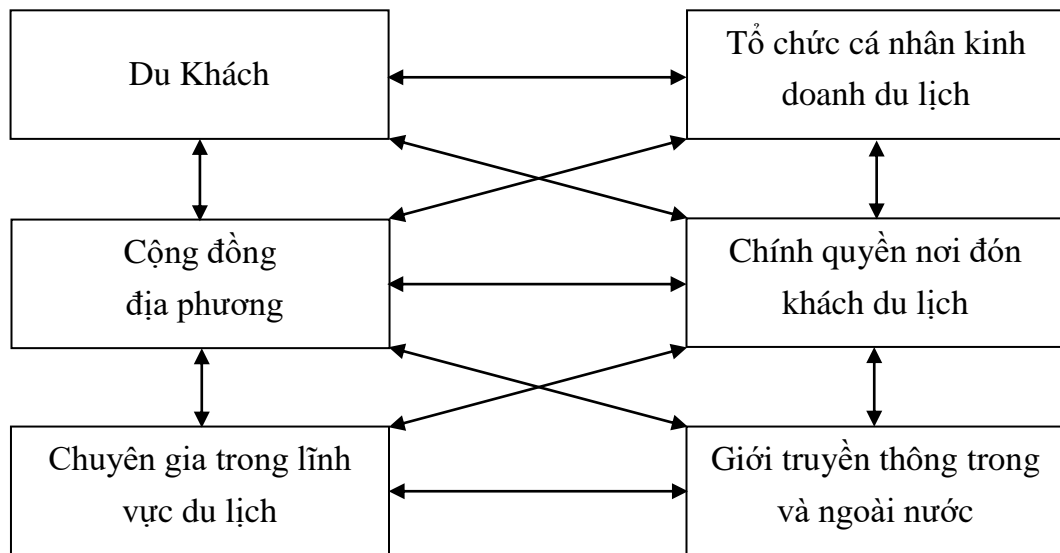
*Quan tâm và phục hồi những khu vực bị xuống cấp:* Phát triển bền vững du lịch quan tâm và phục hồi những khu vực có tài nguyên đang bị xuống cấp do sự khai thác quá mức của con người cũng như phong hóa của tự nhiên đang diễn ra thường xuyên. Do du lịch và môi trường có mối quan hệ qua lại, các hoạt động của du lịch có mối quan hệ mật thiết với môi trường, khai thác tiềm năng của môi trường tự nhiên, các giá trị văn hóa, tính đa dạng của môi trường gắn liền với hoạt động du lịch. Đối với môi trường, những loại hình du lịch bền vững rất phù hợp giảm sự suy thoái, một số tài nguyên phục hồi giúp cho sự phát triển mang lại hiệu quả bền vững.

*Có kế hoạch quản lý hiệu quả:* Phát triển bền vững du lịch có quy hoạch, kế hoạch giúp cho việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên tái tạo và không tái tạo một cách hợp lý không vượt quá khả năng tự phục hồi và phải duy trì thậm chí tăng lên để phục vụ nhu cầu tương lai. Việc phát triển du lịch có quy hoạch giúp cho quá trình suy thoái môi trường tại các quốc gia đang phát triển giảm, phá rừng và sa mạc hóa của tự nhiên chậm lại, độ phì nhiêu của nhiều vùng lãnh thổ đang có nguy cơ thoái hóa do rửa trôi, chua mặn,...được giảm nhanh chóng.

#### ***2.1.4 Các bên tham gia trong phát triển bền vững du lịch của một địa phương cấp tỉnh.***

Phát triển bền vững du lịch là sự kết hợp hài hòa và tương tác qua lại của những nhóm nhân tố sau: Chính quyền, tổ chức cá nhân kinh doanh du lịch, khách du lịch, cộng đồng dân cư địa phương, chuyên gia trong lĩnh vực du lịch, giới truyền thông trong và ngoài nước.





**Hình 2.1: Các bên tham gia trong phát triển bền vững du lịch**

**Chính quyền:** Bao gồm chính quyền trung ương và địa phương.

Chính quyền trung ương với các định hướng về mặt thể chế, chính sách, luật pháp, quyết định thu chi nhà nước, thu thuế, chi tiêu,.. của chính phủ tác động tới tất cả các ngành nghề có cả ngành du lịch. Việc ban hành những định hướng về chính sách và điều chỉnh những công cụ quản lý nhà nước nói chung và cho ngành du lịch nói riêng dựa trên hiến pháp, đặc điểm kinh tế vĩ mô của mỗi quốc gia cũng như của mỗi vùng, cộng đồng mỗi địa phương khác nhau, đặc điểm thị trường của mỗi ngành mà có định hướng không giống nhau. Những chính sách mới, linh hoạt với từng tình hình của mỗi quốc gia, của mỗi giai đoạn kinh tế xã hội góp phần đáng kể vào sự thành công không chỉ riêng cho ngành du lịch. Chính sách du lịch và công cụ là tổng thể các quan điểm, các biện pháp mà nhà nước (Trung ương và địa phương) tác động vào quá trình hình thành, hoạt động phát triển du lịch nhằm đạt được các mục tiêu đề ra trong những giai đoạn nhất định. Chính quyền có tác động tới nhiều ngành nghề, trực tiếp và gián tiếp tới phát triển bền vững du lịch, từ việc xây dựng chính sách dài hạn hay ngắn hạn cho ngành du lịch, quản lý bằng hệ thống pháp luật cho đến những quy định của ngành nghề với những công cụ quản lý như quy hoạch, sức chứa,..., từ tuyên truyền nhận thức du lịch, nâng cao nhận thức du lịch, khuyến khích cho cộng đồng địa phương tham gia làm du lịch.

Chính quyền địa phương: Là cơ quan đại diện quản lý nhà nước du lịch tại nơi có không gian du lịch. Cơ quan quản lý ngành du lịch hoạt động theo những nguyên tắc nhất định, thực thi những chính sách và văn bản pháp luật ban hành, thanh tra kiểm tra quy chế, quy chuẩn, quy trình quy phạm của hoạt động du lịch, thông qua công cụ quản lý, những kết quả phản ánh từ thị trường du lịch, cung cầu du lịch, những mặt được và không được của địa phương từ đó có những kiến nghị điều chỉnh lại những văn bản luật sao cho phù hợp với điều kiện thực tế. Với chính quyền địa phương chủ yếu thực thi những chính sách bằng các công cụ quản lý nhà nước.

Ngoài việc xây dựng chiến lược, xây dựng tổ chức bộ máy và quản lý phát triển du lịch, thì công tác thanh tra du lịch, biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội; xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc vững mạnh; an toàn cho du khách khi đi du lịch, chủ động thực hiện biện pháp phòng ngừa và chống tội phạm, các tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác,... được thực hiện thường xuyên và liên tục. Điểm tham quan du lịch của địa phương sẽ tạo ra những ấn tượng sâu sắc và hình ảnh đẹp trong tâm trí khách du lịch.

**Cộng đồng dân cư địa phương:** Một trong những đối tượng cơ bản của kinh tế xã hội, là căn cứ cho việc hoạch định chính sách vĩ mô của nhà nước cho phát triển kinh tế nói chung và cho từng ngành nói riêng. Đặc điểm chung của dân cư là sự tập trung không đồng đều, mật độ tập trung khá cao tại các thành phố, ven sông, biển và nơi có hoạt động kinh tế lâu đời, nơi có điều kiện cơ sở hạ tầng tốt hơn so với mặt bằng chung, nơi có tài nguyên thiên nhiên dễ khai thác. Đối lập lại là sự thưa thớt nơi có địa hình phức tạp, nơi điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, nơi không thuận tiện giao thông, nơi cơ sở hạ tầng kém phát triển

Cộng đồng dân cư đóng vai trò quan trọng, có liên quan tới nhiều thành phần và sự thành công cho phát triển bền vững du lịch, sự ảnh hưởng giữa cộng đồng địa phương tới đặc điểm của cộng đồng địa phương, mỗi vùng miền có những đặc điểm khác nhau, do quá trình sống tạo nên, thông qua đó, các chủ thể có thể kiến tạo, về chính quyền giúp mang lợi ích cho người dân địa phương, đem lại mức sống cao hơn, bao gồm cả việc cải tạo cơ sở hạ tầng, cải thiện điều kiện y tế, giao thông, xây dựng các cơ sở thể thao và giải trí, các nhà hàng mới, đồng thời có được nhiều loại

hàng hóa, thức ăn với chất lượng cao hơn,..Kết quả đó mang lại lợi ích hay không lợi ích, là cơ sở cho sự điều chỉnh những quy phạm pháp luật đã ban hành.

**Tổ chức kinh doanh dịch vụ du lịch:** Có nhiều khái niệm về hoạt động kinh doanh du lịch. Trong định nghĩa của giáo trình Du lịch[19] kinh doanh du lịch bao gồm các tổ chức hướng dẫn du lịch, sản xuất, trao đổi hàng hóa và dịch vụ của những doanh nghiệp nhằm đáp ứng các nhu cầu về đi lại, lưu trú, ăn uống, tham quan, giải trí, tìm hiểu và nhu cầu khác của khách du lịch. Các hoạt động đó phải đem lại lợi ích kinh tế, chính trị, xã hội thiết thực cho nước làm du lịch và bản thân doanh nghiệp.

Theo Luật du lịch ban hành 2017, Điều 38. Kinh doanh du lịch là kinh doanh dịch vụ, bao gồm các ngành, nghề sau đây: Kinh doanh lữ hành; Kinh doanh lưu trú du lịch; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch; Kinh doanh phát triển khu du lịch, điểm du lịch; Kinh doanh dịch vụ du lịch khác. Như vậy hoạt động kinh doanh du lịch là một hoạt động có nhiều đặc thù gồm nhiều thành phần tham gia, tạo nên một tổng thể hết sức phức tạp, hoạt động kinh doanh vừa có đặc điểm của ngành kinh tế, lại có đặc điểm của ngành văn hóa xã hội. Thực tế hoạt động kinh doanh mang lại cả lợi ích về kinh tế, xã hội. Do đó các nhà cung ứng đơn lẻ tại một điểm đến du lịch phải liên kết nhau để tạo ra sản phẩm du lịch hoàn chỉnh để cung cấp cho khách du lịch. Sản phẩm du lịch có thể tạo ra hình ảnh điểm đến du lịch và cung ứng du lịch đại diện cho điểm đến đó. Sản phẩm du lịch được tạo ra do sự kết hợp những dịch vụ và phương tiện vật chất trên cơ sở khai thác các tài nguyên du lịch. Do đó, để có hoạt động du lịch phải khai thác các tài nguyên du lịch. Tài nguyên du lịch không chỉ là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố văn hoá lịch sử mà nó là kết hợp của cảnh quan thiên nhiên yếu tố văn hoá lịch sử với thành quả lao động sáng tạo của con người.

**Du khách:** Có nhiều khái niệm về du khách, có thể hiểu “*Khách du lịch là những người hay tổ chức bỏ tiền ra để thỏa mãn nhu cầu của họ ở một loại hình du lịch nào đó*”. Nên đôi khi họ chỉ quan tâm tới chất lượng môi trường, chất lượng sản phẩm mà nhà cung ứng cung cấp cho họ. Họ là nguồn thu của tất cả sản phẩm du lịch cũng như kết quả sau cùng mà hoạt động phát triển bền vững du lịch hướng tới. Những du khách mang những nền văn hóa khác nhau tới khu du lịch, điểm du lịch

tương tác với sản phẩm du lịch tại địa phương. Có nhiều loại khách, tùy theo hình thức phân loại mà ta có những loại khách nhất định, theo nguồn gốc dân tộc, có khách châu Á, châu Phi, theo mục đích chuyến đi có khách nghỉ dưỡng, tham quan,... Hoạt động du lịch diễn ra có nhiều tương tác qua lại giữa du khách với 3 chủ thể còn lại. Tùy những trường hợp nhất định mà có những ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực tới các chủ thể.

**Giới truyền thông trong và ngoài nước:** Trong thời gian gần đây, với sự bùng nổ thông tin trên toàn thế giới, khái niệm Quyền lực mềm (Soft Power) giáo sư người Mỹ Joseph Samuel Nye, Jr. ở đại học Harvard đưa ra lần đầu tiên trong một quyển sách phát hành năm 1990, Bound to Lead: The Changing Nature of American Power[54]. Hiểu đơn giản quyền lực mềm là dùng sức ảnh hưởng, sự cuốn hút của một chủ thể (một người, một nhóm, một cộng đồng...) tác động tới tư duy, hành động, hệ giá trị nào của đối tượng khác, khiến họ bị lôi cuốn theo một cách tự nguyện. Truyền thông là một trong những công cụ của quyền lực mềm đó với những phương tiện như tivi, internet, quảng bá,.. Du lịch với tính chất là ngành kinh tế tổng hợp, có tính xã hội hóa cao nên vị trí, vai trò của truyền thông lại càng trở lên quan trọng hơn trong việc quảng bá sản phẩm, định hướng tiêu dùng và điều chỉnh hành vi của các bên liên quan trong lĩnh vực du lịch, trong việc quảng bá sức hấp dẫn của điểm đến và sản phẩm, dịch vụ du lịch cụ thể; Truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của những người tham gia vào việc chuỗi cung cấp các dịch vụ của ngành du lịch, của cộng đồng dân cư tại điểm đến nhằm tạo ra nhân lực làm du lịch chuyên nghiệp, cộng đồng dân cư thân thiện, hiếu khách, tạo ấn tượng, sự thiện cảm và hài lòng cho du khách; Truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, tạo dựng hình ảnh du khách Việt văn minh, lịch sự khi đi du lịch trong và ngoài nước. Như vậy, có thể thấy vai trò to lớn của giới truyền thông được xác lập trong những lĩnh vực lớn không chỉ mỗi quốc gia và từng ngành, từng vực.

**Chuyên gia trong lĩnh vực du lịch:** Chuyên gia du lịch là thuật ngữ chỉ về những người được đào tạo theo hướng chuyên sâu và có kinh nghiệm thực hành công việc có kỹ năng thực tiễn, lý luận về lĩnh vực du lịch hoặc có hiểu biết vượt trội so với mặt bằng kiến thức chung, thông qua họ gia tăng sức ảnh hưởng đối với

người tiêu dùng, các doanh nghiệp, cơ quan quản lý trong lĩnh vực du lịch, đặc biệt những lĩnh vực mà người tiêu dùng rất tin vào marketing truyền miệng vào hệ thống thông tin Internet hiện nay.

## **2.2 Mô hình phát triển bền vững du lịch và nội dung phát triển bền vững du lịch của một địa phương cấp tỉnh**

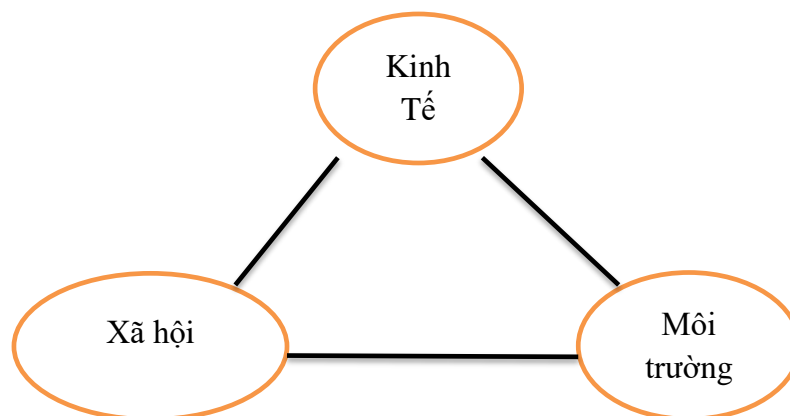
### **2.2.1 Mô hình phát triển bền vững du lịch**

Có nhiều mô hình phát triển bền vững du lịch, nghiên cứu tập trung vào mô hình phát triển bền vững cơ bản, mô hình đại diện phát triển du lịch dựa trên ba trụ cột và mô hình bền vững du lịch mô phỏng kim cương của M.Porter(2008).

#### ***Mô hình bền vững cơ bản***

Được sử dụng rộng rãi trong các ấn phẩm về phát triển bền vững thời gian qua là mô hình “ba trụ cột” do đều được xây dựng dựa trên ba trụ cột của phát triển bền vững là: Tăng trưởng kinh tế, công bằng xã hội và bền vững về môi trường, nhấn mạnh vào sự ràng buộc, chi phối và tác động thuận nghịch giữa ba thành tố: Mục tiêu kinh tế, mục tiêu xã hội và mục tiêu môi trường để phát triển bền vững.

Mục tiêu môi trường: bảo vệ bầu khí quyển, mang lại cuộc sống lành mạnh, giữ gìn chủng loài và đảm bảo sự đa dạng của thiên nhiên, sử dụng bền vững những tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên khoáng sản.



**Hình 2.2: Mô hình phát triển bền vững cơ bản**

Mục tiêu về kinh tế: Đảm bảo sự phát triển và những yêu cơ bản về các sản phẩm bền vững, ổn định giá cả, hạn chế việc tập trung kinh tế ở mức độ cao, cân

bằng cán cân ngoại thương trong phát triển, đảm bảo ngân quỹ quốc gia trong việc gìn giữ hàng hóa và phân phối thu nhập một cách công bằng.

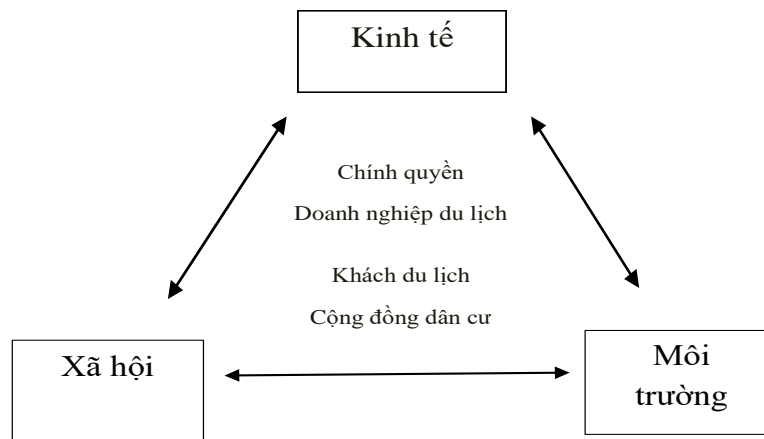
Mục tiêu xã hội: Là việc an toàn trong xã hội, đói nghèo được hạn chế tới mức tối đa, đảm bảo an ninh trong và ngoài nước, bảo vệ sức khỏe và quyền con người được nâng cao.

### ***Mô hình phát triển bền vững du lịch***

Nhiều tác giả đưa ra mô hình phát triển bền vững du lịch như Jacobs và Sadler, 1990. Phạm Trung Lương (2002) những tác giả đều cho rằng mô hình phát triển du lịch bền vững gồm có những nhân tố chính quyền, doanh nghiệp, du khách và cộng đồng dân cư bị tác động bởi 3 trụ cột: Kinh tế, xã hội và môi trường:

Trong mô hình này không phân biệt trụ cột của tam giác bền vững, mỗi thời điểm phát triển có thể đồng thời thực hiện cả 3 trụ cột. Trong 3 trụ cột chính của tam giác bền vững với 4 tác nhân quan trọng là chính quyền, doanh nghiệp du lịch, cộng đồng dân cư và du khách có mối quan hệ cộng sinh và không thể tách rời, trong mối quan hệ này, chính quyền với vai trò định hướng giám sát, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư có vai trò thực thi một cách sáng tạo và có hiệu quả, du khách chi trả cho những dịch vụ mà doanh nghiệp người dân tạo ra

Trong mô hình này, sự cộng sinh giữa cộng đồng dân cư, doanh nghiệp với chính quyền được hiểu là sự đảm bảo vai trò, công việc của mỗi bộ phận cấu thành. Chính quyền đảm công việc hành chính, an ninh trật tự, xây dựng cơ sở hạ tầng, những dịch vụ công ích đáp ứng nhu cầu phát triển của kinh tế và của ngành du lịch,..Doanh nghiệp và cộng đồng địa phương đảm bảo cầu nối và cung cấp những dịch vụ phù hợp với nhu cầu của du khách, khi nhu cầu gia tăng dẫn tới kích thích ngành nghề khác phát triển theo, như dịch vụ, sản xuất, chế biến, tạo thêm việc làm,..tác động tới quá trình lưu thông và tái sản xuất xã hội



**Hình 2.3: Mô hình phát triển bền vững du lịch của Jacobs và Sadler,1990**

Trong các mô hình trên có thể khác nhau về phương pháp tiếp cận nhưng đều thống nhất các quan niệm chung về phát triển bền vững.

*Phát triển bền vững về kinh tế:* Một hệ thống về kinh tế hàng hóa, dịch vụ liên tục, với mức độ kiểm soát vĩ mô của chính phủ, tránh sự mất cân đối giữa các khu vực, ngành nghề làm ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ.

*Phát triển bền vững về xã hội:* Một hệ thống bền vững về xã hội phải đạt được sự công bằng trong phân phối, cung cấp đầy đủ các dịch vụ xã hội bao gồm, y tế, giáo dục, bình đẳng giới, sự tham gia và trách nhiệm chính trị của mọi công dân.

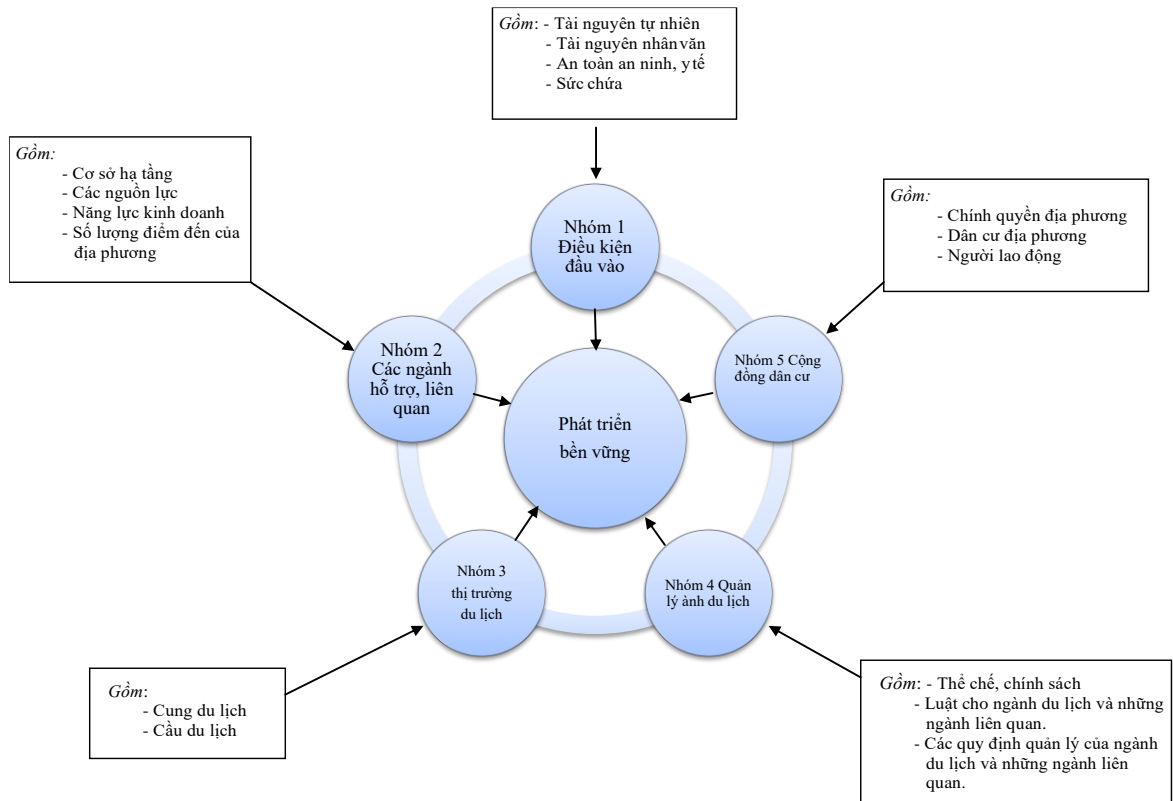
*Phát triển bền vững về môi trường:* Một hệ thống bền vững về môi trường phải duy trì nền tảng nguồn lực ổn định, tránh khai thác quá mức các hệ thống nguồn lực tái sinh hay những vận động tiềm ẩn của môi trường và việc khai thác các nguồn lực không tái tại không vượt quá mức độ đầu tư cho sự thay thế một cách đầy đủ.

*Mô hình phát triển bền vững du lịch dựa theo mô hình kim cương của M.Porter (2008):* Mô hình dựa trên 5 nhóm yếu tố cơ bản tác động tới phát triển bền vững du lịch, được diễn tả trong hình 2.4

### **Nhóm 1: Các điều kiện đầu vào**

*Nguồn tài nguyên tự nhiên:* Những thuộc tính của tự nhiên như địa hình, địa mạo, khí hậu, thủy văn,..tạo nên sự hấp dẫn, độc đáo của điểm đến du lịch. Tài nguyên tự nhiên thì nhiều nhưng tài nguyên du lịch phải có những yêu cầu như giá trị thẩm mỹ, lịch sử,.. Mỗi loại hình du lịch thường gắn với một hay nhiều loại tài nguyên du lịch, nó

là tiền đề cho phát triển du lịch, nhất là những loại hình du lịch bền vững. Tài nguyên du lịch càng phong phú và đặc sắc thì sức hấp dẫn với du khách càng cao.



**Hình 2.4: Mô hình phát triển bền vững dựa theo mô hình kim cương của M.Porter(2008)**

*Tài nguyên du lịch nhân văn* : Tài nguyên du lịch nhân văn do con người tạo ra và chịu sự tác động của thời gian, thiên nhiên, con người. So với tài nguyên tự nhiên nó dễ bị suy thoái, không có khả năng tự phục hồi ngay cả khi không có sự tác động của con người, những di tích lịch sử, văn hóa, vũ khúc, lễ hội.

*An toàn an ninh, y tế*: Các hình thức gây nguy hiểm du khách, an toàn cho thực phẩm, cần thiết cho sức khỏe là yếu tố cần thiết cho phát triển du lịch. Những điểm đến đảm bảo được sự an toàn trong sinh hoạt, quản lý chặt chẽ an toàn thực phẩm và sự chăm sóc của ngành y tế địa phương rất quan trọng cho sự phát triển bền vững du lịch.

*Sức chứa*: Đây là công cụ hữu hiệu để quản lý điểm du lịch, là một giá trị định lượng giới hạn khả thi của một điểm đến với tổng sức tải số du khách mà điểm



đến có thể đáp ứng. Sức chứa phản ánh khả năng chịu đựng của môi trường tự nhiên, kinh tế và xã hội. Vì thế sức chứa du khách không phải theo xu thế ngày một tốt hơn mà phải là phù hợp hơn.

### **Nhóm 2: Hỗ trợ và liên quan**

*Cơ sở hạ tầng:* Bao gồm những công trình, dịch vụ hỗ trợ các hoạt động cho phát triển bền vững du lịch, như hệ thống giao thông, hệ thống thông tin, các dịch vụ công cộng.

*Các điều kiện về nguồn lực:* Điều kiện về con người, lao động, tài chính,.. phục vụ cho ngành du lịch từ trung ương tới địa phương, nhằm đáp ứng và đảm bảo cung cấp liên tục và dài hạn cho ngành du lịch.

*Năng lực kinh doanh của doanh nghiệp:* Tài năng kinh doanh của doanh nghiệp du lịch thể hiện qua sức sáng tạo, quản lý cũng như cạnh tranh trên thị trường nhằm thu hút khách du lịch, tạo nguồn thu cho địa phương ảnh hưởng tới phát triển bền vững du lịch tại địa phương.

*Số lượng các điểm du lịch:* Khả năng cung cấp những điểm du lịch chất lượng, có khả năng cạnh tranh không những cho một vùng hay một quốc gia ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp lữ hành, dẫn tới ảnh hưởng tới hiệu quả của ngành du lịch.

### **Nhóm 3: Thị trường du lịch**

Thị trường du lịch có quyết định lớn tới phát triển bền vững, sự phát triển hay thu hẹp của thị trường du lịch dẫn đến sự thay đổi cung du lịch, cầu du lịch có tác động tới kinh tế, xã hội, môi trường.

*Nhu cầu du lịch:* Cầu du lịch là số lượng hàng hoá và dịch vụ mà con người mua và tiêu dùng trong quá trình đi du lịch được giới hạn trong một phạm vi không gian và thời gian nhất định.

*Cung du lịch:* Tổng hợp toàn bộ các hàng hoá và dịch vụ cung ứng, vừa là khái niệm biểu hiện cung của từng lĩnh vực riêng biệt trong kinh doanh du lịch như cung ứng dịch vụ lưu trú, vận chuyển, chương trình du lịch... Mối quan hệ giữa cung du lịch và cầu du lịch; Đây là mối quan hệ cơ bản của thị trường du lịch. Mối quan hệ này

được thực hiện thông qua vai trò xúc tác của giá cả hàng hoá và dịch vụ du lịch, đồng thời nó cũng ảnh hưởng tới giá cả thị trường khi cung lớn thì giá rẻ, khi cung nhỏ hơn cầu thì giá tăng.

#### **Nhóm 4: Khuôn khổ pháp lý**

Các luật cho ngành du lịch và những ngành liên quan: Môi trường pháp luật gồm các luật lệ các quy định của các cơ quan Nhà nước tới các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực có ngành du lịch, đó là hệ thống pháp luật được xây dựng trên những nền tảng định hướng của Nhà nước, có ảnh hưởng tới tất cả các tổ chức và nhân dân.

Chính sách cho phát triển du lịch: Những công cụ của nhà nước điều tiết hoạt động du lịch và hành vi của các hoạt động của chủ thể tham gia vào du lịch. Như thuế, chính sách giá, chính sách phát triển du lịch, chính sách môi trường,... Chính sách phát triển du lịch một mặt thể hiện tính chủ quan của người hoạch định chính sách sao cho công cụ chính sách ban ra giải quyết những khó khăn của ngành du lịch các chủ thể đang gặp phải, đồng thời thể hiện mặt khách quan thực tế du lịch đang gặp khó, nhằm điều chỉnh các quan hệ, các mục tiêu, quá trình thực hiện chính sách.

#### **Nhóm 5: Cộng đồng dân cư**

Chính quyền địa phương phát triển du lịch: Nơi có tài nguyên du lịch, chịu sự tác động trực tiếp của năng lực quản lý của chính quyền, chính là một việc tổ chức những điều kiện về hành chính, về cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật để phục vụ du khách.

Người lao động: Lao động trực tiếp của ngành du lịch và những ngành khác tham gia gián tiếp trong hoạt động du lịch. Du lịch là một hoạt động kinh tế xã hội, sự chuyên môn hóa trong lĩnh vực du lịch mang lại cơ hội thu nhập cho người lao động bên cạnh đó là sự giao lưu về văn hóa, phong cách,.. đem lại cơ hội khác như tìm kiếm việc làm, phát huy những giá trị truyền thống của địa phương.

Đề tài sử dụng, mô hình 3 trụ cột truyền thống, chúng đều có những tác động tới phát triển bền vững du lịch.

Ưu điểm: Việc đánh giá, thực hiện và tìm ra một yếu tố quan trọng của một nhóm có thể thực hiện thông qua thảo luận và một số phương pháp phân tích. Xây dựng mô hình bền vững có thể giúp cho những nhà hoạch định chính sách, doanh nghiệp du lịch đưa ra những giải pháp phù hợp trong bối cảnh của họ.

Nhược điểm: Một số tiêu chí như về giáo dục, thông tin, đổi mới, cơ quan quản lý cũng như doanh nghiệp cần sử dụng để đo lường, đánh giá sự thành công phát triển bền vững du lịch cần được xem xét đưa vào mô hình.

### ***2.2.2 Nội dung phát triển bền vững du lịch của một địa phương cấp tỉnh***

Phát triển bền vững du lịch mục đích kinh tế tăng trưởng, duy trì lượng khách hiện tại và quay trở lại trong tương lai, bền vững môi trường, bảo vệ môi trường tự nhiên, sử dụng năng lượng sạch tiết kiệm và bền vững về xã hội công bằng và bình yên cho du khách và người dân. Đối với địa phương, Điều 75 của Luật Du lịch năm 2017 trách nhiệm QLNN về du lịch địa phương: UBND cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình và theo sự phân cấp của Chính phủ có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về du lịch tại địa phương; cụ thể hóa chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách phát triển du lịch phù hợp với thực tế tại địa phương và có biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, vệ sinh môi trường tại khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch (QH, 2017). Như vậy việc phát triển bền vững du lịch của một địa phương cấp tỉnh, chủ yếu gồm:

#### ***2.2.2.1 Quy hoạch phát triển du lịch của địa phương phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội và tiêu chí phát triển bền vững***

Du lịch là ngành kinh tế tổng hợp có tính liên ngành, liên vùng, vì vậy mọi phương án phát triển du lịch phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội nói chung trong phạm vi quốc gia, ở mỗi vùng và từng địa phương nói riêng. Trên cơ sở chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội và ngành du lịch, chính quyền cấp tỉnh lập quy hoạch tổng thể, kế hoạch phát triển du lịch của địa phương cho từng giai đoạn, phù hợp điều kiện nguồn lực và tiềm năng, lợi thế về du lịch của địa phương. Hoạt động quy hoạch của địa phương, là kế hoạch phát triển du lịch của sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, được công bố

công khai rộng rãi để nhân dân và các cơ quan liên quan được biết. Không những phù hợp với quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội mà còn phải phù hợp với tiêu chí bền vững, những tiêu chí liên quan tới kinh tế xã hội, môi trường. Đối với phát triển bền vững du lịch là việc đưa cơ sở trên lý thuyết thành hiện thực, bằng việc thực hiện những, chủ trương đường lối đã được các cấp thẩm quyền phê duyệt, qua đó hướng việc đầu tư cho cơ sở hạ tầng, hướng những doanh nghiệp hay sản phẩm cho từng khu vực đã được thông qua trong quy hoạch. Từ đó lên những phương án thực hiện, thực hiện về vốn đầu tư cho từng khu vực, từng thời điểm từng thời kỳ và với hệ thống giám sát quá trình thực hiện. Ngoài ra, đối với mỗi phương án phát triển du lịch cần tiến hành đánh giá tác động môi trường nhằm hạn chế các tác động tiêu cực đến tài nguyên và môi trường. Điều này sẽ góp phần đảm bảo cho sự phát triển bền vững của du lịch trong mối quan hệ với các ngành kinh tế khác.

#### *2.2.2.2 Xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện chính sách phát triển du lịch của địa phương.*

*a, Tổ chức thực hiện chính sách phát triển du lịch của Nhà nước tại địa phương.*

Quản lý nhà nước về du lịch là sự quản lý với toàn bộ hoạt động du lịch trong nền kinh tế quốc dân bằng pháp luật, chính sách, công cụ, môi trường, lực lượng vật chất và tài chính, tín dụng đối với tất cả các thành phần kinh tế. Thực chất của quản lý nhà nước về hoạt động du lịch là tạo ra và thực hiện một cơ chế hay phương thức quản lý cho tất cả các thành phần kinh tế nhằm bảo đảm sự phát triển. Để khai thác tốt các nguồn lực, lợi thế, tiềm năng phát triển bền vững du lịch của địa phương. Chính quyền cấp địa phương căn cứ vào luật pháp của ngành du lịch, của những ngành liên quan, chính sách của nhà nước từng thời kỳ, xây dựng cơ chế, quy hoạch tổng thể cũng như chiến lược chung của toàn ngành, tổ chức thực hiện trên cơ sở được phân quyền tới đâu để xây dựng cơ chế quản lý, dựa trên tính chất đặc thù của địa phương mà có chính sách phát triển các ngành kinh tế trọng điểm một cách hợp lý và việc lựa chọn và xác định cơ cấu kinh tế phù hợp ở từng vùng lãnh thổ, có những biện pháp bảo vệ tài nguyên môi trường, tài nguyên du lịch một cách phù hợp. Để

phát triển bền vững du lịch, luật pháp là công cụ hữu hiệu nhất, thông thường những chính sách pháp luật hàng năm có sự thay đổi và điều chỉnh cho phù hợp với hiện tại của ngành và thực tế, do đó địa phương hàng tháng, hàng quý, hàng năm đều có những điều chỉnh chính sách, một mặt có những nhà chuyên môn thường xuyên cập nhật những thay đổi và mặt khác hướng dẫn tổ chức tuyên truyền pháp luật trong cơ quan quản lý và nhân dân, trong địa phương.

*b, Xây dựng, ban hành, triển khai thực hiện chính sách phát triển du lịch của địa phương.*

Việc xây dựng triển khai chính sách phát triển du lịch của địa phương là việc thực hiện quyền hạn cho từng cấp hành chính của địa phương để việc quản lý bền vững du lịch được thuận lợi và hiệu quả hơn. Thực hiện việc này dựa trên cơ sở phân cấp về hành chính, phân cấp về ngân sách để thực hiện những chính sách mà địa phương dự định phát triển. Cho phép chính quyền địa phương tự chủ về tài chính (tự hạch toán kinh phí thu, chi); chính quyền trung ương và địa phương cùng thực hiện các hoạt động tài chính; cho phép chính quyền địa phương được đặt ra một số khoản thuế, lệ phí hoặc hưởng toàn bộ hay một phần các khoản thu từ thuế, lệ phí... ở địa phương trong lĩnh vực du lịch; chuyển một phần khoản thu từ thuế mà chính quyền trung ương thu được cho chính quyền địa phương sử dụng; bảo lãnh hoặc cho chính quyền địa phương vay phát triển một số hạng mục cơ bản, nền tảng của ngành du lịch.

Trên cơ sở chính sách chung của ngành du lịch, pháp luật và những văn bản liên quan cấp quốc gia, chính sách phát triển kinh tế của địa phương, chính quyền địa phương có chính sách phát triển du lịch cho từng giai đoạn phù hợp với điều kiện, nguồn lực của địa phương, phát huy những thế mạnh mỗi địa phương đang có. Việc triển khai thông qua những công cụ quản lý như quy hoạch, kế hoạch,..tới những đối tượng khác trong quy trình quản lý. Đối với những chính sách: Chính sách thuế, chính sách đầu tư, chính sách ưu đãi,..sự điều chỉnh thay đổi cần phổ biến rộng rãi nhằm cho cơ quan, công ty, người dân được biết và căn cứ tình hình thực tiễn mỗi địa phương có sự điều chỉnh phù hợp.

### ***2.2.2.3 Huy động các nguồn lực đầu tư cho phát triển cơ sở hạ tầng du lịch***

Hoạt động phát triển bền vững du lịch cần nhiều vốn đầu tư, công nghệ và con người. Chính vì thế địa phương cần có những biện pháp huy động vốn từ nhiều nguồn, nguồn trong nhà nước và ngoài nhà nước, có sự phân bổ một cách hợp lý. Đối với vốn ngân sách cần tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng cho các khu, các điểm du lịch có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển chung và tập trung phát triển hệ thống giao thông liên kết vùng, khu du lịch. Tạo những cơ chế hợp lý cho phát triển những loại hình du lịch bền vững, như tạo vốn vay ưu đãi phát triển du lịch nhằm mục đích gia tăng sự đóng góp cho kinh tế địa phương, điều chỉnh giá đất tại những khu du lịch, hướng nhà đầu tư phát triển loại hình du lịch bền vững, ưu đãi cho nhà đầu tư khi đầu tư vào cơ sở hạ tầng du lịch. Cơ sở hạ tầng là tổng thể các cơ sở vật chất kỹ thuật, các công trình, các phương tiện tồn tại trên một lãnh thổ nhất định được dùng làm điều kiện sản xuất và điều kiện sinh hoạt nói chung, bảo đảm sự vận hành liên tục, thông suốt của các luồng của cải vật chất, các luồng thông tin và dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu của sản xuất và đời sống không chỉ ngành du lịch mà tất cả những ngành kinh tế khác cũng cần sự thông suốt này.

#### *2.2.2.4 Xây dựng bộ máy tổ chức quản lý phát triển bền vững du lịch*

Là một nội dung quan trọng góp phần thành công của phát triển bền vững du lịch tại địa phương. Theo mô hình gồm 4 nhóm đối tượng đó là chính quyền, doanh nghiệp và du khách và dân cư địa phương. Tổ chức và điều hành hệ thống đó là việc thực hiện những chức năng quản lý của nhà nước đối với 4 nhóm đối tượng trên. Quản lý nhà nước của địa phương về du lịch ở Việt Nam, trách nhiệm chính là UBND và các cơ quan chuyên môn chức năng, đối với ngành du lịch là cơ quan chuyên môn là Sở Du lịch. Thực hiện tổ chức quản lý phát triển bền vững là việc cơ quan chức năng lập kế hoạch, thực thi kế hoạch, xây dựng và triển khai những đề án, hướng dẫn và thực hiện những quy định của cơ quan nhà nước, về phương hướng, chỉ tiêu, chất lượng, tổ chức kiểm tra giám sát kết quả hoạt động phát triển bền vững du lịch mang lại.

Việc tổ chức xây dựng này căn cứ vào mối quan hệ của cơ quan quản lý với đồng cấp, cấp dưới và cấp trên. Đối với cấp trên là việc triển khai vai trò quản lý tại địa phương về công tác chuyên môn, triển khai nghị quyết, chương trình cấp trên phê duyệt. Đối với cấp ngang hàng, những sở ban ngành khác là việc hợp tác giúp đỡ

trong công tác bền vững du lịch nói riêng và công tác quản lý nhà nước nói chung. Giữa những đối tượng còn lại như Sở du lịch với tác nhân kinh tế du lịch, khách du lịch, tổ chức kinh tế,..là mối quan hệ giữa người quản lý và bị quản lý, thanh tra và bị thanh tra,..những hoạt động này đòi hỏi được tổ chức thường xuyên và liên tục, do vậy có thể thấy, yếu tố con người trong công tác tổ chức quyết định kết quả của những mối quan hệ trên. Yêu cầu đặt ra phải đảm bảo về chất lượng và đủ số lượng nhân lực theo từng thời kỳ, có những cán bộ chuyên môn giỏi về nghiệp vụ để quản lý từng hoạt động như giám sát doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ và lưu trú ăn uống lễ hành trên địa bàn,.. thực thi những công việc quản lý khác mang lại kết quả cao.

#### *2.2.2.5 Tăng cường xúc tiến du lịch, hợp tác liên kết mở rộng thị trường, đẩy mạnh quảng bá*

Du lịch là một ngành kinh tế mang tính liên vùng, vì thế phối kết hợp liên kết vùng là hướng mở cho phát triển bền vững du lịch của địa phương. Trong mỗi liên kết vùng thì sản phẩm của loại hình du lịch bền vững như du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, có vai trò đặc biệt, sự liên kết sản phẩm giúp cho sự đa dạng nhiều màu sắc của sản phẩm, tính đặc trưng của sản phẩm gia tăng, qua đó thu hút lượng khách du lịch cũng như nguồn vốn đầu tư vào du lịch tạo lập hình ảnh du lịch của địa phương không những trong nước và quốc tế. Đây là nội dung quan trọng phát triển bền vững, ngoài ra công tác xúc tiến quảng bá hình ảnh, thực hiện các chương trình tuyên truyền công bố các sự kiện của địa phương trên phạm vi lãnh thổ và quốc tế, khuyến khích người dân sử dụng, mở rộng mô hình tiêu dùng mang sắc thái văn minh hòa thuận với thiên nhiên và môi trường

#### *2.2.2.6 Thanh tra, kiểm tra công tác tổ chức quản lý và các hoạt động kinh doanh du lịch tại địa phương*

Hoạt động thanh tra là một nội dung của quản lý nhà nước nhằm kiểm tra, giám sát nhóm đối tượng quản lý thực hiện theo chức năng nhiệm vụ của quy phạm pháp luật và những quy định của địa phương đề ra trên cơ sở đánh giá khả năng, dự báo xu hướng phát triển, lường trước kết quả đầu ra nhằm có những can thiệp trước, kịp thời, từ đó có những điều chỉnh cho những nhóm đối tượng của bền vững du lịch phù hợp với các mục tiêu của cơ quan quản lý đặt ra. Có những hoạt động thanh tra như hoạt động kiểm soát, kiểm toán, giám sát, kiểm tra,..Có những hình thức đi sâu vào nội dung



quản lý chuyên môn, có những hình thức mang tính quản lý hành chính. Đối với lĩnh vực bền vững du lịch, hoạt động thanh tra kiểm tra đi sâu vào những nội dung sau:

- Hoạt động giám sát du lịch: Trước tiên giám sát là nhiệm vụ của các cơ quan quyền lực Nhà nước như Quốc hội, Hội đồng nhân dân (HĐND) địa phương và toà án các cấp (qua chức năng hoạt động tài phán) ở địa phương, HĐND giám sát các hoạt động của Ủy ban nhân dân (UBND), các cơ quan QLNN theo ngành, lĩnh vực... Giám sát bền vững du lịch của địa phương được thông qua cơ quan quản lý chức năng, mục đích thu thập những thông tin phản hồi và dự báo những kết quả từ những quyết sách của chính quyền địa phương đối với hoạt động du lịch, trên cơ sở đó xử lý, điều chỉnh những khó khăn, vướng mắc và sai sót trong thực hiện bền vững du lịch, có những điều chỉnh cho hợp lý.

- Thanh tra du lịch: Mang sắc thái của nội dung những hoạt động của hệ thống cơ quan chuyên môn về ngành dọc du lịch, những nội dung của ngành du lịch, tiêu chí của ngành du lịch. Có nhiều loại hình thanh tra, tùy từng cấp và mức độ sự việc có loại thanh tra khác nhau nhằm điều chỉnh doanh nghiệp, du khách, cơ quan quản lý, phối hợp với các sở, ngành giải quyết những vấn đề phức tạp, tiêu cực của xã hội, ảnh hưởng đến môi trường du lịch. Ngoài ra còn có những hoạt động thanh tra của những ngành nghề khác như môi trường, giao thông,... có thêm các hoạt động kiểm soát, kiểm toán,..Thông qua các hình thức kể trên có thể đánh giá chuẩn xác và xác định những yếu tố can thiệp cần thiết của Nhà nước vào sự phát triển bền vững du lịch ở địa phương.

#### *2.2.2.7 Các cơ sở lưu trú*

Xây dựng chương trình kế hoạch phát triển sản phẩm phục vụ ngành du lịch nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường, có các phương án đánh giá tác động môi trường và chuẩn bị phương tiện các điều kiện ứng phó với các sự cố môi trường có thể xảy ra, thực hiện những biện pháp chống suy thoái hoạt động du lịch gây ra. Đảm bảo những điều kiện về vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường đối với các dịch vụ, sản phẩm du lịch cung cấp cho du khách. Đầu tư, xây dựng hệ thống xử lý nước thải, hệ thống lọc khí thải, có những biện pháp chống ồn..theo những quy định của pháp luật. Sử dụng năng lượng: Điện, nước, nhiên liệu, vật liệu,.. tiết kiệm và



hợp lý. Xây dựng đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp, đáp ứng tiêu chí của ngành đề ra và bố trí, sử dụng nhân lực trong cơ sở lưu trú hợp lý.

#### ***2.2.2.8 Đối với các doanh nghiệp lữ hành, kinh doanh dịch vụ du lịch***

Tuân thủ những yêu cầu của địa phương, phối kết hợp cùng địa phương trong quá trình phát triển du lịch, cùng địa phương phát huy những thế mạnh tài nguyên du lịch sẵn có, xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường, phát triển sản phẩm du lịch, tổ chức không gian, hành trình du lịch,.. đảm bảo bền vững không gây tác hại xấu tới môi trường kinh tế và xã hội. Đưa nội dung phát triển bền vững vào những tài liệu hướng dẫn du lịch, nhắc nhở chỉ dẫn du khách tuân thủ những quy định của địa phương về phát triển bền vững du lịch. Hướng dẫn viên và du khách không tham quan những khu vực những vùng không đảm bảo bền vững những vùng có sự cố môi trường nhằm đảm bảo sức khỏe, tính mạng cho du khách.

#### ***2.2.2.9. Đối với những tổ chức và cá nhân khác***

Tuân thủ những quy định về phát triển bền vững của địa phương, thực hiện những yêu cầu về kinh tế xã hội môi trường của địa phương. Đối với những phương tiện, công cụ, loại hình kinh doanh,..Tùy theo từng lĩnh vực tham gia vào ngành du lịch, phải đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn quy định của cơ quan chức năng về tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn an toàn đối với môi trường. Thực hiện vệ sinh môi trường tại nơi làm việc và môi sinh tại nơi sinh hoạt, không xả thải ra môi trường không đúng quy định; Ngoài ra việc thực hiện tiết kiệm năng lượng, ưu tiên sử dụng năng lượng sạch thân thiện với môi trường, hạn chế sử dụng năng lượng hóa thạch.

### ***2.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới phát triển bền vững du lịch của một địa phương***

Phát triển bền vững du lịch của địa phương chịu sự tác động nhiều nhân tố, đề tài tập trung vào các yếu tố sau:

#### ***Tình hình kinh tế chính trị - xã hội chung***

Tình hình chính trị, hòa bình ổn định là tiền đề cho sự phát triển kinh tế, văn hóa của một đất nước; một vùng miền có nhiều tài nguyên du lịch cũng không thể phát triển được nếu như ở đó những sự kiện chính trị luôn bất ổn. Do người tiêu dùng du lịch phải tới tận “nhà máy” để mua sản phẩm, nên các điều kiện chính trị và xã hội của “nhà máy” đó có ảnh hưởng trực tiếp tới khả năng chấp nhận sản phẩm, việc đi lại của du khách tại điểm đến du lịch tạo nên những tâm lý tốt, cảm

giác an toàn cho du khách, khôi phục lại các ngành thủ công, lễ hội truyền thống... có điều kiện phát triển các ngành phụ trợ, các điểm vui chơi giải trí, thêm thu nhập cho dân cư và đóng góp vào cho địa phương.

### ***Tài nguyên du lịch***

Tài nguyên du lịch, theo luật du lịch, “Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên, di tích lịch sử văn hóa, công trình lao động sáng tạo của con người và các giá trị nhân văn khác có thể được sử dụng, nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch và đô thị du lịch” Nguồn tài nguyên là yếu tố cơ bản, là một nguồn lực quan trọng để tạo ra sản phẩm du lịch, phát triển bền vững hay không phụ thuộc phần lớn vào yếu tố này. Quy mô và khả năng phát triển phụ thuộc vào số lượng chất lượng, sự kết hợp các loại tài nguyên thiên nhiên. Quy mô nguồn tài nguyên du lịch càng lớn, chất lượng của chúng càng cao thì càng có điều kiện trở thành điểm hấp dẫn thu hút khách du lịch, mở rộng và phát triển thị trường du lịch. Hoạt động du lịch phải dựa trên các cơ sở khu rừng nguyên sinh, hoang vắng có sự đa dạng sinh học cao..., Như vậy, những yếu tố cơ bản của bền vững du lịch, tài nguyên du lịch có yếu tố quan trọng nhất, mang tính quyết định phát triển bền vững.

### ***Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch***

Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch bao gồm các điều kiện phục vụ cho việc tổ chức các chuyến đi du lịch, các cơ sở lưu trú, các cơ sở vui chơi giải trí, các điểm du lịch, hệ thống giao thông vận tải, điện nước, các phương tiện vận chuyển, hệ thống thông tin liên lạc,... Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phải nằm trong quy hoạch của phát triển kinh tế xã hội của địa phương cũng như trong sự quy hoạch của ngành du lịch. Hệ thống này càng thuận tiện, hiện đại nó càng tác động mạnh tới khả năng phục vụ du khách, có vai trò quan trọng trong việc kéo dài thời gian lưu trú của du khách, tăng khả năng sức cạnh tranh của điểm đến du lịch.

### ***Nguồn nhân lực của ngành du lịch***

Có thể phân thành 3 nhóm lao động trong ngành du lịch như sau:

*Nhóm lao động chức năng quản lý Nhà nước về du lịch:* Chủ yếu trong cơ quan quản lý từ Trung ương tới địa phương, chủ yếu xây dựng chiến lược cấp quốc gia và của từng địa phương, tham mưu và trực tiếp đề ra đường lối chính sách cho phát triển bền vững. Mặt khác họ cũng đại diện cho nhà nước để hướng dẫn, giúp đỡ, tạo điều kiện cho các bên còn lại tham gia kinh doanh du lịch cũng như kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh doanh đó.

*Nhóm lao động chức năng sự nghiệp ngành du lịch:* Nhóm này gồm những người làm việc ở cơ sở giáo dục, những cán bộ giảng dạy, nghiên cứu ở các trường đại học, cao đẳng, các viện nghiên cứu trong và ngoài nước. Đây là lực lượng có học vấn cao và trình độ chuyên môn sâu trong toàn bộ ngành du lịch, họ có kiến thức toàn diện về ngành. Chủ yếu họ tạo ra số lượng và chất lượng cho nguồn nhân lực của ngành, do vậy bộ phận này phải được chú trọng nâng cao trình độ, đào tạo bài bản để hướng tới trình độ khu vực và thế giới.

*Nhóm lao động chức năng kinh doanh du lịch:* Nhóm này có thể phân chia thành những 4 bộ phận nhỏ hơn

**Bộ phận quản lý:** Những người đứng đầu chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của cơ sở, họ lao động bằng trí óc.

**Bộ phận lao động chức năng quản lý theo các nghiệp vụ du lịch:** Đó là bộ phận thuộc các phòng ban, như phòng kế toán, phòng vật tư,..Nhiệm vụ chính của lao động này thừa hành của bộ phận quản lý trên và làm công tác quản lý doanh nghiệp hay cơ sở trong phạm vi của mình.

**Bộ phận lao động chức năng đảm bảo điều kiện kinh doanh:** Nhiệm vụ của họ là cung cấp những yếu phẩm, phương tiện làm việc như bảo vệ, nhân viên vệ sinh, nhân viên sửa chữa.

**Bộ phận lao động trực tiếp phục vụ cho du khách:** Trực tiếp cung cấp dịch vụ và phục vụ du khách, nhóm lao động này rất đông đảo, thuộc nhiều ngành nghề khác nhau và đòi hỏi sự tinh thông nghề nghiệp của mỗi cá nhân trong phạm vi hoạt động của mình.

Xã hội càng phát triển thì sự chuyên môn cho mỗi ngành nghề càng lớn, đòi hỏi người lao động phải có những khả năng chuyên sâu cho từng lĩnh vực. Nhận thức được

vấn đề này bốn nhóm lao động trên mỗi nhóm chuyên môn sau cho từng lĩnh vực của mình góp phần đem lại sự phát triển bền vững không chỉ cho ngành du lịch mà còn nhiều ngành nghề khác.

### ***Sự phát triển nhu cầu của khách du lịch***

Nhu cầu của khách du lịch có ảnh hưởng quan trọng tới phát triển bền vững du lịch của địa phương. Ảnh hưởng từ quá trình dự báo, trên cơ sở đó có những chính sách hợp lý và sử dụng các công cụ hữu ích như quy hoạch thị trường, hướng những mục tiêu cần thiết cho thị trường nơi mà nhu cầu khách du lịch cao, dẫn đến có những kế hoạch quản lý cũng như định hướng loại hình sản phẩm nào là thế mạnh của địa phương, địa phương có tài nguyên du lịch, có di tích,.. nên phát triển loại hình du lịch sinh thái kết hợp với nghỉ dưỡng, loại hình văn hóa, tâm linh gắn với lễ hội,.. Tránh lãng phí tài nguyên du lịch, giảm thiểu những tác động môi trường mà hoạt động du lịch gây ra.

### ***Chủ trương định hướng phát triển du lịch của chính quyền ở địa phương***

Để lĩnh vực phát triển bền vững du lịch, chủ trương định hướng phát triển du lịch của địa phương cần quán triệt thực hiện những chủ trương lớn của quốc gia, thực hiện những chính sách, công cụ pháp luật về phát triển du lịch trong phạm vi quyền hạn của địa phương. Trên cơ sở về quan điểm phát triển bền vững du lịch quốc gia, nghiên cứu, xây dựng chủ trương, định hướng cũng như quy hoạch tổng thể của địa phương phù hợp với chính sách chung, tình hình hoạt động du lịch của quốc gia từng thời kỳ, từng giai đoạn. Những ngành nghề tại địa phương đều lấy chủ trương định hướng của cấp quản lý làm mục tiêu, nên phát triển bền vững du lịch không ngoại lệ, cần có kim chỉ nam cho mọi thành phần kinh tế tại địa phương.

### ***Sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương***

Khả năng phát triển bền vững du lịch của một địa phương phụ thuộc mức độ lớn về phát triển kinh tế xã hội của một địa phương.

*Kinh tế:* Ngoài là việc tăng nguồn thu cho địa phương, phát triển bền vững du lịch, giúp cho những mặt tích cực của kinh tế thông suốt, hỗ trợ cho những ngành nghề khác. Ngành du lịch sử dụng khá nhiều lương thực, thực phẩm chế biến,

sử dụng nhiều nhân công của địa phương, giúp cho các doanh nghiệp địa phương có cơ hội độc lập phát triển. Hạ tầng cơ sở kinh tế phát triển như nước sạch, điện, đường giao thông, giáo dục, truyền thông, y tế... Nhu cầu ăn nghỉ, lưu trú, đi lại, vận chuyển, thông tin liên lạc,.. của du khách và những điều kiện cần thiết cho cơ sở kinh doanh du lịch hoạt động tăng lên khi kinh tế phát triển. Các nghề thủ công truyền thống tại địa phương phát triển( nghề làm gốm, khảm, khắc, sơn mài, dệt, dệt vải ...), một mặt làm đa dạng sản phẩm du lịch, mặt khác gia tăng đóng góp doanh thu du lịch.

Xã hội: Tình hình ổn định xã hội của địa phương không chỉ cho ngành du lịch bền vững mà còn là tiền đề cho nhiều ngành kinh tế khác. Tại những địa phương bất ổn xã hội, bất ổn trong công tác kiểm soát tệ nạn xã hội, an toàn thực phẩm, an toàn y tế, không có sự phát triển bền vững du lịch, dù rằng tại địa phương có tài nguyên du lịch đặc sắc.

### **2.3 Các tiêu chí đánh giá phát triển bền vững du lịch của một địa phương cấp tỉnh**

#### **2.3.1 Các tiêu chí đánh giá tính bền vững du lịch của một địa phương cấp tỉnh**

Để đánh giá bền vững du lịch thường dùng các chỉ tiêu chung và bộ chỉ tiêu đơn. Tổ chức du lịch thế giới UNWTO xây dựng bộ chỉ tiêu chung và theo phương pháp PRA (Participatory Rapid appraisal - đánh giá nhanh có sự tham gia của cộng đồng), hệ thống chỉ tiêu đánh giá đó như sau:

**Bảng 2.2: Các chỉ tiêu chung cho du lịch bền vững.**

STT	Chỉ tiêu	Cách xác định
1	Bảo vệ điểm du lịch	Loại bảo vệ điểm du lịch theo tiêu chuẩn IUCN
2	Áp lực	Số du khách viếng thăm điểm du lịch( tính theo năm, tháng cao điểm)
3	Cường độ sử dụng	Cường độ sử dụng – thời kỳ cao điểm ( người/ha)
4	Tác động xã hội	Tỷ số Du khách/Dân địa phương (thời kỳ cao điểm)
5	Mức độ kiểm soát	Các thủ tục đánh giá môi trường hoặc sự kiểm soát hiện có đối với sự phát triển của điểm du lịch và mật độ sử dụng
6	Quản lý chất thải	Phần trăm(%) đường công thoát tại điểm du lịch có xử lý (chỉ số phụ có thể là giới hạn kết cấu của năng lực cơ sở hạ tầng của điểm du lịch, ví dụ như cấp nước, bãi rác)
7	Quá trình lập quy hoạch	Có các kế hoạch nhằm phục vụ cho điểm du lịch (kể cả các yếu tố du lịch)
8	Các hệ sinh thái tới hạn	Số lượng các loài hiếm đang bị đe dọa
9	Sự thỏa mãn của du khách	Mức độ thỏa mãn của khách du lịch (dựa trên các phiếu thăm dò ý kiến)

10	Sự thỏa mãn của địa phương	Mức độ thỏa mãn của địa phương (dựa trên các phiếu thăm dò ý kiến)
----	----------------------------	--

*Nguồn: Manning (1996).*

Ngoài các chỉ tiêu chung cho ngành du lịch, một số nhà nghiên cứu đề xuất cách xác định dựa trên việc đánh giá bền vững, không bền vững và các yếu tố đã lựa chọn mặc nhiên là bền vững trong phát triển du lịch. Tùy thuộc vào đặc điểm du lịch của từng khu mà sử dụng những yếu tố đánh giá. Bảng 2.3

**Bảng 2.3: Bảng so sánh du lịch bền vững và du lịch kém bền vững**

	Du lịch bền vững	Du lịch kém bền vững
<b>Khái niệm chung</b>	Phát triển chậm	Phát triển nhanh
	phát triển có kiểm soát	Phát triển kém kiểm soát
	Quy mô phù hợp	Quy mô không phù hợp
	Mục tiêu dài hạn	Mục tiêu ngắn hạn
	Tìm kiếm chất lượng	Tìm kiếm sự tối đa
	Địa phương kiểm soát	Kiểm soát từ xa
<b>Chiến lược phát triển</b>	Quy hoạch trước triển khai sau	Không lập kế hoạch triển khai tùy tiện
	Kế hoạch theo quan điểm	Kế hoạch theo dự án
	Phương pháp tiếp cận chính luận	Phương pháp tiếp cận theo lĩnh vực
	Quan tâm tới cả vùng	Tập trung vào các trọng điểm
	Phân tán áp lực và lợi ích	Áp lực với lợi ích tập trung
	Quanh năm và cân bằng	Thời vụ vào mùa cao điểm
	Các nhà thầu địa phương	Các nhà thầu bên ngoài
	Nhân công địa phương	Nhân công bên ngoài
	Kiến trúc bản địa	Kiến trúc theo thị hiếu khách du lịch
Xúc tiến marketing tập trung và theo đối tượng	Xúc tiến marketing tràn lan	
<b>Nguồn lực</b>	Sử dụng tài nguyên năng lượng, tài nguyên nước vừa phải	Sử dụng tài nguyên năng lượng, tài nguyên nước lãng phí
	Tăng cường tái sinh	Không tái sinh
	Giảm thiểu lãng phí	Không chú ý tới lãng phí sản xuất
	Thực phẩm sản xuất tại địa phương	Thực phẩm nhập khẩu
	Tiền hợp pháp	Tiền bất hợp pháp và không khai báo rõ ràng
	Nguồn nhân lực có chất lượng	Nguồn nhân lực chất lượng kém
<b>Khách du lịch</b>	Số lượng ít	Số lượng nhiều
	Có nhận thức cụ thể	Không có nhận thức cụ thể
	Có học tiếng địa phương	Không học tiếng địa phương
	Chủ động và có nhu cầu	Bị động và bị thuyết phục, bảo thủ
	Thông cảm và lịch thiệp	không ý tứ và kỹ lưỡng
	không tham gia du lịch tình dục	Tìm kiếm du lịch tình dục
	Lặng lẽ, riêng biệt	Lặng lẽ, kỳ quặc
	Khách trở lại tham quan	không trở lại tham quan

*Nguồn: Machado(2003)*

Tổ chức UNWTO đánh giá tính bền vững căn cứ qua tiêu chí bền vững của hệ sinh thái có những tiêu chí đánh giá sau: Để đánh giá bền vững du lịch còn có hệ thống đánh giá của UNWTO về bền vững hệ sinh thái, mối quan hệ giữa du lịch và môi trường được thể hiện trong phân hệ sinh thái, tự nhiên, phân hệ kinh tế, phân hệ xã hội môi trường. Bảng 2.4

**Bảng 2.4: Bộ chỉ tiêu bền vững cho hệ sinh thái của UNWTO**

STT	Hệ sinh thái	Các chỉ tiêu đặc thù
1	Các vùng bờ biển	Độ suy thoái (% bãi biển suy thoái, bị xói mòn) Cường độ sử dụng (số người/1m bãi biển) Hệ động vật bờ biển/động vật dưới biển ( số loài chủ yếu nhìn thấy) Chất lượng nước (rác, phân và lượng kim loại nặng)
2	Các vùng núi	Độ xói mòn (% diện tích bề mặt bị xói mòn) Đa dạng sinh học (số lượng các loài chủ yếu). Lối vào các điểm chủ yếu (số giờ chờ đợi)
3	Các điểm văn hóa (các cộng đồng truyền thống)	Áp lực xã hội tiềm tàng (tỷ số thu nhập bình quân từ du lịch/số dân địa phương) Tính mùa vụ (% số cửa hàng mở cửa quanh năm/ tổng số cửa hàng) Xung đột (số vụ việc có báo cáo giữa dân địa phương và du)
4	Đảo nhỏ	Lượng tiền tệ rò rỉ (% thu lỗ từ thu nhập trong ngành du lịch) Quyền sở hữu (% quyền sở hữu nước ngoài hoặc không thuộc địa phương đối với các cơ sở du lịch) Khả năng cấp nước (chi phí, khả năng cung ứng) Các thước đo cường độ sử dụng (ở quy mô toàn đảo cũng như đối với các điểm chịu tác động)

*Nguồn: Manning E.W.1996*

Để đánh giá bền vững du lịch còn có hệ thống đánh giá của UNWTO về bền vững du lịch, mối quan hệ giữa du lịch và môi trường được thể hiện trong phân hệ sinh thái, tự nhiên, phân hệ kinh tế, phân hệ xã hội môi trường. Bảng 2.5

Để đánh giá bền vững du lịch của một địa phương, Nghiên cứu sinh dựa vào các dấu hiệu bền vững của các bộ chỉ tiêu trên làm căn cứ và xác định 3 nhóm tiêu chí đánh giá bền vững du lịch của một địa phương: Kinh tế, môi trường và xã hội.

**Bảng 2.5: Bộ chỉ tiêu của UNWTO đánh giá bền vững du lịch**

	Chỉ tiêu	Các xác định
1	Chỉ tiêu về đáp ứng nhu cầu của khách du lịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ % số khách trở lại/tổng số khách</li> <li>- Số ngày lưu trú bình quân/đầu du khách</li> <li>- Tỷ lệ % các rủi ro về sức khỏe (bệnh tật, tai nạn) do du lịch/tổng số khách</li> </ul>
2	Chỉ tiêu về đánh giá tác động của du lịch lên phân hệ sinh thái tự nhiên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- % chất thải chưa được thu gom và xử lý</li> <li>- Lượng điện tiêu thụ/du khách/ngày (tính theo mùa)</li> <li>- Lượng nước tiêu thụ/du khách/ngày (tính theo mùa)</li> <li>- % diện tích cảnh quan bị xuống cấp do xây dựng/tổng diện tích sử dụng do du lịch</li> <li>- % số công trình kiến trúc không phù hợp với kiến trúc bản địa (hoặc cảnh quan)/tổng số công trình</li> <li>- Mức độ tiêu thụ các sản phẩm động, thực vật quý hiếm (phổ biến-hiếm hoi-không có)</li> <li>- % khả năng vận tải sạch/khả năng vận tải cơ giới (tính theo trọng tải)</li> </ul>
3	Tiêu chí đánh giá tác động lên phân hệ kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- % vốn đầu tư từ du lịch cho các phúc lợi xã hội của địa phương so với tổng giá trị đầu tư từ các nguồn khác</li> <li>- % số chỗ làm việc trong ngành du lịch dành cho người địa phương so với tổng số lao động địa phương</li> <li>- % giá trị chi phí vật liệu xây dựng địa phương/tổng chi phí vật liệu xây dựng</li> <li>- % giá trị hàng hóa địa phương/tổng giá trị hàng hóa tiêu dùng cho du lịch</li> </ul>
4	Chỉ tiêu đánh giá tác động của du lịch lên phân hệ xã hội -	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ số Doxey</li> <li>- Sự xuất hiện các bệnh/dịch liên quan tới du lịch</li> </ul>



nhân văn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tệ nạn xã hội liên quan đến du lịch</li> <li>- Hiện trạng các di tích lịch sử văn hóa địa phương</li> <li>- Số người ăn xin/tổng số dân địa phương</li> <li>- Tỷ lệ % mất giá đồng tiền vào mùa cao điểm du lịch</li> <li>- Độ thương mại hóa của các sinh hoạt văn hóa truyền thống (lễ hội, ma chay, cưới xin, phong tục, tập quán...) xác định thông qua trao đổi với các chuyên gia</li> </ul>
----------	---

*Nguồn Manning E.W.1996*

### **2.3.2 Các tiêu chí đánh giá phát triển bền vững du lịch của đề tài**

#### ***Các tiêu chí về kinh tế***

Phát triển bền vững du lịch đảm bảo tăng trưởng liên tục và lâu dài của các chỉ tiêu kinh tế du lịch (Chỉ tiêu về khách du lịch, chỉ tiêu về cơ sở vật chất, đóng góp của du lịch vào tăng trưởng GRDP địa phương, hoạt động đầu tư trong du lịch,..) Theo xu hướng đánh giá hiện nay, thông thường dưới 10 năm. Tuy nhiên tùy thuộc vào trình độ phát triển của mỗi quốc gia, mỗi vùng miền, với địa phương đồng bằng, với địa phương miền núi có khác nhau.

- *Số lượng khách du lịch:* Đây là tiêu chí quan trọng hàng đầu trong việc đánh giá tính bền vững của phát triển du lịch, chỉ tiêu về khách du lịch quyết định một loạt những chỉ tiêu tiếp theo, trong quản lý nhà nước là sự gia tăng hay giảm bớt những công cụ kèm theo, với doanh nghiệp là sự đầu tư với sản phẩm du lịch, dịch vụ,..Đánh giá sự phát triển của lượng khách trong nước và quốc tế dựa vào số lượng tuyệt đối của du khách khi tới một vùng hay một địa phương. Các chỉ số kế tiếp đó là chỉ số về số lượng khách lưu trú, số lượng khách tham gia những loại hình du lịch, số lượng khách trở lại, sản phẩm và dịch vụ mà du khách thường sử dụng...Căn cứ vào những chỉ tiêu phụ, phối kết hợp với những chỉ tiêu quan trọng khác có sự điều chỉnh những đối tượng của công tác quản lý.

- *Giá trị đóng góp của du lịch vào GRDP địa phương:* Giá trị tổng sản phẩm địa phương là chỉ tiêu quan trọng, thông qua sự phát triển liên tục của GRDP theo một thời gian nhất định. Các hoạt động du lịch đều mang ý nghĩa kinh tế, đều hướng tới quan trọng nhất là thu nhập của ngành du lịch đóng góp vào cho địa phương và quốc gia. Sự tăng trưởng liên tục của du khách của một địa phương

hay một quốc gia, bao gồm các lĩnh vực du khách chi trả tại lĩnh vực đó bao gồm (ăn uống, vận chuyển, vui chơi, giải trí, ca hát,..) Ngoài ra còn có nhiều ngành: Bưu điện, y tế, giao thông, xây dựng, bảo hiểm, nông nghiệp,..Tỷ trọng ngành du lịch tăng đều đặn với thời gian nhất định cũng chính là một trong những tiêu chí đánh giá bền vững về mặt kinh tế.

- *Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch*: Cơ sở vật chất có thể rất rộng bao gồm nhiều lĩnh vực tham gia vào việc khai thác tiềm năng tài nguyên du lịch, bao gồm đường xá, cầu cống,..chỉ xét trong phạm vi hệ thống cơ sở vật chất đặc trưng phục vụ ngành du lịch bao gồm (Các cơ sở lưu trú, nhà hàng, khu vui chơi, các phương tiện vận chuyển, các khu du lịch,..) Mức tăng cơ sở vật chất kỹ thuật về chất lượng, số lượng phản ánh mức độ đáp ứng nhu cầu của du khách cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững. Để đánh giá cơ sở vật chất kỹ thuật, có những tiêu chí cơ bản sau:

+ Đánh giá đầu tư mạng lưới cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch: Số lượng, chất lượng, quy mô, sự hiện đại của trang thiết bị,..

+Đánh giá về hiệu quả kinh tế: Tiêu thức này được đánh giá về công suất sử dụng, khả năng thu hồi vốn từ việc sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật đó.

Hệ thống cơ sở vật chất tốt, khả năng chi trả của du khách sẽ cao, giúp tăng nguồn thu là một trong những yếu tố kinh tế góp phần phát triển bền vững du lịch.

- *Việc làm trong ngành du lịch*: Để đánh giá nhân lực du lịch, căn cứ vào số lượng du khách khi tới du lịch tạo ra được bao nhiêu việc làm trực tiếp và gián tiếp. Cứ 1 lao động trực tiếp 2,2 gián tiếp, để đánh giá về số lượng lao động và chất lượng lao động, khả năng lao động đáp ứng nhu cầu của du khách. [43].

- *Mức độ sử dụng hàng hóa của địa phương*: Đánh giá thông qua hoạt động tiêu thụ của địa phương về thương mại và dịch vụ hàng năm. Dựa trên tổng mức bán lẻ hàng hóa, hoạt động tiêu thụ hàng hóa, thực phẩm, nhiên liệu,..trên địa bàn, so sánh qua các năm.

*Chỉ số giá dịch vụ du lịch*: Là cơ sở để đánh giá mức giá dịch vụ địa phương, từ đó có những điều chỉnh hợp lý nhằm ngăn chặn những hiện tượng không tốt, những

địa phương Việt Nam hiện đang phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt với các nước trong khu vực như Thái Lan, Malaysia và Campuchia trong việc xúc tiến các sản phẩm trọng tâm như du lịch biển, du lịch văn hóa, du lịch dựa vào nguồn lực tự nhiên. Thông thường chỉ số giá cả dịch vụ du lịch được công bố từng tháng/ năm.

***\*Các tiêu chí về môi trường***

Việc khai thác tài nguyên môi trường đáp ứng cho nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng tới tương lai, một câu hỏi đặt ra tương lai cần bao nhiêu tài nguyên? Với mục tiêu này, khai thác tài nguyên du lịch một mặt phải phát huy thế mạnh của tài nguyên, một mặt phải có những hoạt động trong công việc bảo tồn và tôn tạo tài nguyên, các tiêu chí được đánh giá gồm những tiêu chí sau:

- *Số lượng (tỷ lệ) các khu và điểm du lịch được đầu tư tôn tạo bảo tồn:* Khu, điểm du lịch là hạt nhân trong phát triển du lịch, trong đó tài nguyên du lịch đóng vai trò trung tâm. Mục tiêu của phát triển bền vững là tôn tạo và bảo vệ tài nguyên, trong quá trình khai thác, tài nguyên càng đa dạng, tính đặc sắc cao thì khả năng khai thác mang lại hiệu quả lớn. Chính vì vậy, số lượng tài nguyên du lịch là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá tính bền vững về mặt tài nguyên môi trường. Theo UNWTO, nếu tỷ lệ số tài nguyên/tổng số của địa phương vượt quá 50% thì hoạt động du lịch được coi là bền vững.

- *Số lượng (tỷ lệ) các khu và điểm du lịch được quy hoạch:* Quy hoạch theo quan điểm bền vững là sự phát triển du lịch trong đó việc khai thác tài nguyên du lịch (bao gồm cả tài nguyên tự nhiên và nhân văn) có quan tâm tới vấn đề bảo tồn và tôn tạo, đảm bảo lợi ích hiện tại khai thác hiệu quả hiện tại và đề xuất những giải pháp mang lại hiệu quả về kinh tế, hạn chế tác động xấu của hoạt động du lịch trong hiện tại và tương lai. Như vậy số lượng điểm du lịch được quy hoạch/tổng thể là một tiêu chí đánh giá bền vững của khu, vùng du lịch.

- *Mật độ điểm du lịch của địa phương:* Là số lượng các điểm di tích được xếp hạng trong một phạm vi nhất định, có di tích tầm cỡ quốc gia, cấp địa phương, trên cơ sở số lượng mật độ điểm du lịch, đánh giá về tiềm năng xây dựng, quy hoạch, những tuyến du lịch hợp lý, khả năng khai thác tối đa hiệu quả tài nguyên du lịch và tài nguyên nhân văn.

- *Mức độ đóng góp từ thu nhập du lịch cho công tác bảo tồn, phát triển, bảo vệ tài nguyên môi trường:* Nguồn thu từ hoạt động du lịch được trích lại, tùy thuộc vào từng địa phương, dựa trên tổng thể mà mức trích nộp có những quy định riêng. Từ nguồn thu này ngành du lịch đóng góp vào thu nhập của địa phương và địa phương trích từ nguồn thu đó duy tu, tôn tạo tài nguyên cũng như nâng cấp những tài nguyên. Mức độ đóng góp cho công tác bảo vệ và tôn tạo tài nguyên tùy thuộc vào tỷ lệ đóng góp trên nguồn thu. Tỷ lệ này càng lớn mức đóng góp càng lớn, đảm bảo đủ kinh phí duy tu bảo tồn tài nguyên bền vững.

- *Mức độ xuống cấp của cảnh quan du lịch:* Mức độ ô nhiễm của cảnh quan dựa vào một số yếu tố, suy giảm đa dạng sinh học khu du lịch, diện tích tự nhiên, diện tích rừng, khu bảo tồn thu hẹp/tăng, môi trường tại khu du lịch có đảm bảo vệ sinh và những tiêu chí an toàn thực phẩm, nguồn nước,..Được xác định bằng tiêu chí: Rất bền vững, điểm du lịch trong tổng số cảnh quan du lịch bị phá hoại, còn giữ được truyền thống văn hóa, có biện pháp bảo vệ, tạo nét hấp dẫn riêng biệt, tồn tại 10-50 năm, khá bền vững 1- 2 thành phần bị thay đổi, khả năng tự phục hồi cao, có biện pháp bảo vệ tốt, tồn tại 10 -30 năm, mức trung bình 1-4 cảnh quan du lịch thay đổi bị phá hủy với sự trợ giúp của con người tồn tại vững chắc từ 10- 30 năm.

- *Mức độ tiêu thụ sản phẩm động vật quý hiếm:* Đa dạng về động vật quý hiếm giúp cảnh quan du lịch, hệ sinh thái hình thành khu và cụm du lịch sinh động và đặc sắc. Phát triển du lịch không bền vững thu hẹp môi trường sống của động thực vật, săn bắt động vật quý hiếm phục vụ cho những nhu cầu của du khách. Để xác định mức độ tiêu thụ động vật quý hiếm thông qua số lượng động vật quý hiếm Theo Sách đỏ của Việt Nam tăng giảm từng năm của địa phương du lịch.

### ***Các tiêu chí về xã hội***

- *Sự phát triển hệ thống doanh nghiệp vừa và nhỏ:* Phát triển du lịch nằm trong phát triển chung của kinh tế xã hội, hoạt động du lịch phát triển đồng nghĩa với việc giải quyết nhu cầu việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân địa phương,..là nơi thu hút nhân lực, trí lực và tài lực của địa phương đó. Ngoài ra hệ thống doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng nói nên sự thích nghi, sự năng động của doanh nghiệp đối với thay đổi về thị trường, số lượng sản phẩm hàng hóa và dịch vụ cung cấp trên thị

trường, gia tăng lượng hàng hóa. Số lượng doanh nghiệp là một trong những tiêu chí đánh giá bền vững du lịch.

- *Mức độ hài lòng và hợp tác của cộng đồng địa phương đối với những hoạt động du lịch:* Có thể nói họ như chủ nhân của nơi đó, với những yếu tố mến khách, phong tục tập quán, sự giao lưu văn hóa, hành vi của du khách với người dân bản địa,...một trong những yếu tố của văn hóa làm nên sự đặc sắc cho sản phẩm du lịch. Họ cũng chịu tác động lớn từ hoạt động phát triển bền vững tác động, do vậy mức độ hài lòng của người dân địa phương là một tiêu chí đánh giá tính bền vững du lịch:

+ Sự tham gia của cộng đồng trong việc xây dựng quy hoạch và triển khai quy hoạch trên địa bàn.

+ Sự tham gia giám sát của cộng đồng địa phương trong việc thực hiện những dự án du lịch tại địa phương.

+ Tham gia của cộng đồng trong việc đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng du lịch, sản phẩm du lịch trên địa bàn.

- *Mức độ an toàn an ninh khu, điểm du lịch:* Mất an toàn an ninh du lịch không thường xuyên xảy ra nhưng hậu quả nó rất lớn. Sự mất an toàn trong du lịch có thể xuất hiện do sự mất lòng tin về an toàn và tính hấp dẫn của điểm du lịch gây ra. Cảm nhận về sự an toàn của du khách là yếu tố quan trọng, quyết định sự phát triển bền vững và tiếp tục tăng trưởng của ngành du lịch địa phương đó. Do đó, quản lý an toàn, an ninh trong du lịch là giữ vững lòng tin, tái tạo sự tin tưởng du khách. Không để xảy ra tình trạng an toàn an ninh ảnh hưởng tới hoạt động du lịch.

- *Mức độ thương mại hóa văn hóa truyền thống của địa phương:* Văn hóa truyền thống là những giá trị vật chất, tinh thần được tích tụ, gìn giữ trong toàn bộ quá trình lịch sử phát triển các dân tộc đó. Trong phát triển bền vững du lịch, văn hóa truyền thống góp phần đa dạng sản phẩm, đưa tới cho du khách góc nhìn đa chiều về con người, địa điểm du lịch. Cơ sở xác định mức độ thương mại văn hóa, là quy mô thị trường, mức độ phát triển du lịch không vượt quá ngưỡng làm thay đổi văn hóa truyền thống, suy giảm giá trị văn hóa. Đó là số lượng hoạt động văn hóa tham gia vào du lịch được xác định trên cơ sở sức chứa về vật lý và xã hội.

- Sự xuất hiện những dịch bệnh, tệ nạn xã hội liên quan tới du lịch tại địa phương: Những điểm du lịch hấp dẫn thông thường có nhiều loại khách tới từ nhiều vùng khác nhau, có thể mang theo những mầm bệnh truyền nhiễm tới từ địa phương họ hoặc những địa phương mà họ đi qua, hệ lụy của bệnh truyền nhiễm không riêng gì ngành du lịch mà tất cả ngành nghề khác bị ảnh hưởng, trong thực tế, những bệnh số xuất huyết, H5N1, vi rút ZiKa, bạch hầu,..hủy hoại ngành du lịch thời gian rất nhanh và để phục hồi lại rất lâu và tốn kém. Do vậy yêu cầu quan trọng phát triển bền vững du lịch không để xảy ra những sự cố về bệnh truyền nhiễm, địa phương có những phương án phòng chống, cách ly bệnh hiệu quả, trường hợp phát hiện dịch bệnh có phương án giải quyết ngay không để lây lan sang diện rộng.

Tệ nạn xã hội: Số lượng tệ nạn xã hội sự níu kéo du khách, ma túy, mại dâm,..tại những điểm du lịch được khảo sát đánh giá.

**Bảng 2.6 Bảng đánh giá bền vững du lịch của luận án**

<b>Các tiêu chí kinh tế</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng khách du lịch</li> <li>- Giá trị đóng góp của du lịch vào GRDP địa phương</li> <li>- Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch</li> <li>- Việc làm trong ngành du lịch</li> <li>- Mức độ sử dụng hàng hóa của địa phương</li> <li>-Chỉ số giá dịch vụ du lịch</li> </ul>
<b>Các tiêu chí về môi trường</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng (tỷ lệ) các khu và điểm du lịch được đầu tư tôn tạo bảo tồn</li> <li>- Số lượng (tỷ lệ) các khu và điểm du lịch được quy hoạch</li> <li>- Mật độ điểm du lịch của địa phương</li> <li>- Mức độ đóng góp từ thu nhập du lịch cho công tác bảo tồn, phát triển, bảo vệ tài nguyên môi trường</li> <li>- Mức độ xuống cấp của cảnh quan du lịch</li> <li>- Mức độ tiêu thụ sản phẩm động vật quý hiếm</li> </ul>
<b>Các tiêu chí về xã hội</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự phát triển hệ thống doanh nghiệp vừa và nhỏ</li> <li>- Mức độ hài lòng và hợp tác của cộng đồng địa phương đối với những hoạt động du lịch</li> <li>- Mức độ an toàn an ninh khu, điểm du lịch</li> <li>- Mức độ thương mại hóa văn hóa truyền thống của địa phương</li> <li>- Sự xuất hiện những dịch bệnh, tệ nạn xã hội liên quan tới du lịch tại địa phương</li> </ul>

## **2.4 Kinh nghiệm phát triển bền vững du lịch của một số địa phương trong và ngoài nước, bài học kinh nghiệm rút ra cho tỉnh Ninh Bình**

### **2.4.1 Kinh nghiệm trên thế giới**

#### ***Kinh nghiệm của Bali Indonesia***

Là một quốc gia nằm giữa Đông Nam Á và Châu Đại Dương. Indonesia gồm 13.487 hòn đảo và với dân số khoảng 237 triệu người, đứng thứ tư thế giới về dân số. Indonesia là quốc gia có số dân theo Hồi giáo đông nhất thế giới là một thành viên sáng lập của ASEAN và là thành viên của G-20 nền kinh tế lớn. Nền kinh tế Indonesia là nền kinh tế thứ 16 toàn cầu theo GDP danh nghĩa và thứ 15 theo sức mua tương đương. Bali là một hòn đảo của Indonesia, một nơi phát triển bền vững du lịch được đánh giá thành công, Trước khi phát triển du lịch, nơi đây là vùng kém phát triển, hoang sơ cả về văn hóa truyền thống. Nhờ chính sách vĩ mô và vi mô sự phối kết hợp của những doanh nghiệp dịch vụ du lịch, cộng đồng dân cư địa phương biến nơi đây thành khu du lịch sinh thái nổi tiếng. Về phía chính phủ xác định được cơ hội bền vững và tiêu chí đánh giá bền vững. Đó là những cơ hội :

Cơ hội về : Môi trường văn hóa, môi trường tự nhiên, môi trường cuộc sống và các hoạt động thúc đẩy du lịch.

Tiêu chí đánh giá bền vững : Hệ sinh thái, hiệu quả, công bằng, bản sắc văn hóa, cộng đồng, cân bằng và phát triển.

Đối với chính quyền địa phương, định hướng cho doanh nghiệp về quy hoạch điểm du lịch, sản phẩm, thị trường,.. hỗ trợ cho doanh nghiệp về cơ sở hạ tầng, đất đai, chính sách xúc tiến quảng bá,.. những doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh du lịch, các tổ chức cộng đồng địa phương đã chủ động xây dựng nội dung quy hoạch, kế hoạch những khu vực du lịch do mình quản lý dựa theo những tiêu chí thống nhất :

- Đánh giá sự giàu có của tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn hiện có.
- Nền văn hóa truyền thống bản địa (yếu tố văn hóa kết hợp).
- Cung cấp các lợi ích kinh tế xã hội nhằm giúp cuộc sống cộng đồng địa phương phát triển trong quá trình hoạt động.
- Các mối đe dọa ô nhiễm khi khai thác tài nguyên du lịch.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng có gắn kết với khu quy hoạch du lịch.

Quy hoạch lấy tiêu chí hài hòa giữa tự nhiên và môi trường kết hợp với ngành nghề khác, như trong xây dựng, phạm vi cây xanh chiếm 45% tổng diện tích, các khu du lịch, khách sạn, nghỉ dưỡng cách nhau tối thiểu 30m,.. Đối với quản lý tại một điểm du lịch, nơi đây áp dụng thành lập các ban quản lý có sự tham gia của cộng đồng địa phương như ở Alas Kedaton – một điểm du lịch ở Bali được quản lý bởi DESA ADAT (cộng đồng làng). Có thể thấy, phát triển bền vững du lịch tại Bali vẫn còn phải làm nhiều việc để phát triển hài hòa yếu tố kinh tế, xã hội, môi trường và muốn phát triển bền vững du lịch phải công tác chủ đạo là chính quyền kết hợp hài hòa cộng đồng địa phương, nhưng để làm được điều này cần phải mang lại lợi ích thật sự cho họ.

### **Kinh nghiệm của tỉnh Vân Nam**

Vân Nam là một tỉnh của Trung Quốc với địa hình phần lớn là đồi núi (chiếm 80% diện tích) được mệnh danh là “vương quốc thực vật” có giá trị to lớn về mặt sinh thái và du lịch. Do đó Vân Nam có nhiều địa điểm du lịch nổi tiếng kể cả về mặt nhân văn như Đại Lý, Lệ Giang, Thạch Lâm, Ngọc Long Tuyết,.. Là một tỉnh tập trung cư trú của nhiều dân tộc thiểu số như Nạp Xi, Thái, Lật Túc, Độc Long,.. tạo nên nhiều nét văn hóa dân tộc đặc sắc thu hút sự hiếu kỳ tìm hiểu khám phá của du khách. Với tiềm năng và thế mạnh về tài nguyên tự nhiên và nhận thức được hiệu quả về kinh tế xã hội và môi trường, chính quyền địa phương Vân Nam xác định bốn ngành kinh tế cột trụ của Vân Nam: Sản xuất thuốc lá, các chế phẩm sinh học, khai thác mỏ và du lịch. Phát triển bền vững du lịch với sự quản lý chặt chẽ những đối tượng bằng các công cụ quản lý và sự phối hợp giữa các ngành và địa phương, chủ yếu những việc sau :

- Phát triển du lịch theo quy hoạch
- Phát triển những loại hình du lịch bền vững
- Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch được đầu tư phù hợp với môi trường và yêu cầu của hoạt động du lịch.
- Chú trọng công tác bảo vệ môi trường.
- Đào tạo nguồn nhân lực du lịch thích ứng với yêu cầu phát triển.



Với sự quản lý khai thác tài nguyên du lịch được thống nhất cao gắn kết giữa cộng đồng dân cư và chính quyền, doanh nghiệp, du khách tạo nền tảng cho du lịch ở đây phát triển một cách bền vững, lâu dài, Đó là việc ban hành và thực thi chính sách du lịch, Điều lệ du lịch Vân Nam (2005), ngày 25 /4/2013. Ở các địa điểm du lịch thì đều có các quy định rõ ràng cho các nhà quản lý, người kinh doanh và khách du lịch phải thực hiện một cách nghiêm túc. Cơ sở lưu trú, dịch vụ phục vụ du khách đều phải làm theo mẫu thống nhất phù hợp với khu du lịch, không có hiện tượng chèo kéo khách mua hàng, hiện tượng ăn xin, các tệ nạn xã hội... Công việc thanh tra du lịch làm triệt để, chính những việc làm đó đã giúp cho cơ hội tăng thêm thu nhập cho địa phương đóng góp vào phát triển kinh tế, giải quyết vấn đề việc làm giảm sức ép lên nguồn tài nguyên thiên nhiên.

### **Kinh nghiệm của Đảo Nami – Hàn Quốc**

Đảo Nami nằm ở thành phố Chuncheon, cách thủ đô Seoul, Hàn Quốc khoảng 70km. Đây là hòn đảo xinh đẹp, nổi tiếng gắn liền với sự thành công của bộ phim “Bản tình ca mùa đông”. Năm 2013, đảo Nami thu hút gần 3 triệu khách du lịch, trong đó xấp xỉ 1 triệu khách quốc tế. Thành công của du lịch Nami được cơ quan quản lý du lịch giao cho một công ty Namisum và hướng vào 3 lĩnh vực chính của phát triển bền vững đó là phục hồi tài nguyên tự nhiên, phát triển văn hóa và nâng cao hiệu quả kinh tế.

Trong vấn đề tự nhiên giải quyết môi trường là vấn đề đầu tiên, với hoạt động mang tên “Cleanup Nami”. Trong 8 tháng, từ tháng 11 năm 2002 đến tháng 6 năm 2004, trên tổng diện tích 460 nghìn m<sup>2</sup>, cứ 10m công ty lại cho tiến hành đào đất để kiểm tra việc chôn rác thải bất hợp pháp để tiến hành xử lý. Bảo tồn và tôn tạo văn hóa được chính quyền của Đảo Nami chú trọng, chính quyền hướng khu du lịch trở thành một không gian văn hóa nơi mà văn hóa nghệ thuật được hòa mình cùng thiên nhiên của con sông Bắc Hàn. Một số tòa nhà trên đảo đã được tái kiến trúc trở thành khu trưng bày phức hợp với rất nhiều các loại hình nghệ thuật về văn hóa, kiến trúc, mỹ thuật khác nhau được trưng bày. Đồng thời tiến hành xây dựng mô hình quy hoạch cây xanh, ngừng việc phun thuốc bảo vệ thực vật để tạo thành rừng cây và thảm thực vật đẹp như ngày nay.

Đảo Nami đã tiến hành thử nghiệm để trở thành một không gian văn hóa nơi mà văn hóa nghệ thuật được hòa mình cùng thiên nhiên của con sông Bắc Hàn. Một số tòa nhà trên đảo đã được tái kiến trúc trở thành khu trưng bày phức hợp với rất nhiều các loại hình nghệ thuật về văn hóa, kiến trúc, mỹ thuật khác nhau được trưng bày. Trên đảo cũng có khu vực trưng bày riêng về các đạo cụ âm nhạc đại chúng đầu tiên của Hàn Quốc. Sự thành công của bộ phim “Bản tình ca mùa đông” những nỗ lực nhằm xây dựng một điểm du lịch phức hợp kết hợp giữa kinh tế văn hóa và môi trường mang đến thành công bền vững của của Nami.

#### ***2.4.2 Kinh nghiệm trong nước***

##### **Kinh nghiệm của tỉnh Quảng Bình**

Vườn quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng thuộc huyện Bố Trạch, Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình. Sau khi vườn quốc gia này được công nhận là di sản thế giới, chính quyền tỉnh Quảng Bình đã bổ sung ngành du lịch là một trong 4 ngành kinh tế mũi nhọn của địa phương. Chính quyền nơi đây lựa chọn Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng khai thác phát triển bền vững du lịch với các loại hình du lịch bền vững: Du lịch khám phá hang động bằng xuồng, du lịch sinh thái, khám phá hệ động thực vật. Tuy nhiên ở Phong Nha-Kẻ Bàng đang đứng trước nguy cơ một số loài quý hiếm bị tuyệt chủng và nguy cơ gây tổn hại đến thiên nhiên. Nói chung du lịch ở đây phát triển và có tiềm năng lớn trong tương lai, song vẫn còn rất nhiều bất cập, nguy cơ xâm hại đến môi trường tự nhiên. Đòi hỏi phải có sự quan tâm và hành động của ngành du lịch, ý thức của khách du lịch, người dân, cơ quan quản lý.

Đứng trước tình hình đó từ cấp bộ, sở đã có những chính sách cho Phong Nha Kẻ Bàng như sau: Tiếp tục đổi mới giáo dục - đào tạo để đáp ứng yêu cầu của phát triển trong thời đại ngày nay, giáo dục đào tạo đã trở thành động lực hàng đầu để phát triển kinh tế. Để phát triển du lịch được thực sự bền vững thì không chỉ đào tạo cán bộ du lịch mà còn phải có các chính sách đào tạo toàn dân (phổ cập) về ý thức bảo vệ tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn. Phát triển bền vững du lịch của Phong Nha tập trung vào những giải pháp:

-Nâng cao nhận thức cộng đồng về phát triển bền vững du lịch, cung cấp thông tin hai chiều một cách đầy đủ để cộng đồng hiểu được những lợi ích mà du lịch đem lại.

- Đảm bảo có sự tham gia của cộng đồng vào xây dựng và quy hoạch phát triển du lịch.

- Đảm bảo sự tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch. Mở các lớp nghiệp vụ về du lịch cho cộng đồng như hướng dẫn viên, nấu ăn ... Đầu tư vật chất cho người dân khai thác có hiệu quả tài nguyên du lịch.

- Đảm bảo có sự tham gia của cộng đồng vào việc giám sát quá trình thực hiện, giám sát quy hoạch phát triển du lịch.

- Tổ chức nghiên cứu các nhân tố tác động tiêu cực đến phát triển bền vững.

- Nhất thiết phải có sự đầu tư tài chính cho thông tin tuyên truyền, quảng cáo du lịch, thông qua các tổ chức hỗ trợ... Tuy nhiên, phải bảo đảm tiết kiệm nhất và có hiệu quả cao nhất.

### **Kinh nghiệm của Đà Nẵng**

Đà Nẵng là một thành phố thuộc Trung ương, nằm trong vùng Nam Trung Bộ, Việt Nam. Từ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Đà Nẵng lần thứ 20 đã xác định: “Đầu tư phát triển bền vững du lịch, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố”.

Phương hướng thực hiện của thành phố: Phát triển bền vững du lịch, ưu tiên phát triển du lịch biển, núi là hướng chủ yếu, đồng thời phát triển du lịch văn hóa - lịch sử, du lịch sinh thái, du lịch công vụ theo hướng xây dựng sản phẩm đặc thù và có sức cạnh tranh cao ở trong nước và khu vực. Phát triển du lịch Đà Nẵng gắn với quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế - xã hội thành phố và quy hoạch tổng thể du lịch cả nước.

Mục tiêu thực hiện: Trong giai đoạn 2015-2020, mục tiêu của ngành du lịch Đà Nẵng là phát triển nhanh và bền vững, có tính chuyên nghiệp, sản phẩm du lịch chất lượng cao, đa dạng, phấn đấu đến năm 2020 đón 8 triệu lượt khách du lịch, trong đó có 2 triệu lượt khách quốc tế.

Công tác quản lý: Mở rộng không gian và đa dạng hóa các loại hình dịch vụ phục vụ khách tại quần thể khu du lịch sinh thái Bà Nà-Suối Mơ; xây dựng sân Golf Bà Nà,...

Với những giải pháp: Giải pháp thứ nhất, cần xây dựng sản phẩm du lịch đặc trưng, có chất lượng cao; thúc đẩy hoàn thành các dự án về du lịch đã được phê duyệt.

Giải pháp thứ hai là đẩy mạnh liên kết và tăng cường hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch; liên kết để tạo sức mạnh trong hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch.

Giải pháp thứ ba là xây dựng môi trường du lịch văn minh, thân thiện và an toàn; thực hiện chiến dịch truyền thông trong cộng đồng, nâng cao nhận thức của cộng đồng xã hội về môi trường và phát triển du lịch; đầu tư nguồn nhân lực ở tất cả các lĩnh vực du lịch.

Giải pháp thứ tư là đào tạo và phát triển nguồn nhân lực du lịch có chất lượng nhằm bảo đảm tính chuyên nghiệp trong việc phục vụ khách du lịch; rà soát đánh giá số lượng và chất lượng nguồn nhân lực để xây dựng định hướng và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho phù hợp.

Đối với khu bán đảo Sơn Trà: Việc quy hoạch, phát triển tại bán đảo Sơn Trà theo hướng bền vững, đảm bảo phương châm bảo tồn đi đôi với phát triển. Có sự điều chỉnh về quy hoạch từ hơn 5.000 phòng xuống còn 1.600 phòng. Ngày 30/5/2017, UBND TP Đà Nẵng đã có báo cáo gửi Thủ tướng Chính phủ liên quan đến Quy hoạch tổng thể phát triển Khu Du lịch quốc gia Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Phê duyệt chủ trương đầu tư cho 25 dự án, trong đó có 18 dự án đầu tư phát triển du lịch có lưu trú cho nhà đầu tư trong nước với tổng diện tích theo quy hoạch là 1.222 ha và 7 dự án khác.

Chính những quyết sách đúng đắn của thành phố và sự đồng lòng của người dân cũng như doanh nghiệp thu hút lượt khách tham quan, du lịch đến Đà Nẵng năm 2016 đạt 5,51 triệu lượt, tăng 17,7% so với năm 2015, tổng thu du lịch đạt 16.000 tỷ đồng, tăng 24,7% so với năm 2015 đóng góp lớn vào thành công cho toàn ngành năm 2016 vừa qua.

### **2.4.3 Bài học rút ra cho tỉnh Ninh Bình**

Phát triển bền vững du lịch là một chủ đề được thảo luận rất nhiều ở các hội nghị và diễn đàn lớn nhỏ từ địa phương tới quốc tế, chung quy lại những thành công của các nước và địa phương đó là:

*Đối với cơ quan quản lý nhà nước*

- Công tác quy hoạch du lịch : Quy hoạch tiềm năng tài nguyên thiên nhiên, nhân văn đánh giá thực trạng, xác định những điểm yếu, thuận lợi, đánh giá hiện trạng nguồn tài nguyên phục vụ du lịch, định hướng phát triển du lịch và đề ra giải pháp thực hiện quy hoạch hợp lý, phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực du lịch là cốt lõi của sự thành công cho phát triển bền vững du lịch.

- Đa dạng hóa sản phẩm du lịch và hướng tới sản phẩm có giá trị cao phát triển sản phẩm giá trị cao, độc đáo và sáng tạo, phát huy lợi thế so sánh vùng miền.

- Hoàn thiện cơ chế chính sách, quản lý điều hành:

Cơ quan quản lý quan tâm về tính minh bạch và trách nhiệm của bộ máy hành chính, thiết chế pháp lý, nâng cao chất lượng các chính sách thu hút đầu tư, giảm thiểu những chi phí không chính thức cho các doanh nghiệp, thực hiện mô hình hành chính công hiện đại.

Tập trung vào công tác thông tin, tuyên truyền: Đối với hoạt động tuyên truyền về du lịch, có trách nhiệm cung cấp đầy đủ cho du khách những thông tin để nâng cao sự tôn trọng của du khách đến môi trường tự nhiên, xã hội và văn hóa khu du lịch. Quảng cáo đúng sự thật và không hứa hẹn những điều không có trong chương trình kinh doanh du lịch.

- Bảo vệ bền vững tài nguyên, môi trường phục vụ phát triển bền vững du lịch:

Xây dựng đề án bảo vệ môi trường, nâng cao năng lực ứng phó với các sự cố môi trường tại các khu du lịch, điểm du lịch; nghiên cứu xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn bền vững về môi trường trong khu, điểm du lịch phù hợp với tình hình phát triển du lịch từng địa phương. Phát triển bền vững du lịch vùng rừng, xây dựng quy chế quản lý và kiểm soát chất thải, chống xói mòn, bảo vệ các hệ sinh thái nhạy cảm khác. Hoàn thiện và cải cách một số chính sách thu hút, ưu đãi khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực du lịch (bao gồm: Các dự án đầu tư xây dựng khách sạn cao cấp, khu du lịch, du lịch sinh thái, các khu vui chơi giải trí...) phù hợp từng giai đoạn và bảo đảm cho sự phát triển bền vững.

*Đối với doanh nghiệp du lịch*

- Tích cực tham gia vào hoạt động bền vững du lịch theo chủ trương của chính quyền địa phương, thực hiện kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật.

- Tăng cường sự đầu tư phát triển hệ thống nhà hàng, khách sạn theo tiêu chuẩn trong nước và quốc tế. Xây dựng hệ thống xử lý nước thải, bảo vệ môi trường, hạn chế sử dụng và loại bỏ những hóa chất trong việc chăm sóc cơ sở du lịch. Dần dần sử dụng những nguyên vật liệu phục vụ trong phát triển hoạt động kinh doanh theo hướng thân thiện môi trường.

- Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ tiên tiến trong việc tiết kiệm nguồn năng lượng, hướng tới sử dụng năng lượng từ gió, mặt trời và các nguồn khác góp phần giảm chi phí đầu vào cho doanh nghiệp.

#### *Đối với cộng đồng dân cư địa phương*

- Thực hiện phân loại, thu gom và xử lý rác thải, nước thải trước khi đưa ra môi trường; tích cực hưởng ứng và tham gia vào phong trào làm sạch môi trường tại địa phương.

- Hưởng ứng và duy trì cùng với doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước trong việc triển khai chương trình phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, như cung cấp điểm đến, cơ sở lưu trú, thực phẩm, sản phẩm lưu niệm...

- Tuyên truyền, giáo dục nhận thức cho các thế hệ trong gia đình về ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ di tích lịch sử văn hóa và thuần phong mỹ tục của dân tộc, thái độ ứng xử thân thiện với du khách.

#### *Đối với du khách*

- Chấp hành các quy định, nội quy của địa phương cũng như của cơ sở cung ứng dịch vụ du lịch về những mặt bảo vệ môi trường, an toàn an ninh trong khu, điểm du lịch, bảo tồn di tích lịch sử văn hóa vật thể phi vật thể,..Có thái độ văn minh lịch sự khi tham gia du lịch tại địa phương.

- Tham gia đóng góp ý kiến sau hành trình tham quan tại điểm du lịch về cách thức phục vụ, cảnh quan thiên nhiên, sản phẩm du lịch, môi trường, con người, ẩm thực... để các doanh nghiệp và chính quyền địa phương có sự điều chỉnh phù hợp.

## **Kết luận chương 2**

Chương 2 của luận án tập trung làm rõ những vấn đề về lý luận phát triển bền vững du lịch của một địa phương, nêu kinh nghiệm thành công trong và ngoài nước về phát triển bền vững du lịch. Nội dung chính gồm:

Khái niệm về phát triển bền vững du lịch, tác động của phát triển bền vững du lịch và vai trò 3 trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường. Trên cơ sở mô hình phát triển bền vững xác định nội dung cần phát triển bền vững của một địa phương. Luận án tổng hợp những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát triển và căn cứ vào những tiêu chí đánh giá trong và ngoài nước xây dựng tiêu chí đánh giá bền vững du lịch của một địa phương dựa trên tác động tới kinh tế, xã hội và môi trường cho một địa phương về lĩnh vực du lịch.

Tổng hợp những bài học của những địa phương trong và ngoài nước về phát triển bền vững, nêu nên những yêu cầu cho những đối tượng tham gia trong mô hình phát triển bền vững.

## **CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DU LỊCH CỦA TỈNH NINH BÌNH GIAI ĐOẠN 2007- 2016**

### **3.1 Điều kiện hiện nay và một số kết quả phát triển du lịch Ninh Bình**

#### **3.1.1 Điều kiện tự nhiên và tiềm năng cho phát triển bền vững du lịch của Ninh Bình**

##### **3.1.1.1 Vị trí địa lý và tài nguyên du lịch**

Là một tỉnh nằm phía Nam đồng bằng Bắc Bộ, Phía Bắc giáp Hà Nam, phía Đông giáp Nam Định, Đông Nam giáp biển, Tây và Tây Nam giáp Thanh Hóa, Hòa Bình. Nằm cách thủ đô Hà Nội 90km. Một trong những tỉnh có biển, có rừng thuận lợi cho giao thông thương mại, cho phát triển du lịch và giao lưu quốc tế.

Địa hình đa dạng, vừa có đồng bằng, đồi núi, nửa đồi núi và vùng ven biển. Với các dãy đá vôi, núi nhiều thạch sét, sa thạch, đồi đất đan xen các thung lũng, đầm lầy, ruộng trũng, .. tài nguyên thiên nhiên đa dạng, có nhiều tiềm năng phát triển loại hình du lịch bền vững.

*\*Tài nguyên du lịch tự nhiên:* Với diện tích 1390,11km<sup>2</sup>, Ninh Bình, có núi đồi đồng bằng, vùng ven biển mang đầy sắc thái địa hình của một Việt Nam thu nhỏ, có tiềm năng du lịch đa dạng và phong phú. Thiên nhiên đã ban cho vùng đất này những danh lam, thắng cảnh như quần thể hang động Tràng An, Tam Cốc – Bích Động,.. vườn quốc gia Cúc Phương, khu bảo tồn ngập nước Vân Long, khu du lịch sinh thái Yên Thắng,...những tài nguyên tự nhiên có giá trị về sinh vật, khảo cổ, là tiền đề cho nhiều loại hình du lịch bền vững, du lịch sinh thái, du lịch nông thôn,... Đặc điểm về địa hình tạo nên những khu ngập nước như khu Vân Long, khu sinh thái Yên Thắng, Yên Thái, Hồ Đồng Chương, Hồ Đồng Thái... nhiều hang động đẹp, còn mang nét nguyên sơ, là nguồn tài nguyên có giá trị, tiềm năng cho sản phẩm du lịch bền vững rất lớn. Thảm thực vật rừng phong phú, tập trung ở vườn quốc gia Cúc Phương. Hệ thống sinh thái ven biển: Với 2 cồn nổi là Cồn Thoi và Hòn Nẹ cùng với thảm thực vật ngập mặn đã hình thành tạo thành nơi cư trú của nhiều loài sinh vật, đặc biệt một số loài quý hiếm như Cò thìa,..đây cũng là nguồn tài nguyên du lịch ý nghĩa với phát triển bền vững du lịch của Ninh Bình.



*\*Tài nguyên du lịch nhân văn:* Là những giá trị vật chất cũng như tinh thần do bàn tay và khối óc trong quá trình chung sống của cộng đồng các dân tộc anh em sáng tạo và gìn giữ trong giòng chảy cuộc sống. Các tài nguyên này bao gồm những di tích lịch sử -văn hóa, di tích lịch sử, các làng nghề truyền thống, những giá trị văn hóa dân gian lễ hội thể hiện bản sắc văn hóa đặc sắc của Ninh Bình và là nguồn lực quan trọng cho phát triển bền vững du lịch.

- *Nhóm di tích lịch sử văn hóa:* Một trong những địa phương có nhiều di tích lịch sử như Cố đô Hoa Lư, Đền Vua Đinh, Đền Vua Lê, Đền Thái Vy, Chùa Bích Động, Chùa Địch Lộng,...

- *Nhóm lễ hội:* Lễ hội cũng đa dạng và phong phú, có lễ hội tương như anh hùng dân tộc, như lễ hội đền Thái Vi, Lễ hội Đền vua Đinh – Vua Lê,..lễ hội mang giá trị tâm linh, lễ hội chùa Địch Lộng, lễ hội đền Nguyễn Công Trứ,.. Lễ hội chùa Bái Đính không chỉ Ninh Bình mà cả khu vực lớn của cộng đồng người Việt trong và ngoài nước.

- *Nhóm làng nghề:* Đến với Ninh Bình làng nghề phải kể tới nghề thêu ren Ninh Hải, Chạm khắc đá Ninh Vân, mỹ nghệ cói Kim Sơn,..những làng nghề với truyền thống lâu đời gắn với nếp sinh hoạt nơi đây.

Món ăn có thể giới thiệu cùng du khách như: Cơm cháy, nem chua, rượu,... sản phẩm, thực phẩm du lịch vùng miền tạo nên nét độc đáo cho bức tranh toàn cảnh du lịch của Ninh Bình là điều thu hút du khách.

Với nguồn tài nguyên thiên nhiên và nhân văn phong phú, văn hóa đa dạng gắn với nhiều thời kỳ phát triển của Việt Nam, những công trình của thiên nhiên qua rất nhiều năm hình thành nên và nét văn hóa của cộng đồng dân tộc, nghệ thuật ẩm thực tại nơi đây và tín ngưỡng của nhiều tôn giáo khác nhau,..đây là tiền đề quan trọng cho phát triển du lịch, đặc biệt những loại hình du lịch bền vững.

### *3.1.1.2 Điều kiện về dân cư, kinh tế xã hội*

Dân số Ninh Bình chiếm 5,07% dân số vùng Đồng bằng Sông Hồng và chiếm 1.1% dân số của cả nước 927.000 người. Trong đó 48,76% là Nam và 51,24 là Nữ. Dân số nông thôn chiếm 84,7%, mật độ dân số toàn tỉnh 664 người/km<sup>2</sup>. Cộng đồng các dân tộc trên địa bàn chủ yếu là người kinh chiếm 98,2%, số còn lại

là người Mường, người Dao, chủ yếu tập trung tại các dải núi đá vôi từ Hòa Bình Đi Thanh Hóa. Nhìn chung lực lượng lao động nhiều, tỷ lệ được đào tạo phục vụ trong ngành du lịch còn thấp, chất lượng nguồn nhân lực được đánh giá là khá so vùng Đồng Bằng Sông Hồng cũng như cả nước. Đây là một nhân tố rất thuận lợi để phát triển kinh tế, nhất là đối với các ngành, lĩnh vực thủ công mỹ nghệ và công nghiệp sử dụng nhiều lao động.

*Kinh tế xã hội của Ninh Bình:* Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) tăng liên tục qua các năm và đạt mức cao hơn tốc độ bình quân của cả nước qua các thời kỳ. Đến hết năm 2016, GRDP đạt gần 28.108 tỷ đồng (giá so sánh 2010); đặc biệt tổng thu ngân sách năm 2016 trên địa bàn đạt mốc 7.264 tỷ đồng. Đây cũng là năm tổng thu ngân sách của tỉnh đạt đỉnh cao mới. Cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, đồng thời có sự chuyển dịch tích cực giữa các thành phần kinh tế và các vùng trong tỉnh theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản. Năm 2016, giá trị tăng thêm khu vực ngành công nghiệp - xây dựng đã tăng lên chiếm 43% trong khi năm 1992 mới chỉ là 15,4%; khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản còn 14,7% và khu vực dịch vụ 42,3%. Kinh tế của Ninh Bình từng bước có sự chuyển dịch theo hướng hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế của tỉnh trong đó nhấn mạnh vào lĩnh vực du lịch, khu Tràng An – Bái Đính, Ngập nước Vân Long, đề ra nhiều giải pháp cho phát triển bền vững, thể hiện trong những chính sách về du lịch của tỉnh, về đầu tư, tôn tạo,..hướng tới phát huy cao nhất những lợi thế của Ninh Bình.

### ***3.1.1.3 Kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch***

*Hạ tầng giao thông:* Ninh Bình có 3 hệ thống đường giao thông chính đường bộ, đường thủy và đường sắt.

Hệ thống giao thông đường bộ gồm có: Quốc lộ 1A, 10, 45, 12B với tổng chiều dài trên 110 km; tỉnh lộ gồm 19 tuyến: 477,477B, 477C, 478, 478B, 479, 479C, 480, 480B, 480C, 480D, 480E, 481, 481D, 481E, 481B và các đường chính của TP Ninh Bình và TX Tam Điệp với tổng chiều dài hơn 293,6 km; huyện lộ dài

79 km và đường giao thông nông thôn 1.338 km. Cùng với, đường cao tốc Bắc - Nam đang xây dựng sẽ tạo ra lợi thế cạnh tranh trong phát triển, đặc biệt là du lịch.

- Hệ thống đường thuỷ gồm 22 tuyến sông trong đó Trung ương quản lý 4 tuyến (sông Đáy, sông Hoàng Long, sông Vạc và kênh nhà Lê) với tổng chiều dài gần 364,3 km. Có 3 cảng chính là cảng Ninh Bình, cảng Ninh Phúc và cảng K3 (thuộc nhà máy nhiệt điện Ninh Bình) cũng đã được nâng cấp. Hàng loạt các bến xếp dỡ hàng hoá, ụ tàu, khu neo tránh tàu thuyền nằm trên các bờ sông và cửa sông, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

-Tuyến đường sắt Bắc - Nam qua địa bàn tỉnh có chiều dài 19 km với 4 ga (ga Ninh Bình, ga Cầu Yên, ga Gènh và Đòng Giao), thuận lợi trong vận chuyển hành khách và hàng hoá, nhất là vận chuyển vật liệu xây dựng. Hệ thống đường sắt cao tốc đang được quy hoạch, thiết kế, khi đi vào hoạt động sẽ tạo thuận lợi lớn trong phát triển của tỉnh.

*Hạ tầng điện:* Hệ thống cung cấp điện gồm có 3 trạm biến áp 500 KV, 220 KV, 110KV. Đủ công suất phục vụ cho các tất cả các đối tượng trên địa bàn.

Hệ thống thông tin liên lạc, đặc biệt là cáp quang, Internet đã được nâng cấp toàn diện trong thời gian qua, tạo bước đột phá phục vụ phát triển. Đây là các hạng mục hạ tầng kỹ thuật rất quan trọng phục vụ các ngành kinh tế cần được quan tâm thường xuyên không chỉ hiện tại mà cả trong tương lai.

*Hạ tầng nước:* Các xã, huyện trong tỉnh hiện nay đều có nước sạch, đảm bảo đúng tiêu chuẩn quốc gia. Các vùng trong toàn tỉnh hầu như có nước sạch, với tiêu chuẩn 120 lít/người - ngày đêm cấp cho 97% dân số; dài hạn: 150 lít/người - ngày đêm cấp cho 90% dân số; Nước cấp cho hoạt động du lịch lấy bằng chỉ tiêu nước sinh hoạt; các tiêu chuẩn khác lấy theo quy phạm. Tùy theo nhu cầu của các cụm du lịch mà các nhà máy nước bố trí thời gian và công suất cấp nước, đảm bảo cung cấp nước sạch cho người dân và nhu cầu của các ngành kinh tế.

*Hạ tầng dịch vụ viễn thông, tài chính, ngân hàng:* Mạng lưới thông tin liên lạc đã được phủ khắp Ninh Bình với 8 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, cáp quang, cáp đồng, hệ thống Viba được đầu tư trên địa bàn toàn tỉnh đảm bảo sẵn sàng cung cấp dịch vụ internet tốc độ cao đến hầu hết các khu dân cư, các cơ quan,

nhà nước, trường học, bệnh viện. Hệ thống mạng ngoại vi, mạng truyền dẫn được các doanh nghiệp đầu tư, nâng cấp, chuyển đổi hoàn thiện.

Hệ thống tài chính ngân hàng: Bao gồm ngân hàng nhà nước và các ngân hàng chuyên doanh, hệ thống kho bạc từ tỉnh tới huyện, thị xã, các quỹ tín dụng,..thường xuyên được cải tiến về nghiệp vụ chuyên môn, tăng cường trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, thuận lợi cho quá trình thanh toán, trao đổi, giao dịch,.. ngoài ra hệ thống tài chính phong phú gia tăng khả năng đáp ứng vốn cho việc đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội của Ninh Bình.

*Cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch:* Thời gian qua với vị thế khai thác có hiệu quả tiềm năng phong phú về tài nguyên phục vụ phát triển du lịch, Ninh Bình từng bước khẳng định vị thế của ngành trong quy mô kinh tế của tỉnh, nhiều công trình được tu bổ tôn tạo phục vụ phát triển du lịch và kinh tế xã hội của tỉnh. Hạ tầng kinh tế xã hội được phát triển mạnh mẽ tạo điều kiện không chỉ ngành du lịch mà nhiều ngành nghề khác.

*Cơ sở lưu trú :* Cùng với xu hướng phát triển khách du lịch, sản phẩm du lịch bền vững, nhu cầu của du khách trong và ngoài nước cần sự gia tăng các khách sạn, khu nghỉ ngơi đạt tiêu chuẩn, tính cả số lượng đầu tư vào cơ sở lưu trữ. Ninh Bình đầu tư mạnh cho hình thức này .Tới 2016 có 432 cơ sở lưu trú trong đó có 41 khách sạn 1-2 sao, 4 khách sạn 3-4 sao, 6 khách sạn 3-5 sao tăng trung bình số khách sạn 27,8%/năm

**Bảng 3.1: Cơ sở lưu trú Ninh Bình 2009 - 2016**

Năm	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016
Tổng số CSLT	104	108	167	235	276	285	390	423
Tổng số buồng	1.589	1.690	2.546	3.628	4.153	4.372	5.335	5.798

*Nguồn CTKNB(2009-2016).*

Sự tăng nhanh về cơ sở lưu trú có thể thấy ngành du lịch mang lại lợi nhuận nên thu hút được các thành phần kinh tế tham gia vào lĩnh vực này. Sự phát triển mạnh mẽ của thành phần kinh tế tư nhân, nên Ninh Bình có nhiều khách sạn quy

mô vừa và nhỏ. Hiện tại với Ninh Bình có một thực tế, thừa khách sạn bình dân, thiếu khách sạn, cơ sở lưu trú quy mô, dẫn tới hệ lụy, sự cạnh tranh của phân cấp bình dân giá thấp, với khách sạn cao cấp giá quá cao, theo định hướng của cơ quan quản lý có sự phân bố hài hòa của hệ thống lưu trú, nhưng trong quá trình phát triển sự tập trung của khách sạn, cơ sở lưu trú cao cấp chỉ ở trung tâm Ninh Bình. Một số đoàn khách chỉ du lịch một số điểm của Ninh Bình sau đó họ trở về Hà Nội, hay tới những địa phương khác như Thanh Hóa, Hải Phòng,... điều đó giải thích tại sao nhiều đoàn khách trong nước và quốc tế chỉ tham quan một vài điểm du lịch nổi tiếng của Ninh Bình hay ghé lại chút thời gian, điều này ảnh hưởng tới doanh thu của hoạt động du lịch nói chung.

#### *3.1.1.4 Sản phẩm du lịch và thị trường khách*

*\*Sản phẩm du lịch:* Hiện nay du lịch Ninh Bình tập trung chủ yếu vào những loại hình du lịch bền vững, như du lịch tham quan danh lam thắng cảnh, du lịch văn hóa lịch sử, trong đó có du lịch nông thôn, du lịch sinh thái kết hợp với du lịch tham quan nghiên cứu, những sản phẩm cụ thể được phát triển trên cơ sở có thể phân loại thành những nhóm sản phẩm sau:

+*Nhóm sản phẩm tham quan danh lam thắng cảnh:* Cảnh quan quần thể danh thắng Tràng An, cảnh quan Tam Cốc - Bích Động, Cố đô Hoa Lư, cảnh quan Vân Long – Địch Lộ, Kênh Gà – Vân Trình – Động Hoa Lư,...

+*Nhóm sản phẩm du lịch văn hóa:* Các di tích lịch sử văn hóa Cố đô Hoa Lư, di tích lịch sử văn hóa khu vực Tam Cốc Bích Động, Chùa Bái Đính, Nhà thờ Đá,..

+*Nhóm sản phẩm du lịch sinh thái:* Du lịch sinh thái khu Tràng An, Du lịch sinh thái vườn quốc gia Cúc Phương, du lịch sinh thái bảo tồn ngập nước Vân Long

+*Nhóm các sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí và nghỉ cuối tuần ở các vùng cảnh quan:* Du lịch nghỉ dưỡng vùng sinh thái Vân Long, du lịch nghỉ dưỡng hồ Cúc Phương, Đồng Chương, Yên Thắng.

Hiện nay, Ninh Bình có 7 khu du lịch chính là: Khu du lịch sinh thái Tràng An – Tam Cốc Bích Động – Cố đô Hoa Lư; Khu du lịch trung tâm thành phố Ninh Bình, khu du lịch Vườn Quốc gia Cúc Phương – Kỳ Phú – hồ Đồng Chương; Khu

du lịch suối nước nóng Kênh Gà – động Vân Trình – khu bảo tồn đất ngập nước Vân Long – chùa Địch Lộng – động Hoa Lư; Khu du lịch thị xã Tam Điệp – phòng tuyến Tam Điệp – Biện Sơn; Khu du lịch hồ Yên Thắng – hồ Đồng Thái – động Mã Tiên; Khu du lịch vùng ven biển Kim Sơn.

Sản phẩm du lịch được đầu tư khai thác mạnh trong thời gian qua là sản phẩm du lịch bền vững, tại một số điểm có sự đầu tư mạnh nhưng chưa phát huy được thế mạnh như Kim Sơn. Có thể nhận thấy thời gian qua việc phát triển loại hình sản phẩm du lịch phù hợp với quan điểm, định hướng của chính quyền Ninh Bình. Tuy nhiên loại hình và sản phẩm du lịch chưa xứng tầm với tài nguyên du lịch, ngoài sản phẩm chính dịch vụ hỗ trợ kèm theo chưa đáp ứng nhu cầu của du khách, chính vì vậy thời gian qua lượng khách tuy đông, khả năng chi trả lớn nhưng doanh thu không cao, cần có những giải pháp của chính quyền và doanh nghiệp, từng bước đưa Ninh Bình thành khu du lịch lớn của cả nước.

*\*Thị trường khách:* Khách tới Ninh Bình được phân 2 loại, thị trường khách quốc tế và thị trường khách nội địa. Xác định thị trường khách của Ninh Bình căn cứ vào một số tiêu chí chính như xu hướng, dòng khách, tiềm năng du lịch của địa phương, hệ thống khách sạn, sản phẩm du lịch đặc trưng, đặc điểm tâm lý xã hội,...

+ *Thị trường khách quốc tế:*

-*Thị trường khách Tây Âu:* Đây là thị trường quan trọng chiếm tỷ lệ khá cao trong lượng khách quốc tế tới Ninh Bình. Hai thị phần quan trọng là Pháp chiếm khoảng 20% thị phần, Anh chiếm khoảng 6-7% thị phần, Đức chiếm khoảng 4-5 %, ngoài ra còn có du khách từ Thụy Sĩ, Đan Mạch, Hà Lan, Thị trường này đang có xu hướng chững lại. Thị trường khách này có khả năng chi trả cao, đòi hỏi dịch vụ tương đối cao và hoàn hảo, vì sản phẩm thị trường này ưa thích chủ yếu du lịch sinh thái, tham quan thắng cảnh, mạo hiểm. Do vậy việc phục vụ du khách ở thị trường này rất khó, đòi hỏi tính chuyên nghiệp trong tất cả chuỗi mắt xích.

- *Thị trường khách Đông Á – Thái Bình Dương:* Chiếm tới 50% thị trường khách quốc tế tới Ninh Bình có xu hướng phát triển trong thời gian tới, bao gồm Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, Trung Quốc, Các nước ASEAN và Australia.

*Thị trường Nhật Bản:* Khách Nhật tới Ninh Bình chủ yếu là tham quan và thương mại, hội nghị hội thảo, văn hóa lịch sử. Đang trang đà phát triển trong thời gian hiện nay. Họ đòi hỏi chất lượng dịch vụ rất cao, họ thường ở những khách sạn, khu lưu trú cao cấp nhất của Ninh Bình. Vấn đề đặt lên hàng đầu của du khách Nhật là vấn đề an toàn thực phẩm, tất cả nguồn gốc thực phẩm đối với người Nhật phải được công bố, khả năng chi trả của thị trường này rất cao.

*Thị trường khách Trung Quốc:* Đang trong đà tăng mạnh trong thời gian hiện nay, khả năng chi tiêu của họ ở mức trung bình, tuy nhiên yêu cầu sản phẩm dịch vụ của họ cũng không cao, họ sử dụng khu lưu trú và khách sạn trung bình, ít khi sử dụng những dịch vụ cao cấp. Sản phẩm du lịch ưa thích của họ tham quan, nghỉ dưỡng, mua sắm.

*Thị trường khách Đài Loan:* Có dấu hiệu giảm, khách du lịch tới Việt Nam thông thường theo đường hàng không, khả năng chi tiêu của họ tương đối cao, sản phẩm du lịch của họ chủ yếu tham quan, thắng cảnh, mạo hiểm, trong cơ cấu chi tiêu của họ, 67% cho ăn uống, số còn lại cho dịch vụ khác.

*Thị trường khách Hàn Quốc:* Có xu hướng gia tăng thời gian gần đây, khách du lịch chủ yếu là khách công vụ kết hợp du lịch, khách thăm thân nhân, họ có những sở thích giống người Nhật, khả năng chi trả ở mức trung bình.

*Thị trường khách ASEAN:* Có xu hướng tăng chậm, đặc điểm của thị trường khách này chi tiêu bình thường, mục đích đi du lịch lấy thương mại và tham quan là chính, đòi hỏi chất lượng sản phẩm dịch vụ không cao, tuy nhiên với điều kiện đi lại trong khu vực ngày một dễ dàng và nhiều loại hình phương tiện, nên đây là một thị trường cần khai thác mạnh trong thời gian tới.

- *Thị trường Bắc Mỹ:* Thị trường khách có nhiều triển vọng, chiếm khoảng 8-10% thị phần khách du lịch quốc tế tới Ninh Bình, họ có xu hướng giống khách Tây Âu. Tuy nhiên họ không yêu cầu cao như du khách Tây Âu, họ có khả năng thanh toán cao có nhu cầu về sản phẩm du lịch mang những nét độc đáo, mới lạ.

Khách quốc tế Ninh Bình gia tăng trong những năm qua, do xu hướng thông thoáng của quốc tế, Việt Nam là thành viên của các tổ chức lớn trên thế giới ASEAN, WTO,.. chính sách xuất nhập cảnh, đơn giản hóa những thủ tục đối với một số quốc

gia,. Năm bắt được xu thế đó, Ninh Bình chủ động có bước khai thác thế mạnh cũng như chuẩn bị trước, về nhân sự chuẩn bị kỹ năng như ngoại ngữ, chứng chỉ,... cơ sở hạ tầng tập trung đầu tư thêm những cơ sở vật chất phục vụ ngành du lịch, đối với từng loại thị trường mỗi nước đều có sự chuẩn bị chu đáo.

+ *Thị trường khách nội địa*: Ninh Bình khách nội địa có thể đi lẻ hay đi theo đoàn, hoặc phân thành những nhóm khách chính, nhu cầu về loại hình sản phẩm chủ yếu loại hình du lịch bền vững:

- *Khách du lịch thương mại, du lịch đô thị*: Nhóm khách này chủ yếu đến từ các thành phố như Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, đối tượng chính của nhóm này là những cán bộ, công nhân viên trong nhà nước hoặc cơ quan doanh nghiệp. Thông thường lượng khách gia tăng mùa lễ hội, kỳ nghỉ, hoặc kết hợp giữa công tác với du lịch, nếu làm tốt công tác quảng bá liên kết, đây là lượng khách thường xuyên diễn ra quanh năm, yêu cầu về sản phẩm, dịch vụ du lịch tương đối cao, khả năng chi tiêu của nhóm này khá cao họ thường sử dụng dịch vụ du lịch cao cấp của Ninh Bình.

- *Khách du lịch lễ, tín ngưỡng*: Trong thời gian gần đây lượng khách này gia tăng ở Ninh Bình, số lượng khách lớn về đầu năm và cuối năm, tập trung chủ yếu tại những trung tâm tín ngưỡng như: Chùa Bái Đính, Tràng An, Tam Cốc – Bích Động, Phát Diệm,.. Đối tượng chính của nhóm khách này những người lớn tuổi, thời gian rảnh rỗi nhiều, những người buôn bán kinh doanh, yêu cầu của sản phẩm dịch vụ không cao, khả năng chi trả ở mức trung bình, tuy nhiên để Ninh Bình trở thành trung tâm du lịch, lượng khách này được duy trì sẽ tạo hiệu ứng cho nhiều dịch vụ khác.

- *Khách du lịch thắng cảnh*: Đối tượng chính thuộc nhiều lứa tuổi, đến từ mọi miền trong nước, sự chi trả của nhóm khách này tương đối cao, họ có yêu cầu cao về dịch vụ và sản phẩm du lịch, ngoài vẻ đẹp từ thiên nhiên còn là cung cách phục vụ của nhân viên.

- *Khách du lịch sinh thái, nông thôn, văn hóa*: Chủ yếu nhóm khách trẻ, đặc biệt là học sinh sinh viên và các nhà nghiên cứu, đây là loại hình du lịch thế mạnh của Ninh Bình, với Vân Long, Cúc Phương,.. thu hút nhiều lượt khách. Đặc điểm của nhóm khách này, thông thường đi du lịch đông, yêu cầu về sản phẩm du lịch không



cao, khả năng chi trả cao, họ thường sử dụng những dịch vụ bình dân và khám phá những nét văn hóa lịch sử của Ninh Bình.

*- Khách du lịch cuối tuần, nghỉ dưỡng*

Đối tượng chủ yếu là người trong phạm vi bán kính khoảng 100 – 150km, họ đến từ Hà Nội, Thanh Hóa, Nghệ An,...sản phẩm du lịch thu hút nhóm khách này những loại hình du lịch bền vững, thông thường họ chỉ đến 1 điểm nào đấy của Ninh Bình, đi với số lượng ít, nhóm khách đi theo gia đình hoặc một số gia đình tổ chức, nên yêu cầu về sản phẩm và dịch vụ của họ tương đối cao, khả năng chi trả bình thường. Loại nhóm khách này có xu hướng gia tăng, do điều kiện đi lại thuận tiện và phương tiện giao thông cá nhân ngày một phát triển.

### *3.1.1.5 Tình hình đầu tư cho phát triển du lịch*

Nhận thức của các ngành, các cấp và của nhân dân về phát triển bền vững du lịch được nâng cao, từ lợi ích mà hoạt động bền vững du lịch mang lại kinh tế, xã hội và môi trường không chỉ tác động trong phạm vi ngành du lịch mà tới nhiều ngành nghề khác. Nó không chỉ là động lực thúc đẩy mà còn có sức lan tỏa hỗ trợ các ngành kinh tế khác phát triển. Chính vì thế thời gian qua đã có nhiều hoạt động đầu tư từ chính quyền và doanh nghiệp đối với lĩnh vực du lịch.

Với vốn của ngân sách Trung ương và của tỉnh chủ yếu thực hiện những hạng mục công trình cơ bản như cầu đường, cống, san lấp, nạo vét,...thực hiện trên quan điểm nhà nước làm công trình công ích. Về đầu tư ngoài nhà nước, riêng năm 2016 đã cấp giấy chứng nhận đầu tư cho 440 dự án, với tổng vốn đăng ký trên 73.240 tỷ đồng (gồm sản xuất công nghiệp 269 dự án, nông nghiệp 40 dự án, dịch vụ 131 dự án). Trong đó, thu hút được 27 dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), với tổng vốn đăng ký trên 595,7 triệu USD. Dự án du lịch năm 2007 – 2016 tổng là 66 dự án. (Chiếm khoảng 15% tổng dự án hàng năm) Hoạt động du lịch có nhiều dự án đầu tư xây dựng tại các khu, điểm du lịch như Khu du lịch sinh thái Tràng An; Tuyến du lịch sinh thái Linh Cốc - Hải Nham; Khu Du lịch sinh thái Hồ Đồng Chương; Các dự án chủ yếu là đầu tư xây dựng các cơ sở lưu trú, khách sạn du lịch cao cấp, đầu tư phát triển các khu du lịch và khu vui chơi,

giải trí hiện đại nhằm đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, đầu tư phát triển các trung tâm dịch vụ, du lịch.

**Bảng 3.2: Tổng hợp các dự án đầu tư xây dựng cơ bản Ninh Bình từ 2007 – 2016**

Chỉ tiêu	Số lượng	Tổng số vốn
I. Dự án đã được cấp phép	66	20087.7
Số dự án hoạt động	33	9336.6
II. Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng	25	13437.5
Số dự án hoàn thành	14	4843.6
Nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ cho phát triển du lịch	9	12568.3
Ngân sách trung ương	6	10073.3
Ngân sách địa phương	3	2495

*Nguồn: SKHĐTNN(2007 – 2016)*

Nhiều công trình trọng điểm được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước đã phát huy hiệu quả: Dự án khu du lịch sinh thái Tràng An, dự án nạo vét sông Sào Khê, nâng cấp đê Hoàng Long và Sông Đáy kết hợp với Tuyến du lịch Cúc Phương – Kim Sơn,.. nguồn ngoài ngân sách cũng phát huy tác dụng đã có 41 khách sạn 1-2 sao, 4 khách sạn 3- 4 sao, 6 khách sạn 3-5 sao đi vào hoạt động với tốc độ tăng trưởng bình quân của khách sạn 27.85%.

Hiện nay tỉnh Ninh Bình tập trung huy động nguồn vốn ngoài ngân sách, những chính sách ưu đãi cụ thể nhằm kêu gọi những nhà doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào những cơ sở vật chất, có giá trị lớn như: Trung tâm dịch vụ, Kỳ Phú, Nho Quan với giá trị đầu tư 120 triệu USD, Khu vui chơi giải trí theo chủ đề, Kỳ Phú, Nho Quan giá trị 100 triệu USD... Căn cứ lượng khách và những tiêu chí đầu tư, tùy từng nhà đầu tư xem xét tiêu chí lựa chọn đầu tư tại Ninh Bình. quan điểm phát triển bền vững du lịch và thực hiện những chính sách ưu đãi của chính quyền địa phương về vốn vay, về thuê đất... đang là cơ hội lớn cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước khi đầu tư vào du lịch Ninh Bình. Ngoài ra việc hỗ trợ đào tạo cho tất cả các loại hình doanh nghiệp trong và ngoài nước hoạt động trên địa bàn Ninh Bình. Vẫn đang thực hiện theo quyết định 87/2008/ QĐUB ngày 15/8/2008 của UBND về việc hỗ trợ kinh phí đào tạo cho doanh nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo

lao động phổ thông, doanh nghiệp gửi lao động đi đào tạo cũng dự phần hỗ trợ. Ninh Bình còn hỗ trợ đầu tư, hỗ trợ thủ tục hành chính qua Nghị Quyết 35/NQ – CP ngày 16/5/2016 về việc hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn đến năm 2020 hỗ trợ cho hoạt động bền vững du lịch, việc thực hiện đẩy nhanh công tác xúc tiến đầu tư vào khu, cụm du lịch.

### **3.1.2 Kết quả hoạt động du lịch của Ninh Bình**

*Khách du lịch tới Ninh Bình:* Với sự cố gắng từ chính quyền địa phương liên tục có sự thay đổi những chính sách phát triển bền vững du lịch của tỉnh, du lịch Ninh Bình đã có bước phát triển mạnh mẽ. Tính từ năm 2013 tổng lượng khách của Ninh Bình đã đón 4,5 triệu lượt khách, trong đó khách quốc tế trên 521 nghìn lượt, khách nội địa trên 3.9 triệu lượt. Khách quốc tế chiếm trung bình khoảng 20% so với tổng lượng khách

Năm 2014 Ninh Bình đón kém hơn 2013, vẫn đạt trên 4 triệu lượt, năm 2015 đạt gần 6 triệu lượt. Năm 2016 Ninh Bình đón 6,5 triệu lượt khách, trong đó lượng khách nội 5,8 triệu lượt, lượng khách ngoại 0.71 triệu lượt. Tốc độ tăng trưởng trung bình giai đoạn 2007 - 2016 khoảng 1.78%.

**Bảng 3.3: Kết quả kinh doanh của ngành du lịch tỉnh Ninh Bình từ 2005 - 2016**

Năm	Nộp ngân sách N (tỷ đồng)	Khách quốc tế		Khách nội địa		Thu nhập từ du lịch	
		Số lượng (Nghìn lượt)	Tốc độ tăng trưởng (%)	Số lượng (Nghìn lượt)	Tốc độ tăng trưởng (%)	Tổng số (triệu đồng)	Tốc độ tăng trưởng (%)
2007	800	583.9	20.3	935.2	20.3	520.540	108.0
2008	780	567.1	-2.9	1331.8	42.4	790.760	53.8
2009	940	613.5	8.2	1774.7	33.2	950.670	18.8
2010	840	699.2	13.9	2617.0	47.5	850.870	-10.1
2011	580	667.4	-4.5	2932.6	12.1	890.667	64.7
2012	805	675.6	1.2	3036.4	3.5	805.438	10.7
2013	907	521.5	-22.8	3877.2	27.7	907.327	8.9
2014	936	500.1	1.4	4079.1	8.5	936.326	6.4
2015	1421	603.1	12.1	5403.2	14.1	1421.453	13.8
2016	1725	716.5	19.2	5813.6	15.2	1725.345	15.1

*Nguồn CTKNB(2005-2016)*

*Thị trường du lịch quốc tế:* Thị trường trọng điểm là Bắc Mỹ, Úc, Newzeland, Đông Bắc Á, Pháp và Tây Âu phát triển mạnh, số ngày khách lưu trú trung bình tại Ninh Bình đạt 1,5 ngày. Lượng du khách quốc tế đóng góp nhiều vào doanh thu cho ngành du lịch, tuy nhiên nhìn về mức độ gia tăng lượng khách này chưa được nhiều, nếu như 2007 là 583.906 lượt, tới 2014 là 500.831 lượt, năm 2015 là 603.125 lượt khách, năm 2016 là 716,5 ngàn lượt, cơ cấu khách tập trung nhiều vào thị trường Đông Bắc Á, như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Nga...chiếm tới 49,34%. Thị trường Tây Âu chủ yếu khách Pháp, Anh, Đức, Thị trường Úc và Niu Di Lân có nhưng ít. Mục đích của du khách quốc tế tới Ninh Bình chủ yếu tham quan du lịch thuần túy, chiếm 85% trong tổng lượng khách, các mục đích thương mại chiếm 3%, khách thăm thân nhân chiếm 4%, khách đi với mục đích khác chiếm 10%. (Báo cáo hàng năm về tình hình phát triển du lịch của Sở du lịch Ninh Bình).

*Thị trường khách nội địa:* Những đối tượng chính, khách du lịch thương mại, du lịch đô thị, chủ yếu đến từ Hà Nội và các thành phố lớn, chủ yếu là cán bộ công nhân viên trong các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp,.. thông thường có sự kết hợp giữa đi công tác và đi du lịch, khả năng chi trả cho lại khách này tương đối cao, tập trung nhiều vào ăn uống, sử dụng nhiều dịch vụ cao cấp, loại du khách này diễn ra quanh năm, với tốc độ phát triển 3 năm trở lại đây 2014 là 8.5% năm 2016 là 14.1% năm 2016 là 15.2%. Lượng du khách nội địa gia tăng hàng năm tuy nhiên số lượng tăng, nhưng chất lượng đánh giá không cao, khả năng chi trả chủ yếu là ăn uống nên đóng góp vào kinh tế chung của địa phương chưa cao. Qua các cuộc phỏng vấn du khách, xem xét nguồn khách du lịch đến tham quan, có thể nhận thấy tỷ lệ phần trăm khách du lịch quay trở lại tham quan các điểm, khu du lịch Ninh Bình là không lớn, chỉ chiếm vào khoảng 15%. Vào những ngày cao điểm, khi số lượng du khách vượt quá sức chứa, chất lượng phục vụ du lịch ở đây không được đảm bảo, gây nhiều bức xúc cho khách tham quan.

*Cơ cấu doanh thu:* Khách du lịch tới Ninh Bình (cả khách quốc tế và khách nội địa) đều chi tiêu nhiều cho dịch vụ ăn uống, lưu trú. Doanh thu từ những hoạt động giải trí, bán hàng, chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu du lịch. Doanh thu từ hoạt động du lịch phụ thuộc vào mức độ chi tiêu của du khách, đối với Ninh Bình,

số lượng khách rất lớn nhưng doanh thu chưa cao, lượng du khách chi tiêu vào lưu trú lớn nhất, giảm dần qua các năm.(Bảng 3.4).

Đối với du khách nước ngoài chi tiêu cho dịch vụ lưu trú 26,78% năm 2007, đến năm 2016 giảm còn 22,1%. Khách nội địa 21,2% năm 2007 đến 2014 giảm 15,06%, tuy vậy cơ cấu này càng giảm hơn nữa. Đối với ăn uống, (Khách quốc tế năm 2007 35.42% tới năm 2016 giảm còn 25,4%. Khách nội địa 40,4% năm 2007 đến 2016 giảm 33,12%) đây là dịch vụ mà du khách chi tiêu nhiều nhất, tuy rằng giảm nhiều nhưng mục tiêu của du lịch Ninh Bình cần giảm hơn nữa, vì chi tiêu cho lưu trú và ăn uống là phần không thể thiếu.

Mua sắm tỷ trọng chi tiêu của du khách, với khách quốc tế và khách nội địa vẫn khoảng gần 70% cho lưu trú và ăn uống, chi phí cho mua sắm trên 10%, lữ hành trên 10% và dịch vụ khác khoảng 10%. Phần chi tiêu đã phản ánh đúng về ngành du lịch của Ninh Bình, sản phẩm phụ trợ du lịch Ninh Bình thiếu và yếu, thiếu sản phẩm chất lượng đặc sắc, khu vui chơi giải trí, các dịch vụ bổ sung cần phong phú, cần thêm nguồn bổ sung cho những sản phẩm này

**Bảng 3.4: Cơ cấu chi tiêu của du khách**

Cơ cấu chi tiêu \ Năm										
	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016
<b>QT</b>										
Lưu trú	26.78	26.56	23.5	22	21.22	22.13	21	20.3	21.3	22.1
Ăn uống	35.42	30.25	22.3	29	30.34	21.6	27.4	26.4	25.4	25.4
Lữ Hành, vận chuyển	10.09	11.43	14.3	14.34	9.3	12.31	13.4	16.8	17.2	17.8
Mua sắm	13.37	14.22	15.6	17.78	16.6	17.4	16.8	19	20.1	20.7
Dịch vụ khác	14.34	17.54	24.3	16.88	22.54	26.56	22.4	19.5	16.5	16.5
<b>Tổng cộng</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
<b>Nội Địa</b>										
Lưu trú	21.2	19.56	20.5	18.78	18.22	17.21	18.67	16.67	15.56	15.06
Ăn uống	40.4	39.25	38.3	37.7	36.34	38.32	39.32	37.91	36.31	33.12
Lữ Hành, vận chuyển	13.5	11.43	14.3	14.34	13.56	10.23	11.32	13.47	14.64	16.34
Mua sắm	13.37	14.22	15.6	12.78	15.23	16.78	15.43	15.37	18.37	19.37
Dịch vụ khác	11.53	15.54	11.3	16.4	16.65	17.46	15.26	16.58	14.55	15.05
<b>Tổng cộng</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>

Nguồn CTKNB(2005-2016)

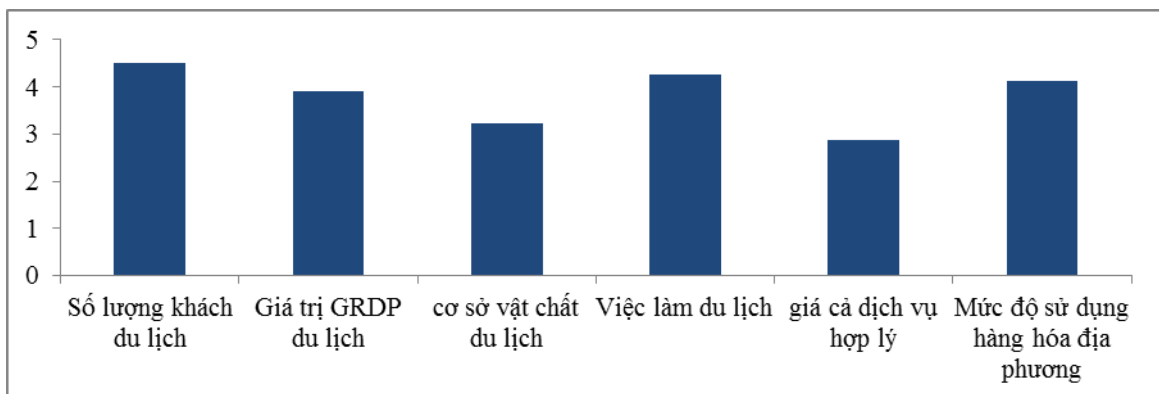
So sánh với doanh thu của du lịch một số tỉnh lân cận như Thanh Hóa, con số ấn tượng 6.5 triệu lượt khách tới Ninh Bình năm đầu 2016 cũng chỉ mang lại doanh thu 1.725 tỷ đồng. Đồng nghĩa với khoảng 250.000 đồng chi tiêu bình quân đầu người. Trong khi doanh thu từ hoạt động du lịch của Thanh Hóa 6,3 triệu doanh thu 6280 tỷ đồng năm 2016. Điều đó cho thấy, du lịch Ninh Bình chưa khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên di sản hiện có. Điểm đến nhiều, sản phẩm du lịch phong phú nhưng mới chủ yếu dừng lại ở đón khách tự phát, tự túc đến tham quan, hành hương trong dịp đầu xuân, lễ hội và không chọn ở lại qua đêm, vì thế không thuyết phục được họ kéo dài thời gian lưu trú chi tiêu giúp kinh tế Ninh Bình tăng trưởng.

Hoạt động du lịch với sự phát triển nhanh của du khách, dẫn tới nhiều hệ lụy, sự ảnh hưởng tới môi sinh, môi trường. Những hoạt động của du khách, như tham quan, cắm trại.. nếu không có sự quản lý chặt chẽ sẽ làm ảnh hưởng xấu tới thảm thực vật của Ninh Bình, việc khai thác tiềm năng du lịch cần theo đúng quy hoạch, kế hoạch nhằm giữ gìn bảo vệ môi trường nơi đây.

### **3.2 Kết quả phân tích thực trạng phát triển bền vững du lịch của Ninh Bình**

#### **3.2.1 Đánh giá thực trạng phát triển bền vững du lịch Ninh Bình**

##### **3.2.1.1 Các tiêu chí đánh giá thực trạng phát triển bền vững về kinh tế**



**Hình 3.1: Các tiêu chí kinh tế đánh giá thực trạng phát triển bền vững du lịch Ninh Bình**

*Nguồn: Ncs, 2016*

(1) *Số lượng khách du lịch*: Được các đối tượng khảo sát đánh giá cao (Mean = 4.5) là yếu tố quan trọng quyết định cho đầu tư, cho thay đổi của chính sách của chính quyền địa phương, mẫu mã sản phẩm,..nhận thức được thế mạnh về tài nguyên du lịch phong phú và đa dạng, cùng với sự trợ giúp của chính quyền Trung ương, Ninh Bình

chú trọng tới công tác thu hút khách du lịch trong những năm qua, lượng khách tới Ninh Bình ngày một tăng cả về nội địa cũng như quốc tế:

*Khách quốc tế:* Tới Ninh Bình chiếm 25,4% tổng lượng khách. Thị trường khách chủ yếu đi theo đường bộ và các tỉnh thuộc đồng bằng sông Hồng đến, các tỉnh thành phía Nam ra, rất ít khách trực tiếp từ nơi cư trú tới luôn Ninh Bình.

**Bảng 3.5: Cơ cấu khách quốc tế tới Ninh Bình giai đoạn 2007 - 2016**

Hạng mục	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016
<b>Tổng số</b>	583.9	567.1	613.5	699.2	667.4	675.6	521.5	500.1	603.1	716.5
<i>Chia theo thị trường (%)</i>										
Tây Âu	25	22	24	21	19	18	19	17	16	15
Châu Úc	20	21	21	17	18	17	15	14	18	14
Đông Bắc Á	15	22	18	22	21	22	21	20	24	25
Đông Âu	10	13	7	11	13	10	15	16	13	14
Đông Nam Á	8	9	11	14	15	14	13	14	15	16
Bắc Mỹ	7	3	6	8	5	7	5	6	5	5
Trung Đông	5	2	4	3	4	6	4	5	4	4
Quốc tịch khác	10	8	9	4	5	6	8	8	5	8
	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100

*Nguồn: Sở Du lịch Ninh Bình*

Khách du lịch quốc tế tới Ninh Bình, thị trường khách Tây Âu và Châu Úc có xu hướng giảm, tỷ lệ của Đông Bắc Á có xu hướng gia tăng, tính tới 2016 là 25%. Thị trường khách xu hướng gia tăng Đông Bắc Á và Đông Nam Á. Lượng khách quốc tế tới Ninh Bình trong thời gian qua cho thấy lượng khách có tăng nhưng không ổn định, ngày lưu trú của khách không cao, mục đích của khách du lịch tại Ninh Bình chủ yếu tham quan du lịch, những sản phẩm du lịch bền vững chiếm 85%/tổng số lượng khách quốc tế, những thị trường chi trả cao cho hoạt động du lịch có xu hướng giảm. Điều này có thể thấy sản phẩm du lịch Ninh Bình thiếu sự đặc sắc, phần nào chưa đáp ứng yêu cầu cao của những thị trường đòi hỏi yêu cầu chất lượng cao như: Tây Âu, Bắc Mỹ, Châu Úc công tác quảng bá, tiếp thị chưa tới được du khách, tổ chức và quản lý cũng như kết nối chưa tốt.

*Khách nội địa:* Từ 2007 – 2016, tình hình kinh tế xã hội ổn định, cùng với giảm giờ làm, tăng thời gian nghỉ ngơi cho cán bộ, người lao động, chính sách tiền lương được điều chỉnh, đời sống được nâng cao tạo điều kiện cho người dân trong nước đi du lịch nhiều hơn, những điểm du lịch mới của Ninh Bình như Tràng An, Kênh Gà,..thu hút nhiều khách du lịch. Tuy vậy nhưng một trong những khâu yếu

kém số lượng khu vui chơi giải trí ít, sự lưu trú của du khách nội địa không lâu, tốc độ tăng trưởng khách nội địa đạt 15,25%

**Bảng 3.6: Cơ cấu khách nội địa tới Ninh Bình giai đoạn 2007 - 2016**

Hạng mục	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016
<b>Tổng số</b>	935.2	1331.8	1774.7	2617.0	2932.6	3036.4	3877.2	4079.1	5403.2	5813.6
<i>Chia theo thị trường (%)</i>										
Hà Nội	15	16	18	19	21	20,2	19,5	20,4	21,3	21
Các tỉnh Bắc Bộ	25	28	26	24	22,4	24,8	22,5	21,8	22,1	22,4
Huế - Đà Nẵng	16	14	13	12	11	12	14	13,8	12,5	11,4
Các tỉnh Bắc Trung Bộ	27	25	24	22	24,6	23	21,3	20,1	21,3	23,3
Tp Hồ Chí Minh	13	12	13	15	14	16	15,7	18,9	17,8	16,7
Các tỉnh Nam Bộ	4	5	6	7	7	4	7	5	5	5,2
	100	100	100	99	100	100	100	100	100	100

*Nguồn: Sở Du lịch Ninh Bình*

Tốc độ tăng trưởng du khách nội địa cao, khách du lịch đến Ninh Bình phần nhiều tham quan nghỉ dưỡng của người lao động, từ 2009 trở lại đây có thêm lượng khách du lịch tâm linh. Lượng khách Huế - Đà Nẵng chủ yếu hội và trại hè tại Tam Cốc – Bích Động, Tràng An,..Lượng khách phía Nam và thành phố Hồ Chí Minh chủ yếu tham quan nghỉ dưỡng, điểm đến của họ thông thường những khu du lịch sinh thái. Tuy số lượng du khách tăng, nhưng chi phí của họ không cao, tập trung nhiều cho ăn uống, lưu trú của du khách thấp. Qua các cuộc phỏng vấn du khách, xem xét nguồn khách du lịch đến tham quan, có thể nhận thấy tỷ lệ phần trăm khách du lịch quay trở lại tham quan các điểm, khu du lịch Ninh Bình là không lớn, chỉ chiếm vào khoảng 15%. Nguyên nhân hệ thống sản phẩm du lịch còn nghèo nàn, trùng lặp với những sản phẩm địa phương khác, sức cạnh tranh với tỉnh bạn như Thanh Hóa, Hà Tây,.. còn thấp, chưa phát huy được thế mạnh của tài nguyên tự nhiên, thiếu cơ sở vui chơi giải trí đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách.

(2) *Giá trị đóng góp du lịch vào GRDP của Ninh Bình:* Giá trị đóng góp du lịch được đối tượng khảo sát đánh giá cao (Mean = 3.92). Tính từ 2007 – 2016 tăng bình quân 19,2%. Trong giai đoạn 05 năm 2006-2010, cơ cấu kinh tế được phân làm 3 khu vực, khu vực 1: Gồm có Nông, lâm thủy sản, khu vực 2 công nghiệp xây dựng, khu vực 3 khối thương mại dịch vụ, có xu hướng chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng khu vực 1 và tăng dần tỷ trọng khu vực 2, khu vực 3 từ 38,2%.



Theo số liệu thống kê và khảo sát cho thấy, Ngành Nông, lâm, ngư nghiệp có sự giảm đáng kể tỷ trọng trong cơ cấu kinh tế, từ 29,1% năm 2005 giảm xuống còn 17,5% vào năm 2010 và đến năm 2013 chỉ còn 14,0%. Ngành Thương mại-DV tăng nhẹ và duy trì từ 32%-35% trong giai đoạn 2007-2016 chuyển sang khu vực 3 hiện nay đã tăng nhanh và hiện chiếm tỷ trọng 42,6%.

**Bảng 3.7: Cơ cấu kinh tế theo ngành kinh tế**

*Đơn vị: %*

TT	Khu vực kinh tế	2007	2010	2012	2014	2015	2016
	<b>Tổng</b>	100	100	100	100	100	100
1	<b>Ngành CN+XD</b>	<b>38,2</b>	<b>47,2</b>	<b>47,6</b>	<b>49,0</b>	<b>46,2</b>	<b>43,3</b>
	+ Công nghiệp	27,6	29,4	26,3	32,0	28,8	25,8
	+ Xây dựng	10,6	17,7	21,4	17,0	17,3	17,6
2	<b>Ngành NLTS</b>	<b>29,1</b>	<b>17,7</b>	<b>17,5</b>	<b>15,0</b>	<b>15,2</b>	<b>14,0</b>
3	<b>Ngành TM-DV</b>	<b>32,5</b>	<b>35,0</b>	<b>34,8</b>	<b>36,0</b>	<b>38,6</b>	<b>42,6</b>
	+ Du lịch	9.13	10.2	8.9	13,4	14,3	15,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Ninh Bình năm 2016)

Tính năm 2016, hoạt động du lịch Ninh Bình đóng góp mạnh nhất vào khối thương mại dịch vụ, chiếm (35,5%) trong tổng số hoạt động tăng thêm của thương mại dịch vụ, ngoài ra hoạt động du lịch kéo theo nhiều ngành nghề khác phát triển theo, có thể thấy du lịch Ninh Bình đang có những bước đi đúng cùng với sự quan tâm đầu tư của chính quyền và doanh nghiệp góp phần thúc đẩy phát triển và bền vững hơn.

(3) *Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch*: Những đối tượng được khảo sát đều đánh giá mức trung bình (Mean = 3.24) về cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch.

Cơ sở lưu trú du lịch: Với vị thế của ngành du lịch, tiềm năng nguồn lực, Ninh Bình từng bước khẳng định du lịch là ngành kinh tế quan trọng, để đảm bảo phát triển bền vững du lịch, nhiều công trình hạ tầng du lịch được xây dựng mới, tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều ngành kinh tế khác. Thực tế thấy những năm 2007 – 2016 xu hướng phát triển về cơ sở vật chất kỹ thuật chủ yếu vào lĩnh vực cơ sở lưu trú, số lượng cơ sở lưu trú năm 2016 Ninh Bình đạt 423 cơ sở, khai thác đạt 65.7% những cơ sở có chất lượng tăng 1,7 lần, tuy nhiên một thực tế xu hướng của

những cơ sở lưu trú có chất lượng kém, loại nhà nghỉ, quy mô nhỏ gia tăng đáng kể, lưu trú đến năm 2016 là 118 cơ sở lưu trú, tăng 6,5 lần so với năm 2007.

**Bảng 3.8: Hiện trạng cơ sở lưu trú du lịch Ninh Bình**

Hạng mục	2007	2012	2013	2014	2015	2016
<b>Cơ sở lưu trú</b>	<b>96</b>	<b>235</b>	<b>276</b>	<b>285</b>	<b>390</b>	<b>423</b>
Khách sạn 5 sao						
Khách sạn 4 sao		1	2	4	4	4
Khách sạn khác	28	93	84	84	78	77
Nhà nghỉ, nhà khách	50	141	170	161	241	224
nhà nghỉ khác	18	15	20	36	67	118
<b>Tổng số phòng</b>	<b>1051</b>	<b>3628</b>	<b>4153</b>	<b>4372</b>	<b>5353</b>	<b>5797</b>
Khách sạn 5 sao		-	-	-	-	-
Khách sạn 4 sao		107	237	409	409	409
Khách sạn khác	250	2200	2320	2179	2217	2403
Nhà nghỉ, nhà khách	550	1321	1417	1475	2182	2139
Nhà nghỉ khác	251	221	179	309	467	767

*Nguồn: Niên giám thống kê 2016*

Phản ánh tình trạng đầu tư vào cơ sở lưu trú của Ninh Bình, quy mô xây dựng nhỏ, trang thiết bị chưa đồng bộ, chất lượng cơ sở lưu trú còn thấp, nhu cầu của du khách cao, Ninh Bình chưa đáp ứng được nhu cầu nghỉ dưỡng của du khách, phục vụ du khách với quy mô nhỏ lẻ là chủ yếu, không đủ khả năng phục vụ những đoàn khách lớn, khách quốc tế, đoàn khách có nhu cầu chất lượng cao.

Hệ thống cơ sở ăn uống phục vụ du lịch: Hầu hết những cơ sở lưu trú đều phục vụ ăn uống, theo thống kê toàn tỉnh hiện tại năm 2016 có 5075 cơ sở phục vụ ăn uống, có nhiều cơ sở phục vụ với số lượng lớn du khách, các cơ sở này đều phục vụ từ cao cấp tới bình dân.

Cùng với hệ thống ăn uống khách sạn là hệ thống tư nhân: Hệ thống này bước đầu đáp ứng được nhu cầu của người dân và du khách, các cơ sở này chủ yếu tập trung tại những điểm du lịch như: Bích Động, Tràng An,.. quy mô không lớn, phục vụ mọi tầng lớp, tuy nhiên một vấn đề quan tâm hàng đầu đó là an toàn vệ sinh thực phẩm, chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên chưa đáp ứng nhu cầu.

Khu vui chơi giải trí: Hầu như còn thiếu và yếu, hiện tại (năm 2016) có 39 bể bơi, 41 sân tennis,.. Ngay trong những điểm du lịch, dịch vụ hỗ trợ còn thiếu, các khu vui chơi giải trí mang tính chất cộng đồng có nhưng quy mô nhỏ chỉ đáp ứng nhu cầu của địa phương, đây chính là khâu yếu kém trong chuỗi sản phẩm du lịch bền vững, nhu cầu du khách không chỉ sản phẩm chính, mà còn những dịch vụ hỗ trợ kèm theo, trong cơ cấu chi tiêu dịch vụ và mua sắm của du khách, chi tiêu cho dịch vụ và mua sắm chiếm 22% trở lên, định hướng khai thác tốt là phải bổ sung và hoàn thiện các khu vui chơi giải trí tổng hợp, công viên,..tăng về cả về số lượng và chất lượng.

(4)*Việc làm trong ngành du lịch:* Với mức độ đánh giá của những đối tượng khảo sát (mean = 4.26) Nhân lực du lịch Ninh Bình phân nào đáp ứng được yêu cầu của phát triển bền vững. Do yêu cầu ngày một gia tăng, ngành du lịch cần số lao động qua đào tạo nâng cao về chất lượng và số lượng, với nhu cầu nhu cầu lao động của Ninh Bình của năm 2016, là 22.592 người. Lao động trực tiếp trong ngành du lịch 8472 người. Đến hết tháng 10-2016, trên địa bàn Ninh Bình có 420 doanh nghiệp kinh doanh, kinh doanh lưu trú (với 5.713 phòng nghỉ), 18 doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, 10 tổ chức doanh nghiệp quản lý các khu, điểm du lịch và hàng trăm cá nhân, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ ăn uống..., thu hút, tạo việc làm 18.230 nhân lực trực tiếp và gián tiếp, trong đó có 4.200 lao động thường xuyên, 14.120 lao động không thường xuyên. Đến năm 2016, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 30%; Trong đó chỉ có 13% được đào tạo trình độ đại học trở lên, 22% có trình độ cao đẳng và trung cấp, 40% có trình độ sơ cấp nghề, chứng chỉ bồi dưỡng ngắn hạn, khoảng 15.400 nhân lực du lịch gián tiếp, có thể đã được đào tạo trong ngành nghề của họ, nhưng kiến thức về du lịch chưa có, cần phải được đào tạo, bổ xung những kiến thức.

(5)*Mức độ sử dụng hàng hóa của địa phương:* Được các đối tượng khảo sát đánh giá (mean= 4.12) cao. Tổng mức bán lẻ hàng hoá, doanh thu dịch vụ bình quân tăng 23,16%/năm; Năm 2016, tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ đạt gần 27.140 tỷ đồng, đã có 3 trung tâm thương mại, 7 siêu thị, 109 chợ... tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất và thương mại dịch vụ của địa phương. Thị trường hàng hóa toàn tỉnh được đánh giá 6 tháng 2016 là 9.265,8 tỷ đồng, tăng 8,3% so với 5 tháng đầu năm 2015 là 9.265,8 tỷ đồng. Hoạt động du lịch góp phần gia tăng tiêu thụ

manh mẽ những nhóm hàng thiết yếu như: Nhiên liệu đạt 34,0 tỷ đồng, gấp trên 2,4 lần so với năm 2015; hàng hóa khác 130,9 tỷ đồng, tăng 21,2%(năm 2016) Hoạt động du lịch tiêu thụ nhiều lương thực, thực phẩm, mức độ sử dụng lớn, tổng số 2.915,7 tỷ đồng năm 2016, trong đó hoạt động du lịch đóng góp 16,5% là 437 tỷ. Vật phẩm văn hóa, giáo dục ngành du lịch 9,4 tỷ đồng/năm 2016, tăng 8,5%... do hoạt động du lịch, tiêu thụ cho ngành xăng dầu không cao, chiếm 0.4% lượng tiêu thụ sản phẩm xăng dầu ngoài ra việc dùng sản phẩm xăng dầu đang có chiều hướng giảm tại những khu du lịch.

(6) *Giá cả dịch vụ du lịch hợp lý*: Được các đối tượng khảo sát đánh giá (Mean = 3,58) Giá dịch vụ du lịch tại Ninh Bình có mức trung bình so thấp với những địa phương lân cận: Giá khách sạn 3 sao của Ninh Bình năm 2016 dao động trong khoảng 645.500 – 1.121.000 đồng, đối với khách sạn thấp hơn dao động 250.000 – 302.000 phòng. So với Thanh Hóa, giá phòng khách sạn 3 sao Thanh Hóa 950.000 – 1.245.000đồng, với Hà Nội chỉ bằng 70% cùng cấp độ so sánh.) Công suất phục vụ của khách sạn năm 2015 là 60.2%, năm 2016 là 65.7% , giá một số dịch vụ danh thắng, điểm du lịch của Ninh Bình ( tính tại thời điểm 5/2016 ) so với những tỉnh lân cận không cao như: – Vân Long: 50.000 đồng/ người. Tràng An: 200.000 đồng/ người lớn, trẻ em 100.000 đồng/người. Xe điện chùa Bái Đính: 40.000 đồng/ lượt. Đền Đinh Lê: 20.000 đồng/ người. Cúc Phương: 40.000 đồng/ người. Tam Cốc: 120.000 đồng/ người, trẻ em 60.000 đồng/ người. Đò Tam Cốc: 150.000 đồng/ thuyền. Khoáng Kênh Gà: 100.000 đồng/ người lớn, 50.000 đồng/ trẻ em. Vườn chim Thung Nham: 100.000 đồng/người. So sánh với một số điểm du lịch của Hà Nội:

Vé vào bảo tàng Hồ Chí Minh: 25.000 đồng/ khách quốc tế, khách Việt Nam miễn phí.

+ Bảo tàng Mỹ Thuật: 40.000 đồng/ người lớn, 10.000 đồng/trẻ em từ 6-10 tuổi. Thuyết minh cho khách tham quan: 150.000 đồng/khách.

+ Tham quan bảo tàng Dân tộc Học: 40.000 đồng/ người lớn. Xem múa rối nước 90.000 đồng/người lớn, 70.000 đồng/trẻ em.

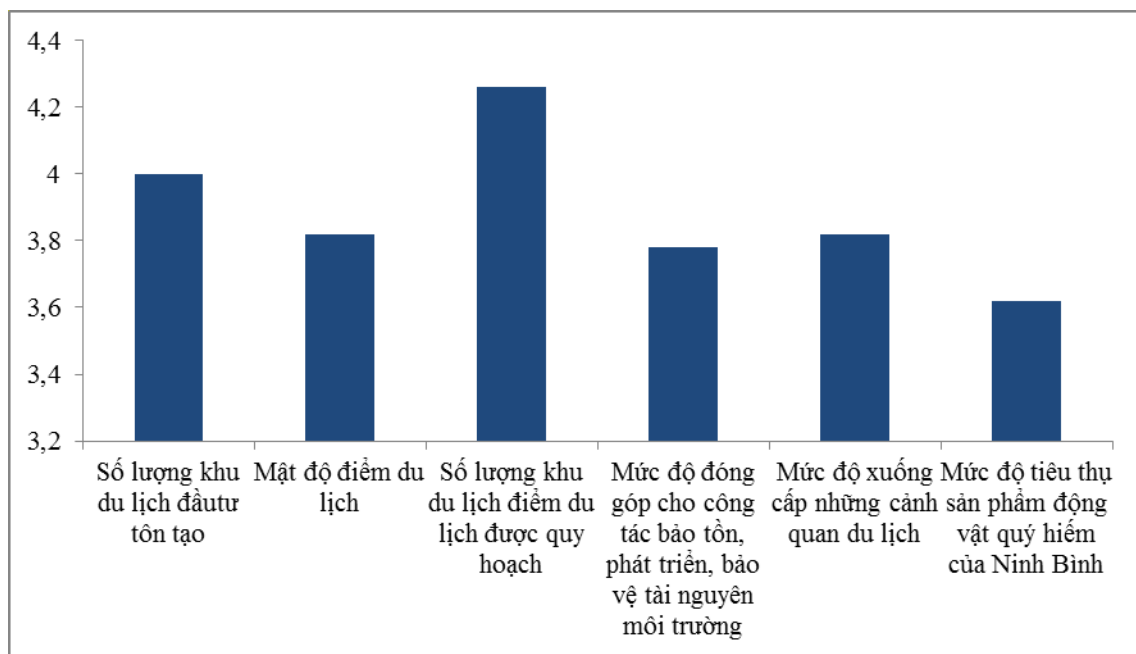
Công tác quản lý giá dịch vụ du lịch của Ninh Bình chưa được chặt chẽ, do có sự kết hợp giữa Nhà nước và doanh nghiệp được giao tài nguyên du lịch, dẫn tới quản

lý giá có phần chưa triệt để, có hiện tượng giá tăng bất hợp lý, tại một số điểm và tăng bất thường vào mùa đông khách.

Có thể thấy trong thực tế, việc đi lại, chi tiêu của du khách, phụ thuộc vào loại hình du lịch hầu như du khách không quan tâm nhiều tới giá cả, nên không chỉ Ninh Bình mà những tỉnh đang có ngành du lịch là thế mạnh cần sáng tạo thêm nhiều sản phẩm thỏa mãn nhu cầu của du khách góp phần vào phát triển bền vững du lịch và tăng trưởng kinh tế cho địa phương.

### 3.2.1.2 Các tiêu chí đánh giá thực trạng phát triển bền vững về môi trường

(1) Số lượng (tỷ lệ) các khu và điểm du lịch được đầu tư tôn tạo bảo tồn: Được các đối tượng khảo sát đánh giá (Mean = 4.00). Nhận rõ thế mạnh của du lịch trong phát triển kinh tế xã hội, những năm qua, Sở Du lịch Ninh Bình đã tập trung lãnh đạo đưa du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương. Đối với địa phương tập trung chủ yếu đầu tư tôn tạo vào những điểm du lịch trọng điểm, cơ sở hạ tầng quan trọng:



**Hình 3.2: Các tiêu chí về môi trường của thực trạng phát triển bền vững Ninh Bình**

*Nguồn: NCS, 2016*

Dự án cơ sở hạ tầng Tam Cốc – Bích Động: Các hạng mục đầu tư tôn tạo quan trọng là cơ sở hạ tầng, đường, cầu, bến bãi,..với số kinh phí duy tu thường

xuân của chính quyền, hiện nay đang trong giai đoạn quy hoạch chi tiết lại khu du lịch này nhằm phát huy thế mạnh về tiềm năng du lịch nơi đây.

*Dự án khu du lịch Tràng An - Bái Đính:* Phân ra làm 2 nội dung đầu tư, phần bên trong, doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường là đơn vị triển khai dự án thuê đất và xây dựng các hạng mục tại Khu du lịch Tràng An - chùa Bái Đính với phạm vi quản lý tính từ tường bao ở đỉnh núi xuống chân núi Đính, còn phần ngoài tường bao là Nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng, các ban, ngành ở tỉnh Ninh Bình đã tổ chức thu hồi đất, đền bù giải phóng mặt bằng... thực hiện, đến hết năm 2016, kinh phí đầu tư cho cơ sở hạ tầng các khu du lịch Tràng An - Bái Đính trên ba nghìn tỷ đồng.

*Dự án khu du lịch Vân Long:* Đây là khu du lịch được chú ý đầu tư từ nhiều năm trước, với số vốn đầu tư của Nhà nước 102,5 tỷ đồng. Theo quy hoạch đô thị Ninh Bình đến năm 2020 thì khu vực thị trấn Vân Long sẽ trở thành đô thị du lịch.

*Khu Kênh Gà – Vân Trình:* Tỉnh Ninh Bình vào ngày 10/4/2015 đã trình Chính phủ về việc Đầu tư xây dựng phát triển khu du lịch Kênh Gà - Vân Trình dự kiến là khu tổng hợp đa lĩnh vực, sản phẩm, bao gồm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng,... gắn với cảnh quan thiên nhiên và hệ thống các công trình kiến trúc. Dự kiến mức đầu tư 40.000 - 45.000 tỷ đồng, nguồn vốn huy động xã hội hóa 92- 95%, số còn lại ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác.

(2)*Mật độ điểm du lịch của Ninh Bình:* Được các đối tượng khảo sát đánh giá (Mean = 3.8) Mật độ tương đối dày. Với kết cấu địa hình đặc biệt đủ cả núi, sông, biển, hồ, rừng, đảo, cùng với khí hậu nhiệt đới gió mùa điển hình, những công trình văn hóa lịch sử như cố đô Hoa Lư, chùa Bái Đính, nhà thờ Phát Diệm, kết hợp cùng cảnh quan thiên nhiên có những điểm du lịch thu hút du khách, như: Tam Cốc, Tràng An, Vân Long,... Nếu lấy thành Phố Ninh Bình là tâm điểm, xa nhất rừng Cúc Phương 43km, gần nhất Tràng An 7km, mật độ điểm du lịch tương đối nhiều và giống nhau về sản phẩm du lịch. Tính đến năm 2016, Ninh Bình có 1.500 di tích, trong đó 354 ngôi chùa, 229 đình, 381 đền, 98 miếu, 51 phủ, 149 nhà thờ công giáo, 236 nhà thờ họ. Trong số đó khoảng 1000 di tích thuộc loại di tích hỗn hợp giữa thắng cảnh, khảo cổ, cách mạng, lịch sử và kiến trúc, Có 3 di tích cấp quốc gia đặc biệt quan trọng là khu du lịch sinh thái Tràng An-Tam Cốc - Bích Động-Cố đô Hoa

Lư. Quần thể danh thắng Tràng An là di sản thiên nhiên, văn hóa thế giới. Ngoài các kiến trúc tín ngưỡng tôn giáo, di tích khảo cổ và danh lam thắng cảnh, các di tích ở Ninh Bình nổi bật lên với tín ngưỡng thờ Vua, thờ Thánh, thờ Thần và chiếm số lượng lớn di tích liên quan đến hai Triều đại nhà Đinh - Tiền Lê.

(3)*Số lượng các khu và điểm du lịch được quy hoạch:* Được các đối tượng khảo sát đánh giá (Mean= 3.84). Ninh Bình có quy hoạch tổng thể du lịch, quy hoạch chi tiết những địa điểm du lịch là công cụ đắc lực, hữu hiệu cho việc quản lý và phát triển bền vững du lịch trong thời gian qua như:

- Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình đến năm 2010, định hướng đến năm 2015. Quyết định số 2845/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2007 của UBND tỉnh Ninh Bình

Quyết định số 2795/QĐ-UBND Ngày 14/12/2007 của UBND tỉnh Ninh Bình phê duyệt quy hoạch điều chỉnh, bổ sung khu du lịch Tam Cốc – Bích Động thời kỳ 2006-2010 và định hướng đến năm 2020.

- Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2010 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt điều chỉnh "Quy hoạch chi tiết khu núi Chùa Bái Đính thuộc khu du lịch sinh thái Tràng An".

- Quyết định Số: 223/QĐ-UBND Ngày 26/1/2016, tỉnh Ninh Bình phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững các khu rừng đặc dụng tỉnh Ninh Bình quản lý đến năm 2020.

- *Quy hoạch chi tiết:* Có quy hoạch Quy hoạch các khu du lịch, các điểm du lịch. Hoàn thiện quy hoạch các khu du lịch lớn của tỉnh như Tràng An, Tam Cốc-Bích Động, Vân Long, Kênh Gà-Vân Trình, Hồ Đồng Chương, Cố đô Hoa Lư, Thung Nắng, Hang Bụt.

- Quyết Định: 796/QĐ-UBND, Ninh Bình, ngày 12 tháng 10 năm 2012, Về việc phê duyệt hệ thống đô thị tỉnh Ninh Bình đến 2030, tầm nhìn 2050.

- Quyết định số 1266/QĐ-TTg 28 thg 7, 2014 phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(4)*Mức độ đóng góp từ thu nhập cho công tác bảo tồn, phát triển, bảo vệ tài nguyên môi trường:* Được các đối tượng khảo sát đánh giá mức (Mean= 3.78) mức

độ đóng góp trung bình. Công tác bảo tồn tôn tạo, định kỳ hàng năm, các đơn vị quản lý di tích, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo kiểm kê hiện vật thuộc di tích đã được xếp hạng và báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện về Sở Du lịch, UBND có kế hoạch đầu tư tôn tạo cho công tác bảo tồn. Việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch bảo quản, tu bổ phục hồi di tích điều chỉnh quy hoạch tu bổ di tích thực hiện theo quy định tại Nghị định số 70/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước và của Ninh Bình.

Theo quy định hiện nay về chi phí cho công tác bảo tồn phát triển của Ninh Bình, ngoài một số di tích danh lam thắng cảnh được chính quyền giao cho doanh nghiệp quản lý, những danh lam thắng cảnh còn lại đang áp dụng mức phí được thực hiện theo Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình, về mức phí được thu và chi tại địa phương cũng như mức trích nộp vào ngân sách, hầu hết mức được giữ lại từ 70 – 80% của giá trị mức phí, 20% đóng góp vào ngân sách. Riêng đối với khu danh thắng Tràng An, với 4 cấp quản lý Đó là Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch tỉnh, Ban Quản lý Quần thể danh thắng Tràng An, doanh nghiệp Xuân Trường và chính quyền địa phương. Tuy nhiên, trong cơ cấu tổ chức như vậy đã xuất hiện sự bất cập. Cụ thể là ba đơn vị gồm Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Ban Quản lý Quần thể danh thắng Tràng An và chính quyền địa phương chỉ là người bảo vệ “vòng ngoài” còn doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường là đơn vị trực tiếp tổ chức bán vé, bố trí nguồn nhân lực phục vụ chở đò cho du khách tham quan. Mức giữ lại giành để tu bổ tôn tạo di tích, tài nguyên du lịch được áp dụng khá cao 90% giá trị phí thu từ hoạt động du lịch được doanh nghiệp giữ lại.

Phí dịch vụ du lịch gồm những loại sau:

- \* Phí tham quan di tích.
- \* Các khoản thu hợp pháp từ hoạt động sử dụng và phát huy giá trị di tích.
- \* Nguồn tài trợ và đóng góp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài và các khoản thu khác (bằng tiền và hiện vật).

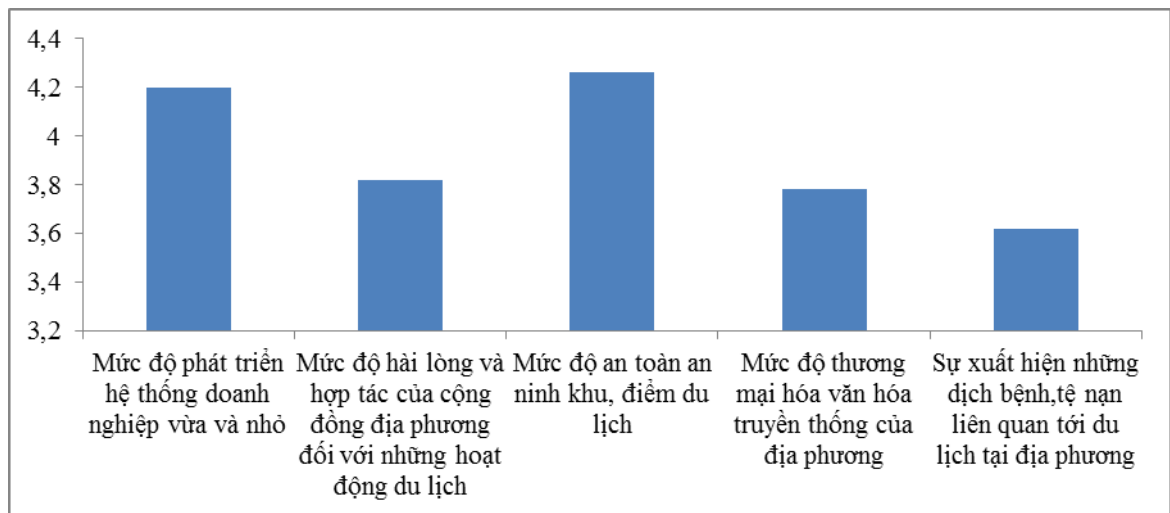


Sở dĩ tỉnh Ninh Bình trích tỷ lệ thấp để tu sửa khu danh thắng, khu du lịch nhằm tạo điều kiện thuận lợi về mặt tài chính nhằm giúp nhà đầu tư, doanh nghiệp có tài chính thực hiện tôn tạo, duy trì hiện trạng.

(5)*Mức độ xuống cấp những cảnh quan du lịch*: Được các đối tượng khảo sát đánh giá (mean= 3.69). Thực tế quá trình phát triển du lịch và phát triển kinh tế xã hội của Ninh Bình, quá trình đô thị hóa những năm gần đây có phần lấn át cảnh quan, ảnh hưởng phần nào đến không gian và môi trường du lịch. Thêm vào đó, việc sử dụng di tích không đúng chức năng, mục đích ở một số địa điểm đã gây tình trạng xập xệ, hư hỏng, xuống cấp cho khu du lịch, cảnh quan du lịch. Số lượng khu di tích bị hư hỏng, xuống cấp, trong đó di tích quan trọng xuống cấp như: Khu di tích Hoa Lư, Tam Cốc,.. những điểm du lịch nổi tiếng như Vườn quốc gia Cúc Phương, tình trạng quá tải thường xuyên xảy ra. Tại Tràng An, năm 2016, vào ngày nghỉ lễ và việc Ban quản lý Quần thể danh thắng Tràng An cho phục dựng lại phim trường “Kong: Skull Island” đã khiến cho lượng du khách đến đây tăng cao, tại bến thuyền này luôn xảy ra tình trạng quá tải bởi lượng khách đổ về đây quá đông, bình quân mỗi ngày có từ 10.000 đến 14.000 lượt du khách tới tham quan, dẫn đến môi trường và cảnh quan ảnh hưởng nghiêm trọng. Sự gia tăng quá mức du khách vào các ngày nghỉ, những ngày bình thường thì vắng khách, đầu tư cơ sở hạ tầng bị ảnh hưởng, mức độ gia tăng xuống cấp của cảnh quan, cơ sở vật chất phục vụ du lịch khi cần thì thiếu, khi thiếu khách thì thừa đang là vấn đề nan giải hiện nay.

(6)*Mức độ tiêu thụ sản phẩm động vật quý hiếm của Ninh Bình*: Được các đối tượng khảo sát đánh giá (mean= 3.98). Số lượng động vật tiêu thụ của Ninh Bình cao, tập trung chủ yếu vào: 11 loài động vật có vú, 9 loài bò sát, 8 loài chim và 1 loài bọ cạp trong đó phổ biến nhất là dê núi, ghi nhận tại 50 (nhà hàng) lợn rừng, (ghi nhận có tại 20 nhà hàng), nhím (tại 35 nhà hàng), rắn (tại 33 nhà hàng), nai (tại 16 nhà hàng), cheo cheo (tại 24 nhà hàng). Một số loài trong sách đỏ được bảo vệ nghiêm ngặt, như voọc quần đùi trắng, loài dơi tại Cúc phương, không thấy có nhà hàng nào có. Ngoài ra, kết quả khảo sát cho thấy không có cửa hàng nào bán sản phẩm động vật hoang dã làm đồ lưu niệm và đồ trang trí (ví dụ như da thú, răng và vuốt).

### 3.2.1.3 Các tiêu chí đánh giá thực trạng phát triển bền vững về xã hội



**Hình 3.3: Các tiêu chí về xã hội của thực trạng phát triển bền vững Ninh Bình**

Nguồn : NCS, 2016

(1) *Mức độ phát triển hệ thống doanh nghiệp vừa và nhỏ*: Được các đối tượng khảo sát đánh giá (mean = 4.2) mức cao. Vào thời điểm 1/1/2011, Ninh Bình có 2.664 doanh nghiệp đã đăng ký hoạt động. Đến hết quý I/2016, toàn tỉnh có 3.750 doanh nghiệp đăng ký hoạt động, trung bình mỗi năm có khoảng 365 doanh nghiệp thành lập mới, tỷ lệ phát triển 10% một năm. Các doanh nghiệp chủ yếu tập trung vào ngành thương mại và dịch vụ (chiếm 44,24%), lĩnh vực du lịch chiếm 12%. Ngành công nghiệp và xây dựng chiếm 35,05%. Nhìn chung, các doanh nghiệp hoạt động đa dạng ngành nghề. Hàng năm, các doanh nghiệp vừa và nhỏ đóng góp trên 534 tỷ đồng vào nguồn thu ngân sách tỉnh, 10% vào GDP tỉnh, 30% vào ngân sách nhà nước tỉnh, giải quyết việc làm cho trên 90.000 lao động trên địa bàn. Thu nhập bình quân trên 3,5 triệu đồng/tháng. Đa số các doanh nghiệp vừa và nhỏ có vốn tự có thấp, phần lớn là vốn vay từ các tổ chức tín dụng và huy động. Có đến 80% doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn qua các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng. Không ít doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tiếp cận vốn vay do không đáp ứng được các điều kiện vay vốn, tính đến năm 2016, toàn tỉnh có 1.700 doanh nghiệp có nợ vay với tổng dư nợ 36.583 tỷ đồng, nên phần nào hoạt động chưa phát huy được thế mạnh doanh nghiệp nơi đây.

(2)*Mức độ hài lòng và hợp tác của cộng đồng địa phương đối với những hoạt động du lịch:* Được các đối tượng khảo sát đánh giá (Mean= 3.82) Phát triển bền vững du lịch, từng bước đưa du lịch sớm trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy nhiều ngành, nhiều lĩnh vực cùng phát triển. Do vậy đối với cộng đồng địa phương, tham gia, tham vấn vào quá trình thực thi chính sách, quy hoạch, dự án du lịch, ngoài ra có những cá nhân tham gia vào công tác quản lý du lịch, quản lý bến bãi, quản lý an ninh trật tự,..lựa chọn cá nhân tích cực tham gia vào Ban quản lý Tràng An, Bái Đính, Tam Cốc,..

Sự hài lòng hợp tác của địa phương dựa trên việc chia sẻ lợi ích, thực hiện quyền và nghĩa vụ của địa phương. Mức độ hài lòng thể hiện qua, thái độ của người dân địa phương sự niềm nở, nhiệt tình mang lại ấn tượng tốt đẹp cho du khách, bằng những việc giải quyết lao động tại địa phương, thành lập các tổ hỗ trợ khách du lịch, thành lập tổ chèo thuyền, lập khu gian hàng bán đồ lưu niệm, bến bãi trông xe ... Hội chèo thuyền Tam Cốc với 1.300 chiếc thuyền để đưa khách dạo chơi trên sông Ngô Đồng. Ở Tràng An hiện có trên 500 thuyền nhỏ phục vụ du khách, những người chèo thuyền đều là người địa phương. Họ được học một cách khá bài bản về hệ thống hang động, về lịch sử của di tích để có thể kiêm nhiệm vai trò hướng dẫn viên du lịch cho bạn khi đi thuyền. Làng nghề thêu ren Văn Lâm thuộc xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Trong những năm qua, tham gia của cộng đồng chủ yếu công tác giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư sở tại cùng các hoạt động bảo tồn và phát huy các giá trị di sản du lịch Tam Cốc – Bích Động, khu di sản Tràng An...đã đạt được những kết quả và tiến bộ nhất định. Các tổ chức đoàn thể ở các xã vùng đệm cũng đã hưởng ứng và tham gia nhiệt tình vào trong công tác bảo tồn các giá trị về văn hóa, thiên nhiên.

(3)*Mức độ an toàn an ninh khu, điểm du lịch:* Với độ an toàn cho du khách và xã hội được các đối tượng khảo sát đánh giá (Mena=4.23). Vấn đề an toàn an ninh tại những khu du lịch được làm tương đối tốt, hiện tượng mất an toàn an ninh cho du khách ở mức hạn chế và nhỏ lẻ. Chính quyền Ninh Bình có những chỉ đạo quan trọng như Nghị quyết số 15/NQ/TU ngày 13-7-2009 của BCH Đảng bộ tỉnh Ninh Bình, Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 27/11/2014 của UBND tỉnh Ninh Bình,

Công an tỉnh, Sở Văn hóa Thể thao, Sở Du lịch, là cơ sở cho đảm bảo an toàn cho du khách và dân cư địa phương. Những đơn vị quản lý tại địa bàn du lịch chủ động nắm chắc tình hình, trao đổi thông tin có liên quan đến an ninh, an toàn du lịch. Bảo vệ tuyệt đối an ninh, an toàn các sự kiện văn hóa, du lịch thu hút đông khách du lịch trong và ngoài nước. Ngoài ra công tác phối hợp giữa Sở Du lịch và những sở ngành khác bảo đảm an ninh, trật tự, văn hóa, an toàn tại các khu du lịch trên địa bàn tỉnh phải tạo được hình ảnh thân thiện, thu hút khách du lịch, thông thoáng về thủ tục nhưng chặt chẽ về an ninh, trật tự. Trên cơ sở đó phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị thành viên nhằm đảm bảo an toàn cho những kỳ lễ hội hay những ngày nghỉ du khách tập trung về những địa điểm du lịch của Ninh Bình. Sở Du lịch trách nhiệm xây dựng kế hoạch phối hợp với Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã đảm bảo văn hóa, an toàn trên tuyến, địa bàn và các khu, điểm du lịch.

(4)*Mức độ thương mại hóa văn hóa truyền thống của địa phương:* Được các đối tượng khảo sát đánh giá (mean =3.68), mức trên trung bình. Hoạt động văn hóa truyền thống góp phần vào sự đa dạng cho sản phẩm du lịch, từ lễ hội, làng nghề, ẩm thực,.. Hoạt động du lịch có hai hướng tới văn hóa truyền thống, có thể là phương tiện bảo tồn, có thể theo hướng ngược lại. Bền vững du lịch tại Ninh Bình hiện nay chủ yếu hướng tới bảo tồn gìn giữ và phát huy văn hóa truyền thống, thông qua văn hóa để đa dạng sản phẩm du lịch, tuy vậy do văn hóa truyền thống chưa quản lý hiệu quả cao quá nhiều và mang tính tự phát. Qua kết quả khảo sát Ninh Bình hiện có khoảng 15 lễ hội, thu hút đông đảo du khách, khoảng 160 làng trong tổng số 1.500 làng (thôn, bản...) còn lưu tồn và phát triển các nghề truyền thống, với trên 40 nghề khác nhau. Những làng nghề “tiêu biểu” thì có 45 làng nghề khác nhau, nhiều nhất lĩnh vực thủ công: Chiếu cói. trạm khắc,... Sự tiếp xúc giữa người dân và du khách, giao lưu văn hóa, không chỉ là thương mại mà còn làm phong phú thêm văn hóa truyền thống cho Ninh Bình.

(5)*Sự xuất hiện những dịch bệnh liên quan tới du lịch tại địa phương:* Được các đối tượng khảo sát đánh giá sự xuất hiện của những dịch bệnh ở mức (Mean = 3.63) thấp. Thời gian qua những ảnh hưởng của dịch bệnh quốc tế có ảnh hưởng mạnh tới du lịch, mặc dù tại Việt Nam chưa ghi nhận những ca bệnh mới nổi hoặc tái

nổi như bệnh do vi rút Ebola, MERS-CoV, cúm A/H7N9, cúm A/H5N1, cúm A/H5N6, bại liệt, tả... Tuy nhiên, lại ghi nhận sự gia tăng nhanh chóng của dịch bệnh do vi rút Zika và bệnh sốt xuất huyết (SXH), đồng thời ghi nhận sự gia tăng của một số bệnh tiêu chủng như bệnh bạch hầu và bệnh ho gà. Tính đến 21/12/2016, Việt Nam đã ghi nhận 152 trường hợp nhiễm vi rút Zika; 56/23.682 muỗi Aedes tại Nha Trang, Quy Nhơn. có vi rút Zika. Ninh Bình chủ động đối phó với những bệnh dịch nguy hiểm tại những khu điểm du lịch thực hiện phương châm “Dự phòng toàn diện và có trọng điểm” là chính; Trung tâm Y tế dự phòng Ninh Bình chỉ đạo cho các huyện, thành phố tập huấn về công tác xử lý ổ dịch, phân công cán bộ bám sát địa bàn, phối hợp với các trạm y tế và đội ngũ y tế cơ sở giám sát chặt chẽ nhằm phát hiện dịch bệnh sớm nhất. UBND tỉnh Ninh Bình đã tăng cường công tác quản lý, giám sát những điểm thường xuyên có nhiều du khách đến tham quan. Theo đó, tổ công tác liên ngành sẽ theo dõi giám sát sức khỏe của những du khách đến từ các nước có vùng dịch để có những biện pháp ngăn ngừa khi phát hiện có virus Zika, bệnh truyền nhiễm. Đặc biệt đối với những dịch sốt xuất huyết, công tác kiểm tra, đánh giá về mật độ muỗi cũng thường xuyên được theo dõi để có phương án phun thuốc diệt muỗi, bọ gậy, loang quăng, dọn vệ sinh môi trường... đảm bảo an toàn cho người dân và du khách khi đến Ninh Bình tham quan, nghỉ dưỡng.

### ***3.2.2 Nội dung phát triển bền vững du lịch Ninh Bình***

Tập trung vào thực trạng những công cụ quản lý của địa phương Ninh Bình thời gian qua.

#### ***3.2.2.1 Quy hoạch phát triển du lịch của địa phương theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội***

Chiếm tới 84,4% lượng người khảo sát đánh giá mức cao quy hoạch phát triển du lịch của Ninh Bình, quy hoạch du lịch là nội dung cốt lõi tác động tới tổ chức không gian, định hình sản phẩm du lịch cho Ninh Bình. Cơ sở để tổ chức không gian du lịch theo quy hoạch được xác định là: Sự phân bố nguồn tài nguyên du lịch; kết cấu hạ tầng; nhu cầu của khách du lịch. Tổ chức không gian du lịch phù hợp với không gian KT-XH của lãnh thổ Ninh Bình được nghiên cứu và mối quan hệ về du lịch với các lãnh thổ lân cận, tạo nên sự hài hòa trong không gian phát triển

KT-XH trên địa bàn lãnh thổ địa phương, cũng như trên những vùng lãnh thổ rộng lớn hơn. Hiện tại Ninh Bình được quy hoạch thành 7 không gian du lịch, cụ thể:

1. Không gian du lịch Tràng An-Tam Cốc-Bích Động- Cố Đô Hoa Lư
2. Không gian du lịch Trung tâm thành phố Ninh Bình.
3. Không gian du lịch Suối nước nóng Kênh Gà- Động Vân Trình- Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long- Chùa Địch Lộng- Động Hoa Lư
4. Không gian du lịch Thị xã Tam Điệp-Phòng tuyến Tam Điệp Biện Sơn
5. Không gian du lịch Hồ Yên Thắng- Hồ Đồng Thái- Động Mã Tiên
6. Không gian du lịch Nhà thờ đá Phát Diệm và vùng ven biển Kim Sơn
7. Không gian du lịch Cúc Phương- Kỳ Phú- Hồ Đồng Chương.

Tuyến du lịch đã kết nối các điểm du lịch, có sức thu hút mạnh mẽ khách du lịch (bởi tài nguyên thiên nhiên, nhân văn đặc sắc, cơ sở vui chơi giải trí, cơ sở tàng, cơ sở lưu trú, môi trường trong sạch...).

Sở Du lịch Ninh Bình quản lý quy hoạch chi tiết hóa: Như quy hoạch chi tiết Khu du lịch Tam Cốc - Bích Động với quy mô diện tích 350,3 ha (Quyết định 2795/QĐ/-UBND ngày 14/12/2006).

- Quy hoạch tổng thể khu du lịch sinh thái Tràng An 3682 ha.
- Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, tuyến dịch vụ du lịch Cầu Vòm- Bến xe.
- Đồng Gừng 119,76 ha (Quyết định 1460/QĐ- UBND tỉnh ngày 7/12/2009).
- Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị vùng bảo vệ đặc biệt Cố Đô Hoa Lư: 339,65 ha (Quyết định 577/ QĐ-UBND ngày 8/6/2009).
- Chiến lược, quy hoạch mà quyết định 762/QĐ-UB phê chuẩn được xây dựng trên cơ sở khai thác tài nguyên du lịch rất phong phú của Ninh Bình, phát huy được nhiều thế mạnh từ tài nguyên thiên nhiên.

Những năm trước đây, trên địa bàn tỉnh xảy ra tình trạng ở một vài điểm du lịch, chủ yếu nhận thức của các bên tham gia vào hoạt động du lịch (cơ quan quản lý, doanh nghiệp, người dân địa phương) về giá trị của di sản văn hóa chưa thật sâu sắc nên trong nhiều trường hợp cụ thể, phát triển du lịch làm ảnh hưởng trực tiếp tới

tình trạng bảo tồn di tích. Các nhà kinh doanh du lịch đã khai thác một cách bừa bãi giá trị của di tích hoặc phá hỏng không gian cảnh quan di tích để xây dựng các công trình phục vụ dịch vụ du lịch. Nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực tới di tích, đồng thời phát triển du lịch một cách bền vững, thời gian từ 2013 -2016 có những sự điều chỉnh quan trọng, những bản quy hoạch được cấp chính quyền địa phương căn cứ tình hình phát triển thực tế du lịch điều chỉnh lại theo yêu cầu. Muốn phát triển bền vững du lịch, đồng thời bảo tồn và phát huy được giá trị của các di sản văn hóa và để thực hiện những mục tiêu khác về phát triển bền vững du lịch cần có sự điều chỉnh về một số tiêu chí trong quy hoạch, đặc biệt công tác định hướng, xây dựng cơ sở vật chất phục vụ du lịch. Từ đó có những đề xuất hợp lý cho công tác điều hành quản lý của chính quyền địa phương.

### *3.2.2.2 Tổ chức thực hiện chính sách phát triển du lịch của Nhà nước tại địa phương và xây dựng ban hành chính sách của địa phương*

#### *a, Tổ chức thực hiện chính sách phát triển du lịch của Nhà nước tại địa phương*

Chiếm tới 76,7% lượng khảo sát đánh giá mức cao về việc tổ chức thực hiện chính sách Nhà nước tại địa phương. Từ 2007 -2016, Ninh Bình đã tổ chức thực hiện tốt hướng dẫn về luật du lịch được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa XI, kỳ họp lần thứ 7 thông qua ngày 14-6-2005 và Chính phủ đã ban hành Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01-6-2007, sắp tới là luật du lịch 2017 đi vào cuộc sống, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch..., những chính sách quan trọng về phát triển bền vững du lịch được thể hiện qua những mặt:

-*Chính sách đầu tư*: Căn cứ theo hướng dẫn đầu tư luật đầu tư 26 tháng 11 năm 2014, văn bản đầu tư như: Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, Chỉ thị số 23/CT-TTg, Ninh Bình xây dựng quy chế, ưu đãi cho doanh nghiệp đầu tư kinh doanh du lịch trên địa bàn.

- *Chính sách về đất đai*: Trên cơ sở luật đất đai, những quy định hiện hành, quy định về bồi thường, thu hồi đất phục vụ sản xuất kinh doanh, bồi thường thực hiện dự án, như Nghị định 84/2007 NĐ –CP ngày 25/5/2007, Ưu đãi về đất đai đối với các doanh nghiệp trong nước, với cơ sở thực hiện là quy định tại Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của CP (1999)...

- *Chính sách thuế*: Việc thực hiện thuế cho riêng ngành du lịch thông qua những văn bản của Nhà nước như Luật thuế, Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 04/6/2010 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30/8/2011 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước; Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Ưu đãi về vốn đầu tư: Các dự án đầu tư vào các Khu Công nghiệp, Khu Du lịch được ưu tiên bố trí vốn tín dụng ưu đãi theo kế hoạch Nhà nước hàng năm (nếu có nhu cầu vốn đầu tư), hoặc cấp Giấy phép ưu đãi đầu tư để hỗ trợ lãi suất sau đầu tư theo kế hoạch đầu tư hàng năm của địa phương. Ưu đãi lãi suất vốn vay, lãi suất cho thuê tài chính và phí cung cấp các dịch vụ của Ngân hàng và các tổ chức tín dụng. Ưu đãi lãi suất vay vốn và lãi suất cho thuê tài chính: Các dự án đầu tư vào các khu công nghiệp, khu du lịch được các Ngân hàng thương mại quốc doanh trên địa bàn tỉnh cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn và cho thuê tài chính với lãi suất giảm từ 5% đến 10% so với lãi suất cho vay vốn và lãi suất cho thuê tài chính đối với khách hàng bình thường.

*Chính sách về nhân lực du lịch*: Hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề cho lao động địa phương. Dựa trên gói hỗ trợ doanh nghiệp do nhà nước cho phép, trên cơ sở nhu cầu sử dụng lao động, các Nhà đầu tư vào các Khu công nghiệp, khu du lịch trên địa bàn tỉnh được cung cấp lực lượng lao động đã qua đào tạo.

*b, Ban hành triển khai thực hiện chính sách phát triển du lịch của địa phương.*

Chiếm tới 78,5% lượng khảo sát đồng ý mức cao về triển khai thực hiện chính sách phát triển du lịch của địa phương. Thời gian từ 2007 – 2016 qua du lịch Ninh Bình phát triển mạnh là do thực hiện tốt những chính sách của địa phương, tập trung cho những việc quan trọng sau:

*Chính sách đầu tư*: Triển khai ban hành những văn bản pháp luật, chính sách ưu đãi, thu hút vào đầu tư hạ tầng du lịch như: Quyết định 23/11/2012 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của



Quy định về chính sách hỗ trợ và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; phê duyệt quy hoạch, phân vùng và lãnh thổ.

*-Chính sách về đất đai:* Nhà đầu tư được hưởng thêm ưu đãi của tỉnh về chính sách đất đai: Giảm từ 30-50% tiền thuê đất trong thời gian từ 7-10 năm tiếp theo kể từ khi kết thúc thời gian miễn giảm tiền thuê đất theo quy định đối với các dự án đầu tư vào lĩnh vực ngành nghề ưu đãi thuộc danh mục A, danh mục dự án gọi vốn đầu tư của tỉnh và thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, có sử dụng số lao động bình quân trong năm đạt từ 50 lao động trở lên. Miễn tiền thuê đất trong suốt thời kỳ thực hiện dự án, đối với các dự án đầu tư không thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi thuộc danh mục A nhưng thuộc danh mục dự án gọi vốn đầu tư của tỉnh và thực hiện tại địa bàn có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn (theo danh mục C) hoặc danh mục các xã có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn của tỉnh; các dự án đầu tư có xây dựng các công trình nhà ở, nhà trẻ, trường học, cơ sở y tế, công trình phúc lợi công cộng phục vụ đời sống của người lao động trong doanh nghiệp, tuy vậy cần có những hướng đột phá, trong công tác thực thi chính sách. Chính sách đất đai cũng đang nhiều vướng mắc trong khâu giải phóng mặt bằng, việc bồi thường, giải tỏa để thực hiện các dự án đầu tư.

*Chính sách về nhân lực du lịch:* Nhân lực được Sở Du lịch chú trọng, bằng việc phối hợp các đơn vị trong ngành du lịch, tổng cục du lịch,..thường xuyên mở những lớp nghiệp vụ cho nhân viên phục vụ trong ngành về chuyên môn cũng như kỹ năng quản lý, tỷ lệ lao động được đào tạo nghề có tỷ trọng tăng cao, bước đầu đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững. Đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý của Sở Du lịch được thực hiện đều đặn hàng năm hàng quý về việc đánh giá, nhận xét cán bộ công chức của sở. Với kế hoạch 45KH – UBND ngày 17/12/2008 của UBND tỉnh Ninh Bình làm cơ sở thực hiện, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch thường xuyên mở các lớp ngắn hạn và dài hạn cho các cấp quản lý, nhằm nâng cao nghiệp vụ, ngoại ngữ, phong cách giao tiếp văn minh lịch sự đối với du khách và cộng đồng địa phương cho cán bộ công chức. Phối kết hợp với trường Đại học Hoa Lư, trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội, trường Đại học Hà Nội,.. nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu của phát triển bền vững hiện nay.

Tuy nhiên với chất lượng cũng như số lượng mà chính sách nhân lực còn yếu. Số lượng nhân lực, theo báo cáo của Sở Du lịch thường thừa vào mùa thấp điểm và thiếu vào mùa cao điểm. (Số lượng lao động/phòng của năm 2015 của Ninh Bình là 1,1 so với mức của cả nước 1.5) cho thấy chất lượng dịch vụ đáp ứng yêu cầu cần gia tăng bổ sung.

*Chính sách thị trường:* Được ưu tiên hỗ trợ cho những sản phẩm du lịch như hưởng nhiều ưu đãi của nhà nước, trên cơ sở ưu đãi những cá nhân doanh nghiệp tham gia vào hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh, Ưu đãi về thuế đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và trong nước tham gia áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời hạn thực hiện dự án; được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo; các doanh nghiệp BOT, BTO, doanh nghiệp công nghiệp kỹ thuật cao, các dự án trồng rừng và các dự án xây chính sách về đầu tư cho hoạt động du lịch,...

*Chính sách tài nguyên :* Quản lý và khai thác tài nguyên du lịch thuộc thẩm quyền của Sở Du lịch phối hợp cùng với Sở Tài Nguyên và Môi trường, trong đó bao gồm việc đánh giá, thẩm định tài nguyên môi trường,.. Ninh Bình với thế mạnh tài nguyên, tài nguyên du lịch Ninh Bình gồm nhiều loại và được phân cấp quản lý theo ngành theo cấp, như Vườn quốc gia Cúc Phương thuộc thẩm quyền quản lý của bộ Nông nghiệp, khu di tích Cố Đô Hoa Lư do ban quản lý danh thắng Tràng An quản lý, khu du lịch sinh thái Tràng An do doanh nghiệp Xuân Trường quản lý, khu bảo tồn Vân Long do UBND xã Gia Vân quản lý,..Trọng tâm công tác bảo vệ tài nguyên hiện nay gắn với khai thác và phát triển nhằm phát huy thế mạnh của Ninh Bình như một số văn bản hướng dẫn:

- Quyết định 32/2015/QĐ-UBND về Quy chế quản lý và khai thác hang, động vào hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.
- Chỉ thị 04/CT-UBND năm 2014 tăng cường công tác quản lý môi trường du lịch bảo đảm an ninh, an toàn cho khách du lịch do tỉnh Ninh Bình ban hành,
- Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND của UBND Tỉnh Ninh Bình. Về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường Di sản Văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An.

Tùy từng loại tài nguyên du lịch, Ninh Bình có những cơ chế đặc thù khác nhau, trong những nội dung đó quan trọng là sự phân rõ trách nhiệm, thẩm quyền mỗi cơ quan, mỗi cấp quản lý.

- *Khu Tam Cốc – Bích Động*: Gồm nhiều điểm du lịch nhỏ lẻ, các điểm du lịch này thuộc quyền quản lý của từng đơn vị doanh nghiệp khác nhau nên có sự khác biệt về cung cách quản lý:

Đền Thái Vi – Bích Động – Tam Cốc do doanh nghiệp Xuân Trường quản lý.

- Điểm du lịch Thạch Bích – Thung Nắng do công ty TNHH dịch vụ Bích Động quản lý.

Do trong khâu quản lý khai thác vận hành, có những xung khắc về lợi ích dẫn đến hiệu quả của tài nguyên du lịch mang lại chưa cao, tính thống nhất giữa định hướng phát triển sản phẩm, khai thác sản phẩm du lịch, duy tu bảo dưỡng, bảo vệ môi trường,.. về lý thuyết thực hiện đúng nhưng trong thực tế do không thống nhất dẫn tới thời gian thực hiện và kết quả thực hiện không đạt được theo yêu cầu.

Việc thẩm tra, thực hiện đánh giá tác động tài nguyên môi trường, trong đó việc thực hiện nội dung của dự án, khu du lịch, di sản, doanh nghiệp,..thuộc thẩm quyền của Sở Tài Nguyên và Môi Trường. Sở Du lịch là việc tổ chức đào tạo hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ bảo vệ tài nguyên môi trường trong những hoạt động du lịch, tổ chức du lịch, nâng cao nghiệp vụ bảo vệ môi trường cho doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh trong khu, điểm du lịch. Trách nhiệm của những ban quản lý khu, điểm du lịch, những doanh nghiệp được giao quản lý là việc thực hiện những hướng dẫn cụ thể về bảo vệ tài nguyên môi trường, bố trí công cụ, phương tiện,..cho công tác bảo vệ tài nguyên môi trường. Đặc thù một số tài nguyên du lịch Ninh Bình nằm xen kẽ với cộng đồng dân cư nên việc quản lý khai thác còn nhiều hạn chế, phối kết hợp trong cơ quan quản lý nhà nước, phối kết hợp của cơ quan quản lý và doanh nghiệp và dân cư địa phương trong hoạt động khai thác, đảm bảo an ninh, vệ sinh môi trường còn nhiều bất cập. Cần nâng cao nhận thức của các đối tượng trong hoạt động bảo vệ và tôn tạo tài nguyên Ninh Bình trong thời gian tới.

### *3.2.2.3 Huy động các nguồn lực đầu tư cho phát triển cơ sở hạ tầng du lịch.*

Hoạt động huy động nguồn lực được các đối tượng khảo sát đánh giá 72,5% lượng phiếu điều tra đánh giá cao, Trong giai đoạn 2007 – 2016 ngành du lịch Ninh Bình đầu tư vào những trọng điểm du lịch, tập trung vốn ngân sách nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các khu, điểm du lịch có ảnh hưởng lớn đến phát triển du lịch: Quần thể Danh thắng Tràng An, Tam Cốc Bích Động, khu công viên động vật hoang dã Quốc gia, nạo vét sông Sào Khê...; lồng ghép các nguồn vốn ngân sách nhà nước để gắn với đầu tư cho du lịch. Đã có nhiều công trình trọng điểm về du lịch được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước và nguồn xã hội hóa, như: Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu du lịch Tam Cốc - Bích Động; Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng Khu du lịch sinh thái Tràng An, chùa Bái Đính; Dự án tu bổ tôn tạo di tích lịch sử văn hóa Cố đô Hoa Lư. Số lượng đầu tư vào lĩnh vực du lịch của Ninh Bình tương đối nhiều, tính trên địa bàn nhiều hạng mục công trình, nhà nước có, tư nhân, ngoài nước cũng đều có. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2015 đạt 21 ngàn tỷ đồng, năm 2016 đạt 22,6 ngàn tỷ đồng, cho du lịch góp tới 21-25%, chủ yếu tập trung vào cơ sở hạ tầng và những dự án du lịch đang dở ( Theo báo cáo ngày 5/12/2016 của UBND báo cáo hội đồng nhân dân tỉnh). Được sự quan tâm đặc biệt của chính phủ cho ngành du lịch nơi đây, Ninh Bình có những ưu đãi về vốn, nhiều công trình trọng điểm được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách: Dự án sinh thái Tràng An, dự Án tôn tạo di tích cố đô Hoa Lư, dự án nạo vét xây kè bảo tồn cảnh quan sông Sào Khê, dự án thông suốt Cúc Phương Kim Sơn,..Do có sự kỳ vọng vào lượng khách du lịch của chính quyền cũng như doanh nghiệp và khả năng chi tiêu của du khách là tiềm năng lớn nên hoạt động đầu tư vào du lịch được quan tâm vào đánh giá cao.

- Huy động tối đa các nguồn vốn, khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia phát triển du lịch. Khuyến khích, kêu gọi các nhà đầu tư chiến lược đầu tư các dự án dịch vụ du lịch quy mô lớn, các trung tâm mua sắm, giải trí chất lượng cao tại các khu du lịch trọng điểm. - Khuyến khích các dự án đầu tư xây dựng khách sạn từ 3-5 sao (đặc biệt là khách sạn nghỉ dưỡng), hệ thống nhà hàng đạt chuẩn, nhà hàng cao cấp phục vụ khách du lịch.

#### *3.2.2.4 Xây dựng bộ máy tổ chức quản lý phát triển bền vững du lịch*

Bộ máy quản lý nhà nước về du lịch của Ninh Bình được các đối tượng khảo sát đánh giá 64,3% mức cao, so với những nội dung khác khá thấp. Có thể thấy, trước năm 2016 công tác quản lý nhà nước về du lịch của Ninh Bình do Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch thực hiện gồm (quyền hạn, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức quy định cụ thể trong Quyết định 1405/QĐ –UBND ngày 24/8/2008 của UBND. Đến ngày 1/12/2016, tách làm 2 sở, Sở Văn hóa Thể thao và Sở Du lịch mỗi Sở chịu trách nhiệm về quyền hạn, chức năng nhiệm vụ riêng biệt, nên có phần nào yếu về số lượng giảm về chất lượng so với trước. Trên cương vị là cơ quan chủ quản của ngành, việc tổ chức bộ máy quản lý nhà nước của Sở Du lịch từng bước được hoàn thiện như: Nâng cao năng lực cán bộ, bố trí cán bộ có năng lực, trình độ đảm nhận các vị trí chủ chốt đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế kinh doanh và đầu tư vào du lịch. Nâng cao trình độ cán bộ công viên chức, với Quyết định 824/QĐ-UBND Ninh Bình, ngày 19 tháng 10 năm 2012 về phát triển nguồn nhân lực của Ninh Bình, Sở Du lịch phối kết hợp cùng cơ sở đào tạo, nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý. Công tác quản lý, khai thác và bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch còn nhiều bất cập, chông chéo, chưa thống nhất. Các điểm tài nguyên du lịch đang chịu sự điều chỉnh về quản lý, khai thác của nhiều cấp, nhiều ngành khác nhau. Mỗi khu, điểm du lịch đang thực hiện một mô hình quản lý riêng với các quy chế và hình thức hoạt động biệt lập, do vậy yêu cầu nâng cao chất lượng nhân lực sẽ ảnh hưởng tốt tới kết quả hoạt động bền vững du lịch Ninh Bình.

#### *3.2.3.5 Tăng cường xúc tiến du lịch, hợp tác liên kết mở rộng thị trường, đẩy mạnh quảng bá.*

Hoạt động xúc tiến và hợp tác, liên kết được các đối tượng khảo sát đánh giá 65,8% mức tốt, là hoạt động quan trọng nhưng cần nhiều sự đầu tư hơn nữa. Thực tế Sở Du lịch Ninh Bình đã thực hiện nhiều hình thức quảng bá các sản phẩm du lịch và đẩy mạnh kết nối các tour, tuyên tham quan từ các vùng, miền trên cả nước, nhằm thu hút khách du lịch đến tham quan. Xác định các hội chợ, hội thảo và triển lãm du lịch là một trong những kênh quan trọng để xây dựng, quảng bá hình ảnh du lịch đến với du khách, Đặc biệt, trong những năm gần đây, điều kiện nguồn kinh phí dành cho

quảng bá du lịch còn hạn hẹp, tỉnh đã chú trọng đẩy mạnh công tác xã hội hóa, tích cực tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn tỉnh cùng tham gia vào các hoạt động, sự kiện quảng bá, xúc tiến du lịch.

Trong đó, sự kiện du lịch thường niên đáng chú ý trong năm, thu hút sự quan tâm của đông đảo doanh nghiệp du lịch trên địa bàn tỉnh là Hội chợ Du lịch quốc tế VITM Hà Nội, Hồ Chí Minh... Sở đã phối hợp với các doanh nghiệp kinh doanh du lịch tổ chức tham gia quảng bá, xúc tiến điểm đến du lịch Ninh Bình tại 7 lễ hội, hội chợ, tọa đàm quảng bá xúc tiến du lịch như: Ngày hội Du lịch thành phố Hồ Chí Minh năm 2015 với chủ đề “ấn tượng di sản thế giới tại Việt Nam”; Hội chợ du lịch quốc tế Việt Nam VITM Hà Nội 2015; Hội chợ Triển lãm Du lịch- Lữ hành Hoa phượng đỏ Hải Phòng 2015... Kinh phí thực hiện, hàng năm tỉnh đã dành 2-5 tỷ đồng triển khai các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch thông qua nhiều hình thức. Để đạt được mục tiêu đã đề năm 2015, 2016, Sở đã xây dựng các giải pháp, nhiệm vụ cụ thể, trong đó chú trọng công tác xúc tiến, quảng bá du lịch theo kế hoạch đã đề ra

### *3.2.3.7 Thanh tra, kiểm tra công tác tổ chức quản lý và các hoạt động kinh doanh du lịch tại địa phương*

Công tác này được đánh giá (70,1% tốt). Thực tế Ninh Bình ban hành nhiều văn bản như Kế hoạch số 66/KH-UBND, trong đó chỉ rõ các sở, ban, ngành, đoàn thể và UBND 19-8-2015, UBND tỉnh đã ban hành, các huyện, thành phố phải tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ và hiệu quả những nội dung của Chỉ thị, việc thanh tra tập trung chủ yếu vào những nội dung quản lý nhà nước về du lịch, thực hiện luật du lịch, văn bản quy phạm pháp luật của địa phương, nội quy, quy định,... Công tác thanh tra của Ninh Bình thường xuyên và liên tục, tập trung vào những việc:

- Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của tỉnh đối với các công ty lữ hành; kiểm tra, công khai các tua tuyến cho khách du lịch; rà soát lại việc quản lý các điểm bán hàng, nhà hàng. Thực hiện thanh tra các điểm có các tua du lịch của khách quốc tế; công khai, minh bạch giá dịch vụ tại các điểm bán hàng đối với khách du lịch; đình chỉ hoạt động đối với các doanh nghiệp chưa chấp hành nghiêm các quy định về quản lý hoạt động lữ hành.

- Kiểm tra, lập lại trật tự hoạt động kinh doanh du lịch dịch vụ trên địa bàn, kiên quyết tháo dỡ các biển hiệu kinh doanh không bảo đảm quy định; xử lý nghiêm các vi phạm về vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, xây dựng trái phép, lấn chiếm vỉa hè, không niêm yết giá, chấm dứt tình trạng ăn xin, bán hàng rong đeo bám, chèo kéo khách du lịch.

- Kiểm tra, rà soát toàn bộ quá trình sử dụng đất, công trình xây dựng trên đất tại các cửa hàng, trung tâm mua sắm trên địa bàn và xử phạt nghiêm các cơ sở vi phạm. Đồng thời tổ chức tháo dỡ những điểm bán hàng lưu niệm vi phạm các quy định và kiểm tra, xử lý các hướng dẫn viên du lịch không có thẻ hành nghề và sử dụng thẻ giả.

Thanh tra những tụ điểm văn hóa kết hợp với du lịch: Trong năm 2016 thanh tra Sở Du lịch đã kiểm tra 121 tổ chức. Qua kiểm tra, đã kịp thời phát hiện và xử lý hành chính đối với các tổ chức, xử phạt vi phạm hành chính đối với 05 doanh nghiệp, tước giấy phép kinh doanh 12 tháng đối với 1 đơn vị, đồng thời yêu cầu các đơn vị chấp hành đúng quy định của pháp luật trong hoạt động kinh doanh, kết hợp tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến các quy định của Nhà nước và pháp luật về lĩnh vực du lịch. Tiến hành kiểm tra 18 cơ sở kinh doanh karaoke và 20 cơ sở kinh doanh lưu trú du lịch trên địa bàn thành phố Ninh Bình, huyện Nho Quan, huyện Gia Viễn, huyện Yên Mô và huyện Kim Sơn, kịp thời chấn chỉnh những hành vi vi phạm của cơ sở kinh doanh.

### **3.2.3 Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới phát triển bền vững du lịch Ninh Bình**

#### *Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội chung*

Được những đối tượng khảo sát đánh giá với sự đồng ý cao (Mean= 4,2) là yếu tố quan trọng tạo nên bức tranh chung của phát triển bền vững du lịch. Hoạt động du lịch góp phần vào việc tạo thu nhập kinh tế cho Ninh Bình, trong xu hướng kinh tế chung của đất nước mở cửa thông thương, sự chuyển dịch cơ cấu từ kinh tế nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ, hướng tới dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn, du lịch Ninh Bình tuy non trẻ đã trở thành ngành đóng góp nhiều GDP của địa phương (chiếm 17,5%/năm). Hệ thống chính trị ngày càng được củng cố, chất lượng hoạt động được nâng lên. Phương thức và năng lực lãnh đạo của các cấp ủy Đảng được đổi mới, nâng cao; hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp,

đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển. Phát huy những thành tựu đã đạt được trong những năm qua, Ninh Bình tập trung thực hiện tốt 3 khâu đột phá, 7 chương trình trọng tâm, 6 nhóm nhiệm vụ giải pháp đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn

Về văn hóa - xã hội, Ninh Bình gặt hái nhiều thành tựu trên các mặt. Hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao... đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe, học tập, vui chơi, giải trí và sáng tạo của nhân dân và du khách, hài hòa phát triển kinh tế và văn hóa, du lịch với văn hóa. Hoạt động quản lý văn hóa với bền vững du lịch, trong những năm qua, thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 13/7/2009 của BCH Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch Ninh Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, tỉnh đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm thúc đẩy du lịch Ninh Bình phát triển một cách bền vững, như:

Thường xuyên thực hiện điều tra, kiểm kê, phân loại các di sản văn hóa trên địa bàn để đánh giá nguồn tài nguyên du lịch nhân văn, nâng cao hiệu quả công tác trùng tu, tôn tạo di tích, bảo tồn, khôi phục di sản văn hóa phi vật thể, xây dựng các sản phẩm du lịch gắn với di sản văn hóa trên địa bàn, giải quyết hài hòa mâu thuẫn giữa bảo tồn và khai thác giá trị di sản văn hóa phục vụ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh. Nắm bắt xu hướng kinh tế, chính trị và xã hội, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn từng bước phát triển bền vững là tiêu chí hàng đầu của chính quyền địa phương thời gian 2007- 2016 .

#### *Tài nguyên du lịch*

Là yếu tố hàng đầu của cơ quan quản lý, của nhà đầu tư quyết định cho những bước đi kế tiếp. Được đánh giá với sự đồng ý cao của các đối tượng khảo sát (mean= 4.3). Ninh Bình phong phú về tài nguyên du lịch, nhiều tài nguyên có giá trị Tam Cốc, Tràng An,.. góp phần đa dạng sản phẩm du lịch, gia tăng nguồn thu kinh tế không chỉ ngành du lịch nhiều ngành kinh tế khác. Đối với Ninh Bình, thế mạnh về tài nguyên du lịch không nằm ở sự hùng vĩ, mà là sự đa dạng gắn tài nguyên với bản sắc văn hóa người Việt. Thời gian từ 2007 – 2016 nắm bắt được thế mạnh về tài nguyên du lịch, ngành du lịch Ninh Bình khai thác, phát triển những sản phẩm du lịch bền vững theo quy hoạch du lịch của Ninh Bình và mang nét độc đáo không trùng lặp với những địa phương khác, do sản phẩm du lịch gắn



những loại hình văn hóa cùng với tài nguyên tự nhiên đa dạng, tạo nên những nét đặc trưng độc đáo cho du lịch Ninh Bình góp phần tạo thêm nguồn thu từ hoạt động du lịch, gia tăng được kinh phí cho công tác bảo vệ môi trường và an ninh kinh tế xã hội của địa phương.

*Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch*

Được những đối tượng khảo sát đánh giá đồng ý cao (Mean = 3,67). Tuy cơ sở hạ tầng của Ninh Bình thời gian từ 2007 – 2016 phát triển nhanh chóng, với vai trò là vệ tinh của trung tâm Hà Nội, là một trong 20 khu du lịch quốc gia quan trọng, nhưng vẫn đang trong giai đoạn đầu tư. Được sự quan tâm đầu tư Chính Phủ vào kết cấu hạ tầng, ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông đường, cầu,.. hỗ trợ rất lớn cho phát triển bền vững du lịch. Từ những quốc lộ, khả năng tiếp cận các điểm du lịch rất thuận lợi như: 1A, cao tốc Pháp Vân. Ngoài ra hệ thống đường sông, trong giai đoạn 2007 – 2016, nhiều tuyến đường sông được khơi thông, nhằm phát triển sản phẩm du lịch.

*Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch:* Thời gian 2007 – 2016 với việc đặt du lịch là ngành trọng điểm của địa phương, nhiều cơ sở vật chất phục vụ du lịch được đầu tư tôn tạo, nhằm phục vụ phát triển du lịch và kinh tế địa phương, hệ thống cơ sở lưu trú du lịch không ngừng phát triển cả về số lượng và chất lượng. Cùng với xu hướng chung về lượng khách nội và ngoại gia tăng nhu cầu du lịch gia tăng, nên việc tăng chất lượng dịch vụ lưu trú đang là yêu cầu đặt ra cho các nhà đầu tư. Nhìn chung hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch các khu du lịch được đánh giá tương đối tốt, các công trình đầu tư xây dựng theo đúng quy định của Nhà nước về đầu tư xây dựng cơ bản, tuy nhiên vốn cho hoạt động đầu tư còn chậm, những thủ tục hành chính trong đầu tư vướng tới nhiều ngành đang được chính quyền địa phương từng bước tháo gỡ.

*Cơ sở ăn uống và vui chơi:* Nhìn chung trong giai đoạn 2007 – 2016 hệ thống cơ sở ăn uống của Ninh Bình đáp ứng được nhu cầu của du khách, tuy nhiên hệ thống dịch vụ ăn uống chủ yếu do tư nhân đảm nhận, do vậy, sự quan tâm nhiều nhất là vấn đề an toàn thực phẩm, đảm bảo an toàn cho du khách. Về vui chơi giải trí, nhìn chung tại Ninh Bình thiếu và yếu, khách du lịch tới Ninh Bình hầu như không có chỗ vui chơi, chất lượng các dịch vụ này cần có những hướng phát triển hiệu quả hơn nữa.

### *Nhân lực du lịch*

Nhân lực du lịch của Ninh Bình 2016 là 22.592 người, so với năm 2007 tăng 22.5%, nhân lực trực tiếp và gián tiếp, trong đó có 4.200 lao động thường xuyên, 14.120 lao động không thường xuyên. Trình độ của lao động trong ngành cũng được nâng cao, tỷ lệ lao động được đào tạo nghề, nghiệp vụ du lịch, nghiệp vụ buồng, bàn, lễ tân chiếm tỷ trọng cao 68% tổng số lao động của ngành, số lao động trình độ cao đẳng đại học chiếm tỷ trọng 11%. Nhu cầu nhân lực lớn, Du lịch Ninh Bình phát triển cần khoảng 10.000 lao động trực tiếp và 20.000 lao động gián tiếp, do vậy có kế hoạch đào tạo và thu hút nhân lực. Công tác đào tạo liên kết và hợp tác với các trường chỉ đủ cung cấp khoảng 30% nhân lực cho ngành. Sở du lịch Ninh Bình có sự phối hợp với cơ sở đào tạo trong và ngoài nước, tổng cục dạy nghề thường xuyên mở những lớp nâng cao chất lượng nhân lực du lịch của địa phương, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững du lịch Ninh Bình.

### *Sự phát triển của nhu cầu khách du lịch*

Được các đối tượng khảo sát đánh giá sự đồng ý cao (Mean = 4.02). Do quá trình hội nhập quốc tế, thông thương giao lưu các vùng miền, cùng với sự phát triển khoa học kỹ thuật phương tiện đi lại ngày một thuận lợi, chủ trương quan hệ đa phương của quốc gia, cùng với tài nguyên du lịch của địa phương, kinh tế xã hội ổn định, du lịch Việt Nam nói chung và Ninh Bình nói riêng đang thu hút khách du lịch không chỉ trong nước mà quốc tế. Đối với nội địa nhiều đối tượng và nhiều nhu cầu, từ cán bộ công nhân viên, học sinh, hưu trí... Có những yêu cầu về từng loại hình sản phẩm phù hợp với chuyến đi và mục đích của họ, tuy nhiên ở Ninh Bình. Loại hình du lịch bền vững: Du lịch văn hóa, du lịch sinh thái được sự đồng ý đánh giá cao của du khách. Tuy vậy, hiện có sự khai thác quá mức, dẫn tới sự cạn kiệt, nâng cấp và phát triển về sản phẩm và dịch vụ, vậy trong thời gian tới việc nâng cao chất lượng, khai thác sự hấp dẫn sản phẩm, khai thác kết hợp cùng với tôn tạo là một yêu cầu cấp bách.

### *Chủ trương định hướng phát triển du lịch của địa phương*

Được các đối tượng khảo sát đánh giá với sự đồng ý (Mean =3.76). Chủ trương của chính quyền địa phương, xác định ngành du lịch là trọng điểm được các chính quyền chỉ đạo với nhiều văn bản quan trọng, Như nghị quyết số 15 - NQ/TU

*của Ninh Bình về phát triển du lịch đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã đặt ra mục tiêu:* Phát triển du lịch bền vững, từng bước đưa du lịch sớm trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Trên cơ sở đó thực hiện một loạt những yêu cầu về quản lý cũng như giải pháp thực hiện, định hướng về sản phẩm du lịch bền vững, đa dạng các loại hình du lịch như: du lịch tham quan danh thắng, di tích lịch sử văn hóa; du lịch văn hóa tâm linh; du lịch sinh thái; du lịch vui chơi giải trí, hội thảo, hội nghị; du lịch nghỉ dưỡng... Định hướng khai thác khu du lịch trọng điểm gồm: khu du lịch Tam Cốc - Bích Động - sinh thái Tràng An - cố đô Hoa Lư; khu du lịch rừng quốc gia Cúc Phương - Kỳ Phú - Hồ Đồng Chương; khu du lịch suối nước khoáng Kênh Gà - Động Vân Trình, khu bảo tồn thiên nhiên ngập nước Vân Long; khu du lịch Tam Điệp - phòng tuyến Tam Điệp - Biện Sơn; khu du lịch Hồ Yên Thắng - Yên Đồng - Động Mã Tiên; khu du lịch nhà thờ Đá Phát Diệm và vùng ven biển Cồn Thoi - Kim Sơn... Định hướng về đầu tư vào khu điểm du lịch quan trọng, có những chính sách kèm theo ưu đãi trong thời gian qua.

#### *Sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương*

Trong những năm gần đây, kinh tế xã hội của Ninh Bình phát triển tốt, có ảnh hưởng tốt cho những khối ngành dịch vụ, xúc tiến đầu tư được tăng cường, khối ngành dịch vụ phát triển mạnh, khu vực dịch vụ tăng 10% so với năm 2015 thu ngân sách 16.555 tỷ đồng, trong đó thu hoạt động du lịch 1572 tỷ đồng, hoạt động du lịch đóng góp 10,05% tổng thu ngân sách. Về văn hóa xã hội, an ninh xã hội được bảo đảm phối kết hợp giữa cơ quan quản lý du lịch với cơ quan Công An, triển khai các biện pháp công tác, thực hiện nghiêm túc, Chỉ thị, Nghị quyết, Nghị định của Chính phủ về công tác đảm bảo an toàn, an ninh, an toàn giao thông, góp phần yên tâm cho du khách khi du lịch trên địa bàn.

### **3.3 Đánh giá chung về thực trạng phát triển bền vững du lịch của Ninh Bình thời gian qua**

#### **3.3.1 Ưu điểm và nguyên nhân**

##### *\*Ưu điểm*

Trong thời gian qua Du lịch Ninh Bình đã có những kết quả tích cực trong phát triển bền vững về mặt kinh tế môi trường và văn hóa xã hội. Phát triển bền vững du lịch Ninh Bình, một mặt khuyến khích phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, mặt khác

phát triển mạnh mẽ những ngành nghề truyền thống của địa phương, ổn định trật tự xã hội địa phương, ngoài việc giải quyết việc làm, còn nâng cao thu nhập gia tăng vị thế và tiếng nói của người địa phương về những đóng góp của họ cho kế hoạch, quy hoạch du lịch của cơ quan quản lý. Bên cạnh đó, hoạt động bền vững du lịch đã gia tăng việc bảo vệ môi trường, tăng kinh phí trong việc bảo vệ, trùng tu tôn tạo tài nguyên du lịch, được duy trì thường xuyên và phát triển. Sở Du lịch đã phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành, đoàn thể trong tỉnh tổ chức thực hiện tốt công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di tích lịch sử, văn hóa trong tỉnh, qua đó tạo một bước chuyển mạnh mẽ trong nhận thức về vai trò, vị trí của di sản văn hoá trong cán bộ, nhân dân, đặc biệt công tác tu bổ, tôn tạo các di tích.

Trong hoạt động quản lý Nhà nước, UBND tỉnh Ninh Bình và sở Du lịch thực hiện được là:

*Một*, công tác quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch tương đối tốt, thông qua quy hoạch tổng thể có quy hoạch chi tiết từng địa phương, từng vùng. Triển khai quy hoạch những năm qua Ninh Bình hút được nhiều dự án về đầu tư hạ tầng du lịch, xây dựng các cơ sở lưu trú, khách sạn du lịch cao cấp, đầu tư phát triển các khu du lịch và khu giải trí hiện đại nhằm đa dạng hóa các sản phẩm du lịch; đầu tư phát triển các trung tâm dịch vụ du lịch.

*Hai*, tổ chức thực hiện chính sách phát triển du lịch của nhà nước và địa phương tương đối tốt, Chính sách thuế, giảm thuế những mặt hàng của lĩnh vực du lịch, chính sách ưu đãi thuế đất của Ninh Bình, chính sách đầu tư du lịch, công tác đầu tư vào cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất phục vụ du lịch, huy động nguồn lực trong và ngoài nước cho việc đầu tư vào lĩnh vực du lịch,... với nhiều dự án tại các khu và điểm du lịch của Ninh Bình. Đối với việc trùng tu tôn tạo những tài nguyên du lịch, có chính sách ưu đãi doanh nghiệp về kinh phí duy tu và tôn tạo.

*Ba*, huy động được nguồn lực đầu tư cho phát triển du lịch, ngoài vốn ngân sách giành cho, địa phương huy động đầu tư không chỉ trong mà cả ngoài nước vào lĩnh vực du lịch, sản phẩm du lịch bền vững, cơ sở vật chất du lịch đáp ứng nhu cầu của du khách trong và ngoài nước thời gian qua.

*Bốn*, xây dựng được bộ máy quản lý chuyên nghiệp, bộ máy quản lý du lịch của Ninh Bình cải tổ và sắp xếp lại, từ Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tách thành 2 sở tạo điều kiện cho hoạt động quản lý nhà nước về du lịch chuyên môn của một sở.

*Năm*, hoạt động xúc tiến và hợp tác mở rộng thị trường đẩy mạnh quảng bá thực hiện tốt: Tăng cường xúc tiến và hợp tác du lịch, Sở Du lịch có những phương thức hỗ trợ quảng bá cho hoạt động du lịch của Ninh Bình.

*Sáu*, thanh tra kiểm tra thường xuyên những hoạt động du lịch, quản lý thanh tra thường xuyên và định kỳ, giúp hoạt động du lịch được bài bản và quy củ.

*\* Nguyên nhân:*

*Nguyên nhân khách quan:* Việt Nam một mặt có tài nguyên du lịch phong phú hệ thống di sản văn hóa và thiên nhiên được UNESCO công nhận, mặt khác ngày một hòa nhập vào sân chơi trung của toàn thế giới, du lịch với tốc độ tăng trưởng nhanh đóng góp Du lịch vào cơ cấu GDP đất nước ngày càng lớn trong bối cảnh tình hình kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn, hình ảnh du lịch quốc gia ngày càng được nâng cao.

Cơ chế chính sách của Đảng và Nhà nước đối với ngành du lịch ngày một hoàn thiện, những văn bản luật, dưới luật về du lịch, ngành nghề liên quan ngày càng rõ ràng, tạo điều kiện cho tỉnh đi sau như Ninh Bình có điều kiện phát triển. Sự quan tâm của Chính phủ cho ngành Du lịch nói chung và Ninh Bình nói riêng: Có quy hoạch tổng thể về du lịch Việt Nam và những nghị quyết quan trọng, Nghị quyết số 92/NQ-CP của Chính phủ, Chiến lược marketing du lịch đến năm 2020(02/11/2014) Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch giai đoạn 2013 – 2020, tầm nhìn 2030 (19/12/2013), Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030(04/01/2012) hiện nay là luật du lịch 2017, kim chỉ nam cho hoạt động du lịch các tỉnh.

*Nguyên nhân chủ quan:* Ninh Bình trong thời gian vừa qua với sự ổn định và phát triển của kinh tế địa phương, Chủ trương định hướng đưa ngành du lịch Ninh Bình là ngành chủ đạo huy động và tận dụng thế mạnh nguồn tài nguyên tự nhiên, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch du lịch, từng bước đưa ngành du lịch phát triển đúng hướng đạt được mục tiêu đã đề ra, do có những chính sách hợp

lý về đầu tư về huy động nguồn lực, giảm thu phí tại những điểm du lịch quan trọng,.. giúp doanh nghiệp và nhà đầu tư có thêm nguồn lực đầu tư tôn tạo tài nguyên tự nhiên, gia tăng đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn.

Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Ninh Bình, Sở Du lịch tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với ngành du lịch: Thực thi công cụ quản lý, tuyên truyền công tác phát triển bền vững du lịch tới cộng đồng, công tác đào tạo con người, công tác kiểm tra, thanh tra,..thuộc thẩm quyền từng bộ phận làm tương đối tốt dẫn tới phát huy được thế mạnh.

Được sự ủng hộ, đoàn kết của cộng đồng doanh nghiệp, cộng đồng dân cư địa phương, những khu và điểm du lịch và sự thống nhất về mặt ý thức, hành động dẫn tới những hiệu quả mà du lịch Ninh Bình đạt được những năm qua.

### ***3.3.2 Hạn chế và nguyên nhân***

Phát triển bền vững du lịch tuy có đóng góp cao vào sự phát triển kinh tế của Ninh Bình nhưng đang đứng trước nhiều khó khăn, số lượng du khách tăng quá nhanh, kèm theo khi hạ tầng kinh tế, hạ tầng xã hội không theo kịp với sự gia tăng số lượng du khách, trong khi hiệu quả từ hoạt động du lịch thấp không cao, thu nhập từ hoạt động du lịch cùng với tỷ lệ đóng góp vào GRDP so với những tỉnh thành lân cận chưa cao. Đầu tư vào cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch cần nhiều vốn và công nghệ tuy nhiên nguồn lực kinh tế của địa phương có hạn, huy động nguồn lực xã hội và doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Nguồn nhân lực còn thiếu và yếu cần gia tăng trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ từng bước đáp ứng yêu cầu của bền vững du lịch ngày càng cao. Phát triển bền vững du lịch Ninh Bình đồng nghĩa với việc bảo tồn tôn tạo tài nguyên là hai việc song song, việc khai thác quá mức du lịch đang gia tăng sự xuống cấp của tài nguyên tự nhiên và nhân văn. Tỷ lệ những khu và điểm qua hoạch hiện nay đã đáp ứng yêu cầu của phát triển bền vững du lịch Ninh Bình tuy nhiên, trong quá trình triển khai và thực hiện quy hoạch đang có nhiều tác động xấu. Mức độ xuống cấp của cảnh quan đang diễn ra nhanh hơn quá trình duy tu bảo dưỡng, hoạt động bảo vệ cảnh quan sinh thái còn nhiều hạn chế. Hoạt động phát triển bền vững du lịch Ninh Bình tạo niềm tin cho cộng đồng doanh nghiệp và địa phương của Ninh Bình

chưa cao, doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch chủ yếu đầu tư mang tính ngắn hạn, nên hình ảnh, sản phẩm du lịch chất lượng chỉ mức trung bình. An toàn và an ninh cho du khách vẫn còn nhiều vướng mắc, như giao thông, an toàn và vệ sinh thực phẩm,..Hoạt động tiêu thụ động thực vật quý hiếm tuy có giảm nhưng vẫn xảy ra, hoạt động thanh tra của cơ quan nhà nước tuy cao nhưng vẫn xảy ra những hiện tượng không tốt làm ảnh hưởng tới hoạt động du lịch.

Hạn chế chủ yếu là trong quản lý phát triển bền vững du lịch của Ninh Bình đó là:

*Một là, quy hoạch du lịch và thực hiện quy hoạch:* Đã có nhiều bản quy hoạch chi tiết cho những khu du lịch trọng điểm của Ninh Bình, tuy nhiên, thực hiện quy hoạch chưa triệt để hoạt động du lịch đang bị ảnh hưởng nhiều từ những hoạt động kinh tế khác như: Khai thác, vận chuyển,..

*Hai là, công tác quản lý, thanh tra kiểm tra chưa mạnh mẽ,* như công tác quy hoạch ở một số khu, điểm du lịch kiểm tra thực hiện quy hoạch, để cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư không đúng theo quy hoạch đã được duyệt làm phá vỡ cảnh quan như ở khu du lịch Tam Cốc - Bích Động, Địch Lộng,...việc thanh tra kiểm tra hoạt động khai thác tài nguyên tự nhiên cũng như nhân văn chưa triệt để do đó, đang làm ảnh hưởng tới hình ảnh du lịch của Ninh Bình. Một số nhà đầu tư chưa quyết tâm cao trong việc triển khai dự án, thậm chí có nhà đầu tư có tư tưởng giữ đất chờ chuyển nhượng, gây tâm lý bức xúc trong dư luận.

*Ba là, nguồn nhân lực du lịch hiện nay của Ninh Bình:* Thừa lao động thời thấp điểm, thiếu lao động thời gian cao điểm, lao động chuyên môn thiếu, lao động phổ thông thừa, hoạt động chuyên nghiệp của du lịch chưa cao. Nhân lực cho công tác quản lý nhà nước do mới tách ra nên còn thiếu và yếu.

*Bốn là, huy động nguồn lực cho phát triển bền vững du lịch:* Nguồn lực không chỉ về thiếu vốn, thiếu tài chính mà cả tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn, vật thể phi vật thể, sức năng động, sáng tạo, thái độ tích cực của cộng đồng cho tới năng lực của doanh nghiệp, chưa phát huy mạnh, do công tác tuyên truyền tới địa phương và doanh nghiệp chưa cao.

Công tác quảng bá xúc tiến Sản phẩm du lịch Ninh Bình còn yếu, sức hấp dẫn của du lịch Ninh Bình chủ yếu vẫn dựa vào những lợi thế tự nhiên sẵn có, sản

phẩm và dịch vụ tại các khu, điểm du lịch còn đơn điệu, mang những nét giống nhau, giống những địa phương khác, sản phẩm dịch vụ vui chơi giải trí còn thiếu.

*\*Nguyên nhân:* Sự thay đổi thường xuyên của chính sách vĩ mô của nhà nước trong những năm qua, sự chưa ổn định về mặt luật pháp, dẫn tới chính sách của tỉnh Ninh Bình thường xuyên có sự điều chỉnh. Các chính sách liên quan chưa cụ thể, rõ ràng về ưu đãi của Nhà nước cần thể hiện rõ, cơ chế bồi thường giải phóng mặt bằng hiện nay vẫn còn nhiều bất cập sự đồng thuận của người dân trong vùng du lịch vẫn là khâu khó cho các cấp, cơ chế nộp tiền chuyển đổi mục đích sử dụng đất, quy định xây dựng khu tái định cư; chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp không khác gì các ngành kinh doanh khác. Quy định ưu đãi địa bàn lại tính theo cấp huyện, trong khi nhiều xã khó khăn lại không được hưởng ưu đãi. Chính sách thuế, chính sách về đầu tư cho hoạt động du lịch, chính sách huy động vốn, nguồn lực,...cần có những hướng đột phá, thiếu vốn và công nghệ đang là vấn đề bức xúc hiện nay.

Nhận thức trong vấn đề phát triển bền vững du lịch của Ninh Bình hiện nay của các cấp các ngành tuy đã được phổ biến nhiều, nhưng kết quả chưa cao, những hiện tượng ỷ lại, trông chờ trong công tác quản lý và điều hành vẫn xảy ra, sự sáng tạo trong quá trình điều hành, huy động vốn, tạo điều kiện cho những thành phần trong xã hội tham gia phát triển bền vững du lịch vẫn còn hạn chế.

Nguồn vốn cho hoạt động bền vững du lịch hiện nay, do có nhiều nguồn và sự phân bổ nguồn vốn theo dự án và theo thời gian, dẫn tới hiện tượng có sự giàn trải trong đầu tư, số lượng đầu tư nhiều, kết quả của những dự án chưa cao.

Do có sự chia tách nên vấn đề nhân sự hiện nay của Ninh Bình thiếu và yếu, thiếu những cán bộ, chuyên viên có chuyên môn và tâm huyết. Công tác quản lý cán bộ, quy hoạch đào tạo, sử dụng cán bộ QLNN về du lịch của các địa phương, nhất là đội ngũ cán bộ kế cận, tuy có được quan tâm nhưng chưa thường xuyên. Bên cạnh đó, các chính sách tiền lương, chính sách đãi ngộ cán bộ, chính sách thu hút nhân tài chậm được ban hành hoặc chưa được chú trọng thực hiện.



### **Kết luận chương 3**

Chương 3 tập trung nghiên cứu những vấn đề: Tiềm năng và nguồn lực, tình hình phát triển bền vững du lịch hiện nay của Ninh Bình, kết quả hoạt động bền vững du lịch của Ninh Bình trong thời gian 2006 - 2016.

Đi sâu đánh giá những nội dung về kinh tế, xã hội và môi trường: Đánh giá về kinh tế với những tiêu chí khách du lịch, giá trị gia tăng du lịch, hệ thống cơ sở vật chất, việc làm ngành du lịch tạo ra, mức độ sử dụng hàng hóa của địa phương.

Đánh giá về xã hội: Sự phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, mức độ hài lòng và hợp tác của cộng đồng địa phương với hoạt động du lịch, mức độ an toàn, an ninh khu du lịch, mức độ thương mại văn hóa truyền thống của địa phương, sự xuất hiện của những dịch bệnh, tệ nạn xã hội có liên quan tới du lịch.

Đánh giá về môi trường: Số lượng các khu và điểm du lịch được đầu tư tôn tạo, Số lượng các khu và những điểm du lịch được quy hoạch, mức độ đóng góp từ hoạt động du lịch cho công tác bảo tồn, phát triển bảo vệ tài nguyên và mức độ tiêu thụ động thực vật quý hiếm.

Tập trung phân tích về thực trạng của những yếu tố ảnh hưởng: Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội chung, nguồn nhân lực du lịch, sự phát triển của nhu cầu khách du lịch, chủ trương định hướng phát triển du lịch của địa phương Sự phát triển kinh tế xã hội của Ninh Bình.

Qua phân tích đánh giá về những tiêu chí và nội dung phát triển bền vững du lịch của Ninh Bình từ đó rút ra về ưu điểm, hạn chế trong việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển bền vững du lịch, tổ chức thực hiện chính sách phát triển bền vững du lịch của Nhà nước và của Ninh Bình, huy động các nguồn lực cho phát triển cơ sở hạ tầng du lịch, xây dựng bộ máy tổ chức quản lý phát triển bền vững du lịch, hoạt động xúc tiến, quảng bá và hoạt động thanh tra du lịch của Ninh Bình.

## **CHƯƠNG 4. MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DU LỊCH NINH BÌNH ĐẾN NĂM 2020 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

### **4.1 Bối cảnh, quan điểm, định hướng và mục tiêu phát triển du lịch của Ninh Bình**

#### **4.1.1 Bối cảnh phát triển du lịch Ninh Bình năm đến 2020 và tầm nhìn năm 2030**

Trong bối cảnh phát triển kinh tế nói chung của cả nước, ngành du lịch đang từng bước khẳng định vị thế trong nền kinh tế, một số những bối cảnh phát triển bền vững du lịch Ninh Bình đến 2020 và tầm nhìn 2030 như sau:

*Môi trường hội nhập và mối quan hệ đa phương, sự ổn định về an ninh chính trị khiến cho nhu cầu du lịch gia tăng*

Do sự ổn định về an ninh chính trị của Việt Nam, lượng khách du lịch quốc tế tới Việt Nam gia tăng ổn định trong thời gian qua và đang được sự quan tâm của du khách một số thị trường quốc tế khác như Nhật, Hàn Quốc,... Đối với thị trường trong nước nhu cầu du khách cũng tăng, nhu cầu về lễ hội, thời gian nghỉ của người lao động, mức sống được nâng cao, đặc biệt các đô thị lớn quanh Ninh Bình.

*Ngành du lịch Ninh Bình nhận được sự chỉ đạo quan tâm chặt chẽ từ Chính Phủ và các cấp chính quyền.*

Quy hoạch tổng thể du lịch Việt Nam và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam thời kỳ 2010 và định hướng 2020, đã xác định Ninh Bình là một trọng điểm du lịch quan trọng của trung tâm du lịch Hà Nội và một trong 7 trung tâm du lịch của cả nước, vì vậy, nhận được nhiều sự hỗ trợ của Chính Phủ trong việc nâng cấp và phát triển hạ tầng du lịch. Đối với địa phương, trong công tác tham mưu, phối hợp, chỉ đạo bền vững du lịch, có nhiều văn bản hướng dẫn thực hiện như NQ 02/TU của Ban Chấp Hành Đảng Bộ về công tác bảo tồn, NQ 15 - NQ/TU về phát triển du lịch đến 2020 và tầm nhìn 2030... Sự quan tâm và chỉ đạo đúng đắn tạo nên được hiệu quả trong thời gian qua.

*Phát triển bền vững du lịch nằm trong thế cạnh tranh giữa những vùng miền*

Nằm trong vùng phụ cận của Hà Nội, nên sự cạnh tranh với những địa phương là tất yếu, một số địa phương có thế mạnh như Hải Phòng, Quảng Ninh,

ngoài ra còn có Hà Tây, Vĩnh Phúc, Thanh Hóa, trong điều kiện về cơ sở hạ tầng có phần tốt hơn, cơ sở vật chất của Ninh Bình trong mức trung bình, vấn đề này càng trở lên to lớn, khi hình ảnh du lịch Ninh Bình mới nổi, sản phẩm du lịch đơn điệu, chưa phát huy hết tiềm năng du lịch đặc thù của địa phương, làm hạn chế khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững du lịch của Ninh Bình.

*Sự xuống cấp của tài nguyên du lịch, môi trường du lịch, trong đó tình trạng chông chéo trong quản lý là một bất cập.*

Điều này có thể dễ dàng thấy các điểm tài nguyên du lịch của Ninh Bình như Tam Cốc – Bích Động, Địch Lộng,..sự suy giảm đa dạng sinh học tại các khu tự nhiên, hoạt động khai thác tài nguyên quản lý còn lỏng,..

*Phát triển bền vững du lịch Ninh Bình trong bối cảnh chịu sức ép về trách nhiệm bảo tồn các giá trị văn hóa tự nhiên.*

Sự gia tăng lượng khách quá lớn tới những điểm du lịch Cúc Phương, Vân Long, Trường An,..các di tích lịch sử, các di tích văn hóa có giá trị quốc gia và quốc tế, tạo sức ép đến cảnh quan, môi trường, đến sự tồn tại của các công trình. Đây là một vấn đề quan trọng và mâu thuẫn giữa cơ hội và mong muốn tăng trưởng lượng khách với nhiệm vụ bảo vệ những giá trị văn hóa, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên cho phát triển bền vững du lịch.

*Nhận thức của xã hội, của cộng đồng địa phương về bền vững du lịch còn nhiều bất cập:* Mặc dù đã có nhiều thay đổi về nhận thức đối với tầm quan trọng của du lịch trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương, tuy nhiên thực tế cho thấy, nhận thức của xã hội, của địa phương với các nhà quản lý còn có những bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu của phát triển bền vững du lịch Ninh Bình.

#### **4.1.2 Quan điểm phát triển du lịch của Ninh Bình**

Tỉnh ủy và Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình xác định, ngành du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn từng bước khẳng định vị trí đối với phát triển kinh tế xã hội. Phát triển bền vững du lịch là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, của toàn xã hội, có sự lãnh đạo của các cấp Đảng, phát huy mạnh mẽ vai trò của doanh nghiệp và cộng đồng dân cư. Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về bền vững du lịch, đã thể hiện trong những văn bản quan trọng của tỉnh như:

Nghị quyết số 15 – NQ/TU ngày 13/7/2009 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển Du lịch đến năm 2020 định hướng 2030, Nghị quyết 02 NQ –TU ngày 17/8/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa và thiên nhiên thế giới quần thể danh thắng Tràng An trong phát triển du lịch 2016 – 2020. Đã mở ra hướng phát triển nhanh, bền vững du lịch Ninh Bình. Các nhiệm vụ trọng tâm: Công tác quy hoạch du lịch được tổ chức triển khai; hạ tầng du lịch được đầu tư, mở rộng, nâng cấp; số lượng nhà hàng, khách sạn cao cấp trên địa bàn tỉnh tăng nhanh; chất lượng nguồn nhân lực du lịch được nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ; văn minh du lịch từng bước được nâng lên, tạo nên sức hấp dẫn của du lịch Ninh Bình với du khách.

*Những quan điểm chính:*

+ Phát triển bền vững du lịch đảm bảo bền vững từ góc độ kinh tế, tài nguyên môi trường và văn hóa xã hội.

+ Phát triển du lịch từng bước đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy các ngành kinh tế khác cùng phát triển.

+ Phát triển du lịch là ngành kinh tế tổng hợp, có tính liên ngành, liên vùng, có trọng tâm trọng điểm, có thương hiệu và khả năng cạnh tranh cao, xã hội hóa cao, nội dung văn hóa sâu sắc, tăng cường liên kết trong nước và quốc tế, chú trọng liên kết với các ngành, lĩnh vực khác trong chuỗi giá trị hình thành sản phẩm du lịch.

#### **4.1.3 Mục tiêu phát triển bền vững du lịch Ninh Bình.**

Nghị quyết đại hội Đảng bộ Ninh Bình đã đặt ra trong nhiệm kỳ 2015- 2020 “*Phát triển mạnh du lịch và dịch vụ thương mại, bưu chính, viễn thông, phấn đấu đến năm 2020 tỷ trọng ngành dịch vụ chiếm 42% trong tổng GRDP của tỉnh*”.

Mục tiêu cụ thể: Phát triển du lịch Ninh Bình trở thành một trong những trọng tâm, trọng điểm du lịch trong cả nước. Phấn đấu từ năm 2016 trở đi thu nhập du lịch đóng góp 10% GRDP trở lên.

Xây dựng đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng du lịch, trú trọng xây dựng cơ sở lưu trú từ 3 sao trở lên. Đồng thời quan tâm phát triển các làng du lịch, biệt thự du lịch, bãi cắm trại du lịch, loại hình du lịch homestay

Hoàn thiện đầu tư xây dựng và phương thức quản lý các khu du lịch lớn. Từ nay đến 2020 hoàn chỉnh các khu du lịch như Tràng An, Bái Đính, Vân Long,...

Đào tạo nghề và đào tạo việc làm cho người lao động: Đến 2020 lao động trực tiếp vào khoảng 10000 - 15000, lao động gián tiếp 25000 người.

**Bảng 4.1: Tổng hợp các chỉ tiêu phát triển du lịch Ninh Bình đến 2020**

Chỉ tiêu	Đơn vị	2010	2015	2020
<i>Khách du lịch</i>		3.007.412	3000	5000
Khách quốc tế	Nghìn người	621.051	1000	1800
khách nội địa	Nghìn người	2.386.361	2000	4000
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	492.2	700	1000
Tổng giá trị GDP du lịch	Tỷ đồng	38.381	56.34	85
Tốc độ tăng trưởng du lịch	%	38.1	10	10

*Dự báo của Sở DL Ninh Bình*

-Tăng cường công tác tuyên truyền về du lịch để nâng cao sự hiểu biết và ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường của cán bộ, công nhân lao động tại các cơ sở kinh doanh du lịch, du khách trong và ngoài nước. Tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và nguồn lợi tự nhiên. Quan tâm đặc biệt đến phát triển hệ thống rừng ngập mặn ven biển, rừng phòng hộ. Quản lý chặt chẽ và xử lý đúng quy trình rác thải, nước thải sinh hoạt.

-Thực hiện triệt để việc đánh giá tác động môi trường đối với dự án du lịch cũ và xây dựng các công trình xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn đối với các dự án đầu tư mới. Giảm thiểu việc thải chất thải vào môi trường. Kiểm soát chặt chẽ nguồn nước thải (từ các nhà máy, cơ sở sản xuất chế biến, nước thải từ ruộng đồng, nước thải từ làng nghề, nước thải sinh hoạt...) chảy vào các dòng sông.

-Tăng cường công tác kiểm tra và quản lý tốt quy hoạch và khai thác tài nguyên du lịch.

#### **4.1.3 Định hướng phát triển bền vững du lịch Ninh Bình**

Đứng trước những ưu điểm và hạn chế cũng như vấn đề đặt ra, Ninh Bình đã điều chỉnh những văn bản pháp lý, mang tính bản lề cho phát triển bền vững du lịch. Căn cứ vào NQ-15 của Ban chấp hành Đảng bộ Ninh Bình về phát triển du lịch đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và báo cáo 115/BC – UBND ngày 06/09/2016 đã xác định, định hướng phát triển bền vững du lịch của Ninh Bình nay cho tới 2030. Tập trung vào một số vấn đề:

*Kinh tế:* Xác định ngành du lịch đóng góp lớn cho kinh tế xã hội của địa phương, sản phẩm du lịch của Ninh Bình chủ yếu loại hình du lịch bền vững (tập trung vào các khu hang động xuyên thuỷ như Tràng An, Tam Cốc-Bích Động, khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long, khu vực Vườn Quốc gia Cúc Phương...) và du lịch văn hoá-tâm linh (Cố đô Hoa Lư, chùa Bái Đính, nhà thờ đá Phát Diệm, các di tích lịch sử văn hoá thời Đinh -Tiền Lê - Lý, phòng tuyến Tam Điệp-Biên Sơn...). Đầu tư phát triển mạnh các loại hình du lịch Ninh Bình có thể mạnh như du lịch cuối tuần, du lịch trên sông, du lịch hồ ven núi, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo.

- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng du lịch: Tập trung vốn ngân sách của Nhà nước đầu tư cho phát triển cơ sở hạ tầng các khu, điểm du lịch có ảnh hưởng lớn tới phát triển du lịch và những sản phẩm du lịch bền vững. Như quần thể Tràng An, Quảng trường Đinh tiên Hoàng, khu công viên Quốc gia, sông Sào Khê, khu Kênh Gà,.. và hệ thống giao thông kết nối các khu, điểm du lịch, lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia gắn với đầu tư cho du lịch.

- Tập trung thu hút hướng nhà đầu tư trong việc xây dựng kết cấu hạ tầng du lịch, xây dựng Ninh Bình theo hướng thành phố du lịch kết nối với những dự án trọng điểm như khu Cố Đô, Thạch Bích – Thung Nắng,..Triển khai dự án tuyến đường Bái Đính – Tam Chúc – Chùa Hương – Hòa Lạc kết nối du lịch Ninh Bình – Hà Nam – Hà Nội. Khuyến khích các nhà đầu tư chiến lược trong việc hình thành các khu du lịch phức hợp, dự án dịch vụ quy mô lớn, khu mua sắm chất lượng cao.

- Khuyến khích các dự án xây dựng các khách sạn 3-5 sao, các khách sạn nghỉ dưỡng và nhà hàng đạt tiêu chuẩn, xây dựng các tuyến đường, điểm du lịch có tính liên vùng trong tỉnh và ngoài tỉnh.

*Xã hội:* Hướng tới đảm bảo môi trường xã hội an toàn, văn minh lịch sự khi tới du lịch tại Ninh Bình. Hoạt động du lịch theo đúng quy hoạch, không có hiện tượng xây dựng không phép, lấn chiếm trong các khu du lịch, điểm du lịch. Việc cấp phép xây dựng mới nhà ở của nhân dân trong các khu du lịch đã được quy hoạch, các vùng dự du lịch đã phê duyệt phải có ý kiến của Sở Xây dựng, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch. Giải phóng mặt bằng trong các dự án du lịch, tạo điều kiện cho nhà đầu tư về bước đầu thực hiện dự án..

*Môi trường:* Kiểm soát ô nhiễm môi trường và vệ sinh môi trường, đặc biệt tại các điểm nhạy cảm gần các khu, điểm du lịch và các tuyến giao thông. Xây dựng hệ thống quan trắc chất lượng môi trường tại các khu du lịch trọng điểm. Xây dựng hệ thống nhà vệ sinh đạt chuẩn, xử lý rác thải trên mặt đất, mặt nước tại các khu, điểm du lịch. Xây dựng các quy định chi tiết về bảo vệ tài nguyên rừng, bảo vệ hệ thống núi đá vôi, hang động, nhũ đá và các loài động vật hoang dã.

Định hướng đối với quản lý nhà nước về phát triển bền vững du lịch:

*Công tác quy hoạch:* Hoàn thiện quy hoạch 2020, xây dựng quy hoạch 2025, định hướng 2030. Xây dựng quy hoạch chi tiết, quy hoạch khu trung tâm thành phố Ninh Bình, Vườn quốc gia Cúc Phương – Kỳ Phú – Hồ Đồng Chương. Bổ xung quy hoạch khu sinh thái Vân Long, quy hoạch hệ thống rác thải, nước thải phục vụ du lịch, quy hoạch các vùng chuyên sản xuất rau quả và thực phẩm sạch phục vụ du lịch. Quy hoạch hệ thống giao thông đường thủy phục vụ du lịch. Quản lý quy hoạch: Trên cơ sở các quy hoạch đã và đang thực hiện, UBND các cấp căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện và quản lý chặt chẽ quy hoạch đã được phê duyệt.

+ *Huy động các nguồn lực xây dựng sản phẩm du lịch:* Xác định sản phẩm du lịch hiện nay tập trung chủ yếu vào tiềm năng thế mạnh của Ninh Bình, chủ yếu những loại hình du lịch bền vững. Nâng cao chất lượng tour, tuyến, hình thành các tour du lịch khép kín trên địa bàn tỉnh, xây dựng loại hình du lịch mang tính đặc trưng của Ninh Bình, phát huy giá trị độc đáo nhằm gia tăng thời gian lưu trú của du khách tại Ninh Bình.

Ngoài ra lưu ý những sản phẩm làng nghề truyền thống, có sự kết hợp giữa nghề truyền thống và du lịch, khuyến khích tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tư nhân tham gia đầu tư sản xuất những mặt hàng lưu niệm của tỉnh, những sản phẩm mang tính chất văn hóa lịch sử như : Đá mỹ nghệ, mây tre đan, gốm sứ,..

+ *Nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước về du lịch:* Tiếp tục rà soát sửa đổi, xây dựng ban hành những văn bản mới quy định về an ninh, an toàn, vệ sinh môi trường tại các khu và điểm du lịch, các cơ sở kinh doanh du lịch trên địa bàn. Tăng cường hoạt động của Ban chỉ đạo phát triển du lịch của tỉnh, hiệp hội du lịch. Tăng cường công tác kiểm tra, phối kết hợp các ngành, các cấp chính quyền địa phương,

đảm bảo công tác an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, văn minh du lịch, thanh kiểm tra hoạt động du lịch của doanh nghiệp, đơn vị cung cấp dịch vụ, nhằm thu hút lượng khách có chất lượng tới Ninh Bình. Thực hiện các biện pháp quản lý di tích lịch sử văn hóa gắn liền với bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích ấy.

Xây dựng điều chỉnh mức thu phí giá dịch vụ phù hợp với quy định của Nhà nước và quản lý chặt chẽ hoạt động thu phí tại các điểm du lịch.

*+Phát triển thị trường đẩy mạnh quảng bá, xúc tiến du lịch:*

Nghiên cứu thị trường, những chỉ tiêu khi khách du lịch tới Ninh Bình làm cơ sở cho công tác quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch cũng như công tác định hướng thị trường, phát triển sản phẩm dịch vụ du lịch cho phù hợp. Thường xuyên tổ chức chương trình famtrip, pesstrip để nghiên cứu, khảo sát, xây dựng các chương trình du lịch, tạo điều kiện, hỗ trợ cho các hãng phim trong và ngoài nước quay phim tại Ninh Bình góp phần quảng bá hình ảnh du lịch Ninh Bình.

Tăng cường hợp tác, liên kết với các địa phương trong khu vực đồng bằng Sông Hồng và các thành phố Hà Nội, Đà Nẵng, Huế, Thành phố Hồ Chí Minh.

*+Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch:* Quan tâm đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ quan quản lý có liên quan tới hoạt động du lịch. Xây dựng kế hoạch và lộ trình đào tạo nguồn nhân lực tới 2020 và tầm nhìn 2030. Chú trọng việc đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, trước hết là ngoại ngữ tiếng Anh cho cán bộ, chuyên viên. Đào tạo và đào tạo lại chuyên môn nghiệp vụ tập trung vào các lĩnh vực: Lễ tân, buồng, bàn, kỹ thuật chế biến món ăn, thuyết minh khu du lịch,..

*+Giáo dục ý thức cộng đồng về phát triển du lịch:* Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục ý thức cộng đồng địa phương, đặc biệt nhân dân tại các khu du lịch, điểm du lịch, giáo dục về ý thức bảo vệ môi trường cảnh quan du lịch, văn hóa giao tiếp, thái độ giao tiếp, ý thức tôn tạo tài nguyên thiên nhiên cũng như di sản văn hóa thiên nhiên thế giới. Thường xuyên bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, kiến thức du lịch, ngoại ngữ, kỹ năng mềm như giao tiếp, thái độ,..cho người dân tham gia vào hoạt động du lịch trên địa bàn.

## **4.2 Một số giải pháp nhằm phát triển bền vững du lịch của Ninh Bình**

### **4.2.1 Đối với cơ quan quản lý du lịch**



#### *4.2.1.1 Cụ thể hóa chủ trương chính sách của Nhà nước vào điều kiện cụ thể của Ninh Bình*

Để du lịch Ninh Bình phát triển bền vững yêu cầu đầu tiên có môi trường thuận lợi, môi trường ở đây là môi trường kinh tế, môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Với vai trò định hướng, cơ quan quản lý lấy chính sách công cụ quản lý làm phương tiện, do vậy việc phổ biến tuyên truyền về chính sách, pháp luật tới đối tượng quản lý cần thiết, luật môi trường (2005), luật du lịch(2017)... một số luật liên quan tới các ngành khác nhau, đây là những cơ sở pháp lý tiền đề ban hành những văn bản điều chỉnh kèm theo. Tùy từng địa phương có những điều chỉnh hợp lý phù hợp với tình hình kinh tế xã hội. Về chính sách, phát triển các ngành kinh tế trọng điểm một cách hợp lý, cũng như lựa chọn và xác định cơ cấu kinh tế phù hợp ở từng vùng lãnh thổ, có những biện pháp bảo vệ tài nguyên môi trường, tài nguyên du lịch một cách hợp lý. Một số chính sách đã kết hợp giữa các ngành, các cấp trong việc cùng nhau khai thác tài nguyên du lịch, đồng thời đảm bảo việc trùng tu và tôn tạo nhằm mục đích phát triển lâu dài đó là:

**Chính sách về thuế:** Trên cơ sở các chính sách về thuế của Nhà nước, Các địa phương có chính sách đặc thù về thuế cho du lịch, UBND Ninh Bình cần nghiên cứu xây dựng một số cơ chế đặc thù, ưu tiên miễn giảm một số loại thuế như thuế sử dụng đất ở vùng sâu vùng xa, nơi hệ thống cơ sở hạ tầng còn yếu, miễn giảm thuế hoặc không thu thuế những năm đầu đối với một số lĩnh vực kinh doanh du lịch còn mới mẻ nhưng về lâu dài có khả năng kéo dài thời vụ, thu hút lượng lớn du khách, tăng thời gian lưu trú và khả năng chi tiêu của du khách, không thu thuế những năm đầu khi phát triển du lịch tại những vùng trọng điểm du lịch,...có những ưu đãi cho những công ty, doanh nghiệp nhập khẩu vật tư ngành du lịch mà trong nước chưa sản xuất được.

**Chính sách đầu tư:** Địa phương cần tạo mọi điều kiện thuận lợi và đơn giản hóa thủ tục hành chính để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Đảm bảo sự công bằng và điều hòa lợi ích trong quá trình đầu tư khai thác kinh doanh, giữa các chủ đầu tư, chủ thể quản lý, chủ thể có quyền quản lý, cộng đồng dân cư địa phương...Khuyến khích, ưu đãi đầu tư vào những dự án phát triển bền vững, ưu đãi cho những doanh nghiệp thực hiện bảo vệ môi trường đạt hiệu quả.

Chính sách thị trường: Trên cơ sở nghiên cứu du lịch của Nhà nước, của Ninh Bình, bao gồm cả thị trường trong nước và ngoài nước, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch cần nghiên cứu xây dựng nhằm khai thác tối đa tiềm năng của thị trường. UBND tỉnh cần điều phối những sở liên quan như Thuế, Quản lý thị trường, UBND các huyện nơi có điểm du lịch quản lý chặt chẽ, hạn chế tối đa những yếu tố như nâng giá, ép giá, lôi kéo du khách,.. Cần có những cơ sở nghiên cứu thị trường sao cho hướng đầu tư sản phẩm du lịch đúng mục tiêu đề ra, tránh lặp lại nhiều sản phẩm không chỉ cạnh tranh ngoài tỉnh mà ngay trong nội tỉnh. Đối với thị trường nước ngoài, những ảnh hưởng của thủ tục hành chính giảm thiểu tối đa, những tiêu chí về giá cả, sở thích,.. cần tập trung nghiên cứu các chính sách về an toàn như dịch vụ bảo hiểm, dịch vụ y tế, dịch vụ ngân hàng,... nhằm tạo môi trường thuận lợi nhất khi du khách tới địa phương, hiện nay như Tràng An lượng khách quốc tế thường xuyên và liên tục, để duy trì lượng khách này cần kiểm tra giám sát liên tục các cơ sở kinh doanh lưu trú nhằm lành mạnh môi trường du lịch. Đối với thị trường trong nước, khai thác hiệu quả những loại hình du lịch bền vững hiện nay, những khu du lịch, Tràng An, Bái Đính, Vân Long,.. những sản phẩm du lịch qua kiểm tra đánh giá mới được đưa ra thị trường, đảm bảo nguồn gốc xuất

#### *4.2.1.2 Hoàn thiện quy hoạch, tập trung đầu tư có trọng điểm và thu hút đầu tư để phát triển du lịch*

Ninh Bình cần thực hiện những hoạt động ưu tiên như lồng ghép quy hoạch phát triển văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường với quy hoạch phát triển hoạt động du lịch; thực hiện quy hoạch phát triển theo mục tiêu và các nguyên tắc trong phát triển bền vững du lịch, thực hiện đánh giá tác động môi trường đối với tất cả các dự án phát triển và kinh doanh du lịch; khuyến khích phát triển hoạt động du lịch, hỗ trợ các cộng đồng dân cư tham gia quản lý hoạt động du lịch trên địa bàn của từng địa phương nhằm tăng thêm lợi ích kinh tế, đồng thời tham gia giám sát, bảo đảm tới mức thấp nhất những tác động tiêu cực và rủi ro của du lịch đối với môi trường, truyền thống văn hoá và điều kiện sống của nhân dân địa phương; tăng cường đầu tư, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho mọi người để bảo tồn những di sản tự nhiên, lịch sử và văn hoá dân tộc. Huy động sự tham, doanh nghiệp du lịch và cộng đồng dân cư trong việc phát triển du lịch sinh thái, văn hoá, bảo vệ

di sản và môi trường. Đây là giải pháp quan trọng nhằm đưa du lịch phát triển đúng hướng, đồng thời giữ gìn và tôn tạo tài nguyên du lịch. Với Ninh Bình thông qua du lịch tổng thể quốc gia, xác định được quy hoạch của vùng địa phương mình, từ đó có quy hoạch chi tiết từng dự án. Chính quyền địa phương chỉ định hướng những tiêu chí chung, phần còn lại nhà đầu tư hay doanh nghiệp tự quy hoạch theo ý tưởng hay loại hình dịch vụ mà họ mong muốn.

Cụ thể: Ưu tiên hoàn thiện quy hoạch khu du lịch quốc gia, Tràng An – Hoa Lư Tam Cốc Bích Động, gắn liền phát triển du lịch với tôn tạo tài nguyên thiên nhiên. Đồng bộ hoàn chỉnh khu dịch vụ hạ tầng Bái Đính, xây dựng những công trình phụ trợ theo quy hoạch.

Huy động vốn đầu tư vào hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất du lịch khu Hồ Đồng Chương – Cúc Phương – Kỳ Phú, phát triển loại hình du lịch bền vững cho địa điểm này. Nghiên cứu xây dựng hệ thống cáp treo cho khu vực này.

Những khu vực khác: Động Mã Tiên – Hồ Đồng Thái, kết hợp với dịch vụ nghỉ dưỡng cao cấp, phát triển du lịch sinh thái,..hoàn thiện nốt những công trình đang trong giai đoạn thi công tại điểm du lịch.

Thu hút đầu tư vào lĩnh vực du lịch: Thu hút đầu tư phát triển bền vững du lịch là nhiệm vụ quan trọng không chỉ cho ngành du lịch mà cả hoạt động kinh tế xã hội. Nội dung của việc đầu tư vào phát triển du lịch của Ninh Bình bao gồm:

Đầu tư các khu, các điểm du lịch: Đối với Ninh Bình, tính đến thời điểm hiện nay theo quy hoạch, có 7 không gian du lịch. Mỗi một không gian đều có nhu cầu đầu tư về cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật, đã được nhấn trong bản quy hoạch tổng thể du lịch Ninh Bình 2845/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2007. Sắp tới đây là quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tới 2025 tầm nhìn 2030. Nên việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng, cơ sở kỹ thuật du lịch được chính quyền tạo điều kiện, khó khăn nhất của hoạt động này về vốn đầu tư. Nhu cầu vốn rất lớn, tỉnh Ninh Bình cần có những giải pháp huy động vốn, sử dụng vốn hiệu quả. Tổng giá trị đầu tư toàn tỉnh, tính từ 2011 – 2016 là 101.373,259 tỷ đồng, đạt 101,4% so với kế hoạch đề ra, vốn huy động từ nhiều nguồn, tập trung cao nhất vốn tư nhân và dân cư, chiếm tới 66,4% là 66.953,162 tỷ đồng, vốn chính phủ chiếm 10,3%, vốn ngân sách 6,6%, vốn đầu tư nước ngoài chiếm khoảng 8%, còn lại là những nguồn khác.

Vốn ngân sách, Chính Phủ: Ngân sách Trung Ương, tập trung đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng quan trọng của khu du lịch trọng điểm Tràng An – Bái Đính, khu du lịch sinh thái Vân Long,... mang khâu then chốt cho toàn ngành du lịch của Ninh Bình. Theo kiến nghị của UBND tỉnh Ninh Bình, đã tạm ứng Kho Bạc Nhà Nước tỉnh Ninh Bình 200 tỷ đồng, hoàn thiện tiếp những công việc dang dở của khu sinh thái Tràng An, công văn 446 –UBND - VP5 ngày 12/12/2014 về việc hoàn trả vốn tạm ứng Kho Bạc Nhà Nước, Bộ Tài Chính có công văn 3502 –BTC – KBNN về việc tạm ứng vốn Kho Bạc Nhà Nước, trong đó có chủ trương tạm ứng vốn của Ninh Bình, thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng khu sinh thái Tràng An.

Nguồn vốn ngân sách, chính phủ: Thực hiện triển khai, lập chương trình kế hoạch dự án, theo quy hoạch Chính Phủ giao, theo Quyết định số 1266/ QĐ – TTg ngày 28/7/2014 về quy hoạch chung đô thị Ninh Bình tới 2030 tầm nhìn 2050, trong đó “ thành phố Ninh Bình với Di Sản văn hóa thiên nhiên thế giới, là Trung tâm văn hóa lịch sử, du lịch cấp quốc gia, có ý nghĩa cấp quốc tế.” Bố trí nguồn vốn thường xuyên cho chương trình này.

Vốn của tư nhân và doanh nghiệp: Nguồn vốn này chiếm tới gần 70%, lượng vốn đầu tư toàn tỉnh, nên UBND tỉnh cần tạo những cơ chế hợp lý, khuyến khích, huy động phát huy hiệu quả cao cho nguồn vốn này, hướng nguồn vốn đầu tư vào sản phẩm du lịch bền vững, những nơi sản phẩm du lịch mang lại lợi ích cao. Theo Sở Tài Chính Ninh Bình, hầu như những doanh nghiệp hoạt động lĩnh vực du lịch đều thiếu vốn, các biện pháp huy động vốn, quay vòng vốn với những doanh nghiệp là vô cùng cần thiết. Với Ninh Bình, một môi trường năng động, chính sách, cơ chế phù hợp, mở rộng liên doanh liên kết, đảm bảo, bảo lãnh cho doanh nghiệp một số lĩnh vực tín dụng, giúp doanh nghiệp tăng tiềm lực về tài chính, áp dụng đúng những thủ tục tài chính mà Bộ Tài Chính cho phép, để phát triển du lịch địa phương rất cần thiết trong giai đoạn 2015- 2020.

Ngoài ra những nguồn vốn như ODA, FDI và nguồn vốn khác: Vốn ODA và vốn vay ưu đãi tài trợ cho tỉnh Ninh Bình thông qua các dự án phát triển hạ tầng kinh tế, an sinh xã hội quan trọng, ít có khả năng sinh lời trực tiếp đã góp phần nâng cao đời sống nhân dân, được nhân dân đồng tình ủng hộ. Đồng thời, tạo tiền đề, động lực lớn cho phát triển kinh tế xã hội địa phương, góp phần đáng kể trong

tăng trưởng GDP của tỉnh cũng như thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Cần tận dụng nguồn vốn này nhanh hơn nữa, do vậy cần kiến nghị với Bộ Tài Chính, có phương hướng có vốn đối ứng để giải ngân nguồn vốn này.

Nguồn vốn FDI: Chiếm tỷ trọng không cao, tuy nhiên có lợi thế về khoa học, công nghệ của những nhà đầu tư nước ngoài, do vậy Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tham mưu UBND cùng các cấp quản lý tận dụng tốt nguồn vốn này bằng cách hướng nhà đầu tư tới cơ sở vật chất phục vụ du lịch, đầu tư xây dựng khách sạn tầm cỡ khu vực, quản lý, hướng dẫn những dự án quy mô của tỉnh mang tầm quốc tế.

Đầu tư vào hệ thống dịch vụ hỗ trợ: Theo phân tích và đánh giá trên, yếu kém nhất của chuỗi sản phẩm du lịch là sản phẩm phụ trợ, dịch vụ vui chơi giải trí, do vậy, định hướng cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp hướng đầu tư sản phẩm du lịch chú trọng vào lĩnh vực này, khuyến khích và có ưu đãi đối với hình thức đầu tư vào loại hình này, đặc biệt vui chơi giải trí cao cấp như sân golf. Ở mỗi điểm vui chơi cần tạo ra những sản phẩm độc đáo có bản sắc, tránh trùng lặp trong thiết kế và hình thức, ngoài ra kết hợp với văn hóa truyền thống như: Hát sẩm, ca múa nhạc dân tộc,..tạo nên những sản phẩm độc đáo và thú vị. Theo nghiên cứu, du khách tới Ninh Bình chiếm tới 70% thích loại hình này, nên sở Du lịch Ninh Bình cần quan tâm và phát triển.

#### *4.2.1.3 Củng cố tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về du lịch, nghiên cứu hình thành các thể chế quản lý phát triển bền vững du lịch hiệu quả*

Là giải pháp quan trọng góp phần thành công của phát triển bền vững du lịch tại Ninh Bình. Củng cố tổ chức bộ máy QLNN về du lịch Ninh Bình phải đảm bảo việc tổ chức hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ, thanh tra, kiểm tra hoạt động của các doanh nghiệp, dân cư địa phương trong việc chấp hành chính sách, pháp luật, các quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch; kiểm tra hoạt động của các ban quản lý các khu, điểm du lịch của các địa phương, gồm những việc chính sau:

*Một*, phân công trách nhiệm cụ thể từng bộ phận quản lý, tránh sự quản lý chồng chéo, Sở du lịch Ninh Bình chỉ đạo, hướng dẫn kiểm tra theo thẩm quyền tại những điểm du lịch, đào tạo, tập huấn về công tác an toàn, an ninh môi trường, vệ sinh văn minh,.. Đối với sở khác là việc thực hiện phối kết hợp về quản lý trong phạm vi hoạt động của mình, đảm bảo sự phối hợp có hiệu quả giữa các ngành, các

cấp trong quản lý về du lịch, phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm của mỗi ngành, mỗi cấp nhằm khắc phục tình trạng chòng chéo, đùn đẩy trong quản lý, đảm bảo giải quyết nhanh gọn các vấn đề phát sinh trong hoạt động du lịch (như quản lý quy hoạch, đầu tư, khai thác tài nguyên du lịch, quản lý trật tự trong hoạt động kinh doanh du lịch...) do vậy cơ quan chủ quản là UBND cần có những quy chế quản lý cụ thể đặc biệt với những phương án phát triển kinh tế có liên quan tới tài nguyên du lịch và ảnh hưởng kinh tế môi trường của cả một vùng.

*Hai*, việc cải cách hành chính, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của cơ quan quản lý du lịch tại Ninh Bình theo những tiêu chí bền vững, có sự phối kết hợp giữa các ngành liên quan thực hiện triệt để. Những việc, xây dựng quy chế, quy chuẩn, bảo vệ tài nguyên du lịch, tuyên truyền giáo dục nhân dân nâng cao dân trí về quan điểm bền vững, lồng ghép các mục tiêu bền vững vào những chuyên ngành có liên quan với nhau như giao thông, phát triển đô thị, bảo tồn và phát triển văn hóa,..không chỉ ngành du lịch mà các ngành khác cùng phối kết hợp. Ngoài ra việc minh bạch hóa các thủ tục hành chính, áp dụng mô hình một cửa liên thông trong đăng ký đầu tư, kinh doanh du lịch nhằm đảm bảo cho các hoạt động này được thực hiện một cách thuận tiện và tiết kiệm nhất.

*Ba*, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về du lịch của địa phương. Trong mọi vấn đề nhân lực là khâu then chốt, có thể nói là quyết định, chính vì vậy để đảm bảo cho phát triển bền vững lâu dài việc xây dựng đội ngũ cán bộ QLNN đối với phát triển du lịch về nghề nghiệp, có phẩm chất tốt, có năng lực tổ chức quản lý, điều hành theo mục tiêu bền vững đã định. Có sự hiểu biết về môi trường, mối quan hệ giữa môi trường với phát triển kinh tế xã hội, chính sách của nhà nước về du lịch, về phát triển bền vững du lịch,.. Theo đó, cần thực hiện các biện pháp chủ yếu sau: Tính toán nhu cầu về số lượng cán bộ QLNN về du lịch cho từng thời kỳ, từng cấp để xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng với nhiều hình thức thích hợp, kể cả ngắn hạn và dài hạn, kể cả trong nước và ngoài nước.

Cần chú trọng đào tạo các chức danh chủ chốt của bộ máy QLNN về du lịch. Trong đào tạo, cần định hướng đúng nội dung đào tạo, những gì còn hụt hẫng, chưa chuyên sâu thì tổ chức đào tạo lại, hoặc mở các lớp bồi dưỡng ngắn hạn theo từng

chuyên đề khuyến khích cán bộ tự rèn luyện, học tập để trưởng thành, hạn chế sự trông chờ, ỷ lại, dựa dẫm vào sự bao cấp của Nhà nước.

#### *4.2.1.4 Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng và hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực*

Công tác đào tạo nguồn nhân lực của Ninh Bình đã có nhiều cố gắng tuy nhiên nguồn nhân lực chất lượng còn thiếu và yếu, việc bồi dưỡng giáo dục và đào tạo trang bị những kiến thức nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ quản lý cũng như cho hoạt động kinh doanh du lịch, phát triển bền vững du lịch, địa phương cần tiến hành phân loại trình độ, từ đó có những kế hoạch, đào tạo mới, đào tạo lại, liên kết,.. nhằm nâng cao trình độ cho cán bộ cũng như nhân viên phục vụ giúp cho sản phẩm du lịch được tốt hơn đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách. Cần thực hiện những việc sau:

*Một*, có chiến lược nguồn nhân lực du lịch, trình UBND tỉnh phê duyệt, trên cơ sở đó có kế hoạch cho từng năm về đào tạo mới, tăng thêm, giảm,.. về nhân lực. Trong thời gian qua, với áp lực của phát triển du lịch phân đa đội ngũ nhân lực quản lý có trình độ chuyên môn chưa xứng tầm với yêu cầu phát triển, do vậy công tác đào tạo chuyên môn, nâng cao kiến thức về môi trường, kinh tế, xã hội cho các nhân viên và dân cư địa phương yêu cầu cấp thiết để đạt được những tiêu chuẩn quốc gia và tiến tới quốc tế.

*Hai*, trên cơ sở chiến lược về nhân lực tiến hành rà soát, đánh giá thực trạng nguồn nhân lực du lịch để xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của hiện tại, những chính sách đó phải hướng tới việc khuyến khích cán bộ quản lý, nhân viên học thêm nâng cao trình độ và trong công tác đào tạo phải gắn liền với yêu cầu thực tế sử dụng, khuyến khích học đúng nghề, đúng ngành.

*Ba*, có những phương thức bồi dưỡng, hỗ trợ cho nguồn nhân lực du lịch học những ngành nghề chuyên biệt: Ngoại ngữ, du lịch văn hóa, mạo hiểm,.. do đặc thù những ngành nghề chuyên biệt chi phí học tập cao, khả năng ứng dụng trong phạm vi nhỏ, mặt khác mang tính cá biệt so với du lịch truyền thống, nên rất cần sự hỗ trợ của nhà nước cho nguồn nhân lực này.

*Bốn*, liên kết các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước, đội ngũ giáo viên, giảng viên tại những cơ sở đào tạo uy tín; thu hút công chức, viên chức, các nhà quản lý, các nhà khoa học có trình độ, các doanh nhân, nghệ nhân, chuyên gia, công nhân kỹ thuật tay nghề bậc cao tham gia đào tạo; tiếp tục đào tạo kỹ năng cán bộ quản lý du lịch của Ninh Bình.

*Năm*, tăng cường hợp tác trao đổi kinh nghiệm nghiệp vụ thông qua khảo sát, hội nghị, hội thảo khoa học, ở các địa phương và những nước có ngành du lịch phát triển. Tăng cường trao đổi học tập ngay tại Ninh Bình thông qua công tác đào tạo tại chỗ, trang bị những kiến thức, kỹ năng kinh doanh, ứng dụng sao cho đạt được hiệu quả kinh doanh cao nhất.

Thu hút lực lao động cho ngành du lịch: Bố trí công việc hợp lý cho cán bộ có chuyên môn, có trình độ, tạo sự ổn định công ăn việc làm cho người lao động. Có kế hoạch hàng năm, hàng quý nâng cao trình độ năng lực cho cấp quản lý du lịch, phối kết hợp với những trung tâm đào tạo lớn trong nước và quốc tế nâng cao trình độ cho cán bộ, nhân viên quản lý du lịch của Ninh Bình. Công tác đào tạo tại chỗ, đào tạo ngắn hạn, đào tạo nghề cần có sự quan tâm của các cấp quản lý, các hiệp hội trong ngành du lịch, cùng cơ sở đào tạo nắm bắt nhu cầu thị trường du lịch, điều chỉnh giáo trình, phương tiện, phương pháp giảng dạy phù hợp.

#### *4.2.1.5 Tăng cường xúc tiến du lịch, liên kết hợp tác trong phát triển thị trường du lịch của Ninh Bình*

*Xúc tiến du lịch*: Nâng cao nhận thức về bền vững du lịch tại Ninh Bình, tạo lập hình ảnh du lịch không những trong nước và quốc tế, từ đó thu hút lượng khách du lịch cũng như nguồn vốn đầu tư vào du lịch. Công tác xúc tiến quảng bá hình ảnh, tại những địa phương trên phạm vi lãnh thổ và quốc tế thường xuyên. Bằng việc gia tăng kinh phí cho hoạt động xúc tiến, đưa hình ảnh du lịch Ninh Bình tới nhiều vùng miền. Sở Du lịch cần phối hợp với các doanh nghiệp kinh doanh du lịch tổ chức tham gia quảng bá, xúc tiến điểm đến du lịch Ninh Bình tại hội chợ du lịch trong nước và quốc tế. Duy trì, cập nhật đầy đủ tin, bài và đăng tải Banner quảng bá hình ảnh, phản ánh các hoạt động du lịch của Ninh Bình trên internet.

*Hợp tác liên kết*: Tăng cường trong công tác hợp tác trao đổi thông tin giữa các tổ chức quản lý địa phương, về thực hiện chiến lược chung của phát triển bền



vững, về thị trường....Du lịch là một ngành kinh tế mang tính liên vùng, vì thế phối kết hợp liên kết vùng là hướng mở cho phát triển bền vững du lịch của địa phương. Trong mỗi liên kết vùng thì sản phẩm của loại hình du lịch này như du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, có vai trò đặc biệt, sự liên kết sản phẩm giúp cho sự đa dạng nhiều màu sắc của sản phẩm, tính đặc trưng của sản phẩm gia tăng. Đối với Ninh Bình nên tạo thành sân chơi chung cho du lịch các tỉnh, liên kết Thanh Hóa, các tỉnh Đông Bắc, tạo nên những sản phẩm du lịch bền vững mở rộng về quy mô. Đây là giải pháp quan trọng cho công cụ phát triển bền vững, điều chỉnh quy hoạch để phù hợp với thị trường hiện tại, kế hoạch dài hạn cho thị trường tương lai. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế.

Mở rộng thị trường: Việc tìm kiếm và mở rộng thị trường cần xem xét các chiến lược sản phẩm và thị trường phù hợp theo các phương án sau:

Chiến lược sản phẩm cũ thị trường cũ : Tiếp tục phát triển các sản phẩm đã khai thác cho những thị trường khách du lịch quen thuộc, với chiến lược này cần có những chính sách thích hợp và đầu tư thỏa đáng, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch của địa phương, bên cạnh đó có những chính sách về giá cả hợp lý cho những khách hàng quen.

Chiến lược sản phẩm mới thị trường mới: Kết hợp giữa phát triển thị trường khách và thị trường sản phẩm du lịch mới, chiến lược này đòi hỏi sự đầu tư lớn, thời gian dài từ tiếp thị sản phẩm mới, quảng cáo sản phẩm, tuyên truyền sản phẩm, đến nghiên cứu thị trường mới, nghiên cứu thị hiếu của du khách, nghiên cứu nhu cầu của thị trường,...nhằm đưa sản phẩm mới tới người tiêu dùng và được người tiêu dùng chấp nhận.

Chiến lược sản phẩm mới thị trường cũ: Sự kết hợp này nhằm đa dạng hóa sản phẩm tại thị trường cũ. Chiến lược này có lợi thế, vì thị trường cũ nhà kinh doanh hiểu biết về họ, nhu cầu thị hiếu của họ về dịch vụ mà ta thêm vào sao cho hiệu quả. Chiến lược này về mặt thời gian cũng như đầu tư cho quảng cáo, tiếp thị giảm đáng kể mà hiệu quả cao. Thông thường các nhà kinh doanh du lịch hay chọn chiến lược này.

Chiến lược sản phẩm cũ thị trường mới: Với lợi thế của sản phẩm du lịch của địa phương thông thường phải đặc sắc, mang thương hiệu của một vùng, tiếp thị,

quảng cáo tuyên truyền tại thị trường mới. Việc nghiên cứu thị trường, nghiên cứu thị hiếu của du khách, nghiên cứu nhu cầu thị trường,..đòi hỏi thời gian và sự đầu tư lớn. Thông thường sự thành công của chiến lược này phụ thuộc vào việc quảng cáo và tuyên truyền.

#### *4.2.1.6 Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động du lịch tại Ninh Bình*

Công tác thanh tra là một trong những công cụ hàng đầu để du lịch Ninh Bình phát triển đúng hướng bền vững, những điểm du lịch Ninh Bình thường xuyên kiểm tra việc khai thác dịch vụ du lịch cũng như việc thu phí, lệ phí tại các cơ quan quản lý khai thác. Giám sát chặt chẽ việc đảm bảo vệ sinh an toàn cho du khách, an toàn vệ sinh thực phẩm, trong quy trình chế biến sản phẩm, thực phẩm ăn uống,.. Thanh tra Sở Du lịch Ninh Bình với công tác thanh kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất, những cơ sở lưu trú tập trung kiểm tra việc đăng ký thủ tục hành chính, thẩm định, xếp hạng, duy trì chất lượng, tiêu chuẩn đã được xếp hạng, triển khai kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường, những tiêu chí bền vững trong hoạt động du lịch, hoạt động kinh doanh lữ hành,... trên cơ sở đó kiến nghị chấn chỉnh những tồn tại, yêu cầu đơn vị khắc phục. Đối với những điểm du lịch quan trọng còn thực hiện thanh tra do cấp trên yêu cầu, UBND chỉ đạo thanh tra chủ yếu những công việc:

Kế hoạch kiểm tra: Có thể định kỳ hàng năm, hàng quý hay đột xuất có kế hoạch thanh tra kiểm tra, có thể riêng ngành du lịch, hay phối kết hợp cùng ngành nghề khác như công an, môi trường, giao thông,..xây dựng kế hoạch thanh tra kiểm tra.

Nội dung kiểm tra, thanh tra: Việc thực hiện quy phạm pháp luật của ngành du lịch, hoặc những văn bản dưới luật về tài nguyên môi trường và xã hội của những đối tượng tham gia trong ngành du lịch.

#### *4.2.1.7 Tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự đối với hoạt động du lịch của Ninh Bình*

Để du lịch Ninh Bình trở thành điểm đến an toàn đối với du khách trong và ngoài nước cần nâng cao hiệu quả phối hợp giữa ngành du lịch, công an các ban quản lý các khu du lịch, doanh nghiệp hoạt động trong ngành du lịch, cộng đồng dân cư địa phương, xây dựng quy chế đảm bảo an ninh trật tự. UBND các huyện, thành phố, thị xã các xã phường thực hiện tốt và nghiêm túc những Quyết định QĐ

2472/QĐ – TTg 30/12/2011, Chỉ thị số 05/2014/CT-UBND của UBND tỉnh và Ký kết Kế hoạch phối hợp đảm bảo an toàn, văn minh các khu, điểm du lịch trên toàn tỉnh của Ninh Bình của Sở du lịch và Công an tỉnh. Để Kế hoạch liên ngành được triển khai hiệu quả, thiết thực, thời gian tới các Sở, ngành có liên quan cần nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh ban hành các quy định, quy chế chi tiết để triển khai Kế hoạch phối hợp liên ngành bảo đảm an toàn, văn minh các khu điểm du lịch trên địa bàn tỉnh; xây dựng quy chế đảm bảo kết hợp hài hòa giữa quyền lợi và trách nhiệm đối với các đơn vị trực tiếp thực thi nhiệm vụ bảo đảm an toàn, văn minh tại các khu, điểm du lịch; xây dựng kế hoạch quản lý, phối hợp cụ thể đối với từng khu điểm du lịch...Coi trọng việc đẩy mạnh phong trào toàn dân trong bảo vệ an ninh trong ngành du lịch. Ngành công an thường xuyên có những cập nhật về tình hình an ninh trật tự, tình hình trộm cắp, lừa đảo của du khách, thành lập các trạm đảm bảo an ninh tại những khu du lịch trọng yếu.

#### ***4.2.2 Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch***

##### ***4.2.2.1 Thực hiện tốt chủ trương đường lối về phát triển bền vững du lịch của Ninh Bình.***

*Chính sách đầu tư của Ninh Bình:* Căn cứ theo định hướng và mục tiêu của chính quyền địa phương, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, điều hòa quyền lợi trong quá trình kinh doanh của chủ đầu tư, chủ thể quản lý, chủ thể có quyền quản lý về tài nguyên, rừng,...doanh nghiệp đầu tư phát triển sản phẩm du lịch, sản phẩm du lịch bền vững, sản phẩm dịch vụ phục vụ du lịch, nhà hàng, cơ sở lưu trú, đầu tư cơ sở hạ tầng, cơ sở kỹ thuật, phương tiện vận chuyển theo yêu cầu của phát triển bền vững và khả năng nội tại của doanh nghiệp. Hướng theo những điểm du lịch đã và đang được quy hoạch, chủ yếu tập trung khu du lịch tại Tràng An, Cố Đô, tại thành phố Ninh Bình chỉ nên xây dựng theo quy mô nhỏ mang chức năng chủ yếu là chính.

*Chính sách tài chính:* Áp dụng những cơ chế chính sách đang được ưu đãi hiện nay của tỉnh Ninh Bình về miễn giảm, hỗ trợ cho những dự án vào khu vực ưu tiên của Ninh Bình, như vùng Kim Sơn, Tam Điệp...Thực hiện những quy định của pháp luật về kế toán, kiểm tra, thanh tra trong hoạt động kinh doanh du lịch tại địa phương, với chế độ báo cáo tài chính, thanh tra kiểm tra định kỳ và đột xuất.

*Chính sách thị trường:*

*Đối với thị trường quốc tế:* Khai thác tối đa lượng khách sẵn có các nước Tây Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Có kế hoạch khai thác thị trường mới Đông Âu, Châu Á –Thái Bình Dương thực hiện kết nối giữa doanh nghiệp với những hội chợ trong và ngoài nước nhằm giới thiệu sản phẩm du lịch của Ninh Bình tới thị trường này, hướng dẫn và phục vụ du khách về thủ tục xuất nhập khẩu, sản phẩm đặc trưng của Việt Nam và của Ninh Bình.

*Đối với thị trường nội địa:* Tận dụng ưu thế về tài nguyên và lợi thế gần Hà Nội, các thành phần kinh tế kinh doanh du lịch, tập trung vào thị trường có những sản phẩm du lịch tâm linh, sản phẩm du lịch bền vững, như hiện nay. Ngoài ra nên có kế hoạch liên kết với các khu vực đông dân, khu công nghiệp, khu dân cư có thu nhập cao, khu dân cư có thời gian nhàn rỗi,..để khai thác lượng khách này.

*Thực hiện những chính sách khác:* Các đơn vị kinh doanh du lịch tại địa bàn Ninh Bình, kế hoạch đào tạo cho cán bộ, nhân viên, phục vụ về chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng của yêu cầu phát triển bền vững đặt ra hiện nay

Xây dựng và tổ chức chương trình quảng bá, nghệ thuật biểu diễn, khai thác trò chơi, kết nối bảo tàng, hàng thủ công mỹ nghệ của địa phương...

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào việc phát triển du lịch tại địa phương, có kế hoạch để đầu tư công nghệ về hệ thống công nghệ cho doanh nghiệp, áp dụng những thành tựu hiện nay của công nghệ vào quảng bá, liên kết giới thiệu sản phẩm, liên kết quảng bá sản phẩm, phối hợp cùng cơ quan chủ quản của địa phương cũng như của Nhà nước tham gia những hội nghị, hội chợ, hội thảo,..trong và ngoài nước.

Áp dụng những biện pháp an toàn cho du khách về du lịch, lễ hành, vận chuyển, vệ sinh thực phẩm,.. trong từng điều kiện cụ thể.

**4.2.2.2 Thực hiện công tác bảo vệ môi trường**

Thực hiện đầu tư phát triển sản phẩm du lịch, khai thác tài nguyên du lịch theo quy hoạch đã có thẩm định của cấp quản lý của môi trường, giảm thiểu sự suy thoái tài nguyên môi trường đang xảy ra hiện nay tại Tràng An, Bái Đính. Có kế

hoạch kết hợp cùng chính quyền địa phương trong công tác bảo vệ tài nguyên và môi trường tại địa bàn, không gian được giao khai thác.

Thực hiện đầy đủ những yêu cầu trong lĩnh vực môi trường về: lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hiện nay và trong quá trình thực hiện sản xuất kinh doanh. Doanh nghiệp phối kết hợp cùng địa phương có giải pháp khắc phục về sự cố môi trường, sự cố thiên tai (Bão lụt, sụt lở,..) các sự cố môi trường kịp thời. Phối kết hợp với địa phương xây dựng phương án phòng chống sự cố, khắc phục hậu quả môi trường trong tương lai.

Thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường trong lĩnh vực dịch vụ được quy định rõ tại điều 77 Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 Tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác khu di tích, điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú phải thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường sau:

Niêm yết quy định về bảo vệ môi trường tại khu di tích, điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch và hướng dẫn thực hiện; Lắp đặt, bố trí đủ và hợp lý công trình vệ sinh, thiết bị thu gom chất thải; Bố trí nhân lực làm vệ sinh môi trường. Cá nhân đến khu di tích, điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú và lễ hội thực hiện các quy định sau: Tuân thủ nội quy, hướng dẫn về bảo vệ môi trường của khu di tích, điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú; Bỏ chất thải đúng nơi quy định; Giữ gìn vệ sinh công cộng; Không xâm hại cảnh quan di tích, các loài sinh vật tại khu di tích, điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú.

#### *4.2.2.3 Thực hiện những công việc khác*

Tăng cường sự đầu tư phát triển sản phẩm du lịch mang tính đặc sắc của địa phương, hệ thống nhà hàng, khách sạn theo tiêu chuẩn trong nước và quốc tế. Xây dựng hệ thống xử lý nước thải, bảo vệ môi trường, hạn chế sử dụng và loại bỏ những hóa chất trong việc chăm sóc cơ sở du lịch. Dần dần sử dụng những nguyên vật liệu phục vụ trong phát triển hoạt động kinh doanh theo hướng thân thiện môi trường.

Ứng dụng tiên bộ khoa học công nghệ tiên tiến trong việc tiết kiệm nguồn năng lượng, hướng tới sử dụng năng lượng từ gió, mặt trời và các nguồn khác góp phần giảm chi phí đầu vào cho doanh nghiệp.

### 4.2.3 Những đối tượng khác

*Dân cư địa phương:* Cộng đồng địa phương Ninh Bình có quyền tham gia, hưởng lợi ích từ hoạt động phát triển bền vững du lịch, có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên du lịch, bản sắc văn hóa của địa phương, giữ gìn an ninh trật tự an toàn xã hội và bảo vệ môi trường tại những khu du lịch: Tràng An, Bái Đính, Vân Long...Thực hiện việc đầu tư phát triển sản phẩm dịch vụ bền vững theo quy hoạch của Ninh Bình về sản phẩm, phương tiện, cơ sở hạ tầng,..và pháp luật quy định của từng loại nhất định. Phát huy thế mạnh của những hiệp hội, làng nghề trong công tác tương hỗ về nghề nghiệp, mở rộng quy mô, xây dựng môi trường kinh doanh của từng loại hình sản phẩm.

Cùng với cơ quan chức năng giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật đất đai, quản lý di sản, đầu tư xây dựng cơ bản, tài chính, văn hóa, bảo vệ phát triển rừng, kinh doanh dịch vụ du lịch, in ấn phẩm, tuyên truyền, quảng cáo...của doanh nghiệp và các đối tượng trên địa bàn.

- Thực hiện phân loại, thu gom và xử lý rác thải, nước thải trước khi đưa ra môi trường; tích cực hưởng ứng và tham gia vào các phong trào làm sạch môi trường tại địa phương.

- Hưởng ứng và duy trì cùng với doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước trong việc triển khai chương trình phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa, du lịch sinh thái như cung cấp điểm đến, cơ sở lưu trú, thực phẩm, sản phẩm lưu niệm...

*Du khách:* -Du khách được cung cấp đầy đủ thông tin trung thực thông qua các phương tiện truyền thông liên quan về địa điểm đến, những đặc điểm sinh thái, thời tiết, giao thông, dân số... Thông qua những thông tin này, du khách tự điều chỉnh hành động và chuẩn bị chu đáo cho chuyến đi.

-Tham gia đóng góp ý kiến sau hành trình tham quan tại điểm du lịch về cách thức phục vụ, cảnh quan thiên nhiên, sản phẩm du lịch, môi trường, con người, ẩm thực... để các doanh nghiệp và chính quyền địa phương có sự điều chỉnh phù hợp.

Tuân thủ những yêu cầu của hướng dẫn viên du lịch địa phương nêu ra, tôn trọng phong tục tập quán, thuần phong mỹ tục, bản sắc văn hóa của những địa điểm du lịch của Ninh Bình, thực hiện việc giữ gìn và bảo vệ môi trường, giữ gìn tài nguyên du

lịch, không gây những tổn hại tới hình ảnh của địa phương. Thực hiện nội quy những khu du lịch, địa điểm du lịch, cơ sở dịch vụ cung ứng dịch vụ du lịch của Ninh Bình. Thanh toán những khoản phí theo pháp luật, đúng yêu cầu của nhà cung cấp.

### **4.3. Một số kiến nghị**

#### **4.3.1 Đối với Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch**

Thực hiện chương trình Nghị sự 21 của quốc gia, tới tất cả các địa phương, nhân mạnh công tác bảo vệ tài nguyên và môi trường trong phát triển du lịch địa phương, Đối với Ninh Bình:

Hỗ trợ cho Ninh Bình tổ chức các đoàn famtrip, presstrip, báo chí khảo sát, quảng bá hình ảnh điểm đến du lịch nghiên cứu ứng dụng công nghệ vào hoạt động bền vững du lịch.

Phối kết hợp với những bộ ban ngành khác nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho ngành du lịch.

Hỗ trợ các cơ sở đào tạo du lịch Ninh Bình được tiếp cận, hợp tác với các cơ sở đào tạo du lịch các nước có ngành du lịch phát triển; kiện toàn đội ngũ cán bộ công chức làm công tác tham mưu về đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực; xây dựng định mức lao động cho mỗi ngành nghề theo quy mô đầu tư, cấp hạng được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

Công tác xúc tiến quảng bá tại thị trường ngoài nước thường xuyên được thông tin để những địa phương có cơ hội tham gia.

#### **4.3.2 Đối với Bộ Tài nguyên và Môi trường**

Trong thời gian tới, để hướng tới phát triển bền vững du lịch, mỗi người dân, doanh nghiệp, chính quyền địa phương nơi có hoạt động du lịch cần tiếp tục nâng cao ý thức Bảo vệ Môi trường; Hoàn thiện công tác quy hoạch Bảo vệ Môi trường; Đầu tư, nâng cấp công cụ, thiết bị nhằm Bảo vệ Môi trường trong hoạt động du lịch thông qua các hoạt động tuyên truyền, vận động người dân, du khách tham gia Bảo vệ Môi trường; Xây dựng mô hình Nhà nước và cộng đồng tham gia Bảo vệ Môi trường, điển hình như TP. Hạ Long, Đà Nẵng được công nhận danh hiệu Thành phố bền vững về môi trường từ đó áp dụng cho những địa phương khác. Bên cạnh đó, kiên quyết áp dụng các biện pháp đối với các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động du lịch có hành vi vi phạm pháp luật về Bảo vệ Môi trường như rút Giấy phép

kinh doanh và phạt hành chính, yêu cầu khắc phục ô nhiễm môi trường; Thành lập cơ quan chuyên trách quản lý nhà nước về Bảo vệ Môi trường ngành du lịch; Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ Bảo vệ Môi trường du lịch...

Bộ TN&MT với tư cách là cơ quan quản lý nhà nước về công tác BVMT, cần tăng cường phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương nâng cao năng lực quản lý nhà nước, nhất là thẩm định cam kết hoặc đánh giá tác động môi trường. Đặc biệt, sớm xây dựng tiêu chuẩn xét tặng, công nhận các danh hiệu thân thiện môi trường, thương hiệu BVMT trong hoạt động du lịch và môi trường Xanh - Sạch - Đẹp.



### **Kết luận chương 4**

Chương 4 chủ yếu: Nêu quan điểm, mục tiêu và định hướng chính phát triển bền vững du lịch của Nghị quyết Tỉnh Ủy Ninh Bình. Trên cơ sở đó tổng hợp dự báo nhu cầu du lịch tới 2020 của tỉnh Ninh Bình, để đạt được những mục tiêu đã nêu. NCS đưa ra một số giải pháp tập trung vào công tác quản lý nhà nước, điều chỉnh những chủ thể còn lại trong mô hình phát triển bền vững (1) Cụ thể hóa chủ trương những chính sách của Nhà nước và của Ninh Bình.(2) Hoàn thiện quy hoạch tập trung đầu tư có trọng điểm và thu hút đầu tư trong phát triển du lịch, (3)huy động vốn và sử dụng nguồn vốn cho hoạt động du lịch, quy hoạch, củng cố bộ máy, công tác đào tạo, xúc tiến hợp tác phát triển thị trường thanh tra kiểm tra hoạt động du lịch. (4) Củng cố tổ chức bộ máy nhà nước về du lịch, nghiên cứu hình thành các thể chế bền vững hiệu quả. (5) Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đào tạo, bồi dưỡng phát triển nhân lực. (6) Tăng cường xúc tiến du lịch, liên kết hợp tác trong phát triển thị trường du lịch. (7) Tăng cường công tác thanh tra kiểm tra đối với hoạt động du lịch. Đối với doanh nghiệp Du lịch là sự thực hiện chính sách chủ trương của chính quyền địa phương, đầu tư theo quy hoạch mà địa phương quy hoạch, ưu tiên phát triển sản phẩm du lịch bền vững. Đối với dân cư địa phương và du khách là sự thực hiện theo quy định của địa phương nội quy, quy định đối với hoạt động du lịch. Trên cơ sở đó, nêu một số kiến nghị với Đối với Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch, cộng đồng dân cư nhằm phát triển bền vững du lịch Ninh Bình giai đoạn hiện nay.

## **KẾT LUẬN**

Ninh Bình là một tỉnh có tài nguyên phong phú và đa dạng, sở hữu nhiều cảnh quan tự nhiên, các di tích lịch sử văn hóa, quần thể danh thắng Tràng An, Vân Long,.. thu hút lượng lớn khách du lịch trong nước và quốc tế. Với tiềm năng và thế mạnh của Ninh Bình chủ trương phát triển bền vững du lịch trong giai đoạn hiện nay của chính quyền địa phương đã giúp ngành du lịch đóng góp mạnh vào phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Để góp phần vào sự phát triển ngành du lịch, luận án đã tổng hợp lý thuyết về bền vững du lịch, trên cơ sở đó xây dựng khung lý thuyết cho đề tài, luận án tiến hành đánh giá những tiêu chí bền vững du lịch của Ninh Bình: Tiêu chí về kinh tế, gồm có số lượng khách du lịch, giá trị gia tăng du lịch của địa phương, hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, việc làm trong ngành du lịch, mức độ sử dụng hàng hóa của địa phương, giá cả dịch vụ hợp lý. Tiêu chí về môi trường gồm có số lượng các khu và các điểm đầu tư tôn tạo, số lượng các khu điểm được quy hoạch, mật độ điểm du lịch của địa phương, mức độ đóng góp từ thu nhập cho công tác bảo tồn, phát triển bảo vệ tài nguyên môi trường. Tiêu chí về xã hội, sự phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, mức độ hài lòng và hợp tác của cộng đồng địa phương với các hoạt động du lịch, mức độ an toàn, an ninh khu điểm du lịch, mức độ thương mại hóa văn hóa truyền thống.

Luận án tiến hành đánh giá về yếu tố ảnh hưởng tới phát triển bền vững bao gồm: Tình hình kinh tế chính trị, tài nguyên du lịch, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất du lịch, nguồn nhân lực du lịch, sự phát triển nhu cầu của du khách, sự phát triển kinh tế của Ninh Bình, chủ trương định hướng phát triển du lịch của Ninh Bình, quy hoạch phát triển du lịch của địa phương. Trên cơ sở đó tiến hành phân tích nguyên nhân, ưu điểm và hạn chế của những mặt được và chưa được, từ đó đề xuất một số giải pháp cho cơ quan quản lý du lịch Ninh Bình. Đánh giá về nội dung quản lý nhà nước của Ninh Bình theo các mặt: Quy hoạch phát triển du lịch, xây dựng và ban hành những văn bản chính sách phát triển du lịch của địa phương, huy động các nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng du lịch, xây dựng bộ máy tổ chức quản lý phát triển du lịch của Ninh Bình, tăng cường xúc tiến du lịch và hợp tác thị trường

đẩy mạnh quảng bá, thanh tra kiểm tra công tác quản lý các hoạt động kinh doanh du lịch tại địa phương.

Luận án đã chỉ ra những mặt được và chưa được của phát triển bền vững thời gian 2007 – 2016 về kinh tế, xã hội và môi trường. Về kinh tế, tuy lượng khách đông, chất lượng khách chưa cao, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch cần bổ sung đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của ngành du lịch, nhất là lĩnh vực vui chơi giải trí, việc làm trong ngành du lịch còn thiếu nhân lực có trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ,..Chỉ tiêu về môi trường, tuy đã có nhiều cố gắng trong công tác bảo vệ, trùng tu những di tích quan trọng, nhưng vấn đề lâu dài bảo tồn định kỳ, cần có nguồn vốn duy trì, do vậy có những điều chỉnh trong khâu phí và lệ phí. Chỉ tiêu về xã hội, tiềm ẩn sự bất an trong hoạt động du lịch, do sự lưu thông tự do, cần sự giám sát chặt chẽ của những cơ quan thực thi pháp luật,.. Thông qua đó điều chỉnh nội dung quản lý nhà nước của ngành du lịch về chủ yếu là những công cụ sau: Quy hoạch và thực hiện quy hoạch du lịch của Ninh Bình, hoàn thiện quy hoạch chi tiết, đầu tư vào lĩnh vực du lịch có trọng tâm trọng điểm, củng cố tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về hoạt động du lịch, tăng cường xúc tiến và hợp tác trong và ngoài nước trong lĩnh vực du lịch về quản lý và thị trường, công tác thanh tra kiểm tra hoạt động du lịch của Ninh Bình, chất lượng nguồn nhân lực du lịch cần phải đào tạo chuyên nghiệp hơn, huy động những nguồn lực cho phát triển bền vững du lịch.

Để đạt được mục tiêu đề ra của các cấp cần có những điều chỉnh về quản lý, sự đồng thuận của doanh nghiệp, người dân và du khách giúp cho ngành du lịch không chỉ bền vững hiện nay mà trong giai đoạn tiếp theo.

Tuy nhiên, trong quá trình nghiên cứu, với đặc trưng ảnh hưởng của nhiều yếu tố tới phát triển bền vững du lịch, động cơ trả lời phỏng vấn của đối tượng nghiên cứu có sai lệch, hạn chế về tiếp cận dữ liệu, nên luận án còn những thiếu sót, tác giả kính mong nhận được sự đóng góp của các nhà khoa học và chuyên gia nhằm giúp cho đề tài hoàn thiện hơn.

Hướng nghiên cứu tiếp theo:

- Nghiên cứu phát triển bền vững du lịch phạm vi rộng hơn là Duyên hải Bắc Bộ.(gồm 5 tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU  
CỦA ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Anh Dũng (2016), *Mô hình phát triển bền vững du lịch cho địa phương*” Tạp chí kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương, số 480 – 10/2016
2. Nguyễn Anh Dũng (2016), *Công cụ phát triển bền vững du lịch Ninh Bình hiện nay*, Tạp chí kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương, số 483 – 12/2016
3. Nguyễn Anh Dũng (2017), *Một số đề xuất phát triển du lịch của tỉnh Ninh Bình trong thời gian tới*, Tạp chí Kinh tế – Dự Báo, số 01 – 01/2017
4. Nguyễn Anh Dũng (2017), *Bàn về nguyên tắc phát triển bền vững của ngành du lịch Việt Nam*, Tạp chí Tài Chính, số 02 – 02/2017

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

### **Trong nước.**

1. Ban Tuyên Giáo tỉnh Ninh Bình,(2013), *Phát triển bền vững du lịch tỉnh Ninh Bình*, Gp xuất bản 13,Sở TTTT Ninh Bình.
2. Bộ KH – CN&MT,(2004), Cơ sở khoa học và giải pháp phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam, Đề tài NCKH cấp Nhà nước, Hà Nội.
3. Bộ Văn Hóa Thể thao và Du lịch (2012), *Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030*. Hà Nội
4. Vũ Tuấn Cảnh và Phạm Trung Lương(2004). *Phát triển du lịch bền vững – Quan điểm chiến lược của phát triển du lịch Việt Nam* . Tại hội nghị “Phát triển bền vững” Hà Nội.
5. Công ty Cổ phần cấp thoát nước (2017), Báo cáo 125 BC- CTN
6. Nguyễn Mạnh Cường (2015). Vai trò của chính quyền địa phương cấp tỉnh trong phát triển du lịch bền vững tỉnh Ninh Bình. Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân, Hà Nội.
7. Trần Tiến Dũng( 2006). *Phát triển bền vững du lịch Phong Nha - Kẻ Bàng*. Luận án tiến sĩ kinh tế, trường đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
8. Nguyễn Văn Đính và Trần Thị Minh Hoà (2009). *Kinh tế du lịch*. Nxb. Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.
9. Nguyễn Văn Đức (2013). *Tổ chức các hoạt động du lịch tại một số di tích lịch sử văn hóa quốc gia của Hà Nội theo hướng phát triển bền vững*. Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
10. Vũ Thị Hạnh (2012). *Đánh giá tiềm năng tự nhiên phục vụ phát triển du lịch bền vững khu vực ven biển và các đảo tỉnh Quảng Ninh, 2012*”. Luận án Tiến sĩ địa lý. Trường Đại Học Sư Phạm Hà Nội.
11. Phạm Quang Hoan làm chủ nhiệm (2012) . *Một số vấn đề cơ bản trong phát triển bền vững các tỉnh biên giới Việt Nam giai đoạn 2011-2020* .Viện Dân tộc học, Hà Nội.

12. Nguyễn Đình Hòe, Vũ Văn Hiếu (2001). *Du lịch bền vững*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
13. Nguyễn Đình Hòe và TS. Nguyễn Ngọc Sinh (VACNE)(2010). *Đảm bảo An ninh môi trường cho phát triển bền vững*. NXB Khoa học kỹ thuật ấn hành, Hà Nội.
14. Trương Quang Học (2013) . *Phát triển bền vững chiến lược phát triển toàn cầu thế kỷ XXI*. Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường Đại học Quốc gia Hà Nội.
15. Đinh Trung Kiên,(2004). *Một số vấn đề về du lịch Việt Nam*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
16. Nguyễn Thị Hồng Lâm(2014). *Kinh tế du lịch ở các tỉnh Bắc Trung Bộ trong hội nhập kinh tế quốc tế*. Luận án tiến sĩ kinh tế, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.
17. Liên Hợp Quốc, Chương trình Nghị sự 21 Việt Nam (2012). Thực hiện phát triển bền vững ở Việt Nam . Báo cáo tại hội nghị cấp cao của Liên Hợp Quốc về phát triển bền vững (RIO +20), Hà Nội.
18. Nguyễn Văn Lư (2009). *Thị trường du lịch*. Nxb, Đại học quốc gia, Hà Nội.
19. Vũ Đức Minh (2011). *Kinh tế du lịch* .Nxb, Đại học thương mại, Hà Nội
20. Lê Văn Minh. (2006). *Nghiên cứu đề xuất các giải pháp đầu tư phát triển các khu du lịch*. Viện NC & PT Du lịch, Hà Nội
21. Đồng Ngọc Minh, Vương Đình Lôi (chủ biên) (2000), *Kinh tế Du lịch và Du lịch học*, Nguyễn Xuân Quý dịch, Cao Tự Thanh hiệu đính, Nhà xuất bản Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.
22. Bùi Xuân Nhàn(2003). *Một số giải pháp hoàn thiện chiến lược phát triển thị trường du lịch nhằm mục tiêu thu hút khách du lịch quốc tế đến năm 2010*. Đề tài NCKH cấp Bộ trường ĐH Thương mại.
23. Phạm Ngọc Thắng (2010). *Phát triển du lịch gắn với xóa đói giảm nghèo tại Lào Cai*”. Luận án Tiến sĩ kinh tế, trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.

24. Tạp chí cộng sản (2012). *Đề Ninh Bình phát triển nhanh và bền vững*, Ninh Bình
25. G.Cazes, R.Lanquar Y.Raynouard – Hà Nội (2000) “*Quy hoạch du lịch*” Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội
26. Robert Lanquar(2002). *Kinh tế du lịch*. Nhà xuất bản thế giới, Hà Nội.
- 27.UBND tỉnh Ninh Bình, (2002b), Quyết định 126/2002/QĐ-UB2053/QĐ-UB.(*Giá vé tham quan, vé đồ tuyến du lịch Đồng Chư, suối nước nóng Kênh Gà - Động Vân Trình*)
28. UBND tỉnh Ninh Bình, (2005), Quyết định 2062/2005/QĐ-UBND ngày, 21/09/2005. (*Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển du lịch giai đoạn 2007 – 2010, định hướng 2015*)
29. UBND tỉnh Ninh Bình, (2006), Quyết định 2795/ QĐ/-UBND ngày 14/12/2006 (*Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2016 thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình*)
30. UBND tỉnh Ninh Bình, 468/2008/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2008 của UBND tỉnh Ninh Bình (*Ban hành Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.*)
31. UBND tỉnh Ninh Bình, Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 04/9/2007 của UBND tỉnh Ninh Bình chấp nhận điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng Khu Quần thể hang động Tràng An của Doanh nghiệp Xuân Trường;
32. UBND tỉnh Ninh Bình, Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 09/4/2008 của UBND tỉnh Ninh Bình (*giao Khu Quần thể hang động Tràng An cho Doanh nghiệp Xuân Trường khai thác du lịch*)
33. UBND tỉnh Ninh Bình, Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 18/5/2012 của UBND tỉnh Ninh Bình (*giao Khu danh thắng Tam Cốc - Bích Động cho Doanh nghiệp Xuân Trường khai thác du lịch*)
34. UBND tỉnh Ninh Bình, Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 29/03/2015 của UBND tỉnh Ninh Bình thành lập Ban quản lý rừng đặc dụng Hoa Lư;

35. UBND tỉnh Ninh Bình, 2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2007 "*Quy hoạch chi tiết khu núi Chùa Bái Đính thuộc khu du lịch sinh thái Tràng An*".

36. UBND tỉnh Ninh Bình, 2908/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2007 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt "*Quy hoạch khoanh vùng loại khoáng sản chủ yếu tỉnh Ninh Bình đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020*".

37. UBND tỉnh Ninh Bình, Quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2008 "*Quy hoạch phòng, chống lũ và đê điều chi tiết sông Hoàng Long, tỉnh Ninh Bình*".

38. UBND tỉnh Ninh Bình, Quyết định 53/QĐ- UBND ngày 14/1/2011(*Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu Ninh Hòa, Hoa Lư*)

39. La Nữ ánh Vân (2012). *Phát triển du lịch Bình Thuận trên quan điểm phát triển bền vững*". Luận án Tiến sỹ Địa lý, TP Hồ Chí Minh.

40. Viện chiến lược, (1995), Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ thời kỳ 1996-2010.

41. Viện nghiên cứu phát triển du lịch,(1998). Tuyển tập những báo cáo hội thảo về du lịch sinh thái với phát triển bền vững ở Việt Nam, Hà Nội.

42. Viện nghiên cứu phát triển du lịch,(2001). Cơ sở khoa học và giải pháp phát triển bền vững du lịch ở Việt Nam, Đề tài NCKH cấp Nhà nước, Hà Nội

43. Viện chiến lược, (2006a), Đề tài thu thập, xây dựng hệ thống chỉ tiêu và đánh giá tiềm năng thế mạnh hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội các vùng KTTĐ Việt Nam.

44. Viện chiến lược, (2006b), Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội Vùng KTTĐBB thời kỳ 2006 - 2020

45. Bùi Thị Hải Yến (2010). *Quy hoạch du lịch Việt Nam*. NXB Giáo dục Việt Nam.

46. Bùi Thị Hải Yến, Phạm Hoàng Long (2007). *Tài Nguyên du lịch*. NXB Giáo dục Việt Nam.

#### **Ngoài nước**

47. Paul F. J Eagles, Stephen F. McCool and Christopher D. Haynes, (2002)



*Sustainable Tourism in Protected Areas*, IUCN The World Conservation Union 2002.

48. Larry Dwyer, Peter Forsyth (2010). *Tourism Economics and Policy*. University of Western Sydney, Australia.

49. Donald E. Lundberg, M. Krishnamoorthy, Mink H. Stavenga (1995). *Tourism economics. The Multiplier Effect of Tourist Spending*.

50. Machado A. (2003), *Tourism and Sustainable Development, Capacity Building for Tourism Development in Viet Nam, VNAT and FUDESOC, Viet Nam*

51. Martin Opperman và Kye –Sung Chon (1997). *Tourism in Developing Countries*. Nxb International Thomson Business Press 1997.

52. John Ward Phil Higson và William Campbell (1994). *Leisure and Tourism*. Nxb Stanley Thornes Ltd.

53. S. Medlik (1991). *Managing Tourism*. (Quản lý Du lịch). Nxb Butterworth- Heinemann Ltd.

54. Jonathan Bodlender và Jonathan Bodlender (1991), *Developing Tourism Destinations: Policies and Perspectives*, Longman.

54. Joseph Samuel Nye, Jr. (1990), *Bound to Lead: The Changing Nature of American Power*.

55. Manning E.W. (1996), *Carrying Capacity and Environmental Indicators*, WTO News. Jine

56. S. Medlik (1997). *Understanding tourism*. Oxford Butterworth – Heinemann.

57. Trevor H. B. Sofield (2003). *Empowerment for Sustainable Tourism Development*. Emerald Group Publishing.

58. Tomas Gustafsson (2004). *Kinh nghiệm thực hiện phát triển bền vững tại Thụy Điển. - Cố vấn cao cấp quốc tế - Dự án VIE/01/021*. Hội nghị “ Phát triển bền vững” Tại Hà Nội 12/2004.

59. Sustainable Tourism - Eliminating Poverty Initiative - ST-EP (2002). The World Summit on Sustainable Development in Johannesburg 2002.

60. William Theobald (1994). *Global Tourism- The next decade*. Butterworth-Heinemann Ltd.

61. V B T Sundari V V Vara Prasad. (2009). *Travel and Tourism Management*. Excel Books.

62. United Nations (1987), Brundtland Report, PD-UN

63. UNWTO (2004). *Sustainable Development of Tourism*

#### **Các website**

[bvhttdl.gov.vn](http://bvhttdl.gov.vn) [www.vietnamtourism.gov.vn](http://www.vietnamtourism.gov.vn), <http://ninhbinh.gov.vn>  
<http://sodulich.ninhbinh.gov.vn>, <http://sotaichinh.ninhbinh.gov.vn>,  
<http://somoitruong.ninhbinh.gov.vn>, <http://kehoach.ninhbinh.gov.vn>  
[www.vietravel.com](http://www.vietravel.com)...

**Phụ lục 1: Bản đồ tỉnh Ninh Bình**



### Phụ lục 03 kết quả chạy mô hình nghiên cứu

#### Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
độ tuổi	1020	3	4	3.13	.331
trình độ học vấn	1020	2	5	3.37	1.010
Nghệ thuật ẩm thực	1020	2	5	3.76	.968
khách du lịch	1020	3	5	4.50	.712
giá cả dịch vụ	1020	2	4	2.88	.778
thu nhập du lịch đóng góp vào GRDP	1020	3	4	3.92	.485
Việc làm ngành du lịch	1020	3	5	4.26	.828
hoạt động quảng bá du lịch	1020	3	5	4.12	.785
cơ sở vật chất du lịch	1020	1	5	3.24	1.007
Quản lý về môi trường	1020	3	4	3.87	.333
Quản lý về đầu tư du lịch	1020	3	4	3.87	.333
Chính sách khác	1020	4	4	4.00	.000
Quản lý về quy hoạch du lịch	1020	4	4	4.00	.000
Tổ chức thực hiện chính sách của nhà nước	1020	4	4	4.00	.000
Tổ chức thực hiện chính sách của địa phương	1020	4	5	4.13	.333
Huy động nguồn lực cho phát triển cơ sở hạ tầng du lịch	1020	3	5	4.13	.600
Xúc tiến du lịch liên kết đẩy mạnh thị trường	1020	3	5	3.88	.603
Hoạt động kiểm tra, thanh tra, quản lý	1020	3	4	3.75	.432
Chất lượng sản phẩm du lịch	1020	3	5	4.26	.661
Loại hình dịch vụ khác kèm theo phong phú đa dạng	1020	3	5	4.13	.780
Loại hình du lịch	1020	4	5	4.25	.434
Phong cảnh, địa hình và khí hậu	1020	3	4	3.37	.484
Các loài động thực vật	1020	3	4	3.63	.484
Môi trường tự nhiên	1020	3	5	4.24	.831
Số lượng điểm du lịch đầu tư tôn tạo	1020	3	4	4.00	.712

Số lượng điểm du lịch quy hoạch	1020	3	5	4.10	.815
Mật độ điểm du lịch	1020	3	5	4.00	.945
Mức độ đóng góp du lịch cho công tác duy tu tôn tạo	1020	2	4	2.88	.778
Mức độ đóng góp du lịch cho môi trường	1020	3	4	3.62	.485
Mức độ phát triển hệ thống doanh nghiệp vừa và nhỏ	1020	3	5	4.50	.712
Mức độ hài lòng và hợp tác của cộng đồng địa phương đối với những hoạt động du lịch	1020	2	4	2.88	.778
Tham gia của cộng đồng địa phương trong phát triển du lịch	1020	3	4	3.82	.485
Mức độ an toàn an ninh khu, điểm du lịch	1020	3	5	4.26	.828
Trao đổi, tham khảo cộng đồng địa phương về những công tác quản lý, phát triển bền vững du lịch	1020	3	5	4.12	.785
Mức độ thương mại hóa văn hóa truyền thống của địa phương	1020	1	5	3.24	1.007
Tình hình kinh tế chính trị xã hội	1020	3	5	4.12	.785
Tài nguyên du lịch	1020	3	5	4.26	.828
Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch	1020	2	4	3.13	.779
Nguồn nhân lực du lịch	1020	2	3	3.75	.434
Sự phát triển của nhu cầu khách du lịch	1020	3	3	3.85	.567
Sự phát triển kinh tế xã hội	1020	2	2	4.02	.678
Chủ trương định hướng của địa phương	1020	3	1	4.12	.897
Quy hoạch phát triển của địa phương	1020	2	3	4.24	.657
Valid N (listwise)					